

ISSN 1859-1337

Tạp chí

Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự

SỐ 5 (235) - 2025

NĂM THỨ 54

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO

Chủ tịch

Trung tướng, GS. TS. PHAN TÙNG SƠN

Phó Chủ tịch

Trung tướng DƯƠNG ĐỨC THIỆN

Ủy viên

Thiếu tướng, TS. NGUYỄN QUANG DŨNG

Thiếu tướng, PGS. TS. LÊ THÀNH LONG

Đại tá, PGS. TS. VŨ HỒNG HÀ

Đại tá, PGS. TS. VŨ NHẬT VĂN

Đại tá, PGS. TS. NGUYỄN NGỌC SƠN

Đại tá, ThS. NGUYỄN TIẾN DŨNG

Đại tá, PGS. TS. NGUYỄN THANH LAM

Đại tá, TS. NGUYỄN QUỐC HOÀI

Phó Tổng biên tập
(Phụ trách Tổng biên tập)

Đại tá, TS. NGUYỄN QUỐC HOÀI

Địa chỉ tòa soạn
TẠP CHÍ HỌC VIỆN HẬU CẦN

Phường Bồ Đề - Hà Nội

Tel: 0972.900.264

QS: 069.577585 - 577791

Email: tapchi.hvhc@gmail.com

Giấy phép xuất bản

Số 272/GP-BTTTT ngày 12-5-2021
do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp

In tại: Nhà máy in BQP

Trong số này

CHÀO MỪNG HỌC VIỆN HẬU CẦN ĐÓN NHÂN DANH HIỆU ANH HÙNG
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN (LẦN 2) VÀ TỔ CHỨC THÀNH CÔNG ĐẠI HỘI
ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ HỌC VIỆN HẬU CẦN LẦN THỨ XXIII, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

- 3 Tiếp tục xây dựng Học viện Hậu cần Anh hùng, xứng đáng với niềm tin của Đảng, Nhà nước, Quân đội và Nhân dân.

Đại tướng NGUYỄN TÂN CƯƠNG

- 7 Học viện Hậu cần - Trung tâm giáo dục, đào tạo hậu cần, kỹ thuật, tài chính uy tín hàng đầu của quốc gia.

Thượng tướng HOÀNG XUÂN CHIẾN

- 13 Phát huy truyền thống đơn vị Anh hùng trong thời kỳ đổi mới, đột phá đổi mới sáng tạo, xây dựng Học viện Hậu cần thông minh, hiện đại.

Trung tướng, GS.TS. PHAN TÙNG SƠN

- 19 Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi mới góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đảng bộ Học viện Hậu cần lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Đại tá, PGS.TS. VŨ HỒNG HÀ

KỶ NIỆM 60 NĂM CHIẾN THẮNG PLEI-ME (26/11/1965 - 26/11/2025)

- 24 Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật Chiến dịch tiến công Plei-Me - Kinh nghiệm và hướng kế thừa, phát triển.

Thiếu tướng NGUYỄN HÙNG THẮNG

- 29 Từ bảo đảm hậu cần Chiến dịch Plei-Me bàn về tạo lập thế trận hậu cần chiến dịch tiến công trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Thượng tá, TS. LÊ ĐÌNH QUÂN

Nghiên cứu - Trao đổi

- 33 Bàn về tổ chức, sử dụng lực lượng quân y trong xử trí thảm họa, thiên tai.

Thiếu tướng, GS.TS. NGUYỄN THÉ HOÀNG;

Đại úy, ThS. TÔNG ĐỨC MINH

- 38 Một số giải pháp bảo đảm vật chất hậu cần cho lực lượng vũ trang địa phương tình hoạt động tác chiến trong chiến dịch phòng ngự.

Đại tá, PGS.TS. NGUYỄN NGỌC SƠN

- 43 Một số vấn đề về tạo nguồn vật chất hậu cần lữ đoàn tàu tên lửa tiến công nhóm tàu mặt nước chiến đấu địch phong tỏa đường biển Nam Trung Bộ.

Đại tá, TS. NGUYỄN QUỐC HOÀI

- 48 Giải pháp phân cấp vận tải trung đoàn bộ binh vận động tiến công trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Đại tá, TS. NGUYỄN THÀNH TRUNG

- 52 Tổ chức, sử dụng lực lượng hậu cần - kỹ thuật tác chiến phòng thủ quân khu trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Đại tá, PGS. TS. VŨ VĂN BÂN

- 56 Chuẩn bị quân nhu từ thời bình, sẵn sàng bảo đảm cho đánh địch giữ vững khu vực phòng thủ chủ yếu trong tác chiến phòng thủ quân khu.

Thượng tá, ThS. ĐỖ VIỆT HƯNG

- 60 Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông khu vực phía Đông Bắc tỉnh Bắc Ninh tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng.

PGS.TS. LÊ HÙNG SƠN; PGS.TS. NGUYỄN HỒNG THÁI

- 64 Nghệ thuật lập thể bão đảm đánh trận then chốt tiêu diệt địch đỗ bộ đường không trong chiến dịch phòng ngự.

Thượng tá, ThS. LÊ VĂN BẰNG

- 68 Phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ, phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị trong hoàn thiện quy hoạch hệ thống căn cứ hậu cần - kỹ thuật quân khu.

Thượng tá, ThS. VŨ THANH HÀI

- 72 Nâng cao năng lực giải ngân các dự án trong Bộ Quốc phòng.

Trung tá, ThS. NGUYỄN NHẬT HÙNG

- 77 Biện pháp tạo nguồn vật chất hậu cần, kỹ thuật thường xuyên cho lực lượng hải quân trên các đảo xa bờ.

Thiếu tá, CN. NGUYỄN HUY VĨ

- 81 Nâng cao tính chủ động của giảng viên trước yêu cầu đổi mới công tác giảng dạy lý luận chính trị cho cán bộ hậu cần - kỹ thuật quân đội.

Trung tá, ThS. TRƯƠNG TRÍ DŨNG

- 85 Bảo vệ hậu cần, kỹ thuật trung đoàn bộ binh cơ giới tham gia trận then chốt đánh địch đỗ bộ đường không trong chiến dịch tiến công.

Trung tá, TS. NGUYỄN ĐỨC TÚ

- 89 Một số vấn đề về tổ chức vận tải cơ giới chiến dịch tiến công trong tác chiến phòng thủ quân khu.
Thượng tá, TS. TRỊNH TIẾN THÀNH
- 93 Hoàn thiện công tác lập, phân bổ dự toán ngân sách tại Sư đoàn 361, Quân chủng Phòng Không - Không Quân.
Trung tá, TS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH
- 97 Quản lý ngân sách nhà nước chi thường xuyên cho quốc phòng thực hiện nhiệm vụ huấn luyện dự bị động viên tại Sư đoàn 301.
Thiếu tá, TS. NGUYỄN THỊ THUÝ LINH
- 101 Nâng cao chất lượng huấn luyện thực hành địa hình quân sự cho đối tượng đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần.
Trung tá, ThS. ĐINH HOÀNG OANH
- 104 Nâng cao chất lượng công tác kế toán hoạt động có thu tại đơn vị dự toán trong Bộ Quốc phòng.
Thiếu tá, ThS. BÙI ANH DUY
- 107 Biện pháp chuẩn bị bảo đảm ở, nơi làm việc từ thời bình, sẵn sàng bảo đảm trong tác chiến phòng thủ quân khu.
Trung tá, ThS. VŨ HỒNG HẢI
- 110 Nghiên cứu yếu tố không gian, thời gian trong chiến tranh hiện đại, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả bảo đảm hậu cần, kỹ thuật quân đội trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.
Thượng tá, ThS. ÂU ĐỨC THẮNG; Thiếu tá, ThS. HOÀNG ĐỨC THÀNH
- 114 Bồi dưỡng kỹ năng mềm cho học viên đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần hiện nay.
Đại tá, TS. VŨ VĂN LONG
- 118 Mấy vấn đề về cẩn cứ hậu cần - kỹ thuật tỉnh Trung Lào trong tác chiến phòng thủ.
Trung tá, ThS. KHAM LOUANGTHOUMMALA
- 121 Vận dụng hình thức vận tải sư đoàn bộ binh đánh địch tạm dừng khi tiến công đường bộ trong tác chiến phòng thủ quân khu.
Trung tá, ThS. ĐINH VĂN QUYẾT
- 125 Một số biện pháp giảm bay hơi hao hụt xăng dầu trong hoạt động thường xuyên ở trung đoàn không quân.
Trung úy, CN. NGUYỄN TRỌNG DŨNG
- 129 Đẩy mạnh phong trào thi đua "Xây dựng đơn vị Nuôi quân giỏi, quản lý Quân nhu tốt" ở Trung đoàn 19.
Trung tá, CN. HỒ MẠNH TRÌNH

ĐẦU TRANH, BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

- 132 Phát huy vai trò đội ngũ cán bộ hậu cần - kỹ thuật trung đoàn bộ binh trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay.
Thượng tá, TS. PHẠM ĐÌNH DUYÊN
- 135 Ngăn ngừa vi phạm pháp luật, kỷ luật quân đội của đội ngũ cán bộ, giảng viên Học viện Hậu cần khi tham gia mạng xã hội.
Thượng tá, TS. ĐỖ ANH VINH
- 139 Tăng cường bồi dưỡng chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên ở Học viện Hậu cần theo Quy định số 144 - QĐ/TW của Bộ Chính trị.
Đại tá, TS. LÊ VIỆT THẮNG
- 143 Đẩy mạnh thi đua, dân vận theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong ngành Hậu cần, kỹ thuật quân đội góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.
Thượng tá, TS. KHUẤT TRỌNG NAM

QUÁN TRIỆT VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

- 146 Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo xây dựng hệ thống hậu cần - kỹ thuật thông minh.
Trung tá, TS. HOÀNG MẠNH THÁI
- 150 Chuyển đổi số trong công tác hậu cần, kỹ thuật ở sư đoàn bộ binh - Thực trạng và giải pháp.
Thượng tá, TS. HOÀNG KIM HIỆU
- 154 Nghiên cứu quy trình sản xuất mờ bôi trơn từ dầu khoáng và chất làm đặc Silica/Epoxy.
Đại tá, TS. NGUYỄN SƠN NAM; Thượng úy QNCN, ThS. HÀ QUANG TÙNG

LỊCH SỬ HẬU CẦN, KỸ THUẬT QUÂN SỰ

- 158 Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cho tiếp quân Thủ đô Hà Nội - Kinh nghiệm và hướng kế thừa, phát triển.
Đại tá, PGS. TS. VŨ QUỐC HUY
- 162 Đường Hồ Chí Minh trên biển và bài học về nghệ thuật xác định mạng lưới đường vận chuyển chiến lược trên biển trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.
Đại tá, TS. ĐÔNG VĂN THƯỜNG; Thượng tá, ThS. VŨ ĐÔNG GIANG
- 165 Một số kinh nghiệm bảo đảm hậu cần của Khu Tây Bắc trong Chiến dịch Điện Biên Phủ.
Đại tá, TS. HÀ THANH NAM

Bia 1: Thủ ủy quyền của Chủ tịch nước, Đại tướng Nguyễn Tân Cương, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng trao danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân tặng Học viện Hậu cần (17/9/2025).

Ảnh: Thanh Truyền

CONTENTS: NGUYEN TAN CUONG: Promoting the heroic tradition, building a smart and modern Military Logistics Academy worthy of the trust of the Party, the State, the Army, and the People. **HOANG XUAN CHIEN:** Building the Military Logistics Academy to be a leading national center for education and training in military logistics, engineering, and finance. **PHAN TUNG SON:** Promoting the heroic unit's tradition in the period of renovation, making breakthroughs in innovation and creativity, building a smart and modern Military Logistics Academy. **VU HONG HA:** Making breakthroughs in scientific and technological development, innovation, and digital transformation, contributing to the successful implementation of the Resolution of the 23rd Party Congress of the Military Logistics Academy for the 2025 – 2030 term.

**CHÀO MỪNG HỌC VIỆN HẬU CẦN ĐÓN NHẬN DANH HIỆU ANH HÙNG
LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN (LẦN 2) VÀ TỔ CHỨC THÀNH CÔNG ĐẠI HỘI
ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ HỌC VIỆN HẬU CẦN LẦN THỨ XXIII, NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

TIẾP TỤC XÂY DỰNG HỌC VIỆN HẬU CẦN ANH HÙNG, XUNG ĐÁNG VỚI NIỀM TIN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, QUÂN ĐỘI VÀ NHÂN DÂN *

LTS: Với thành tích đặc biệt xuất sắc trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng Quân đội nhân dân, củng cố quốc phòng, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Học viện Hậu cần được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 1558/QĐ-CTN phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Trong buổi Lễ đón nhận danh hiệu cao quý này (ngày 17/9/2025), thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, đồng chí Đại tướng Nguyễn Tân Cương, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng đã trao danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân tặng Học viện Hậu cần; đồng thời, có bài phát biểu quan trọng. Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự trân trọng giới thiệu toàn văn bài phát biểu của đồng chí Đại tướng Nguyễn Tân Cương.



Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, đồng chí Đại tướng Nguyễn Tân Cương trao danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân tặng Học viện Hậu cần.

Kính thưa đồng chí Đại tướng Đỗ Bá Ty, nguyên ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội,

nguyên Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên Thủ trưởng Bộ Quốc phòng.

CHÀO MỪNG HỌC VIỆN HẬU CẦN ĐÓN NHẬN DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN...

Kính thưa các đồng chí đại biểu, đại diện cho lãnh đạo thành phố Hà Nội và tỉnh Thái Nguyên.

Kính thưa các đồng chí Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, các đồng chí tướng lĩnh, các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo, Ban Giám đốc Học viện Hậu cần qua các thời kỳ.

Thưa các đồng chí đại biểu, khách quý.

Thưa toàn thể các đồng chí!

Hôm nay, tôi rất vui mừng tới dự Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân và Khai giảng năm học 2025 - 2026 của Học viện Hậu cần - Trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học hậu cần, tài chính uy tín của quân đội và đất nước. Đây là sự kiện có ý nghĩa hết sức to lớn, khẳng định truyền thống vẻ vang của Học viện Hậu cần Anh hùng; góp phần tô thắm truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam Anh hùng.

Thay mặt cho Thường vụ Quân ủy Trung ương, lãnh đạo Bộ Quốc phòng, xin gửi tới các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo, Ban Giám đốc Học viện, cùng toàn thể cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ của Học viện Hậu cần qua các thời kỳ, các đồng chí đại biểu, khách quý lời thăm hỏi ân cần và lời chúc mừng tốt đẹp nhất!

Thưa toàn thể các đồng chí!

Trong suốt chặng đường gần 75 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành; dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, mà thường xuyên, trực tiếp là Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện, sự phối hợp, giúp đỡ của các cơ quan, đơn vị, của cấp ủy, chính quyền và Nhân dân các địa phương, Học viện Hậu cần đã khẳng định là cái nôi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hậu cần, tài chính của toàn quân, trung tâm nghiên cứu khoa học về công tác hậu cần, tài chính quân đội. Các thế hệ cán bộ, giảng viên, học viên, nhân

viên, chiến sĩ Học viện luôn giữ vững bản lĩnh chính trị, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết sáng tạo, ham học hỏi, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Từ mái trường này, đã có hàng vạn cán bộ, nhân viên hậu cần, tài chính trưởng thành, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hàng nghìn tiến sĩ, thạc sĩ, kỹ sư, cử nhân quân sự và dân sự đã được đào tạo tại Học viện. Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho Quân đội, cho Bộ Công an, cho Quân đội nhân dân cách mạng Lào, Quân đội Hoàng gia Campuchia, cũng như sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiều đồng chí đã trở thành tướng lĩnh, cán bộ cao cấp, giáo sư, phó giáo sư, nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú, nhà khoa học đầu ngành, những tấm gương tiêu biểu về phẩm chất trí tuệ, năng lực và phong cách công tác; được cán bộ chiến sĩ toàn quân và Nhân dân tin yêu. Những năm qua, Học viện đã quán triệt triển khai thực hiện nghiêm túc hiệu quả, các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng, của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng; vận dụng sáng tạo phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường, là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị” vào toàn bộ hoạt động giáo dục và đào tạo. Với tinh thần tiên phong, Học viện không ngừng đổi mới chương trình, nội dung tổ chức đào tạo phù hợp với từng đối tượng. Do vậy, chất lượng giáo dục và đào tạo của Học viện ngày càng được nâng lên, bảo đảm thực chất, sát yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm hậu cần tài chính của quân đội trong tình hình mới. Nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã đóng góp trực tiếp cho công tác bảo đảm hậu cần, tài chính của quân đội, được chuyển giao, ứng dụng vào thực tế, phục vụ bộ đội và Nhân dân.

Cùng với nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, Học viện luôn chú trọng xây dựng

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC HẬU CẦN QUÂN SỰ

đơn vị vững mạnh về chính trị; là đơn vị tiêu biểu trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số được đẩy mạnh, chất lượng xây dựng chính quy, quản lý kỷ luật ngày càng vững chắc; công tác hậu cần, tài chính được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao đời sống của bộ đội. Học viện thường xuyên phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương, tổ chức nhiều hoạt động an sinh xã hội, thiết thực, ý nghĩa. Đảng bộ Học viện nhiều năm liền đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu, Học viện vững mạnh toàn diện "Mẫu mực, tiêu biểu", xứng đáng là một trong những tập thể điển hình của toàn quân. Đồng thời, Học viện ngày càng khẳng định vị thế, uy tín trong mở rộng hợp tác quốc tế, đối ngoại quốc phòng về giáo dục và đào tạo, góp phần vun đắp, củng cố tình đoàn kết hữu nghị Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia và phát triển quan hệ với quân đội các nước bạn bè trên thế giới. Với những cống hiến to lớn và thành tích xuất sắc, Học viện đã được Đảng, Nhà nước, Quân đội tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý. Và hôm nay, Học viện Hậu cần vinh dự được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân lần thứ hai. Sự ghi nhận xứng đáng, niềm tự hào lớn lao và là dấu mốc quan trọng trong chặng đường phát triển của Học viện Hậu cần.

Thay mặt cho Thường vụ Quân ủy Trung ương, lãnh đạo Bộ Quốc phòng, tôi nhiệt liệt chúc mừng và biểu dương những thành tích xuất sắc mà các đồng chí đã đạt được trong thời gian vừa qua!

Thưa toàn thể các đồng chí!

Trong những năm tới, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó đoán định, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt. Những vấn đề toàn cầu như an ninh phi truyền thống tiếp tục diễn biến phức tạp, tác động bất lợi đến sự phát triển của các nước,

trong đó có Việt Nam. Trong nước, bên cạnh thời cơ thuận lợi là cơ bản, đất nước tiếp tục phải đổi mới với nhiều khó khăn thách thức. Các thế lực thù địch tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước, Quân đội; với âm mưu thủ đoạn ngày càng tinh vi và trực diện hơn. Đặt ra yêu cầu phải tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước. Đối với nhiệm vụ giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học của các học viên, nhà trường quân đội, trong đó có Học viện Hậu cần, đặt ra yêu cầu mới rất cao, đó là: Phải đào tạo được đội ngũ cán bộ "vừa hồng, vừa chuyên", giỏi chuyên môn, vững vàng về chính trị, có khả năng thích ứng với chiến tranh công nghệ cao và thách thức an ninh mới. Để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 và những năm tiếp theo; phát huy truyền thống Học viện Hậu cần Anh hùng, đề nghị Đảng ủy, Ban Giám đốc, cùng toàn thể cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ Học viện tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nhất là Kết luận số 91 - KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương, đặc biệt là Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, bảo đảm sát với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn của Quân đội và của Học viện.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Coi chất lượng đào tạo là thước đo hàng đầu, đổi mới chương trình nội dung phương pháp giảng dạy, bảo đảm dạy thực chất, học thực chất,

CHÀO MỪNG HỌC VIỆN HẬU CẦN ĐÓN NHẬN DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN...

đánh giá thực chất, chống mọi biểu hiện tiêu cực trong dạy và học. Bảo đảm học đi đôi với hành, lý thuyết gắn liền với thực tiễn, nhà trường gắn liền với đơn vị, đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng nhà trường thông minh, phát triển đào tạo hệ dân sự và các mã ngành mới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của quân đội và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

Thứ ba, phát triển mạnh mẽ nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới, gắn nghiên cứu với tổng kết thực tiễn và yêu cầu bảo đảm hậu cần, tài chính trong điều kiện tác chiến hiện đại. Chủ động nghiên cứu đề xuất các giải pháp bảo đảm hậu cần, tài chính cho phù hợp với chiến tranh công nghệ cao, tác chiến hiện đại, với nhiều hình thức khác nhau; đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao thành tựu khoa học công nghệ vào giảng dạy, huấn luyện, phục vụ bộ đội.

Thứ tư, thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng đội ngũ cán bộ giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ có bản lĩnh chính trị kiên định vững vàng, giữ vững và phát huy phẩm chất, hình ảnh bộ đội Cụ Hồ thời kỳ mới. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhà khoa học có phẩm chất, năng lực, uy tín, tâm huyết với nghề, gắn đào tạo sau đại học với nghiên cứu khoa học, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; quan tâm bồi dưỡng, tạo nguồn, cán bộ kế cận, xây dựng đời sống vật chất tinh thần, xây dựng môi trường sư phạm quân sự chính quy, mẫu mực, kỷ luật, nhân văn, để mỗi cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ yên tâm, gắn bó, cống hiến.

Thứ năm, xây dựng Đảng bộ Học viện trong sạch vững mạnh tiêu biểu, gắn với xây dựng Học viện vững mạnh toàn diện “Mẫu mực tiêu biểu”. Nâng cao năng lực lãnh đạo,

sức chiến đấu của các tổ chức đảng, tăng cường kiểm tra, giám sát, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương; đổi mới phương pháp, phong cách lãnh đạo, giữ vững và phát huy đoàn kết thống nhất nội bộ, tăng cường đoàn kết với cấp ủy, chính quyền địa phương và đơn vị bạn, giữ vững và phát huy tốt mối quan hệ đoàn kết gắn bó máu thịt với Nhân dân, góp phần xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

Thưa toàn thể các đồng chí!

Với bề dày truyền thống, cùng với sự đoàn kết thống nhất quyết tâm chính trị cao và niềm vinh dự lớn lao của đơn vị hai lần được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tôi tin tưởng rằng, Học viện Hậu cần sẽ tiếp tục phát huy truyền thống, tuyệt đối trung thành, chủ động sáng tạo, đoàn kết chặt chẽ, dạy tốt, học tốt, gắn với chiến trường, hướng về đơn vị. Tự tin, tự lực, tự cường, vững bước vào giai đoạn phát triển mới; không ngừng trưởng thành lớn mạnh, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, ngày càng có nhiều đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Xứng đáng với niềm tin của Đảng, Nhà nước, Quân đội và Nhân dân. Nhân dịp này, đề nghị các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, các đơn vị và các địa phương, tiếp tục quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn, động viên, giúp đỡ, tạo điều kiện để Học viện Hậu cần hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Trước thềm năm học mới 2025 - 2026, xin chúc các đồng chí đại biểu khách quý cùng toàn thể cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ Học viện Hậu cần, mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

Xin trân trọng cảm ơn!

* *Tên bài phát biểu do Tòa soạn đặt.*

HỌC VIỆN HẬU CẦN - TRUNG TÂM GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO HẬU CẦN, KỸ THUẬT, TÀI CHÍNH UY TÍN HÀNG ĐẦU CỦA QUỐC GIA *

LTS: Ngày 20/8/2025, Đảng bộ Học viện Hậu cần khai mạc Đại hội Đại biểu lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Đại hội vinh dự được đồng chí Thượng tướng Hoàng Xuân Chiến, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Thường vụ Quân ủy Trung ương, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng dự và chỉ đạo. Tại đại hội, đồng chí Thượng tướng Hoàng Xuân Chiến đã có bài phát biểu quan trọng. Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự trân trọng giới thiệu toàn văn bài phát biểu của đồng chí Thượng tướng Hoàng Xuân Chiến.



Đồng chí Thượng tướng Hoàng Xuân Chiến tặng hoa chúc mừng Đại hội

Thưa toàn thể Đại hội!

Hôm nay, tôi và Đoàn công tác của Quân ủy Trung ương rất vui mừng, phấn khởi đến dự Đại hội đại biểu Đảng bộ Học viện Hậu cần lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 -

2030. Thay mặt Thường vụ Quân ủy Trung ương, lãnh đạo Bộ Quốc phòng tôi xin gửi tới các đồng chí đại biểu, khách quý, các đại biểu dự Đại hội lời chúc sức khoẻ, lời chúc mừng tốt đẹp nhất; chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

CHÀO MỪNG HỌC VIỆN HẬU CẦN ĐÓN NHẬN HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN...

Thưa toàn thể các đồng chí!

Năm năm qua, tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống và hậu quả của đại dịch Covid-19 tác động nặng nề đến mọi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Trong nước, tình hình chính trị - xã hội ổn định, kinh tế tiếp tục tăng trưởng; quốc phòng, an ninh được tăng cường, đối ngoại được mở rộng, vị thế, uy tín của đất nước được nâng cao; Đảng, Nhà nước thực hiện điều chỉnh địa giới hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Quân đội tiếp tục điều chỉnh tổ chức lực lượng theo hướng tinh, gọn, mạnh và sáp nhập ngành hậu cần - kỹ thuật đặt ra yêu cầu mới, ngày càng cao.

Trong bối cảnh đó, kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang của QĐND Việt Nam Anh hùng và truyền thống “Tuyệt đối trung thành, chủ động sáng tạo, đoàn kết chặt chẽ, dạy tốt học tốt, gắn với chiến trường, hướng về đơn vị” của Học viện Hậu cần Anh hùng; Đảng bộ Học viện đã quán triệt và thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên, triển khai toàn diện, hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra, nhiều nhiệm vụ hoàn thành xuất sắc. Nổi bật là:

Thứ nhất, đã quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, đề án của Trung ương, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác giáo dục, đào tạo. Tiên phong, đổi mới quyết liệt trong xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo các đối tượng, nhất là đối tượng mới, đáp ứng yêu cầu sáp nhập cơ quan hậu cần và kỹ thuật thành cơ quan hậu cần - kỹ thuật. Từ

năm 2020 đến nay, Học viện đã xây dựng mới 41 bộ chương trình đào tạo; tổ chức đào tạo cho 25 đối tượng, với 12.427 học viên; thực hiện có hiệu quả phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”, “Dạy thực chất, học thực chất, đánh giá thực chất”, “Nhà trường đi trước đơn vị”. Đặc biệt, đã chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị như Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật; Quân khu 1; Quân khu 2 trong công tác đào tạo thực hành tổ chức diễn tập, được Bộ Quốc phòng ghi nhận, đánh giá cao; có nhiều đột phá, đổi mới nâng cao chất lượng dạy, học theo hướng hiện đại, kết quả học tập các đối tượng không ngừng được nâng lên. Đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số, Học viện là đơn vị tiêu biểu trong khối học viện, nhà trường quân đội về thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học. Học viên ra trường có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn khá, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Thứ hai, có nhiều chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả công tác xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ. Trong nhiệm kỳ, đã có 21 nhà giáo được bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư (01 Giáo sư, 20 Phó Giáo sư); 15 nhà giáo giỏi cấp Bộ, 214 nhà giáo giỏi cấp Học viện; 94,8% đội ngũ nhà giáo có trình độ sau đại học (trong đó có 3,2% Giáo sư, Phó Giáo sư; 27,55% Tiến sĩ, vượt 2,55% so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra). Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục, đào tạo với nghiên cứu khoa học, các đề tài bám sát sự phát triển lý luận, thực tiễn của ngành hậu cần, kỹ thuật, tài chính và yêu cầu, nhiệm vụ Quân đội; đẩy mạnh hợp tác, chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu để tài, sáng kiến về lĩnh

vực khoa học hậu cần quân sự với các cơ quan, đơn vị trong toàn quân. Trong nhiệm kỳ, đã hoàn thành nghiên cứu 351 đề tài, sáng kiến các cấp; trong đó, có 1 đề tài cấp Nhà nước, 6 đề tài cấp Bộ; 293 đề tài, sáng kiến Tuổi trẻ sáng tạo. Học viện có 75 đề tài, sáng kiến đạt giải tuổi trẻ sáng tạo trong Quân đội. Chuyển giao kết quả nghiên cứu đề tài “Hoàn thiện phương thức bảo đảm hậu cần sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc” cho Quân đoàn 34; chuyển giao công nghệ sản xuất thịt hộp cho các đơn vị Quân khu 3, Quân khu 5, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển...

Thứ ba, thường xuyên quan tâm xây dựng Học viện vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”; chất lượng xây dựng chính quy, chấp hành kỷ luật có sự chuyển biến mạnh mẽ, vững chắc. Đảng ủy Học viện đã triển khai đồng bộ các chủ trương, giải pháp lãnh đạo công tác giáo dục khoa học xã hội và nhân văn; giáo dục chính trị, tư tưởng; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết của Quân ủy Trung ương về phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân và Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới” với nhiều mô hình, cách làm hay, sáng tạo, thiết thực, hiệu quả, xây dựng Học viện vững mạnh về chính trị. Cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ Học viện Hậu cần luôn có bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng; quyết tâm, trách nhiệm cao, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chất lượng xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật có nhiều chuyển biến tiến bộ; kỷ luật, kỷ cương được duy trì chặt chẽ, nghiêm túc. Triển khai thực hiện nghiêm quyết định về điều chỉnh tổ chức biên chế; công tác đối

ngoại quốc phòng được đẩy mạnh. Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các mặt công tác hậu cần, kỹ thuật, tài chính đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất của Học viện; bảo đảm tốt đời sống của cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ.

Thứ tư, tập trung lãnh đạo toàn diện công tác xây dựng Đảng bộ Học viện trong sạch, vững mạnh tiêu biểu; duy trì chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất chính trị, năng lực và đạo đức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm nghị quyết, kết luận của Trung ương về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị; Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 847-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương đạt được kết quả thiết thực. Đảng bộ Học viện không có biểu hiện suy thoái về chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống; nội bộ luôn đoàn kết, thống nhất. Chăm lo xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh tiêu biểu. Hằng năm, có trên 90% tổ chức đảng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên, gần 90% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trong nhiệm kỳ đã kết nạp 2.203 đảng viên.

Những kết quả đó đã khẳng định, 5 năm qua, Đảng bộ Học viện Hậu cần luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, nhiều nhiệm vụ hoàn thành xuất sắc; năm 2022, 2024, Học viện được tặng Cờ thi đua của Chính phủ; năm 2023 được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng. Đặc biệt, ngày 12/8/2025, Học viện Hậu cần đã được Chủ tịch nước ký Quyết định phong tặng Danh

CHÀO MỪNG HỌC VIỆN HẬU CẦN ĐÓN NHẬN DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN...

hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân. Đây là niềm vinh dự, tự hào to lớn, thể hiện sự đột phá, đổi mới trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của tập thể Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện cùng toàn thể cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ Học viện Hậu cần thời gian qua.

Thay mặt Quân ủy Trung ương, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng tôi nhiệt liệt chúc mừng và biểu dương những kết quả mà Đảng bộ Học viện Hậu cần đã đạt được trong nhiệm kỳ qua. Nhân dịp này, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng trân trọng cảm ơn sự quan tâm phối hợp, đồng hành của các ban, ngành đoàn thể, cấp uỷ, chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị có quan hệ phối hợp công tác với Học viện Hậu cần và sự yêu thương đùm bọc của Nhân dân các địa phương, đã tạo điều kiện tốt nhất để Học viện Hậu cần và Quân đội nhân dân Việt Nam hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao.

Thưa toàn thể các đồng chí!

Tuy nhiên, chúng ta cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm sâu sắc và khắc phục triệt để những khuyết điểm, hạn chế như trong Báo cáo chính trị và Báo cáo kiểm điểm của Đảng ủy Học viện đã nêu. Tại Đại hội này, tôi đề nghị các đồng chí tập trung kiểm điểm làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm và đề ra giải pháp khắc phục trong nhiệm kỳ tới.

Thưa toàn thể Đại hội!

Những năm tới, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó dự báo; hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn, thách thức; tranh chấp chủ quyền, biển đảo, xung đột quân sự,

cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư phát triển mạnh mẽ; vũ khí, trang bị ngày càng hiện đại; phương thức tác chiến thay đổi; các vấn đề an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng, khủng bố, tội phạm, thiên tai, dịch bệnh... ngày càng phức tạp. Trong nước, tình hình an ninh, chính trị ổn định; dự báo kinh tế - xã hội có bước phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, đất nước tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng phức tạp, bất thường; các thế lực thù địch tiếp tục chống phá quyết liệt với những âm mưu, thủ đoạn mới; cả nước sau sắp xếp, tổ chức bộ máy, địa giới hành chính của nhiều địa phương được điều chỉnh, mở rộng không gian phát triển; nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đặt ra những vấn đề mới đối với công tác giáo dục, đào tạo, công tác hậu cần, kỹ thuật, tài chính quân đội.

Tôi đề nghị trong nhiệm kỳ tới, Đảng bộ Học viện Hậu cần phải thường xuyên quán triệt, bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tiếp tục đột phá, đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, quyết liệt thực hiện có hiệu quả phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”; nâng cao chất lượng xây dựng nội dung, chương trình đào tạo các đối tượng gắn với chuẩn đầu ra, bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, đồng bộ, chuyên sâu, hiện đại, sát với thực tế, liên thông với chuẩn đầu vào của trình độ đào tạo, bậc học cao hơn; tổ chức đào

tạo hệ dân sự đảm bảo uy tín, chất lượng; mở mới các mã ngành đào tạo quân sự, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá kết quả dạy và học. Từng bước phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục, đào tạo bên trong theo hướng hiện đại, đồng bộ, khoa học, thống nhất; xây dựng văn hóa chất lượng, môi trường sư phạm chuẩn mực trong Học viện.

Hai là, tiếp tục triển khai xây dựng “Nhà trường thông minh”, “Giảng viên số”, “Học viên số”, “Nhà trường số” theo chủ trương của Bộ Quốc phòng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mô phỏng, trí tuệ nhân tạo, cơ sở dữ liệu dùng chung trong quản lý, điều hành, giám sát hoạt động huấn luyện, các cuộc diễn tập, bảo đảm sát thực tiễn phương thức bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính trong các loại hình tác chiến, hình thức chiến thuật và tổ chức, biên chế Quân đội cũng như cách đánh, phương thức tác chiến mới trong giai đoạn hiện nay. Quan tâm, chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn theo quy định; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, đào tạo ngoại ngữ, tin học để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ hậu cần, kỹ thuật, tài chính; tăng cường cử cán bộ, giảng viên đi luân chuyển, thực tế bằng nhiều hình thức; gắn đào tạo sau đại học với triển khai nghiên cứu các đề tài, dự án, đề án khoa học, công nghệ. Duy trì nghiêm nền nếp công tác thanh tra, kiểm tra huấn luyện, nâng cao chất lượng công tác khảo thí. Xây dựng động cơ, thái độ học tập, rèn luyện đúng đắn cho học viên; tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ huấn luyện, ưu tiên bảo đảm các loại vật chất phục vụ huấn luyện thực hành, huấn luyện đêm, tập bài, diễn tập sát thực tế chiến đấu và thực tiễn đơn vị.

Ba là, nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình, tài liệu huấn luyện đáp ứng yêu cầu phát triển của nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, yêu cầu sáp nhập ngành hậu cần - kỹ thuật, điều chỉnh địa giới hành chính, tổ chức cơ quan quân sự địa phương theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất với Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng các giải pháp bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính phù hợp với các phương thức tác chiến hiện đại, vũ khí công nghệ cao. Đẩy mạnh phong trào Tuổi trẻ sáng tạo, hướng hoạt động nghiên cứu của tuổi trẻ vào ứng dụng chuyển đổi số trên các mặt công tác, những giải pháp kỹ thuật mới, tiên tiến nâng cao chất lượng công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, tài chính của toàn quân. Tăng cường phối hợp nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các đề tài, sáng kiến khoa học vào thực tiễn, nâng cao chất lượng phục vụ bộ đội, nhất là các lực lượng làm nhiệm vụ săn sàng chiến đấu, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Bốn là, xây dựng Học viện luôn vững mạnh về chính trị; đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tập trung lãnh đạo nâng cao chất lượng xây dựng chính quy, chấp hành kỷ luật, pháp luật, chuyển đổi số, cải cách hành chính, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; tiếp tục chỉ đạo xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, “Mẫu mực, tiêu biểu”, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với xây dựng tổ chức đảng và các tổ chức trong cơ quan, đơn vị. Bảo đảm tốt công tác hậu cần, kỹ thuật, tài chính; đưa công tác hậu cần, kỹ thuật vừa phục vụ tốt cho các nhiệm vụ của Học viện, vừa là mô hình để tham quan, học tập cho các đơn vị trong toàn quân.

CHÀO MỪNG HỌC VIỆN HẬU CẦN ĐÓN NHẬN DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN...

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; thực hiện nghiêm quy chế làm việc, quy chế lãnh đạo các mặt công tác trọng yếu. Chăm lo xây dựng các cấp ủy, tổ chức đảng trong Đảng bộ Học viện trong sạch, vững mạnh tiêu biểu gắn với xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện, "Mẫu mực, tiêu biểu". Lãnh đạo thực hiện tốt công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ trì các cấp thực sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, năng lực và tầm nhìn; chủ động phát hiện cán bộ có phẩm chất, năng lực vượt trội, có triển vọng để bổ nhiệm vào những vị trí quan trọng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; thường xuyên đổi mới phương pháp, phong cách lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ chủ trì các cấp; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tạo chuyển biến căn bản, vững chắc trong xây dựng đảng bộ và đơn vị.

Thưa toàn thể Đại hội!

Đại hội đại biểu Đảng bộ Học viện Hậu cần lần thứ XXIII là sự kiện chính trị quan trọng, đây không chỉ là niềm vinh dự, tự hào mà còn là trách nhiệm chính trị cao cả của mỗi đại biểu trong tham gia góp ý xây dựng dự thảo các văn kiện tại Đại hội. Với phương châm "Dân chủ - Đoàn kết - Kỷ cương - Đổi mới - Phát triển" và mục tiêu đến năm 2030 xây dựng Học viện Hậu cần trở thành trung tâm giáo dục, đào tạo hậu cần, kỹ thuật, tài chính có uy tín hàng đầu của Quốc gia và khu vực, Tôi đề nghị các đại biểu dự Đại hội nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy

dân chủ, đề cao trí tuệ, tập trung phân tích, thảo luận, làm sâu sắc thêm nội dung trong các dự thảo văn kiện, nhất là nghị quyết, chương trình hành động để quyết định đúng đắn những vấn đề quan trọng của Đảng, đất nước, Quân đội và Học viện. Đồng thời, nghiên cứu, nắm chắc tiêu chuẩn, cơ cấu nhân sự cấp ủy và đại biểu dự Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XII, nêu cao tinh thần trách nhiệm, bầu cử đúng nguyên tắc, thủ tục; lựa chọn những đồng chí thật sự tiêu biểu về phẩm chất, năng lực, trí tuệ, là hạt nhân lãnh đạo toàn diện để bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XII.

Thưa toàn thể Đại hội!

Nhiệm kỳ 2025 - 2030 có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trong đó nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Quân đội và nhiệm vụ của Học viện Hậu cần đặt ra yêu cầu ngày càng cao. Tôi tin tưởng, Đảng bộ Học viện Hậu cần sẽ tiếp tục phát huy truyền thống và những thành tích, kết quả đạt được trong nhiệm kỳ qua; tích cực, chủ động khắc phục khó khăn, lãnh đạo Học viện hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, xứng đáng là trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học hậu cần, kỹ thuật, tài chính quân sự uy tín hàng đầu của quốc gia và khu vực.

Một lần nữa tôi chúc các đồng chí đại biểu cùng toàn thể các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc! Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

* *Tên bài phát biểu do Tòa soạn đặt.*

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG ĐƠN VỊ ANH HÙNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI, ĐỘT PHÁ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, XÂY DỰNG HỌC VIỆN HẬU CẦN THÔNG MINH, HIỆN ĐẠI

Trung tướng, GS.TS. PHAN TÙNG SƠN

Giám đốc Học viện Hậu cần

Học viện Hậu cần (HVHC) là đơn vị hai lần được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Trong thời kỳ mới, trước yêu cầu xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và tác động sâu rộng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư, Học viện Hậu cần cần tiếp tục phát huy truyền thống Anh hùng, đột phá đổi mới sáng tạo, xây dựng Học viện thông minh, hiện đại.

TƯỚC yêu cầu của cách mạng Việt Nam, ngày 15/6/1951, theo Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Lớp Huấn luyện cán bộ Cung cấp đầu tiên (tiền thân của HVHC) được tổ chức; đồng chí Trần Đăng Ninh, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp trực tiếp chỉ đạo lớp học. Trong thư gửi Lớp học, Bác Hồ căn dặn: "Công việc cung cấp cũng quan trọng như việc trực tiếp đánh giặc trước mặt trận. Cung cấp đủ súng đạn, đủ cơm áo cho bộ đội thì bộ đội mới đánh thắng trận... Cán bộ cung cấp càng phải làm kiểu mẫu cần, kiệm, liêm, chính... Phải thương yêu, săn sóc người bình nhì như người mẹ, người chị thương yêu con em mình". Lời dạy của Bác đã đặt nền móng lý luận và định hướng thực tiễn cho sự nghiệp đào tạo cán bộ hậu cần của Quân đội.

Từ Lớp Huấn luyện cán bộ cung cấp đầu tiên đến Học viện Hậu cần ngày nay là chặng đường xây dựng, chiến đấu và trưởng thành đầy khó khăn gian khổ nhưng cũng rất vẻ vang. Suốt 74 năm qua, Học viện Hậu cần đã đào tạo được hàng vạn cán bộ, nhân viên hậu cần, kỹ thuật, tài chính cho Quân đội; kịp thời cung cấp số lượng lớn cán bộ hậu cần cho các chiến trường trong hai

cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, trong các cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay; đồng thời, còn thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo cán bộ hậu cần cho Bộ Công an; Quân đội nhân dân Lào và Quân đội Hoàng gia Campuchia; đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quá trình đó, bất luận trong mọi hoàn cảnh, các thế hệ cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ Học viện Hậu cần luôn tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, nêu cao truyền thống "*Tuyệt đối trung thành, chủ động sáng tạo, đoàn kết chặt chẽ, dạy tốt, học tốt, gắn với chiến trường, hướng về đơn vị*". Đây là kim chỉ nam định hướng toàn bộ hoạt động của Học viện, từ giáo dục - đào tạo (GDĐT), nghiên cứu khoa học, đến xây dựng tổ chức chính quy, mẫu mực, tiêu biểu. Truyền thống anh hùng ấy không chỉ được ghi nhận bằng các phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước, Quân đội, nổi bật là hai lần được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; mà còn thấm sâu trong ý chí, bản lĩnh, tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ, giảng viên, học

CHÀO MỪNG HỌC VIỆN HẬU CẦN ĐÓN NHẬN DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN...

viên. Chính truyền thống ấy đã tạo nên động lực tinh thần to lớn, giúp Học viện vượt lên mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày nay, trước tác động sâu rộng của toàn cầu hóa, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư và yêu cầu xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, HVHC đứng trước cả thời cơ và thách thức mới. Điều đó đòi hỏi Học viện phải tiếp tục phát huy truyền thống đơn vị Anh hùng, đột phá trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (CDS), xây dựng mô hình Nhà trường quân đội thông minh, hiện đại. Đồng thời, HVHC phải đi đầu trong đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, phát triển nguồn nhân lực có tư duy số, năng lực hệ thống, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vào công tác tham mưu, tổ chức, chỉ huy, quản lý hậu cần, tài chính quân đội.

Hiện nay, theo đánh giá của Bộ Quốc phòng, HVHC là một trong những đơn vị đi đầu trong cải cách hành chính (CCHC) và CDS; đạt chỉ số CDS 0,833; xếp loại Tốt. Mặc dù vậy, công tác CCHC và CDS ở HVHC vẫn còn những thách thức. Trước hết, về hạ tầng công nghệ: Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ở một số khoa, hệ chưa theo kịp yêu cầu đào tạo thông minh; phòng học mô phỏng, thư viện số, thao trường ảo còn hạn chế so với chuẩn Bộ tiêu chí Nhà trường quân đội thông minh. Về nhân lực số: Đội ngũ giảng viên tuy có bản lĩnh chính trị, chuyên môn vững vàng nhưng năng lực số, ngoại ngữ, kỹ năng khai thác công nghệ mới chưa đồng đều; học viên chưa được phổ cập đầy đủ kỹ năng số cơ bản theo Khung kiến thức kỹ năng số do Bộ Quốc phòng ban hành. Về sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại: Trong khi truyền thống

Anh hùng là nguồn sức mạnh tinh thần quý báu, việc chuyển hóa thành động lực đổi mới sáng tạo trong môi trường số hóa, toàn cầu hóa vẫn là bài toán khó, cần có cơ chế, giải pháp cụ thể. Trước thực tế đó, để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng, phát triển HVHC theo định hướng “Nhà trường thông minh, tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư”; thời gian tới, HVHC cần thực hiện tốt một số vấn đề sau:

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, niềm vinh dự, tự hào, quyết tâm xây dựng HVHC thông minh, hiện đại cho cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ toàn Học viện. Đây là giải pháp nền tảng, bao đảm sự thống nhất ý chí và hành động; vừa là điều kiện, vừa là động lực để phát huy truyền thống Anh hùng, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong đổi mới sáng tạo, CDS, xây dựng Học viện thông minh, hiện đại. Mục tiêu đặt ra đến năm 2030 là toàn thể cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ Học viện có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, ý chí khát vọng đổi mới, kỹ năng số cơ bản; tạo nền tảng tinh thần và trí tuệ vững chắc để Học viện hoàn thành thắng lợi mục tiêu trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học hậu cần quân sự thông minh, hiện đại, ngang tầm khu vực.

Cấp ủy, chỉ huy các cấp trong Học viện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; tổ chức tốt việc học tập, quán triệt, triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và GDĐT. Trọng tâm là Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển GDĐT; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XII; Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022

của Quân ủy Trung ương về đổi mới công tác GDĐT, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới; Chiến lược Quốc phòng Việt Nam (2019), Chiến lược Quốc sự Việt Nam (2020), Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng (2021); Chiến lược phát triển GDĐT trong Quân đội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045 ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình CDS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030; Quyết định số 1960/QĐ-TM, ngày 01/8/2025 của Bộ Tổng tham mưu ban hành Bộ tiêu chí Nhà trường quân đội thông minh; Quyết định số 3279/QĐ-BQP, ngày 29/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị trong Bộ Quốc phòng; các kế hoạch triển khai CDS, CCHC giai đoạn 2021 - 2025.

Tổ chức sâu rộng, thực chất việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ thời kỳ mới”; phong trào thi đua “Binh dân học vụ số”, xây dựng Đảng bộ HVHC trong sạch, vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện, mẫu mực, tiêu biểu. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, làm cho mọi cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ nhận thức sâu sắc sự cần thiết, mục tiêu, yêu cầu và nội dung xây dựng HVHC thông minh, hiện đại; coi đây là nhiệm vụ chính trị trung tâm, xuyên suốt. Cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị bằng kế hoạch, chương trình hành động phù hợp với từng cơ quan, khoa, hệ, đơn vị, gắn với chỉ tiêu thi đua, bảo đảm khả thi, thiết thực. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện; kịp thời biểu dương, nhân rộng điển hình tiên tiến;

uốn nắn, khắc phục hạn chế, thiếu sót trong nhận thức và hành động.

Hai /à, tích cực đổi mới quy trình, chương trình, nội dung đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, CDS toàn diện. Đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo là khâu then chốt trong nâng cao chất lượng GDĐT, quyết định trực tiếp đến chất lượng sĩ quan, cán bộ hậu cần được đào tạo tại Học viện. Đây cũng là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh toàn quân triển khai Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương, cũng như thực hiện Bộ tiêu chí Nhà trường quân đội thông minh. Đối với HVHC, việc đổi mới đào tạo không chỉ nhằm nâng cao chất lượng đầu ra của sĩ quan hậu cần cấp chiến thuật, chiến dịch, chiến lược mà còn gắn trực tiếp với yêu cầu xây dựng Quân đội hiện đại, thích ứng với chiến tranh công nghệ cao. Xây dựng HVHC trở thành trung tâm đào tạo sĩ quan hậu cần, tài chính hiện đại, hội nhập quốc tế, tiên phong trong ứng dụng công nghệ số vào giảng dạy và huấn luyện, đạt tiêu chuẩn Nhà trường quân đội thông minh mức độ 4 – 5 theo Quyết định số 1960/QĐ-TM của Bộ Tổng tham mưu.

Rà soát, chuẩn hóa chương trình đào tạo, bám sát chuẩn đầu ra năng lực số, chuẩn ngoại ngữ, tác chiến hiện đại. Đến năm 2030, phần đầu 100% chương trình đào tạo của HVHC được xây dựng theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế”. Hoàn thành số hóa 100% giáo trình, tài liệu giảng dạy, ngân hàng đề thi, bảo đảm kết nối với thư viện số quân đội, hệ thống dữ liệu mở phục vụ tự học, nghiên cứu của cán bộ, học viên. Tăng cường sử dụng công nghệ mô phỏng, thực tế ảo, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong giảng dạy các chuyên ngành vận tải, doanh trại, quân

CHÀO MỪNG HỌC VIỆN HẬU CẦN ĐÓN NHẬN DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN...

nhu, xăng dầu; bảo đảm hậu cần, quân y, tài chính quân đội; năm 2025, triển khai thử nghiệm ít nhất 10 học phần bằng mô phỏng số, đến 2030 nhân rộng toàn Học viện. Phát triển mô hình đào tạo kết hợp (blended learning), kết hợp đào tạo trực tiếp và trực tuyến; đến 2030, có trên 50% học phần triển khai trên hệ thống quản lý học tập (LMS).

Khuyến khích giảng viên áp dụng phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm, gắn lý luận với thực tiễn đơn vị. **Đưa kỹ năng số, kỹ năng mềm, năng lực sáng tạo, khởi nghiệp vào chương trình học tập** của học viên sĩ quan. Tăng cường thực hành, diễn tập, gắn với thực tiễn. Tổ chức các đợt diễn tập hậu cần kết hợp mô phỏng ảo và thực địa; phần đầu mỗi học viên sĩ quan trong khóa đào tạo có ít nhất 2 lần tham gia diễn tập thực binh gắn với hệ thống số hóa quản lý hậu cần, kỹ thuật.

Ba là, coi trọng xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng “Nhà trường thông minh, hiện đại”. **Đội ngũ** nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục là lực lượng trực tiếp quyết định chất lượng GDĐT, nghiên cứu khoa học; đồng thời, góp phần quan trọng vào việc xây dựng HVHC vững mạnh toàn diện, mẫu mực, tiêu biểu. Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương đã xác định: “Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có phẩm chất, năng lực tốt, ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ”. Đây là yêu cầu cấp bách, là yếu tố quyết định để HVHC thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Nhà trường quân đội thông minh, hiện đại theo Quyết định số 1960/QĐ-TM của Bộ Tổng tham mưu. Đến năm 2030, xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhà khoa học của HVHC có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, trình độ chuyên môn nghiệp

vụ giỏi, năng lực số cao, đạt chuẩn quốc tế về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, thực sự là lực lượng nòng cốt, tiên phong trong sự nghiệp GDĐT, nghiên cứu khoa học và xây dựng Học viện thông minh, hiện đại.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ; bảo đảm cơ cấu độ tuổi, chuyên ngành hợp lý. Đến năm 2030, phần đầu 100% giảng viên đạt chuẩn chức danh theo quy định của Bộ Quốc phòng, 80% có trình độ sau đại học, trong đó 20 ÷ 25% Tiến sĩ. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy hiện đại, tư duy sáng tạo, nghiên cứu khoa học; phổ cập kỹ năng số cơ bản, phần đầu đến năm 2030 có ít nhất 70% giảng viên đạt chứng chỉ kỹ năng số nâng cao, 60% đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 khung 6 bậc. Phát huy vai trò đội ngũ chuyên gia, nhà giáo giỏi. Tôn vinh, đãi ngộ, phát huy ảnh hưởng của các chuyên gia đầu ngành, giảng viên giỏi, hình thành nhóm nghiên cứu mạnh trong các lĩnh vực trọng điểm: Hậu cần thông minh, tài chính quân sự số, vận tải - kho vận công nghệ cao... Xây dựng phong trào “Mỗi giảng viên một đề tài nghiên cứu, một sản phẩm ứng dụng”; coi tự đào tạo là biện pháp tốt nhất để nâng cao năng lực chuyên môn, sư phạm. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, công nghệ mô phỏng trong giảng dạy: Đến năm 2030, trên 80% giảng viên thành thạo ứng dụng phần mềm dạy học số, mô phỏng 3D, thực tế ảo trong huấn luyện.

Bốn là, tích cực huy động các nguồn lực, tăng cường đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, trang thiết bị dạy học, cơ chế quản trị thông minh đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng GDĐT và nghiên cứu khoa học. Hạ tầng số và cơ chế quản trị thông minh là điều kiện tiên quyết để xây dựng HVHC thông minh, hiện đại.

Nếu coi nhân lực là trung tâm thì hạ tầng công nghệ là nền tảng vật chất, kỹ thuật để thực hiện thành công CĐS. Trong Báo cáo sơ kết công tác cải cách hành chính, CĐS giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Quốc phòng nêu rõ: Tỷ lệ văn bản xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng trong toàn quân đạt trên 90%, nhưng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học mới liên thông ở mức 70%. Điều này cho thấy, yêu cầu cấp thiết phải đẩy mạnh đầu tư, chuẩn hóa hạ tầng; đồng thời, xây dựng cơ chế quản trị thông minh để bảo đảm tính đồng bộ, an toàn, hiện đại. Mục tiêu đến năm 2030, HVHC có hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, cơ sở dữ liệu lớn, hệ thống quản trị thông minh liên thông với toàn quân; trở thành một trong những nhà trường quân đội đi đầu trong CĐS, đạt tiêu chuẩn mức độ 4 – 5 theo Bộ tiêu chí Nhà trường Quân đội thông minh, hiện đại, bảo đảm quản lý, điều hành khoa học, hiệu quả, an toàn.

Đầu tư đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin, hoàn thiện hệ thống mạng truyền dẫn tốc độ cao, bảo đảm phủ rộng toàn Học viện; phấn đấu đến năm 2030, 100% phòng học, hội trường, giảng đường được trang bị thiết bị số hóa, kết nối mạng tốc độ cao. Tập trung xây dựng các phòng học thông minh, trung tâm mô phỏng hậu cần, thư viện số, doanh trại thông minh, phục vụ dạy - học, nghiên cứu khoa học và quản lý điều hành. Hình thành cơ sở dữ liệu lớn (Big Data) về đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý học viên, giảng viên, tài chính hậu cần. Kết nối liên thông dữ liệu với hệ thống quản lý điều hành của Bộ Quốc phòng, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phục vụ chỉ huy, điều hành. Áp dụng hệ thống văn bản điện tử, chữ ký số, hồ sơ điện tử trong toàn bộ hoạt động quản lý, giảng dạy, nghiên cứu, hành chính. Sử dụng các phần mềm quản trị tích hợp (ERP,

LMS, HRM) để hiện đại hóa công tác quản lý đào tạo, nhân sự, tài chính, trang bị hậu cần. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, thực hiện nghiêm các quy định trong Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng (2021) và hướng dẫn của Bộ Tư lệnh 86. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm về an toàn thông tin; xây dựng lực lượng “ứng cứu sự cố an ninh mạng” tại chỗ của Học viện. Gắn kết hạ tầng số với nhiệm vụ đặc thù của HVHC, số hóa hệ thống mô phỏng huấn luyện. Tích hợp dữ liệu quản lý đào tạo với hệ thống hậu cần của các quân khu, quân đoàn, quân, binh chủng, tạo kênh kết nối giữa nhà trường và đơn vị.

Năm là, tăng cường liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế về GDĐT và nghiên cứu khoa học. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư, hợp tác, liên kết là xu thế tất yếu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển nguồn nhân lực. Đối với HVHC, tăng cường hợp tác sẽ giúp Học viện tiếp cận nhanh các thành tựu khoa học công nghệ mới, đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, gắn kết nghiên cứu với thực tiễn; đồng thời, khẳng định uy tín, vị thế trong và ngoài nước. Điều này phù hợp với Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương, Chiến lược phát triển GDĐT trong Quân đội đến năm 2030, tầm nhìn 2045, và định hướng hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Tăng cường liên kết trong nước, thiết lập mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa Học viện với các học viện, nhà trường trong và ngoài Quân đội (như: Học viện Quốc phòng, Học viện Kỹ thuật quân sự, Học viện Quân y, các trường đại học lớn về công nghệ, logistics, tài chính...) để trao đổi chương trình, học liệu, giảng viên, học viên. Liên kết với các viện nghiên cứu, doanh nghiệp quốc

phòng và dân sự trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ mô phỏng, logistics để đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, tạo ra các sản phẩm phục vụ trực tiếp nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức hội thảo khoa học cấp Bộ, cấp ngành về hậu cần quân sự thông minh, góp phần giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn mang tính cấp thiết.

Trên cơ sở đường lối đối ngoại quốc phòng, Học viện chủ động mở rộng quan hệ hợp tác đào tạo, nghiên cứu với các học viện, nhà trường quân sự tiên tiến trong khu vực ASEAN, Nga, Trung Quốc, một số nước châu Âu. Cử cán bộ, giảng viên, học viên tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn quốc tế về logistics quân sự, vận tải - kho vận, tài chính quốc phòng, nhất là trong môi trường số hóa và tác chiến công nghệ cao. Tăng cường trao đổi học thuật, công bố quốc tế, mời chuyên gia nước ngoài tham gia giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu tại Học viện. Chủ động đăng cai các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế về CDS trong giáo dục quân sự, hậu cần thông minh, bảo đảm hậu cần trong chiến tranh công nghệ cao; qua đó, khẳng định vai trò, vị thế của Học viện trên trường quốc tế.

Gắn hợp tác với chức năng, nhiệm vụ của HVHC, liên kết trong nghiên cứu khoa học hậu cần - kỹ thuật, vận tải, tài chính quân sự để tạo ra các sản phẩm, mô hình, giải pháp công nghệ có thể áp dụng ngay trong huấn luyện và bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cho các đơn vị chiến đấu. Hợp tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, từng bước hình thành chuyên ngành hậu cần thông minh trong chương trình đào tạo sĩ quan hậu cần, tài chính quân đội. Mở rộng hợp tác trong lĩnh vực CDS quân sự, kết nối cơ sở dữ liệu hậu cần quân đội với các hệ thống quản trị đào tạo, nghiên cứu khoa học của Học viện.

Phát huy truyền thống đơn vị Anh hùng và lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nền tảng tinh thần quý báu. Đổi mới sáng tạo, CDS là động lực và phương tiện tất yếu để xây dựng HVHC thông minh, hiện đại. Đây cũng là con đường tất yếu để Học viện đóng góp tích cực, trực tiếp vào sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2019), *Chiến lược Quốc phòng Việt Nam*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2021), *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển GDĐT*, Hà Nội.
4. Bộ Tổng Tham mưu (2025), *Quyết định số 1960/QĐ-TM, ngày 01/8/2025 về ban hành Bộ tiêu chí Nhà trường quân đội thông minh*, Hà Nội.
5. Bộ Quốc phòng (2024), *Quyết định số 3279/QĐ-BQP, ngày 29/7/2024 về ban hành chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị trong Bộ Quốc phòng*, Hà Nội.
6. Bộ Tư lệnh 86 (2024), *Báo cáo số 2252 về bảo đảm an ninh mạng trong CDS quốc phòng*, Hà Nội.
7. Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình CDS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030*, Hà Nội.
8. Học viện Hậu cần (2024), *Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính, CDS giai đoạn 2021 - 2025*, Hà Nội.
9. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 về đổi mới công tác GDĐT, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới*, Hà Nội.

ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẢNG BỘ HỌC VIỆN HẬU CẦN LẦN THỨ XXIII, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

**Đại tá, PGS.TS. VŨ HỒNG HÀ
Phó Giám đốc Học viện Hậu cần**

Phát triển khoa học, công nghệ (KHCN), đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CDS) được Đảng ta xác định là một trong những trụ cột đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Học viện Hậu cần lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 cũng xác định, đây là một trong những đột phá, thể hiện tư duy đổi mới, quyết tâm chính trị xây dựng Học viện Anh hùng, đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

TRONG lĩnh vực quân sự, KHCN là hệ thống tri thức và ứng dụng các tri thức nghiên cứu, phát triển nghệ thuật quân sự và chế tạo vũ khí, khí tài quân sự; ĐMST là hoạt động tạo ra những giải pháp, cải tiến kỹ thuật để tạo ra những công nghệ, quy trình, sản phẩm mới (hoặc cải tiến đáng kể) đem lại hiệu quả trong hoạt động quân sự; CDS là quá trình ứng dụng công nghệ số vào mọi lĩnh vực hoạt động nhằm thay đổi căn bản phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ huy, quản lý, tác chiến, bảo đảm, huấn luyện, giáo dục, đào tạo (GDĐT), nghiên cứu khoa học (NCKH)... Như vậy, phát triển KHCN, ĐMST và CDS có mối quan hệ mật thiết với nhau; được Quân ủy Trung ương xác định là khâu đột phá quan trọng hàng đầu, mũi nhọn tiên phong, góp phần xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Học viện Hậu cần là trung tâm GDĐT, NCKH hậu cần, kỹ thuật (HCKT), tài chính quân đội. Trong những năm qua, Học viện đã quán triệt, chấp hành nghiêm nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, Nhà nước, Quân

üy Trung ương và Bộ Quốc phòng (BQP), đặc biệt tiên phong thực hiện Đề án “Đổi mới quy trình, chương trình đào tạo cán bộ các cấp trong Quân đội”, gắn với phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”, Học viện đã hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ, chất lượng GDĐT không ngừng được nâng lên, khẳng định vị thế, uy tín trong và ngoài Quân đội. Nhận thức rõ tầm quan trọng của KHCN, ĐMST và CDS, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện Hậu cần đã quán triệt sâu sắc, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc, quyết liệt các nghị quyết, chương trình, kế hoạch của Đảng, Quân ủy Trung ương, Quân đội về công tác KHCN, ĐMST và CDS nhất là Nghị quyết số 791-NQ/QUTW, Nghị quyết số 1652-NQ/QUTW, Kế hoạch số 4325/KH-BQP. Vì vậy, công tác NCKH đạt được nhiều kết quả quan trọng, tiềm lực khoa học phát triển vượt bậc, CDS có chuyển biến mạnh mẽ, ngày càng đi vào chiều sâu. Kết quả cụ thể trong 5 năm (2020 ÷ 2025): Về NCKH hoàn thành: 01 đề tài

CHÀO MỪNG HỌC VIỆN HẬU CẦN ĐÓN NHẬN DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN...

cấp Nhà nước; 06 đề tài, dự án cấp BQP; 60 đề tài, sáng kiến cấp ngành; 91 đề tài, sáng kiến cấp Học viện; 109 đề tài, sáng kiến cấp trực thuộc Học viện; 90 đề tài, sáng kiến đạt giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo trong Quân đội (04 giải Nhất; 15 giải Nhì, 32 giải Ba và 39 giải Khuyến khích). Các đề tài, sáng kiến hoàn thành đều áp dụng vào thực tiễn, nhiều sáng kiến đem lại hiệu quả cao trong giảng dạy và bảo đảm HCKT, tài chính ở đơn vị trong toàn quân; đặc biệt, đã chuyển giao 01 công nghệ sản xuất đồ hộp cho các Quân khu 3, 5 và Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển. Về nghiên cứu, biên soạn giáo trình, tài liệu huấn luyện hoàn thành: 52 tài liệu cấp BQP; 53 giáo trình; 125 tài liệu, nội dung từng bước được chuẩn hóa, bám sát chuẩn đầu ra môn học, chuyên ngành và tình hình thực tiễn. Xây dựng tiềm lực khoa học được chú trọng và tạo nền tảng vững chắc phát triển khoa học: Tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học 94,88%, trong đó tỉ lệ

Tiến sĩ là 27,55%; 01 Giáo sư; 20 Phó Giáo sư. Về CDS, Học viện đã bước đầu triển khai hệ thống quản lý huấn luyện, thư viện số, phần mềm học liệu điện tử; các phần mềm dùng chung, hệ thống thông tin điều hành và các nền tảng trực tuyến đã được khai thác hiệu quả; hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin từng bước được đầu tư, nâng cấp theo hướng hiện đại, an toàn; an toàn thông tin, an toàn mạng được triển khai đồng bộ. Kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ CDS năm 2024 trong các cơ quan, đơn vị thuộc BQP đạt 0,833, xếp hạng Tốt.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phát triển KHCN, ĐMST và CDS của Học viện vẫn còn tồn tại một số hạn chế, như: Nghiên cứu khoa học chưa rộng khắp và toàn diện, chưa có bước nhảy vọt; chất lượng nhiều công trình khoa học còn thấp, tính ứng dụng chưa cao, nội dung nghiên cứu chưa có bước đột phá; số lượng sản phẩm, dự án, công trình khoa học mang

tâm quốc gia chưa nhiều, chuyển giao công nghệ còn ít; ĐMST còn nhiều hạn chế như không có bằng sáng chế, sở hữu trí tuệ; CDS chủ yếu tập trung trong cải cách hành chính, chỉ huy, điều hành; chưa tập trung CDS để thay đổi phương thức hoạt động ở các cơ quan, Khoa, đơn vị. Những hạn chế này được xác định bởi một số nguyên nhân sau: Nhận thức và công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số cấp ủy có nội dung chưa sát, có thời điểm chưa quyết liệt; năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ, giảng viên về NCKH, ĐMST và CDS còn chưa theo kịp sự phát triển của nghệ thuật quân sự, khoa học kỹ thuật, số lượng nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành còn ít; hợp tác và hội nhập trong và ngoài Quân đội chưa được quan tâm, chú trọng; hệ thống văn bản quản lý có nội dung không phù hợp; cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin chưa bao đảm đầy đủ, đồng bộ, kịp thời.

Những năm tới, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có nhiều biến động, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nguy cơ xung đột. Đất nước đang có những nền tảng, cơ hội cho sự phát triển, tuy nhiên, tiếp tục phải đổi mới với nhiều khó khăn, thách thức. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đặt ra nhiều vấn đề đối với công tác GDĐT, NCKH của Học viện Hậu cần. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình thực tiễn, nhiệm vụ Học viện, nhất là quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 3488-NQ/QUTTW của Quân ủy Trung ương; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Học viện Hậu cần lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã xác định đầy mạnh phát triển KHCN, ĐMST và CDS toàn diện là một trong các khâu đột phá. Để hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS trong nhiệm kỳ, Học

viện cần tập trung thực hiện một số nội dung, giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp về phát triển KHCN, ĐMST và CDS. Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu, định hướng trong tổ chức, triển khai thực hiện đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS của Học viện Hậu cần. Bởi vì, mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên có nhận thức đúng về vị trí, vai trò, tầm quan trọng mới xác định được quyết tâm chính trị, hành động quyết liệt trong thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, cấp ủy, chỉ huy các cấp quan tâm, tập trung lãnh đạo, quyết liệt trong tổ chức thực hiện, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thì nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS sẽ đạt được những kết quả cao. Để thực hiện giải pháp này, trước hết, cần tổ chức quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Quân ủy Trung ương, BQP về công tác phát triển KHCN, ĐMST và CDS; thông qua các buổi quán triệt nghị quyết, tổ chức quán triệt trong sinh hoạt đảng và các hội nghị của Học viện; kết hợp đa dạng các hình thức tuyên truyền như qua phát thanh, công thông tin điện tử, trên các nền tảng số, mạng xã hội. Cấp ủy, chỉ huy các cấp nhận thức đầy đủ, xác định rõ nhiệm vụ, chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo: Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác hàng năm, lấy kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên, thi đua, khen thưởng. Phát động, tổ chức phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục để phổ cập kiến thức về CDS. Phát huy tinh thần tiền phong, gương mẫu của cán bộ, chỉ huy các cấp; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc; phát hiện và khen thưởng kịp thời, nhân rộng các tổ chức, cá nhân có cách làm hay, sáng tạo, điển hình trong thực hiện nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS.

Hai là, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng KHCN, thúc đẩy ĐMST gắn chặt với

công tác GDĐT, nhiệm vụ bảo đảm HCKT, tài chính trong quân đội và tăng cường hợp tác, chuyển giao công nghệ; đẩy nhanh tiến trình CDS toàn diện, sâu rộng trên các mặt hoạt động. Đây là giải pháp trọng tâm, mũi nhọn trong đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS trong Học viện Hậu cần. Nhằm tạo ra những sản phẩm KHCN chất lượng, sức lan tỏa lớn, tính ứng dụng cao, góp phần khẳng định vị thế, uy tín, tầm vóc và xây dựng Học viện thông minh, hiện đại. Muốn vậy, trước hết, Học viện cần tập trung mọi nguồn lực để nghiên cứu một số đề tài, nhiệm vụ, dự án cấp BQP, ngành (phấn đấu có cấp Nhà nước) về phát triển lý luận bảo đảm HCKT cho các đơn vị mới thành lập, các hình thức tác chiến mới và điều chỉnh, tổ chức lại quân sự địa phương; nghiên cứu phát triển công nghệ lõi về công nghệ sinh học, công nghệ thực phẩm như công nghệ bảo quản, chế biến thực phẩm, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, dây chuyền sản xuất. Đẩy mạnh nghiên cứu, sáng kiến, cải tiến vào thực tiễn giảng dạy, thực tiễn huấn luyện, diễn tập, bảo đảm HCKT, tài chính của các đơn vị trong toàn quân; phấn đấu có bằng độc quyền sáng chế và giải pháp hữu ích. Cập nhật, bổ sung kiến thức về KHCN, ĐMST và CDS vào các nội dung, chương trình đào tạo ở các cấp cho phù hợp. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng trung tâm nghiên cứu, ĐMST và CDS trong Học viện. Xây dựng môi trường NCKH rộng khắp, định hướng mảng nghiên cứu nhưng không gó ép về nội dung, chấp nhận rủi ro để kích thích khả năng tìm tòi, sáng tạo của mọi cán bộ, giảng viên, học viên trong Học viện. Tiếp tục phát triển phong trào NCKH trong Học viện, đưa phong trào Tuổi trẻ sáng tạo đi vào thực chất hơn; định hướng nghiên cứu cho giảng viên trẻ, học viên vào ĐMST. Bên cạnh đó, tăng cường hợp tác và chuyển giao công nghệ để phát huy những lợi thế, khắc phục những hạn chế của Học viện,

CHÀO MỪNG HỌC VIỆN HẬU CẦN ĐÓN NHẬN DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN...

đồng thời, trao đổi, học tập, tận dụng những thế mạnh của các đơn vị hợp tác như khoa học về logistic, công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật quân sự, cơ sở vật chất, thực tiễn, môi trường thực nghiệm.

Cùng với nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST, Học viện cần đẩy nhanh tiến trình CĐS trên tất cả các hoạt động, ở các cơ quan, khoa, đơn vị. Trước hết, triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án CĐS trong Đảng bộ Học viện Hậu cần. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính với CĐS, ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyển, nhận và xử lý văn bản qua mạng nội bộ. Đẩy nhanh tiến trình CĐS trong GDĐT; nghiên cứu, sử dụng, khai thác công nghệ số, sử dụng các phần mềm để đổi mới mạnh mẽ phương thức trong giảng dạy, diễn tập, quản lý, điều hành hoạt động GDĐT. Các cơ quan, khoa, đơn vị kiểm tra, chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Trên cơ sở đó, triển khai từng bước, tiến tới CĐS toàn diện trên các mặt công tác, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng Học viện thông minh, hiện đại.

Bà là, phát triển nguồn nhân lực KHCN, ĐMST và CĐS chất lượng cao. Đây là giải pháp then chốt, nhằm xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức, chuyên môn sâu, tư duy sáng tạo; là yếu tố quyết định, thúc đẩy nghiên cứu, vận dụng và triển khai các nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CĐS trong Học viện. Trước hết, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên, chuyên gia đầu ngành, các nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao, số lượng và cơ cấu hợp lý. Làm tốt công tác quy hoạch, tạo nguồn, đào tạo sau đại học và phấn đấu đạt chuẩn chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư. Đối với các lĩnh vực nghiên cứu mới, tích cực hợp tác với cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu uy tín trong nước và nước ngoài, đồng thời thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực

chất lượng cao vào công tác tại Học viện. Tạo điều kiện thuận lợi, có cơ chế chính sách hữu hiệu; triển khai và thực hiện có hiệu quả Đề án “Chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài đối với Quân đội nhân dân Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” trong Học viện. Rà soát, kiện toàn các tổ chức nghiên cứu, tập trung đầu tư xây dựng và thúc đẩy hoạt động 1÷2 nhóm nghiên cứu mạnh để quy tụ những chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trong và ngoài học Học viện; ngoài nhiệm vụ nghiên cứu phát triển các sản phẩm, công trình KHCN sẽ tạo ra môi trường hiệu quả trong đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao. Mặt khác, tăng cường tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng cơ bản sử dụng các ứng dụng, trí tuệ nhân tạo cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên trong Học viện. Triển khai nghiêm túc, chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc trong thực hiện phong trào “Binh dân học vụ số”. Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, thu hút đội ngũ cán bộ chuyên sâu về công nghệ thông tin và CĐS để trở thành nòng cốt, điểm tựa thúc đẩy CĐS trong Học viện. Phát huy tính chủ động, sáng tạo, hăng say trong tự học tập, bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên trong Học viện.

Bốn là, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy trình trong hoạt động quản lý KHCN, ĐMST và CĐS. Đây là giải pháp quan trọng, nhằm chuẩn hóa các khâu triển khai các hoạt động NCKH và tạo hành lang pháp lý, công cụ hiệu quả trong việc định hướng, quản lý công khai, minh bạch. Căn cứ vào hệ thống văn bản pháp lý của Đảng, Nhà nước, Quân đội và tình hình thực tiễn; Phòng Khoa học quân sự chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong Học viện, nhất là Phòng Đào tạo, Văn phòng, Ban Tài chính, Viện NCKH hậu cần quân sự tập trung nghiên cứu, tham mưu đề xuất kịp thời với Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện chủ trương

lãnh đạo, quy chế, quy trình trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS: Quy chế hoạt động KHCN và môi trường, trong đó tập trung các quy định quản lý nhiệm vụ KHCN, bổ sung nội dung quản lý trong ĐMST, chuyển giao công nghệ; quy chế quản lý tài chính theo nguyên tắc đơn giản tối đa các thủ tục hành chính, xây dựng quy chế để huy động nguồn lực tài chính trong phát triển KHCN, ĐMST; bổ sung, hoàn thiện quy trình quản lý, thông qua, nghiệm thu các nhiệm vụ KHCN, ĐMST làm cơ sở xây dựng cơ chế chấp nhận rủi ro trong NCKH. Đối với việc thành lập một số nhóm nghiên cứu mạnh cần xây dựng quy chế hoạt động, trong đó xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn mối quan hệ trong lãnh đạo, chỉ huy, điều hành và trong thực hiện các nhiệm vụ, đề án KHCN, ĐMST. Đồng thời, kịp thời xây dựng, luật hóa các cơ chế, chính sách trong CDS, quản lý, sử dụng thiết bị công nghệ thông tin, khai thác hạ tầng thông tin trong Học viện. Tăng cường, ứng dụng công nghệ thông tin, CDS và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý khoa học quân sự.

Năm là, tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng KHCN, ĐMST và CDS. Đây là giải pháp quan trọng, bởi hạ tầng là xương sống, đặt nền tảng, tạo động lực cho sự phát triển KHCN, ĐMST và CDS. Trước tiên, Học viện triển khai, phát triển hạ tầng số, bão đảm trang thiết bị công nghệ thông tin, hạ tầng mạng, kết nối mạng (truyền số liệu quân sự và Internet); phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong Học viện đảm bảo kết nối, đồng bộ, thông suốt để khai thác dữ liệu, học liệu, cung cấp môi trường số phục vụ công tác quản lý đào tạo, điều hành huấn luyện và nâng cao chất lượng chất lượng dạy học, kiểm tra, đánh giá và NCKH. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng trung tâm dữ liệu của Học viện, nội dung bao gồm: Đề tài, giáo trình, tài liệu, luận văn, luận án, bài báo khoa học,... đây cơ sở quan trọng nghiên

cứu, xây dựng và sử dụng trí tuệ nhân tạo AI trong hoạt động nghiên cứu, quản lý KHCN. Bên cạnh đó, đầu tư các phòng học chuyên dùng; tập trung đầu tư một số phòng thí nghiệm hiện đại phục vụ nghiên cứu về công nghệ sinh học, công nghệ thực phẩm. Chú trọng nghiên cứu, triển khai giải pháp công nghệ tiên tiến để bảo đảm an toàn, an ninh, bí mật thông tin quân sự.

Phát triển KHCN, ĐMST và CDS là yêu cầu tất yếu khách quan, là khâu đột phá quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng GDĐT, NCKH của Học viện Hậu cần. Trong quá trình thực hiện các nội dung, giải pháp trên cần sự chung sức, đồng lòng, đoàn kết, sáng tạo của toàn Học viện, góp phần hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Học viện Hậu cần lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW, về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia*, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (2025), *Kế hoạch số 536/KH-BQP về triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP, ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW*, Hà Nội.
3. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2025), *Kế hoạch số 1661-KH/ĐU về thực hiện Nghị quyết số 3488-NQ/QUTW, ngày 29/01/2025 của Quân ủy Trung ương*, Hà Nội.
4. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2025), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Học viện Hậu cần khóa XXII, nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Hà Nội.
5. Quân ủy Trung ương (2025), *Nghị quyết số 3488-NQ/QUTW về đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CDS trong Quân đội*, Hà Nội
6. Quốc hội (2025), *Luật KHCN và ĐNST*, Hà Nội.

BẢO ĐẢM HẬU CẦN, KỸ THUẬT CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG PLEI - ME KINH NGHIỆM VÀ HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN

Thiếu tướng NGUYỄN HÙNG THẮNG

Nguyễn Phó Chủ nhiệm kiêm Tham mưu trưởng, Tổng cục Hậu cần

Chiến dịch tiến công (CDTC) Plei - Me là chiến dịch đầu tiên ta đối đầu trực tiếp và đánh thắng quân viễn chinh Mỹ trên chiến trường Tây Nguyên. Thắng lợi của CDTC Plei - Me là thắng lợi của tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, “lấy kém hiện đại, đánh thắng hiện đại”; đồng thời, thể hiện bản lĩnh, trí tuệ trong bảo đảm hậu cần chiến dịch (HCCD).

TRƯỚC nguy cơ ngụy quyền Sài Gòn sụp đổ, thất bại chiến lược Chiến tranh đặc biệt, từ đầu năm 1965, Mỹ bắt đầu đưa quân và chư hầu trực tiếp vào tham chiến ở miền Nam; đồng thời, sử dụng không quân, hải quân mở rộng chiến tranh phá hoại ở miền Bắc. Trước tình thế, yêu cầu mới của cách mạng, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III họp từ ngày 25 ÷ 27/3/1965 đã hạ quyết tâm động viên cao độ các nguồn lực, tiếp tục phát huy tư tưởng chiến lược tiến công, bảo vệ vững chắc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đánh quân Mỹ, thắng Mỹ trên chiến trường miền Nam.

Tháng 9/1965, Mỹ đưa hết Sư đoàn Kỵ binh không vận 1 lên đóng ở An Khê, là đơn vị được trang bị hiện đại của lục quân Mỹ đầu tiên đến Tây Nguyên. Lực lượng địch ở khu vực này, gồm: Sư đoàn Kỵ binh không vận Mỹ, 1 trung đoàn Nam Triều Tiên (lính của Pắc Chung Hy), 1 chiến đoàn hỗn hợp và 1 chiến đoàn thiết giáp quân đội Sài Gòn. Theo chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, ngay từ tháng 8/1965, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên (B3)

xác định hướng tác chiến mùa Đông 1965 ở cánh Nam (tỉnh Gia Lai cũ) nhằm đánh thật đau quân ngụy, buộc quân Mỹ ra tham chiến để tiêu diệt một bộ phận quân Mỹ, củng cố và mở rộng vùng giải phóng, xây dựng lòng tin đánh giặc Mỹ xâm lược. Căn cứ tình hình mọi mặt, Mặt trận Tây Nguyên quyết định mở CDTC Plei - Me; lực lượng ta có 3eBB chủ lực, 1dĐC, 1dPB, 1dSMPK12,7mm. Thực hiện “đánh điểm diệt viện”, đêm 19/10/1965, bộ đội ta diệt đồn Chư Ho, vây ép đồn Plei - Me; ngày 23/10 diệt chiến đoàn thiết giáp ngụy đến ứng cứu trên Đường 21, buộc Sư đoàn Kỵ binh không vận Mỹ đưa 2 tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn 1 vào tham chiến (ngày 24/10). Ta vừa tiếp tục chặn đánh quân ngụy giải tỏa, vừa điều chỉnh đội hình sẵn sàng đánh quân Mỹ phản kích. Từ ngày 31/10 ÷ 9/11, địch liên tiếp các hoạt động trinh sát, tập kích vào một số khu vực trận địa và hậu phương chiến dịch, nhưng đều bị ta đánh chặn, đẩy lùi. Mỹ đưa Lữ đoàn Kỵ binh không vận 3 vào chiến đấu, từ ngày 14/11, dùng chiến thuật “nhảy cóc” đổ quân xuống khu vực núi Chư Pông, nhằm bất ngờ đánh vào sau lưng đội hình chiến dịch. Dựa vào trận địa đã chuẩn

bị săn, ta chặn đánh quyết liệt, diệt Đại đội A, đánh thiệt hại Đại đội C địch, dồn quân Mỹ xuống thung lũng Ia Drăng dưới chân dãy Chư Pông. Ngày 15/11, ta tiến công địch ở thung lũng Ia Drăng, địch phải dùng máy bay chiến lược B52 ném bom, pháo binh từ các nơi bắn đến 4.000 quả đạn trong ngày để cứu nguy cho quân Mỹ. Bộ đội ta bám thắt lưng địch, liên tục tiến công dũng mãnh suốt đêm 16/11 và ngày 17/11, tiêu diệt gần hết 1 tiểu đoàn, hoàn thành thắng lợi trận then chốt chiến dịch. Ngày 18/11, ta tập kích trận địa pháo Mỹ ở Ia Mơ, góp phần chủ yếu đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn kỵ binh không vận. Ngày 19/11/1965, toàn bộ quân Mỹ còn lại phải rút khỏi thung lũng Ia Drăng. Kết quả chiến dịch đã loại khỏi vòng chiến đấu 1.700 tên Mỹ, 1.274 tên ngụy, phá hủy 89 xe quân sự, bắn rơi 59 máy bay (chủ yếu là máy bay trực thăng).

Bảo đảm cho thắng lợi CDTC Plei - Me, công tác hậu cần, kỹ thuật (HCKT) đã góp phần rất quan trọng. Cụ thể:

Hơn một năm trước khi mở Chiến dịch, Mặt trận Tây Nguyên được hình thành. Hậu cần Mặt trận đã triển khai được hai khu vực hậu cần: Cánh Bắc ở Tây Bắc thị xã Kon Tum, gần ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia. Cánh Nam ở Tây Nam thị xã Pleiku, giáp biên giới Việt Nam - Campuchia. Mỗi khu vực hậu cần có một viện quân y, khả năng thu dung điều trị 100 ÷ 200 thương, bệnh binh và một số kho dự trữ vật chất HCKT. Bên kia biên giới Campuchia có các trạm thu mua, tiếp nhận vật chất của Hậu cần Mặt trận. Theo trực dọc chiến trường chỉ có tuyến vận tải bộ, cũng là hành lang giao liên - từ Đoàn vận tải quân sự chiến lược 559 ở phía Bắc, đi qua hai khu vực hậu cần tới phía Nam nối với tuyến đường giao liên của Hậu cần Miền. Sau khi được phổ biến ý định chiến dịch, ngày 12/9/1965, Hậu cần tiến hành công tác chuẩn bị. Về tổ chức,

sử dụng, bố trí HCKT chiến dịch: Cơ bản lực lượng khu vực hậu cần cánh Nam gồm Viện Quân y 2, tiểu đoàn vận tải bộ, trạm sửa chữa quân giới, các kho dự trữ vật chất, được sử dụng làm "căn cứ HCCD". Một bộ phận thuộc khu vực hậu cần cánh Nam tách ra, tổ chức thành "căn cứ hậu cần (CCHC) phía trước" (phân CCHC), gồm bệnh xá tiền phương, ban vận tải dân công (có 2 trung đội vận tải bộ và 100 dân công), kho vật chất HCKT; bố trí ở H5 Ba Bỉ; trực tiếp làm tuyến sau của hậu cần các eBB. Giữa căn cứ và phân CCHC có trạm tiếp chuyển T2. Ngoài ra, một số kho gạo của địa phương nằm rải rác tại các buôn làng trên địa bàn chiến dịch được huy động để tiếp tế cho bộ đội. Công tác chuẩn bị đến giữa tháng 10/1965: HCCD đã bố trí, triển khai xong và lúc này Viện Quân y 2 được tăng cường thêm lực lượng, trang thiết bị y tế, thuốc men, sẵn sàng thu dung cứu chữa được 700 thương bệnh binh; HCCD tăng cường cho eBB320: 1 tổ phẫu thuật, 100 dân công và cho eBB33: 100 dân công. Về bảo đảm vật chất: Xác định nhu cầu phải chuẩn bị cho chiến dịch 202 tấn lương thực, thực phẩm, 50 tấn đạn dược. Đạn được chuyển từ hậu cần cánh Bắc xuống. Lương thực, thực phẩm được chuyển từ các trạm thu mua tiếp nhận V5, KX4 trên đất Campuchia về căn cứ HCCD; phần còn lại do các địa phương cung ứng từ thu mua, vận động Nhân dân quyên góp. Các đơn vị được bảo đảm đủ vật chất HCKT theo qui định, nhưng ở CCHC, đạn mới được 60% theo yêu cầu dự trữ, lương thực thực phẩm cũng còn thiếu, hậu cần cánh Bắc và các trạm thu mua tiếp tục vận chuyển đến. Quá trình thực hành tác chiến: Đợt 1 đánh quân ngụy, tổ chức, sử dụng, bố trí HCKT chiến dịch hợp lý, đã bảo đảm tốt cho các đơn vị, nhưng khi địch ném bom, bắn pháo dữ dội, liên tiếp đổ quân nhảy cóc vào sau đội hình chiến đấu, vào cả khu vực hậu cần và tuyến đường vận

KỶ NIỆM 60 NĂM CHIẾN THẮNG PLEI-ME (26/11/1965 – 26/11/2025)

tải, có thời điểm chia cắt giữa phía trước và phía sau, HCCD đã kịp thời điều chỉnh, tăng cường khả năng tự bảo đảm cho hậu cần các eBB đáp ứng đợt 2 đánh quân Mỹ. Về bảo đảm vật chất, Hậu cần vừa bảo đảm cho chiến đấu, đối phó với địch đánh phá, nhảy cóc đổ quân xuống các địa điểm, vừa tiếp tục tiếp nhận, vận chuyển từ phía sau lên phía trước, trong điều kiện rất khó khăn, đã chuẩn bị được 200 tấn lương thực, 2 tấn thực phẩm, bảo đảm cho bộ đội bình quân người/ngày: 600 gam gạo, 20 gam thịt, cá khô, 10 gam đậu, lạc, 0,25 gam mắm ruốc, 20 gam muối; riêng đạn mới chuẩn bị đạt 86% theo nhu cầu xác định, nhưng thực tế chỉ phải bảo đảm cho bộ đội 16,4 tấn, chiếm 38,1% lượng chuẩn bị, 32,8% theo nhu cầu xác định. Về bảo đảm quân y: Trong những ngày đánh quân ngụy, công tác bảo đảm diễn ra theo kế hoạch, nhưng khi quân Mỹ tham chiến, hậu cần bị uy hiếp, đánh phá, vận tải bị cắt đứt, thương bệnh binh tăng vọt, ứ đọng, các trung đoàn không tổ chức bệnh xá, chỉ làm nhiệm vụ cứu chữa khẩn cấp sau đó chuyển thương bệnh binh về bệnh viện quân y; tổ chức hai trạm tiếp chuyển thương bệnh binh, các trung đoàn sử dụng cả bộ đội cùng lực lượng vận tải vận chuyển thương bệnh binh về giao cho trạm tiếp chuyển đầu tiên của chiến dịch, rồi nhận đạn, gạo tiếp tế lên phía trước. Thương vong trong chiến dịch là 1.223 người (15,24% quân số chiến đấu), trong đó hy sinh 554 người (45,3% tổng số thương vong; 6,91% quân số chiến đấu), thương binh 669 người (54,7% tổng số thương vong; 8,33% quân số chiến đấu)...

Chiến dịch Plei - Me là CDTC đầu tiên trên chiến trường Tây Nguyên, cũng là CDTC đầu tiên đánh quân Mỹ, đã khiến quân Mỹ bị thiệt hại nặng phải rút chạy. Mặt trận Tây nguyên mới hình thành, mới xây dựng được một số cơ sở, vật chất HCKT. Trong điều kiện vô cùng khó khăn; song, HCCD đã

quán triệt sâu sắc chủ trương chung, quyết tâm chiến dịch, bám sát đơn vị chiến đấu, bảo đảm rất quan trọng cho CDTC Plei - Me thắng lợi, qua đó rút ra nhiều kinh nghiệm quý báu để vận dụng bảo đảm tốt HCKT cho các chiến dịch đánh quân Mỹ, ngụy sau đó trên chiến trường miền Nam và trong suốt cuộc chiến tranh giải phóng, thống nhất đất nước. Mặc dù cách nay đã 60 năm, nhưng bảo đảm HCKT Chiến dịch Plei - Me vẫn để lại cho chúng ta nhiều vấn đề cần nghiên cứu vận dụng trong tình hình mới, đó là:

Thứ nhất, phải thường xuyên làm tốt giáo dục chính trị tư tưởng, quán triệt sâu sắc nhiệm vụ, xây dựng ý chí không quản ngại khó khăn, năng động, sáng tạo, quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cho cán bộ, nhân viên, chiến sĩ HCKT. Trong CDTC Plei - Me, lần đầu tiên ta đánh đơn vị kỵ binh không vận tiêu biểu của lục quân Mỹ, diễn ra ở địa hình, kinh tế, xã hội đặc trưng Tây Nguyên, nhưng đã giành thắng lợi lớn, thể hiện quyết tâm chiến lược của Đảng, Bác Hồ, ý chí dám đánh và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược của quân và dân ta nói chung, Mặt trận Tây Nguyên nói riêng. Cán bộ, nhân viên, chiến sĩ HCKT Chiến dịch đã quán triệt sâu sắc chủ trương chiến lược, nhiệm vụ chiến dịch, nỗ lực khắc phục khó khăn, kiên cường, sẵn sàng hy sinh để bảo đảm tốt cho bộ đội chiến đấu.

Thứ hai, chủ động, tích cực chuẩn bị trước thế trận HCKT ngay từ thời bình, sẵn sàng điều chỉnh, bổ sung hoàn chỉnh, kịp thời đáp ứng khi có tình huống. Trong CDTC Plei - Me: Trên cơ sở khu vực hậu cần của Mặt trận để tổ chức căn cứ, phân căn cứ HCCD và dựa vào các trạm thu mua tiếp nhận vật chất trên đất Campuchia, các kho lương thực của địa phương để tiếp tế. Theo trực dọc chiến trường, giai đoạn chuẩn bị và đợt một đánh quân ngụy, dựa vào đường giao liên sẵn có - đường vận tải bộ; khi quân Mỹ ném bom, bắn

pháo, nhảy cát đánh vào sau đội hình chiến đấu, hậu cần bị tổn thất, chia cắt giữa phía trước và phía sau, để giải tỏa thương bệnh binh, kết hợp vận chuyển đạn, gạo từ phía sau lên phía trước, đã “soi” mở nhiều đoạn đường vòng tránh, duy trì việc bảo đảm. Vận dụng, chủ động chuẩn bị trước thế trận HCKT, “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa” cần chú ý: Qui hoạch, xây dựng thế trận HCKT liên hoàn, vững chắc, phù hợp với quyết tâm A. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tham gia các chiến lược, qui hoạch, đề án, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo kết hợp chặt chẽ kinh tế - quốc phòng, quốc phòng - kinh tế, với không gian địa lý mới của các địa phương và qui hoạch các vùng chiến lược trong phạm vi cả nước. Tiếp tục đầu tư xây dựng những công trình cần thiết ở các căn cứ hậu phương, căn cứ HC-KT theo kế hoạch A, ưu tiên cải tạo các hang động, xây dựng ở những khu vực bảo đảm cho bảo vệ chủ quyền biển đảo, mở các chiến dịch, đánh các trận then chốt chiến dịch trong chiến tranh (nếu xảy ra). Kết hợp kinh tế với quốc phòng, tham mưu qui hoạch, đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống các trục giao thông dọc, ngang, áp dụng được nhiều phương thức vận tải trên từng địa bàn chiến lược, chiến dịch - Thường xuyên cập nhật, thống kê đầy đủ mạng đường vận tải quân sự trên bản đồ số. Làm tốt quản lý, giữ bí mật, không để hụ hỏng, xuống cấp các công trình quân sự, quốc phòng, HCKT theo qui định.

Thứ ba, xây dựng tiềm lực HCKT ngày càng vững mạnh. Mặt trận Tây Nguyên mới hình thành, đã chuẩn bị được một lượng vật chất HCKT ở hai khu vực hậu cần; cùng với tiếp nhận từ các trạm V5, KX4, cơ quan HCCD đã hiệp đồng với Tỉnh ủy, Tỉnh đội Gia Lai và hội đồng chi viện tiền phương các cấp để huy động các kho gạo của địa phương, thu mua, vận động Nhân dân đóng góp lương

thực thực phẩm bảo đảm cho CDTC Plei - Me. Đồng bào các dân tộc ở Huyện 4, Huyện 5, Gia Lai, mặc dù kinh tế còn rất thiếu thốn, nhưng sau khi thu hoạch vụ mùa năm 1965 chỉ để lại thóc giống, còn lại đưa hết vào giã suốt ngày đêm, kịp giao gạo cho bộ đội. Tuy vậy, do khả năng tại chỗ hạn chế, đưa từ nơi khác đến gặp nhiều khó khăn, sau hơn một tháng chuẩn bị mới bảo đảm đủ vật chất HCKT cho các đơn vị, ở căn cứ, phân căn cứ HCCD vẫn còn thiếu so với nhu cầu xác định. Xây dựng tiềm lực HCKT ngày càng vững mạnh ngay “từ khi nước chưa nguy”, trong đó: Tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, HCKT Nhân dân. Nắm chắc khả năng có thể huy động từ nền kinh tế quốc dân, trên từng khu vực, địa bàn, sẵn sàng phục vụ nhu cầu quân sự, quốc phòng. Tham mưu điều chỉnh, duy trì nghiêm các lượng dự trữ HCKT ở các cấp, phù hợp đặc điểm từng thời kỳ. Bảo đảm đúng qui định hệ số kỹ thuật vũ khí trang bị theo nhiệm vụ ở các đơn vị. Tiếp tục làm tốt tăng hạn, cải tiến nâng cao tính năng kỹ chiến thuật vũ khí trang bị hiện có; nghiên cứu chế tạo các loại vũ khí trang bị mới, hiện đại, gắn với dự trữ đạn hợp lý, đồng bộ phụ tùng, vật tư kỹ thuật và đảm bảo khả năng thay thế, sửa chữa theo phân cấp. Đề xuất hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, điều hành xây dựng và hoạt động HCKT khu vực phòng thủ; kiện toàn, duy trì hoạt động hiệu quả Hội đồng cung cấp, các tổ chức tư vấn liên quan/ khu vực phòng thủ trong tình hình mới. Phối hợp chặt chẽ giữa HC-KT các đơn vị chủ lực với HC-KT Bộ chỉ huy quân sự (Bộ Tư lệnh) tỉnh, thành phố trong nắm khả năng, hiệp đồng cụ thể khai thác, huy động tại chỗ sẵn sàng bảo đảm kịp thời cho các phương án/ quyết tâm (kế hoạch) A.

Thứ tư, tổ chức tốt nuôi dưỡng, rèn luyện nâng cao sức khỏe bộ đội, bền bỉ, dẻo dai, đáp ứng nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu trong mọi điều kiện. Trong CDTC

KỶ NIỆM 60 NĂM CHIẾN THẮNG PLEI-ME (26/11/1965 – 26/11/2025)

Plei - Me, bộ đội hoàn toàn không được cung cấp rau xanh, sức khỏe đã kém trước khi đi chiến dịch, quân số ốm phải để lại hậu phương khá nhiều, riêng eBB33 phải để lại hậu cứ 600 người; bệnh binh vào điều trị (chủ yếu là sốt rét, sốt rét ác tính) nhiều hơn cả thương binh. Hiện nay, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, đời sống bộ đội được giữ vững và ngày càng cải thiện; song, để luôn đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ, cần: Đề nghị sửa đổi Nghị định của Chính phủ về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ. Kết hợp tốt giữa nuôi dưỡng với rèn luyện thể lực, chú ý các lực lượng đặc biệt, bộ đội đặc công, trinh sát, tăng thiết giáp...

Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu các loại lương khô, khẩu phần ăn dã chiến có chất lượng cao, giá cả hợp lý, bộ đội được ăn trong diễn tập và trong một số khoa mục huấn luyện của đối tượng quân binh chủng. Theo chỉ đạo, các cấp xây dựng kế hoạch, triển khai hiệu quả Nghị quyết số 72/NQ-TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Thực hiện tốt phòng chống say nóng, say nắng trong huấn luyện, diễn tập; phòng chống dịch bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm; dự án RAI4E trong quân đội về ngăn chặn và loại trừ sốt rét kháng thuốc Artemisinin...

Tăng cường luyện tập, diễn tập bão đảm HCKT tác chiến (chiến đấu), sát thực tiễn chiến tranh hiện đại. Trong điều kiện khó khăn, khốc liệt, quân Mỹ nhiều thủ đoạn, chỉ huy, cơ quan hậu cần các cấp CDTC Plei - Me phải xử lý rất nhiều tình huống về di chuyển hậu cần, khắc phục tổn thất (Hậu cần eBB33 bị tổn thất nghiêm trọng. Vũ khí đạn toàn chiến dịch bị tổn thất: 454 khẩu súng các loại và 6,6 tấn đạn...), đường vận tải bị chia cắt, chuyển thương bị ứ đọng, bảo đảm các mặt cho thương bệnh binh trong quá

trình vận chuyển dài ngày phức tạp (eBB320 chuyển thương binh bằng cáng, dùi, đi bộ về bệnh viện cách trận địa 6 ngày đường)... Chiến tranh đã lùi xa, đất nước hòa bình, bước vào kỷ nguyên mới, trong khi tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, đặt ra những yêu cầu mới về nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc, cho nên phải tăng cường luyện tập, diễn tập HCKT sát thực tiễn chiến tranh hiện đại, ở nhiều quy mô lực lượng, tình huống phức tạp, vào ban đêm, với cường độ cao, coi trọng rèn luyện bản lĩnh, nâng cao trình độ chỉ huy tham mưu cho cán bộ HCKT, khả năng cơ động, bí mật, triển khai bảo đảm nhanh, an toàn của các đơn vị HCKT trong mọi tình huống, trên các địa bàn.

Trên đây là những nét chính bảo đảm HCKT Chiến dịch Plei - Me và một số kinh nghiệm rút ra, chú ý vận dụng. Trước yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, bảo đảm HCKT trong điều kiện mới, đòi hỏi cán bộ, nhân viên, chiến sĩ HCKT ngày nay cần quán triệt sâu sắc nghị quyết của Quân ủy Trung ương, chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ Quốc phòng, phát huy truyền thống, tự tin, dám nghĩ, dám làm, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng ngành HCKT hiện đại, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Nghệ thuật CDTC*, Nxb QĐND, Hà Nội
2. Học viện Hậu cần (2008), *Tổng kết công tác hậu cần một số CDTC đánh thắng chiến lược chiến tranh cục bộ của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)*, Nxb QĐND, Hà Nội
3. Phan Tùng Sơn và Ban đề tài (2022), *Phát triển lý luận bảo đảm hậu cần CDTC trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Đề tài khoa học cấp Bộ Quốc phòng, Học viện Hậu cần, Hà Nội.

TỪ BẢO ĐẢM HẬU CẦN CHIẾN DỊCH PLEI ME BÀN VỀ TẠO LẬP THỂ TRẬN HẬU CẦN CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Thượng tá, TS. LÊ ĐÌNH QUÂN

Chủ nhiệm Hậu cần - Kỹ thuật, Học viện Hậu cần

NHẨM cứu vãn sự sụp đổ của chính quyền và quân đội Sài Gòn, đế quốc Mỹ tiến hành “Chiến tranh cục bộ”, đưa quân vào tham chiến ở miền Nam Việt Nam. Tại chiến trường Tây Nguyên, chúng điều Sư đoàn Kỵ binh không vận 1 và một lữ đoàn dù của Sư đoàn 101 lên chiếm đóng An Khê, hòng ngăn chặn hoạt động của chủ lực Quân giải phóng miền Nam, chia cắt Tây Nguyên với vùng đồng bằng ven biển miền Trung, cắt sự chi viện của hậu phương lớn miền Bắc cho cách mạng miền Nam qua hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh và từ Lào sang.

Trước hành động của địch, Bộ tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên quyết định mở Chiến dịch Plei - Me, với chủ trương “đánh điểm, diệt viện”, trước đánh ngụy, sau diệt Mỹ, kéo quân Mỹ ra xa căn cứ của chúng, đi sâu vào các vùng rừng núi hiểm trở để tiêu diệt địch. Thực hiện chủ trương đó, Bộ tư lệnh Chiến dịch Plei - Me sử dụng 3 trung đoàn bộ binh (320, 33 và 66), 1 tiểu đoàn đặc công, 1 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn súng máy phòng không 12,7mm và lực lượng vũ trang địa phương (Gia Lai, Kon Tum). Chiến dịch diễn ra trên khu vực tứ giác Plei - Me - Bầu Cạn - Đức Cơ - Plây Thê, rộng khoảng 1.200 km². Ngày 19/10/1965, Chiến dịch mở màn, ta tiến công đồn Chư Ho và bao vây đồn Plei - Me. Khi địch đưa lực lượng từ Pleiku đến giải tỏa, ta phục kích tiêu diệt phần lớn Chiến đoàn Thiết giáp 3 và Tiểu đoàn Biệt động quân 21 trên Đường số 21. Ngày 30/10, ta chặn đánh và lừa dụ địch

vào sâu hậu phương chiến dịch. Địch đã mắc mưu nên ngày 11/11, ta tập trung lực lượng tiến công tiêu diệt quân Mỹ ở thung lũng la Drăng; đến ngày 26/11/1965, Chiến dịch thắng lợi hoàn toàn. Với 17 trận đánh, ta đã tiêu diệt và sát thương 2.974 tên địch; phá hủy 88 xe quân sự, 5 khẩu pháo, bắn rơi và phá hủy 59 máy bay các loại.

Thắng lợi của Chiến dịch Plei - Me có ý nghĩa chiến lược to lớn, đánh dấu bước phát triển về nghệ thuật chiến dịch của Quân đội ta trong cuộc đấu trí, đấu lực đầu tiên với quân chiến đấu Mỹ trên chiến trường Tây Nguyên. Thắng lợi của Chiến dịch được tạo thành từ nhiều yếu tố; trong đó, bảo đảm hậu cần giữ vai trò rất quan trọng, được thể hiện trên các nội dung sau:

Thứ nhất, tổ chức hậu cần hợp lý. Trên cơ sở khu vực hậu cần cánh Nam, Hậu cần Mặt trận tổ chức cơ quan Hậu cần chiến dịch (HCCD), gồm: 2 căn cứ hậu cần (CCHC); các trạm trung chuyển (T2, T4, T5); có lực lượng dự bị và tăng cường cho đơn vị. Cụ thể, CCHC phía sau, gồm cơ quan (chỉ huy) HCCD; bệnh viện dã chiến; kho quân nhu; kho dược; kho đạn; đại đội vận tải bộ, dân công hỏa tuyến; do chủ nhiệm HCCD chỉ huy. Nhiệm vụ của CCHC phía sau là tiếp nhận vật chất, trang bị của hậu cần chiến lược (Đoàn 559 và Hậu cần Miền); huy động lực lượng, cơ sở vật chất hậu cần tại chỗ để bảo đảm cho các lực lượng chiến dịch; trực tiếp bảo đảm cho lực lượng dự bị chiến dịch, chi viện cho CCHC phía trước. Khu vực bố trí CCHC phía sau ở Tây Làng Sinh,

KỶ NIỆM 60 NĂM CHIẾN THẮNG PLEI-ME (26/11/1965 – 26/11/2025)

dọc biên giới Việt Nam - Campuchia, cách hậu cần trung đoàn 1 ngày đi bộ. Căn cứ hậu cần phía trước, gồm: Cơ quan (chỉ huy) căn cứ; trợ lý các ngành; bệnh viện tiền phương; kho quân nhu; quân giới; kho dược và lực lượng vận tải (dân công hỏa tuyến); do phó chủ nhiệm HCCD phụ trách. Nhiệm vụ của CCHC phía trước là bảo đảm mọi mặt cho eBB33 và eBB320, các lực lượng của chiến dịch tác chiến trong khu vực. Khu vực bố trí CCHC phía trước ở Ba Bì. Lực lượng hậu cần tăng cường cho các trung đoàn (33, 320): Mỗi trung đoàn 1 đội phẫu thuật và 100 dân công hỏa tuyến. Lực lượng hậu cần dự bị của chiến dịch gồm: 1 đội phẫu thuật, 50 hộ lý; 1 đại đội vận tải bộ và 150 dân công hỏa tuyến; lực lượng này bố trí ở CCHC phía sau.

Nhờ tổ chức, bố trí hậu cần hợp lý đã tạo ra thế trận hậu cần liên hoàn, vững chắc; từ đó, bảo đảm đầy đủ mọi mặt hậu cần cho chiến dịch.

Thứ hai, coi trọng công tác vận tải và bảo vệ hậu cần. Trong đợt 1 chiến dịch, để bảo đảm vật chất với khối lượng lớn, thương binh nhiều, trên các khu vực tác chiến rộng, HCCD đã linh hoạt chỉ đạo sử dụng tập trung lực lượng vận tải, dân công khẩn trương vận chuyển đạn, gạo lên phía trước, kết hợp chuyển thương binh, bệnh binh về phía sau, không để ùn ở tuyến trung đoàn, tiểu đoàn. Đồng thời, hiệp đồng với địa phương (các huyện) huy động lực lượng, phương tiện vận tải để vận chuyển gạo cho các trung đoàn. Trong đợt 2 của chiến dịch, quân Mỹ tiến hành hơn 10 cuộc đổ bộ đường không, tập kích vào các vị trí ở hậu phương chiến dịch (Plây Ia Priêng, Làng Mùi, Quynh Klă, Plây Thê, Ia Mơ...) và khu vực hậu cần. Trong điều kiện đó, HCCD và hậu cần đơn vị vừa bảo đảm cho đơn vị di chuyển, tạo thế đánh Mỹ, vừa kịp thời bảo đảm cho các trận đánh địch đổ bộ, vừa di chuyển, chiến đấu bảo vệ hậu cần. Nhờ đó,

hoạt động bảo đảm hậu cần diễn ra liên tục, bộ đội luôn có đủ gạo, thực phẩm, đủ đạn dược, vũ khí chiến đấu; thương binh được cấp cứu, sơ tán về phía sau an toàn, kho trạm hậu cần không bị tổn thất lớn.

Thứ ba, chuyển hóa linh hoạt thế trận hậu cần. Trong đợt 3 của chiến dịch, để chống lại chiến thuật “nhảy cóc” và đổ bộ đường không của địch, HCCD đã linh hoạt chuyển hóa thế trận hậu cần, tổ chức rất gọn, nhẹ, cơ động phục vụ kịp thời cho phía trước. Theo đó, ta chỉ tổ chức 2 trạm bảo đảm và tiếp chuyển thương binh (không có kho tàng, cơ quan chỉ huy, bệnh viện...). Hậu cần các trung đoàn bố trí trong đội hình chiến đấu của trung đoàn để tiện bảo đảm và chiến đấu bảo vệ hậu cần. Hậu cần chiến dịch dự trữ sẵn 10 tấn gạo, sẵn sàng vận chuyển bảo đảm cho phía trước. Mọi vật chất hậu cần bảo đảm cho hết đợt chiến đấu đều do bộ đội tự mang và trên vai của vận tải trung đoàn, gồm 12 ngày lương thực (có 2 ngày lương khô), thực phẩm khô 15 ngày. Do tác chiến diễn ra sớm hơn dự kiến, hậu cần các đơn vị đang ở trạng thái trú quân hoặc mới hành quân đến; song, nhờ kịp thời chuyển hóa thế trận hậu cần nên việc tiến hành bảo đảm từ HCCD đến đơn vị đều diễn ra rất khẩn trương, vừa triển khai, vừa bảo đảm. Với quyết tâm cao và tinh thần phục vụ vô điều kiện cho chiến đấu thắng lợi, HCCD chủ động chuyển hóa thế trận hậu cần và đã bảo đảm được hơn 360 tấn vật chất hậu cần; cứu chữa cho 669 thương binh, trên 700 bệnh binh; vận chuyển bổ sung hơn 490 tấn vật chất cho chiến dịch, đáp ứng mọi nhu cầu cho đơn vị chiến đấu.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra), các yêu tố về địch, vũ khí trang bị kỹ thuật, nghệ thuật quân sự của ta, môi trường tác chiến có nhiều thay đổi, phát triển. Thực tiễn các cuộc chiến tranh gần đây (Nga - Ukraina; Israel - Hamas...) cho thấy, các bên tham chiến sử dụng nhiều

loại vũ khí, trang bị hiện đại; các phương tiện không người lái (UAV, UGV, USV...) được sử dụng phổ biến để trinh sát, chỉ thị, đánh phá mục tiêu, triệt phá khả năng hậu cần, kỹ thuật (HCKT) của đối phương. Để bảo đảm cho chiến dịch tiến công (CDTC), HCKT chiến dịch cần vận dụng kinh nghiệm bảo đảm hậu cần Chiến dịch Plei - Me và thực hiện đồng bộ các nội dung về chuyển hóa thế trận HCKT, tập trung vào một số nội dung sau:

Một là: tích cực, chủ động dự kiến, xây dựng phương án, hình thành thế bố trí, triển khai lực lượng, tạo lập thế trận HCKT ban đầu vững chắc theo nhiệm vụ, quyết tâm tác chiến. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, các CDTC thường nằm trong thế tác chiến phòng thủ chiến lược chung của đất nước, thế chiến tranh nhân dân phát triển. Phương án mở CDTC được dự kiến trước từ thời bình, thể hiện trong quyết tâm tác chiến phòng thủ và quyết tâm tác chiến CDTC của tư lệnh chiến dịch. Theo đó, ngay từ thời bình, cần làm tốt công tác chuẩn bị các yếu tố, hình thành thế trận HCKT liên hoàn, vững chắc. Cụ thể: Trên cơ sở phương án tổ chức bố trí, HCKT chiến dịch nghiên cứu, triển khai xây dựng một số công trình HCKT trọng điểm trong khu vực bố trí, phù hợp điều kiện, khả năng, tình hình thực tế của địa bàn, như sở chỉ huy, kho trạm chứa vật chất, hầm hào, công sự HCKT, mạng đường vận tải...

Khi chiến tranh xảy ra, CDTC tiến hành trong điều kiện chiến đấu ác liệt, địch có ưu thế về vũ khí, trang bị, đánh phá ác liệt bằng các loại hỏa lực có độ chính xác cao; trong đó, kho trạm HCKT và mạng đường vận chuyển có thể bị địch đánh phá ngay từ đầu và trong quá trình tác chiến. Vì vậy, cần làm tốt việc tạo lập thế trận HCKT chiến dịch, như: Xây dựng (điều chỉnh) phương án, triển khai sở chỉ huy, các thành phần HCKT bảo đảm bí mật, kiên cố, phân tán, vững

chắc, liên hoàn, hạn chế được sự đánh phá của địch, bảo vệ an toàn lực lượng, phương tiện vật chất HCKT.

Để tạo lập thế bố trí HCKT chiến dịch, đòi hỏi người chỉ huy HCKT phải quán triệt, nghiên cứu kỹ nhiệm vụ, quyết tâm tác chiến chiến dịch; đối tượng tác chiến; mục tiêu; khu vực (hướng) tiến công; thế trận tiến công do chiến dịch trực tiếp tạo ra; phải nắm chắc thế trận HCKT cấp trên, thế trận HCKT khu vực phòng thủ; tích cực bồi sung, điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị từ thời bình, khẩn trương hoàn chỉnh phương án tổ chức, bố trí HCKT khi có nhiệm vụ và quyết tâm chính thức. Ngoài ra, phải chú ý dự báo, nghiên cứu, đánh giá chính xác các yếu tố về địch, kinh tế xã hội, địa bàn dân cư, địa hình khu vực tác chiến, triệt để khai thác thế mạnh của địa bàn, tận dụng thế của địa hình để triển khai bố trí các thành phần, kho trạm HCKT bí mật, tạo lập thế trận vững chắc, hạn chế sự trinh sát phát hiện, đánh phá của địch.

Hai là: nắm chắc diễn biến tác chiến, chuyển hóa thế trận HCKT linh hoạt, phù hợp với chuyển hóa thế trận quân sự, bảo đảm cho các trận then chốt giành thắng lợi. Tổ chức điều hành đánh thắng các trận then chốt, then chốt quyết định là nét đặc sắc của nghệ thuật chiến dịch Việt Nam, có ý nghĩa rất quan trọng trong chỉ huy thực hành chiến dịch. Trong CDTC thường có một số trận then chốt như: Trận tiến công tiêu diệt sở chỉ huy lữ đoàn (sư đoàn) hoặc cụm tiểu đoàn địch phòng ngự lâm thời ở nơi xung yếu; trận đánh vận động, tiến công tiêu diệt lực lượng ứng cứu giải toả bằng đường bộ hoặc đỗ bộ đường không của lữ đoàn địch... Để bảo đảm HCKT cho các trận then chốt, đặc biệt là trận then chốt tiếp theo, phải nhanh chóng điều chỉnh lực lượng, chuyển thế bảo đảm trong trận then chốt đầu tiên đúng thời cơ mới đạt hiệu quả bảo đảm cao. Nếu nhận định thời cơ, chuyển hóa thế trận

KỶ NIỆM 60 NĂM CHIẾN THẮNG PLEI-ME (26/11/1965 – 26/11/2025)

HCKT không đúng thì sẽ ảnh hưởng đến thời cơ đánh địch và có thể bị tổn thất lớn về lực lượng, phương tiện, vật chất HCKT, ảnh hưởng đến kết quả bảo đảm HCKT.

Để thực hiện chuyển hóa thế trận HCKT linh hoạt, HCKT chiến dịch cần khẩn trương điều chỉnh thành phần lực lượng đã triển khai theo phương án ban đầu, sử dụng linh hoạt các phương án bảo đảm HCKT; bổ sung lực lượng, điều chỉnh thế bố trí lực lượng trong căn cứ (phân căn cứ) HCKT trực tiếp bảo đảm cho trận then chốt mở đầu sang bảo đảm cho trận then chốt tiếp theo; chuyển hóa một phần hoặc toàn bộ thế bố trí các căn cứ (phân căn cứ) HCKT bảo đảm cho đánh trận then chốt mở đầu thành thế bố trí mới bảo đảm cho đánh trận then chốt tiếp theo. Bên cạnh đó, HCKT chiến dịch cần tổ chức lực lượng cơ động đi cùng, vừa kịp thời bảo đảm cho các đơn vị tác chiến (nhất là đơn vị biên chế hỏa lực mạnh), vừa hạn chế thương vong, tổn thất do hỏa lực địch đánh phá, vừa sẵn sàng chuyển hóa thế trận HCKT.

Ba là, kết hợp chặt chẽ với thế trận HCKT các cấp, tạo thành mạng lưới HCKT rộng khắp, kịp thời bảo đảm cho các lực lượng tác chiến. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, CDTC diễn ra trên địa bàn rộng, ở đó có nhiều lực lượng HCKT, bao gồm: HCKT của chiến lược, quân khu, quân đoàn, các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố và các đơn vị chủ lực của Bộ đứng chân trên địa bàn. Để phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng HCKT, khắc phục sự mất cân đối giữa nhu cầu và khả năng bảo đảm, HCKT chiến dịch cần kết hợp chặt chẽ với thế trận HCKT các cấp, tạo mạng lưới HCKT rộng khắp, bảo đảm kịp thời, đầy đủ cho các lực lượng tác chiến chiến dịch giành thắng lợi.

Để thực hiện tốt nội dung trên, ngay từ thời bình, trên từng hướng chiến trường, địa

bàn dự kiến tổ chức các chiến dịch, các cấp cần phối hợp tổ chức chuẩn bị hệ thống cơ sở y tế theo quy hoạch, kế hoạch thống nhất trong chương trình kết hợp quân - dân y; chuẩn bị hệ thống kho tàng, nhà máy, trạm xưởng theo quy hoạch chung trong chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng; làm cơ sở để HCKT chiến dịch có thể kết hợp để bảo đảm cho tác chiến. Khi chiến tranh xảy ra, HCKT chiến dịch cần kết hợp chặt chẽ với HCKT của chiến lược, quân khu, quân đoàn, các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố và các đơn vị chủ lực của Bộ đứng chân trên địa bàn để khai thác, huy động nguồn vật chất, phương tiện HCKT; trong cơ động lực lượng, vận chuyển vật chất; thu dung cứu chữa, điều trị TBBB; bảo vệ HCKT... Xây dựng kế hoạch hiệp đồng, kết hợp với các lực lượng HCKT trên địa bàn chiến dịch phải chặt chẽ, cụ thể, tỉ mỉ. Hậu cần - kỹ thuật chiến dịch cần chủ động hiệp đồng với HCKT khu vực phòng thủ chuẩn bị, dự trữ một số vật chất HCKT có sẵn trên địa bàn để sẵn sàng chi viện bảo đảm cho các lực lượng tác chiến chiến dịch. Củng cố và phát triển hệ thống mạng đường vận tải trên địa bàn chiến dịch tạo thế trận HCKT liên hoàn, vững chắc.

Vận dụng kinh nghiệm bảo đảm HCCD Plei - Me vào tạo lập và chuyển hóa thế trận HCKT trong CDTC có ý nghĩa quan trọng. Song, đây là vấn đề rất khó thực hiện nên cần tiếp tục nghiên cứu♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần CDTC*, Nxb QĐND, Hà Nội
2. Cục Hậu cần Mặt trận Tây Nguyên (1965), *Tổng kết HCCD Plei - Me*, Gia Lai.

BÀN VỀ TỔ CHỨC, SỬ DỤNG LỰC LƯỢNG QUÂN Y TRONG XỬ LÝ THẨM HỌA, THIÊN TAI

Thiếu tướng, GS.TS. NGUYỄN THẾ HOÀNG
Bệnh viện Trung ương Quân đội 108
Đại úy, ThS. TÔNG ĐỨC MINH
Học viện Quân y

ABSTRACT: Employing military medical forces in disaster and calamity response is an essential requirement to ensure effectiveness and minimize consequences. This must be grounded in both scientific and practical bases, while remaining flexible and adaptable to each type of disaster. This article focuses on analyzing the mechanisms of employing military medical forces, and proposes solutions for enhancing effectiveness in disaster and calamity response.

I. TÓM TẮT

Tổ chức sử dụng lực lượng quân y (LLQY) trong xử trí thảm họa và thiên tai là một yêu cầu tất yếu nhằm đảm bảo hiệu quả ứng phó và giảm thiểu tối đa hậu quả. Việc tổ chức này cần dựa trên cơ sở khoa học, thực tiễn; đồng thời, phải linh hoạt và phù hợp với từng loại hình thảm họa. Bài viết tập trung phân tích cơ chế tổ chức, sử dụng LLQY và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả trong xử trí thảm họa và thiên tai.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Gần đây, thảm họa và thiên tai ngày càng gia tăng và có xu hướng diễn biến phức tạp. Việc tổ chức và sử dụng LLQY trong công tác ứng phó và xử lý tình huống khẩn cấp trở thành yêu tố then chốt trong công tác bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Quân y, với khả năng cơ động nhanh và sự chuẩn bị kỹ lưỡng về nhân lực, trang thiết bị, có thể đóng vai trò chủ chốt trong việc triển khai các hoạt động cứu trợ và chăm sóc y tế tại những khu vực bị ảnh hưởng nặng nề. Tuy nhiên, việc tổ chức LLQY sao cho hiệu quả

và hợp lý trong bối cảnh thảm họa không phải là vấn đề đơn giản, đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị quân sự, cơ quan y tế dân sự và các tổ chức cứu trợ. Vì vậy, việc nghiên cứu, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, quy trình vận hành và năng lực chuyên môn của LLQY nhằm nâng cao hiệu quả ứng phó với thiên tai là vấn đề cấp thiết.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tổ chức, sử dụng LLQY trong xử trí các tình huống thiên tai, thảm họa là tổng hợp các cách thức, biện pháp của Thủ trưởng Bộ Quốc phòng, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức, sử dụng LLQY hợp lý, chặt chẽ, khoa học, phối hợp với các lực lượng khác trong xử trí các tình huống thiên tai, thảm họa; dưới sự lãnh đạo, chỉ huy, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, trực tiếp là Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Cục Quân y và cấp ủy, chỉ huy các cấp; tạo sức mạnh tổng hợp nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và Nhân dân, góp phần quan trọng

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

vào ổn định, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

Trong xử lý thảm họa và thiên tai, vai trò của LLQY được thể hiện rõ ở các nhiệm vụ sơ cứu ban đầu, đảm bảo vận chuyển nạn nhân an toàn và thiết lập hệ thống y tế lưu động. Ở giai đoạn đầu của thảm họa, khả năng triển khai nhanh chóng các đội quân y tại chỗ là yếu tố quyết định để giảm thiểu tỷ lệ tử vong. Bên cạnh đó, quân y còn có vai trò thiết lập các bệnh viện dã chiến và trạm y tế lưu động nhằm đảm bảo cung cấp dịch vụ y tế cho số lượng lớn nạn nhân trong thời gian ngắn. Thực tế khi xử lý các tình huống trong bão lũ tại miền Trung (từ năm 2020 ÷ 2024), LLQY đã triển khai hàng chục trạm y tế dã chiến, cứu chữa hàng nghìn người bị thương và cung cấp hàng chục tấn thuốc men cho các khu vực bị cô lập.

Trên cơ sở LLQY hiện có tại các tuyến, tùy theo mức độ, quy mô và khả năng của từng đơn vị, LLQY có thể được tổ chức triển khai linh hoạt thành các tổ, đội quân y và bệnh viện dã chiến nhằm tham gia ứng phó kịp thời, hiệu quả với các tình huống thiên tai, thảm họa. Hiện nay, các bệnh viện trực thuộc Bộ Quốc phòng và Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật đã được biên chế các đội phẫu thuật cứu chữa cơ bản, tổ cấp cứu, tổ chuyên khoa và tổ phòng chống dịch bệnh, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khi có yêu cầu. Ngoài ra, Viện Y học Dự phòng Quân đội và Viện Y học Phóng xạ và U bướu Quân đội cũng tổ chức các đội, tổ chuyên trách, như: Tổ vệ sinh phòng chống dịch, tổ phòng chống tác nhân sinh học và tổ cấp cứu nhiễm xạ, phù hợp với chức năng chuyên môn của từng đơn vị.

Ở cấp chiến dịch (quân khu, quân đoàn, quân chủng) đều có hệ thống bệnh viện. Tại cấp sư đoàn (và tương đương) được tổ chức đội vệ sinh phòng dịch (nay là khoa trực thuộc bệnh viện) và đội phẫu thuật cứu chữa cơ bản; trong khi đó, các

trung đoàn (và tương đương) được biên chế đội phẫu thuật cứu chữa bước đầu, đảm bảo tính cơ động và khả năng xử trí ban đầu trong các tình huống khẩn cấp.

Bố trí triển khai các LLQY trong xử trí tình huống thiên tai, thảm họa được thực hiện theo các tuyến. Tuyến đầu tiên bao gồm các đội quân y cơ động tại hiện trường, nơi xảy ra thảm họa, với nhiệm vụ sơ cứu và tổ chức vận chuyển nạn nhân đến các trạm cấp cứu. Tuyến thứ hai là tuyến cứu chữa bước đầu. Tuyến cuối cùng là các bệnh viện, bao gồm bệnh viện dã chiến, bệnh viện quân y tuyến chiến dịch hoặc bệnh viện tuyến Trung ương, nơi có đủ phương tiện và nhân lực chuyên môn cao để điều trị lâu dài cho các nạn nhân nghiêm trọng.

Về trang bị, các phân đội quân y cơ động đều có các trang bị, phương tiện kỹ thuật y tế theo quy định của ngành, đảm bảo cấp cứu, điều trị cho người bị thương, bị nạn theo phân cấp chuyên môn kỹ thuật và phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường, xử lý tẩy trùng người, tẩy uế quân tư trang cá nhân... Các đội, tổ cấp cứu nhiễm xạ, phòng chống tác nhân sinh học được trang bị quần áo phòng hộ, bình khí, phương tiện phát hiện nhanh chất độc, chất xạ gây ô nhiễm. Tùy theo lực lượng được sử dụng mà có biên chế trang bị khác nhau, phù hợp với nhiệm vụ và vai trò của từng cơ sở quân y. Lực lượng quân y được tổ chức tách biệt và cơ động từ các cơ sở quân y và bệnh viện quân y, sẵn sàng triển khai thực hiện nhiệm vụ trong các tình huống thiên tai, thảm họa với các vai trò và chức năng cụ thể. Trên thực địa, lực lượng này có nhiệm vụ tiếp nhận, phân loại nạn nhân, tiến hành cứu chữa bước đầu và ổn định tình trạng người bệnh trước khi chuyển tuyến. Đồng thời, LLQY đảm nhận chăm sóc và điều trị tại chỗ cho các nạn nhân trong thời gian chờ vận chuyển, đặc biệt là điều trị ngoại trú đối với các trường hợp bị thương nhẹ. Ngoài ra,

họ còn có trách nhiệm tổ chức vận chuyển nạn nhân về tuyến sau để tiếp tục điều trị chuyên sâu khi có yêu cầu.

Bên cạnh nhiệm vụ chuyên môn trong quân đội, LLQY cũng sẵn sàng phối hợp hỗ trợ y tế địa phương trong công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, cũng như tham gia các hoạt động cứu trợ cộng đồng khi được yêu cầu, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp dân - quân y trong ứng phó thảm họa. Một trong những nhiệm vụ quan trọng khác của quân y là đảm bảo phòng chống dịch bệnh và vệ sinh môi trường sau thảm họa. Thảm họa thường kéo theo nguy cơ bùng phát các bệnh truyền nhiễm do môi trường bị ô nhiễm, hệ thống xử lý nước sạch và vệ sinh bị phá hủy. Lực lượng quân y với đội ngũ chuyên gia dịch tễ và trang thiết bị chuyên dụng có khả năng tổ chức khử trùng, kiểm soát nguồn bệnh và hướng dẫn cộng đồng phòng chống dịch hiệu quả.

Từ những nội dung trên, để nâng cao hiệu quả tổ chức, sử dụng LLQY trong xử trí thảm họa và thiên tai, cần thực hiện tốt một số giải pháp cụ thể như sau:

Một là, xây dựng kế hoạch ứng phó thảm họa chi tiết. Việc xây dựng kế hoạch ứng phó thảm họa chi tiết là một trong những yếu tố quan trọng giúp LLQY có thể triển khai nhanh chóng và hiệu quả trong các tình huống khẩn cấp. Kế hoạch ứng phó phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản, như: Tính toàn diện, linh hoạt và khả năng triển khai tức thì khi cần thiết. Kế hoạch cần phải bao gồm các kịch bản thảm họa chi tiết, phân tích các yếu tố tác động đến từng loại thảm họa; từ đó, xác định các hoạt động cụ thể mà LLQY cần thực hiện.

Một trong những yếu tố quan trọng khi xây dựng kế hoạch là xác định rõ các mối nguy hiểm có thể xảy ra tại từng khu vực cụ thể, qua đó thiết lập các phương án đối phó cụ thể cho từng trường hợp. Ví dụ, trong

trường hợp động đất, LLQY cần có biện pháp tiếp cận khu vực bị nạn, cứu trợ các nạn nhân bị thương và cung cấp các dịch vụ y tế khẩn cấp. Với các thảm họa khác như bão lũ, vấn đề cấp thiết là cung cấp dịch vụ y tế cơ động, chăm sóc sức khỏe cho những người bị ảnh hưởng bởi môi trường khắc nghiệt. Kế hoạch ứng phó cần phải có sự phân công rõ ràng nhiệm vụ cho từng bộ phận, từ việc điều phối lực lượng đến cung cấp trang thiết bị y tế, từ việc triển khai lực lượng cứu nạn cho đến tổ chức các trạm y tế dã chiến.

Việc xây dựng kế hoạch không chỉ dừng lại ở lý thuyết mà cần được kiểm tra và luyện tập thường xuyên. Quá trình này bao gồm các bài tập giả định thảm họa, giúp LLQY làm quen với các tình huống thực tế. Các bài tập này không chỉ có sự tham gia của quân y mà còn bao gồm các lực lượng cứu hộ, tổ chức cứu trợ và các cơ quan chức năng khác, qua đó tạo ra sự phối hợp đồng bộ và khả năng ứng phó nhanh chóng. Đặc biệt, kế hoạch cần phải có cơ chế đánh giá và điều chỉnh sau mỗi lần thực hiện, từ đó tối ưu hóa hoạt động ứng phó cho các thảm họa sau.

Hai là, tăng cường công tác huấn luyện và đào tạo cho LLQY. Công tác huấn luyện và đào tạo cho LLQY là yếu tố quyết định đến sự thành công trong việc ứng phó với thảm họa, thiên tai. Cần trang bị kiến thức y học cơ bản, khả năng thích ứng và xử lý tình huống trong các điều kiện khẩn cấp cho LLQY. Huấn luyện và đào tạo phải được tổ chức thường xuyên, cập nhật các kiến thức mới nhất về y học; đồng thời, đào tạo kỹ năng ứng phó trong môi trường thảm họa, giúp LLQY nâng cao khả năng xử lý tình huống nhanh chóng, hiệu quả.

Để nâng cao chất lượng huấn luyện, các cơ sở đào tạo quân y cần xây dựng các chương trình học kết hợp lý thuyết và thực hành. Đào tạo lý thuyết giúp học viên

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

năm bắt được kiến thức cơ bản về y học, nhưng việc đào tạo thực hành lại giúp họ có thể áp dụng những kiến thức này trong các tình huống thực tế. Bài tập thực hành có thể bao gồm các tình huống giả định; trong đó, học viên sẽ phải đối mặt với các tình huống thiên tai, từ cứu chữa các nạn nhân bị thương, cấp cứu trong môi trường nguy hiểm đến việc tổ chức các trạm y tế dã chiến. Việc huấn luyện này không chỉ giúp nâng cao kỹ năng chuyên môn mà còn rèn luyện khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các lực lượng khác, vì trong các tình huống thảm họa, việc hợp tác giữa các đơn vị là rất quan trọng.

Ngoài ra, việc đào tạo cần được tiến hành theo từng cấp độ, từ cơ bản đến nâng cao. Các khóa huấn luyện cơ bản sẽ giúp LLQY nắm vững các kỹ năng cấp cứu ban đầu, xử lý các vết thương thông thường; trong khi đó, các khóa huấn luyện nâng cao sẽ tập trung vào các kỹ năng chuyên sâu, như phẫu thuật trong điều kiện khẩn cấp, hồi sức cấp cứu, và chăm sóc các bệnh nhân trong các thảm họa lớn. Cùng với đó, các bài tập mô phỏng trong môi trường thảm họa như động đất, lũ lụt, cháy rừng... cũng là một phần quan trọng trong chương trình huấn luyện. Việc này giúp LLQY hiểu rõ tình hình thực tế và có thể tự tin đối mặt với những khó khăn khi triển khai công tác cứu hộ.

Ba là, đầu tư trang thiết bị y tế chuyên dụng và nâng cao năng lực cơ sở vật chất. Trang bị đầy đủ và hiện đại các thiết bị y tế là yếu tố không thể thiếu trong công tác cứu trợ thảm họa, thiên tai. LLQY phải có khả năng triển khai các trạm y tế dã chiến với trang thiết bị y tế đầy đủ, từ thuốc men, máy móc đến các thiết bị y tế chuyên dụng, đáp ứng nhu cầu điều trị khẩn cấp cho các nạn nhân. Đặc biệt, đối với các loại thảm họa phức tạp như động đất, lũ lụt hay cháy rừng, LLQY cần có các thiết bị y tế chuyên dụng

như máy thở, máy monitor, hệ thống truyền máu, các loại thuốc chống sốc, các thiết bị phòng chống nhiễm khuẩn...

Để đảm bảo sự hiệu quả trong công tác cứu trợ, trang bị và cơ sở vật chất của LLQY cần được bảo trì và kiểm tra định kỳ. Các thiết bị y tế cần được bảo đảm về chất lượng và tính sẵn sàng sử dụng, đặc biệt trong các tình huống khẩn cấp. Các trạm y tế dã chiến cũng cần có cơ sở hạ tầng đáp ứng được yêu cầu làm việc trong môi trường thảm họa, từ điện năng, nước sạch, đến các điều kiện bảo vệ an toàn cho nhân viên y tế và nạn nhân.

Bên cạnh đó, các cơ sở vật chất cần được trang bị công nghệ thông tin hiện đại để hỗ trợ việc điều phối công tác cứu trợ. Việc này bao gồm cả hệ thống thông tin và liên lạc trong khu vực thảm họa, giúp LLQY nhanh chóng tiếp nhận thông tin và triển khai các biện pháp cứu trợ. Các phần mềm quản lý thông tin nạn nhân, tình trạng y tế của người bị nạn và các nguồn lực y tế sẽ giúp LLQY tổ chức công tác cứu trợ một cách hiệu quả và có hệ thống.

Bốn là, xây dựng hệ thống thông tin và liên lạc hiệu quả. Một hệ thống thông tin và liên lạc hiệu quả là yếu tố quan trọng để LLQY có thể triển khai công tác cứu trợ một cách nhanh chóng và chính xác. Trong các tình huống thảm họa, các cơ sở thông tin phải được duy trì ổn định và hoạt động liên tục để hỗ trợ công tác điều phối và triển khai lực lượng cứu hộ. Đặc biệt, hệ thống này phải có khả năng chịu đựng các tình huống khẩn cấp, bảo vệ thông tin và đảm bảo kết nối liên tục giữa các đơn vị cứu hộ và lực lượng y tế.

Việc xây dựng một hệ thống thông tin hiệu quả đòi hỏi phải có một mạng lưới liên lạc đa dạng, bao gồm điện thoại, vệ tinh, internet và các phương tiện truyền thông khác. Các thông tin về tình hình thảm họa,

số lượng nạn nhân, tình trạng sức khỏe của người dân và các yêu cầu cứu trợ cần được truyền tải chính xác và nhanh chóng. Đồng thời, các cơ sở y tế cần có các hệ thống quản lý thông tin về nạn nhân, điều trị y tế và phân bổ thuốc men, để cứu chữa được thực hiện đúng mức độ và ưu tiên.

Tổ chức, sử dụng LLQY trong xử trí thảm họa cần được xây dựng trên nguyên tắc khoa học, kết hợp giữa phương châm “4 tại chỗ” với khả năng cơ động cao của lực lượng quân đội. Nguyên tắc chỉ huy tại chỗ giúp huy động tối đa các nguồn lực y tế địa phương và phối hợp hiệu quả giữa quân y và các đơn vị dân sự. Trong khi đó, việc triển khai các đơn vị quân y từ tuyến Trung ương hoặc quân khu sẽ đảm bảo ứng phó kịp thời với các thảm họa lớn vượt khả năng xử lý của địa phương. Quá trình tổ chức phải chú trọng đến việc phân bổ nguồn lực hợp lý, tránh chồng chéo nhiệm vụ giữa các đơn vị; đồng thời, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt để điều phối hiệu quả các hoạt động cứu trợ.

Việc nâng cao năng lực của LLQY trong xử trí thảm họa cần tập trung vào một số giải pháp chính. Trước tiên, cần đầu tư vào trang thiết bị và cơ sở vật chất chuyên dụng, bao gồm xe cứu thương dã chiến, thiết bị y tế hiện đại và các trạm y tế lưu động có khả năng triển khai nhanh. Tiếp theo, cần tổ chức các khóa huấn luyện chuyên sâu về sơ cứu, vận chuyển nạn nhân, phòng chống dịch bệnh và điều trị các loại chấn thương phổ biến trong thảm họa. Ngoài ra, cần tăng cường hợp tác quốc tế để học hỏi kinh nghiệm và tiếp cận các công nghệ mới trong lĩnh vực y tế ứng phó thảm họa. Thực tế cho thấy, những quốc gia có hệ thống quân y mạnh như Mỹ, Nhật Bản hay Đức luôn đạt hiệu quả cao trong các hoạt động ứng phó khẩn cấp.

Bên cạnh đó, cần xây dựng các cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa LLQY và các tổ

chức dân sự, đặc biệt là các cơ quan y tế, Hội Chữ thập đỏ và các tổ chức phi chính phủ. Việc này không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn lực mà còn tạo sự thống nhất trong chỉ huy và điều hành các hoạt động cứu trợ. Một giải pháp quan trọng khác là phát triển hệ thống cảnh báo sớm và quản lý thông tin thảm họa, qua đó giúp LLQY chuẩn bị tốt hơn và triển khai kịp thời khi thảm họa xảy ra. Cuối cùng, cần tổ chức diễn tập định kỳ với các tình huống giả định sát thực tế nhằm nâng cao khả năng phản ứng và phối hợp của LLQY trong xử trí thảm họa.

IV. KẾT LUẬN

Tổ chức, sử dụng LLQY trong xử trí thảm họa và thiên tai đóng vai trò then chốt trong việc giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản. Với các ưu thế về tổ chức, kỹ luật và khả năng cơ động cao, quân y không chỉ thực hiện tốt nhiệm vụ cứu chữa nạn nhân mà còn đảm bảo an toàn vệ sinh dịch tễ và hỗ trợ tâm lý cho công đồng. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả tối ưu, cần xây dựng cơ chế tổ chức hợp lý, tăng cường năng lực và phối hợp chặt chẽ giữa quân y với các lực lượng khác. Các giải pháp đề xuất trong bài viết này không chỉ nhằm nâng cao năng lực xử trí thảm họa của LLQY mà còn góp phần xây dựng một hệ thống ứng phó khẩn cấp toàn diện, đáp ứng tốt các thách thức từ thiên tai trong tương lai♦

Tài liệu tham khảo

1. Cục Quân y (2009), *Tổ chức và chỉ huy quân y, tập I*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Cục Quân y (2024), *Hướng dẫn chuẩn bị triển khai tổ, đội quân y và bệnh viện dã chiến ứng phó tình huống khẩn cấp thời bình*, Nxb QĐND, Hà Nội.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM VẬT CHẤT HẬU CẦN CHO LỰC LUONG VŨ TRANG ĐỊA PHƯƠNG TỈNH HOẠT ĐỘNG TÁC CHIẾN TRONG CHIẾN DỊCH PHÒNG NGỤ

Đại tá, PGS. TS. NGUYỄN NGỌC SƠN
Trưởng phòng Khoa học quân sự, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: Providing logistical supplies is an aspect of logistical and technical support, playing a crucial role in meeting the consumption needs of troops and the operational requirements of logistics assets in combat. Based on the research into influencing factors, the article proposes several solutions for providing logistical supplies for provincial local armed forces in operations in a small-scale defensive campaign conducted by the military region.

I. TÓM TẮT

Bảo đảm vật chất hậu cần (VCHC) là một mặt bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HCKT) có vai trò quan trọng trong bảo đảm nhu cầu tiêu thụ của bộ đội và phương tiện hậu cần hoạt động chiến đấu. Nghiên cứu những yếu tố tác động, bài báo đề xuất một số giải pháp bảo đảm VCHC cho lực lượng vũ trang (LLVT) địa phương tỉnh hoạt động tác chiến trong chiến dịch phòng ngự (CDPN) quy mô nhỏ do quân khu tổ chức.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khi quân khu quyết định tổ chức CDPN, lực lượng vũ trang địa phương tỉnh là một thành phần của chiến dịch, tùy theo quy mô, tính chất của từng tỉnh và địa bàn mà LLVT tỉnh tham gia CDPN khác nhau. Trong đó, lực lượng phối thuộc cho chiến dịch khoảng vài tiểu đoàn bộ binh (dBB) đến trung đoàn bộ binh (eBB). Căn cứ vào quyết tâm tác chiến của Tư lệnh chiến dịch, LLVT của tỉnh được giao đảm nhiệm các nhiệm vụ và quy mô tổ chức lực lượng khác nhau; lực lượng còn lại hoạt động theo quyết tâm tác chiến phòng thủ tỉnh. Chủ thể bảo đảm cho LLVT địa phương tác chiến là hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) của khu vực phòng thủ (KVPT) tỉnh. Đối tượng bảo đảm của HC-KT

khu vực phòng thủ tỉnh gồm cả đơn vị do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh trực tiếp chỉ huy, đơn vị phối thuộc cho chiến dịch và lực lượng dân quân tự vệ (DQTV) cơ động, tại chỗ phục vụ tác chiến chiến dịch trên địa bàn. Ngoài ra, hậu cần - kỹ thuật KVPT tỉnh còn chi viện bảo đảm một số loại VCHC cho các đơn vị chủ lực tác chiến trên địa bàn. Thực tiễn trong chiến tranh giải phóng, bảo đảm VCHC cho LLVT địa phương tỉnh hoạt động tác chiến trong CDPN đã để lại một số kinh nghiệm quý. Tuy nhiên, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), các yếu tố về địch, ta, môi trường tác chiến... có nhiều thay đổi, nhất là việc thay đổi địa giới hành chính, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Do đó, hoạt động tác chiến của LLVT địa phương có sự phát triển, đòi hỏi cần nghiên cứu có các giải pháp bảo đảm kịp thời mọi nhu cầu VCHC cho LLVT địa phương tỉnh trong CDPN tác chiến thắng lợi.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong CDPN, lực lượng vũ trang địa phương tỉnh được Tư lệnh chiến dịch giao nhiệm vụ đảm nhiệm phòng ngự trên 1 hướng (thường là hướng thứ yếu). Theo đó, đối tượng tác chiến của LLVT địa phương

tỉnh là quân địch hoạt động ở các trạng thái khác nhau, gồm: Lực lượng địch phái đi trước; lực lượng địch tiến công hướng thứ yếu của chiến dịch; lực lượng địch ĐBĐK, vu hồi, quy mô khoảng 1 tiểu đoàn hoặc hơn; lực lượng địch tiến công vượt điểm có thể từ dBB đến lBB (BBCG); lực lượng địch chuyển hướng tiến công chủ yếu quy mô cấp lBB (BBCG); ngoài ra, còn có lực lượng phản động nội địa và lực lượng lưu vong từ nước ngoài trở về. Mặt khác, địch có ưu thế về hỏa lực; khả năng cơ động nhanh; phương pháp, thủ đoạn tác chiến linh hoạt; triển khai trên phạm vi rộng...; cho nên, hoạt động chiến đấu của LLVT địa phương tỉnh sẽ rất ác liệt; các hướng, các khu vực có thể bị địch bao vây, chia cắt, phá vỡ thế liên hoàn, vững chắc của thế trận HC-KT khu vực phòng thủ; địch đánh phá gây thương vong, tổn thất về lực lượng, phương tiện, kho trạm hậu cần, BĐHC dễ bị gián đoạn.

Lực lượng vũ trang địa phương tham gia CDPN quy mô nhỏ do quân khu tổ chức, thành phần lực lượng thường gồm: 1 eBB tăng cường và một phần lực lượng của các đại đội, tiểu đoàn binh chủng chiến đấu và bảo đảm chiến đấu của tỉnh; một số dBB tại chỗ của tỉnh phối thuộc cho chiến dịch, kết hợp DQTV tại chỗ của xã, phường trên địa bàn chiến dịch. Để hoàn thành nhiệm vụ, LLVT địa phương tổ chức thành nhiều lực lượng như: Đánh địch ở khu vực tác chiến vòng ngoài; phòng ngự trên hướng đảm nhiệm; binh chủng; chiến đấu rộng khắp; dân quân tự vệ tại chỗ của thôn, xã... Đồng thời, sử dụng nhiều hình thức, phương pháp hoạt động tác chiến khác nhau, nên khối lượng công việc nhiều, phạm vi bảo đảm rộng; thời gian chuẩn bị trực tiếp ngắn, trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, nhu cầu VCHC lớn; việc tiếp tế, bổ sung vật chất khó khăn, phức tạp... Vì vậy, để bảo đảm kịp thời, đầy đủ VCHC cho LLVT địa phương tác chiến theo phân cấp của HC-KT quân khu, hiệp đồng của cơ

quan HC-KT chiến dịch đòi hỏi hậu cần - kỹ thuật KVPT tỉnh (nòng cốt là hậu cần - kỹ thuật QSĐP, kết hợp với hậu cần nhân dân địa phương và một số thành phần lực lượng khác) cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, chuẩn bị và dự trữ một phần VCHC ngay từ thời bình; nhanh chóng huy động, tiếp nhận, bổ sung đủ nhu cầu vật chất trong giai đoạn chuẩn bị chiến dịch. Dự trữ VCHC bảo đảm cho LLVT địa phương tác chiến trong CDPN phải được chuẩn bị ở hậu cần QSĐP tỉnh và chuẩn bị trong các ngành kinh tế - xã hội (KT-XH) địa phương. Trong thời bình, các địa phương đã triển khai thực hiện Chỉ thị số 12/2008/CT-TTg ngày 26/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch B, bước đầu bảo đảm chất lượng, thống nhất từ Trung ương đến địa phương; hàng năm đều tổ chức khảo sát, điều chỉnh, bổ sung sát với khả năng, tiềm lực của từng ngành, từng địa phương, sẵn sàng bảo đảm cho nhu cầu quốc phòng trong năm đầu chiến tranh theo Thông tư số 78/2011/TT-BQP ngày 25/5/2011 của Bộ Quốc phòng. Trong đó, các chỉ tiêu đã được giao cho các ngành KT-XH và được phân cấp đến xã, thôn, bản và hộ gia đình. Khi chiến tranh xảy ra, Nhà nước ban hành chính sách kinh tế thời chiến, giao chỉ tiêu pháp lệnh cho các địa phương huy động vật chất cho nhiệm vụ quốc phòng và bảo đảm VCHC cho LLVT địa phương hoạt động tác chiến. Từ đó, xác định phương án dự trữ VCHC cho LLVT địa phương tác chiến; cần tập trung vào các ngành sau:

Ngành Y tế cần dự trữ đủ thuốc cứu chữa thương, bệnh binh theo phân cấp, nhất là ở các trạm xá xã, trung tâm y tế khu vực; tập trung dự trữ cho tuyến 1, tuyến 2 của các xã, phường trên địa bàn chiến dịch.

Ngành Công thương cần dự trữ xăng dầu, thực phẩm chế biến, nhu yếu phẩm phục vụ sinh hoạt của LLVT địa phương; phân vùng và xây dựng kế hoạch khai thác

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

nguyên liệu để chế biến thực phẩm dự trữ cho LLVT địa phương.

Ngành Nông nghiệp và Môi trường, cần dự trữ LTTP, các loại thực phẩm tươi sống; nguyên liệu chế biến... ; phân bón chỉ tiêu dự trữ từ cấp tỉnh, xã và trong hộ gia đình. Trong tác chiến phòng thủ, ngành phải chỉ đạo các xã và nhân dân trong các căn cứ hậu phương tỉnh, kho của xã tiếp tục sản xuất và bổ sung kịp thời lượng dự trữ bảo đảm cho LLVT địa phương; chuẩn bị hệ thống kho, trạm chứa trữ LTTP phù hợp.

Hai là, dự trữ vật chất toàn diện ở kho hậu cần - kỹ thuật QSĐP tỉnh, phân cấp dự trữ hợp lý cho các đơn vị bộ đội địa phương. Trong CDPN, bộ đội địa phương được tổ chức thành nhiều lực lượng, chiến đấu ác liệt, dài ngày, phân tán trên địa bàn rộng, nhất là sau khi điều chỉnh địa giới hành chính các tỉnh, khả năng vận chuyển bổ sung vật chất gặp nhiều khó khăn. Do đó, cần tổ chức dự trữ vật chất toàn diện ở kho hậu cần QSĐP tỉnh nhằm bảo đảm kịp thời cho các lực lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu. Thực tế trong Chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc, tại mặt trận Quân khu 1, tỉnh Lạng Sơn (17/2 ÷ 05/3/1979), tổ chức dự trữ VCHC phân tán ở nhiều kho, về LTTP quy định dự trữ cho các đơn vị ở tuyến biên giới 2 tháng nên đã chiến đấu giữ vững khu vực Chi Ma - Lộc Bình trong thời gian dài; tại mặt trận Quân khu 2, lực lượng vũ trang tỉnh Lai Châu phòng ngự Phong Thổ (17/2 ÷ 13/3/1979), tổ chức dự trữ lương thực ở kho hậu cần tỉnh 15 ÷ 20 ngày, đơn vị 45 ÷ 60 ngày, xăng dầu ở đơn vị vận tải 3 ÷ 4 cơ số. Tuy nhiên, qua 1 tháng chiến đấu cho thấy, phân cấp như trên chưa hợp lý; bởi phần lớn vật chất đưa lên phía trước, phía sau mỏng, địch đánh phá gây tổn thất mất mát lớn (tổn thất LTTP toàn tỉnh 21,6%) nên bộ đội có lúc, có đơn vị thiếu lương thực, thuốc men.

Trên cơ sở tổ chức, sử dụng LLVT địa phương trong CDPN, để nâng cao khả

năng tự bảo đảm của HC-KT các đơn vị bộ đội địa phương, nhất là các đơn vị chiến đấu ở hướng, khu vực dễ bị chia cắt, chiến đấu độc lập, hậu cần - kỹ thuật QSĐP tỉnh phải căn cứ vào thực lực, yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu và điều kiện bảo đảm HC, KT để phân cấp dự trữ hợp lý cho các đơn vị chiến đấu. Thực tế trong trận thành cổ Quảng Trị (Chiến dịch Xuân - Hè 1972) khi ta bị địch bao vây, bộ đội trong thành cổ phải ăn lương khô, uống nước lã nên sức khỏe giảm sút, thương vong ngày càng lớn. Trong Chiến tranh biên giới phía Bắc, do tổ chức dự trữ VCHC ở những đơn vị dễ bị chia cắt chưa phù hợp nên khi bị chia cắt dẫn tới tỉnh đội Cao Bằng không tiếp tế được cho Trung đoàn 567 chiến đấu ở đèo Khâu Chỉ, cho Trung đoàn 677 chiến đấu ở Trà Lĩnh... buộc các trung đoàn này phải rút khỏi vị trí phòng ngự, đồng thời còn ảnh hưởng đến việc cấp cứu, vận chuyển thương binh.

Do vậy, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, hạn chế tổn thất, mắt mát, duy trì khả năng bảo đảm dài ngày, xử trí kịp thời tình huống bị chia cắt, hậu cần - kỹ thuật QSĐP cần dự trữ VCHC toàn diện ở kho hậu cần - kỹ thuật QSĐP tỉnh, phân cấp dự trữ hợp lý cho các đơn vị bộ đội địa phương hoạt động tác chiến trong CDPN. Cụ thể:

Đối với lực lượng tác chiến vòng ngoài, gồm: DQTV bố trí trong các làng bản chiến đấu; các trung đội, đại đội, hoặc tiểu đoàn bộ đội địa phương bố trí thành các điểm tựa, cụm điểm tựa ở khu vực chiến đấu vòng ngoài dự trữ vật chất phải gọn nhẹ, tiện cơ động, phân tán hợp lý. Lực lượng này thường dự trữ từ 7 ÷ 10 ngày LTTP, 1 ngày lương khô, bông băng cá nhân, thuốc chiến thương theo quy định.

Với lực lượng phòng ngự: eBB của bộ đội địa phương tỉnh khi phòng ngự thường tổ chức thành các điểm tựa, cụm điểm tựa cùng với dBB tại chỗ trên địa bàn, DQTV của các làng, xã vận dụng linh hoạt các

hình thức chiến thuật đánh bại các đợt tiến công, đột nhập trận địa, phối hợp với lực lượng cơ động đánh địch vu hồi đường bộ, ĐBĐK, tiến công vượt điểm giữ vững trận địa phòng ngự. Theo đó dự trữ vật chất ở lực lượng này phải toàn diện, có trọng điểm, có chiều sâu: Ở các điểm tựa đại đội dự trữ LTTP, nước và chất đốt từ 7 ÷ 10 ngày LTTP, 1 ngày lương khô, bông băng cá nhân, túi y tá, thuốc chiến thương; đạn các loại dự trữ theo phân cấp của cơ quan kỹ thuật. Ở cụm điểm tựa tiểu đoàn, dự trữ từ 5 ÷ 7 ngày LTTP, 1 ngày lương khô, 1% đường sữa thương binh, đạn các loại dự trữ theo phân cấp của cơ quan kỹ thuật; kho trung đoàn dự trữ đồng bộ các loại vật chất, đủ bảo đảm cho lực lượng phòng ngự trong vòng khoảng 1 tháng. Ngoài ra, dự trữ một phần LTTP, thuốc chiến thương để sẵn sàng chi viện cho LLVT khác chiến đấu trong khu vực phòng ngự của trung đoàn.

Với lực lượng cơ động tiến công: Quy mô sử dụng có thể từ 1 ÷ 2 tiểu đoàn bộ binh của tỉnh và DQTV chiến đấu tại chỗ, phối hợp chặt chẽ với lực lượng phòng ngự cơ động kịp thời, tích cực tạo thế, vận dụng các hình thức chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu như: Vận động tiến công, tiến công địch ĐBĐK, phục kích, bao vây, ngăn chặn...; nên dự trữ ở bộ phận này gọn nhẹ, tiện cơ động, thường dự trữ từ 5 ÷ 7 ngày LTTP, 1 ngày lương khô.

Kho của hậu cần - kỹ thuật QSĐP tỉnh: Dự trữ vật chất phải toàn diện, đồng bộ theo nhu cầu hoạt động tác chiến. Kho ở bộ phận HCKT phía sau dự trữ đủ bảo đảm cho LLVT địa phương tỉnh thực hiện từ 2 ÷ 3 đợt hoạt động tác chiến; kho ở bộ phận HCKT phía trước dự trữ đủ bảo đảm cho LLVT địa phương tỉnh thực hiện từ 1 ÷ 2 đợt hoạt động tác chiến. Ngoài ra, kho của hậu cần - kỹ thuật QSĐP tỉnh dự trữ một phần LTTP, thuốc chiến thương để chi viện cho LLVT khác của chiến dịch.

Ba là, bổ sung vật chất theo nhiệm vụ của từng đơn vị bộ đội địa phương trong mỗi giai đoạn chiến dịch. Hoạt động tác chiến của LLVT địa phương trong CDPN được tổ chức thành nhiều lực lượng, thực hiện nhiều nhiệm vụ với các hình thức và phương pháp hoạt động tác chiến khác nhau. Trong từng giai đoạn chiến dịch, căn cứ quyết tâm tác chiến chiến dịch, chỉ huy trưởng QSĐP tỉnh sử dụng LLVT địa phương phù hợp với hoạt động của các lực lượng trong chiến dịch. Do vậy, phải tiến hành bổ sung vật chất phù hợp với hoạt động tác chiến của từng lực lượng trong từng giai đoạn chiến dịch.

Trong giai đoạn chuẩn bị trực tiếp: Hậu cần - kỹ thuật QSĐP tiếp nhận VCHC từ quân khu, HC-KT chiến dịch, hậu cần KVPT để bổ sung lượng tiêu thụ giai đoạn chuẩn bị cho các đơn vị và từng bước lập đủ lượng dự trữ phải có trước giờ quy định cho kho hậu cần QSĐP và các đơn vị. Việc bổ sung VCHC diễn ra tại vị trí đứng chân, khu triển khai xây dựng trận địa phòng ngự và tại vị trí bố trí chiến đấu của các lực lượng:

Tại vị trí đứng chân, hậu cần - kỹ thuật QSĐP tiếp nhận VCHC từ phân căn cứ HC-KT quân khu, căn cứ HC-KT chiến dịch và huy động từ ngành KT-XH địa phương để dự trữ ở kho và bổ sung cho các đơn vị khoảng 5 ÷ 7 ngày.

Tại khu triển khai xây dựng trận địa phòng ngự và vị trí bố trí chiến đấu, việc bổ sung VCHC được thực hiện như sau:

Ưu tiên bổ sung trước cho lực lượng tác chiến vòng ngoài, do HC-KT cơ sở xã, phường thực hiện. Các lực lượng phân tán nhỏ lẻ, việc bổ sung vật chất dựa trên khả năng mang theo của bộ đội và dựa vào HC-KT nhân dân để bảo đảm.

Đối với lực lượng phòng thủ, phòng ngự: Do yêu cầu dự trữ cho lực lượng phòng ngự phải toàn diện, có chiều sâu, nên tại khu triển khai xây dựng trận địa phòng ngự khối lượng vật chất bổ sung lớn chiếm 75 ÷

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

80% lượng vật chất tiêu thụ giai đoạn thực hành chiến dịch và dự trữ sau chiến dịch.

Đối với lực lượng cơ động tiến công: Bổ sung vật chất dựa trên cơ sở phân cấp bảo đảm và hiệp đồng của HCKT chiến dịch. Trên cơ sở lượng vật chất mang vào khu vực bố trí chiến đấu, hậu cần - kỹ thuật QSĐP tính toán bổ sung đủ lượng phải có trước giờ quy định tại vị trí bố trí chiến đấu của đơn vị, tạo điều kiện cho đơn vị cơ động nhanh khi có tình huống đánh địch.

Đối với HC-KT nhân dân cơ sở xã, phường: Hậu cần - kỹ thuật QSĐP tỉnh bổ sung vật chất quốc phòng đủ lượng phải có đến giờ quy định; vật chất hậu cần phục vụ sinh hoạt, HC-KT nhân dân cơ sở xã, phường nhận tại các kho của địa phương theo phương thức giao nhận tay.

Trong giai đoạn chiến dịch:

Đối với lực lượng tác chiến vòng ngoài, HC-KT nhân dân xã, phường sẽ bổ sung vật chất kết hợp vận chuyển thương binh.

Đối với lực lượng phòng thủ, phòng ngự, VCHC thường dự trữ đủ bảo đảm $2 \div 3$ đợt tác chiến. Trường hợp các đợt tác chiến diễn ra theo đúng kế hoạch, lượng tổn thất không nhiều thì sau mỗi đợt tác chiến (hoặc sau các trận then chốt), hậu cần - kỹ thuật QSĐP sử dụng vật chất ở kho bổ sung lượng tiêu thụ cho các đơn vị. Trường hợp địch đột phá, thọc sâu, tiến công vượt điểm chia cắt khu vực phòng ngự; nếu HC-KT eBB/tỉnh không đủ khả năng bổ sung vật chất thì hậu cần QSĐP bổ sung vượt cắp cho điểm tựa, cụm điểm tựa của trung đoàn.

Đối với lực lượng cơ động tiến công: Hậu cần - kỹ thuật QSĐP tỉnh chỉ đạo hậu cần - kỹ thuật eBB/tỉnh tổ chức ra các tổ vận tải mang theo vật chất cơ động bám sát đội hình tiến công để bổ sung. Kết thúc từng trận chiến đấu, hậu cần - kỹ thuật QSĐP tiến hành bổ sung các loại vật chất được HC-KT chiến dịch phân cấp bảo đảm đủ lượng phải có của trận chiến đấu tiếp theo. Trường

hợp đánh địch tiến công vượt điểm, ĐBĐK, vu hồi không đúng dự kiến, lực lượng cơ động tiến công điều chỉnh lực lượng, cơ động tới vị trí mới, hậu cần - kỹ thuật QSĐP tỉnh phải sử dụng lực lượng dự bị cơ động mang theo vật chất để bảo đảm. Đồng thời, kết hợp chặt chẽ với HC-KT nhân dân tại vị trí triển khai mới, hiệp đồng chặt chẽ với HC-KT chiến dịch để bảo đảm kịp thời lượng vật chất phải có trước giờ nổ súng.

Đối với HC-KT nhân dân cơ sở xã, phường: Hậu cần - kỹ thuật QSĐP tỉnh bổ sung vật chất quốc phòng sau đợt tác chiến hoặc sau ngày chiến đấu khi có tổn thất lớn; các loại vật chất sinh hoạt bổ sung sau khi tiêu thụ hết 50% lượng dự trữ tại các kho của tỉnh, khu vực.

Sau chiến dịch: Hậu cần - kỹ thuật QSĐP khôi phục đủ lượng phải có sau tác chiến và nhu cầu dự trữ cho nhiệm vụ tiếp theo. Dùng lượng vật chất trong kho ở các bộ phận HC-KT, kho HC-KT nhân dân địa phương bổ sung cho các đơn vị; khôi phục đủ lượng phải có sau tác chiến ở các kho.

IV. KẾT LUẬN

Bảo đảm VCHC cho LLVT địa phương tỉnh hoạt động tác chiến trong CDPN quy mô nhỏ do quân khu tổ chức gấp rất nhiều khó khăn, phức tạp. Do vậy, cần vận dụng linh hoạt các giải pháp trên mới có thể đáp ứng đầy đủ, đồng bộ VCHC cho LLVT địa phương tác chiến giành thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Nghệ thuật CDPN*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Hoạt động của LLVT địa phương trong CDPN*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Tổng cục Hậu cần (1980), *Tổng kết công tác hậu cần trong chiến tranh biên giới phía Bắc (17/2 - 18/3/1979)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TẠO NGUỒN VẬT CHẤT HẬU CẦN LỰC ĐOÀN TÀU TÊN LỬA TIẾN CÔNG NHÓM TÀU MẶT NƯỚC CHIẾN ĐẤU ĐỊCH PHONG TỎA ĐƯỜNG BIỂN NAM TRUNG BỘ

Đại tá, TS. NGUYỄN QUỐC HOÀI

Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự

ABSTRACT: Producing logistical supplies includes identifying, exploiting, producing, procuring, and receiving vehicles and logistical supplies in accordance with regulations for the unit's victory in combat. Based on theoretical and practical research, this paper discusses several issues about producing logistical supplies for a missile-boat brigade attacking an enemy surface combatant group blockading the sea routes of the South-Central coast in the Fatherland protection war.

I. TÓM TẮT

Tạo nguồn vật chất hậu cần (VCHC) là hoạt động phát hiện, tổ chức khai thác, sản xuất, mua sắm, tiếp nhận phương tiện, VCHC theo quy định để bảo đảm cho đơn vị chiến đấu thắng lợi. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài viết luận bàn một số vấn đề về tạo nguồn VCHC lữ đoàn tàu tên lửa (TTL) tiến công nhóm tàu mặt nước chiến đấu (TMNCĐ) địch phong tỏa đường biển (PTĐB) Nam Trung Bộ trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Địa hình vùng Nam Trung Bộ có chiều dài lớn, chạy dọc theo hướng Bắc - Nam, nhưng chiều ngang tương đối hẹp. Toàn bộ sườn phía Đông của Vùng giáp Biển Đông, sườn phía Tây của Vùng là dãy núi Trường Sơn hùng vĩ. Đặc điểm địa lý đặc biệt này dẫn đến việc, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, chúng ta thường phải sử dụng các tuyến giao thông trên biển gần bờ để vận chuyển lực lượng, binh khí kĩ thuật, vật chất chi viện giữa các chiến trường. Cũng vì đặc điểm đó nên địch sẽ sử dụng nhiều lực lượng, phương tiện; trong đó, các nhóm

TMNCĐ là thành phần nòng cốt để phong tỏa vùng biển này.

Tiến công nhóm TMNCĐ địch PTĐB để cơ động lực lượng, mở luồng vận tải,... sẽ do nhiều lực lượng tiến hành; trong đó, lữ đoàn TTL đảm nhiệm trên hướng tiến công chủ yếu. Do có nhiều phương tiện, quân số đông nên nhu cầu VCHC của lữ đoàn TTL lớn, tốc độ tiêu thụ rất cao, với nhiều chủng loại khác nhau. Vì vậy, để bảo đảm đầy đủ, kịp thời VCHC cho lữ đoàn TTL chiến đấu, cần thực hiện đồng bộ nhiều nội dung, biện pháp phù hợp; trong đó, công tác tạo nguồn VCHC phải được quan tâm đặc biệt.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Hiện nay, theo quan điểm của địch về PTĐB, các cụm tàu sân bay tiến công có vai trò chính trong tác chiến của hải quân. Nghiên cứu lực lượng hiện có và thực tiễn hoạt động PTĐB của địch trong chiến tranh ở Triều Tiên (1950 ÷ 1953), An-giê-ri (1954 ÷ 1962), Việt Nam (1964 ÷ 1972), Grê-na-đa (1982), I-rắc (1991), Áp-ga-ni-xtan (2001) và các cuộc chiến tranh gần đây, có thể dự báo, khi xâm lược nước ta, địch sẽ sử dụng

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

khoảng 4 ÷ 5 cụm tàu sân bay để phong tỏa toàn bộ vùng biển Việt Nam. Riêng vùng biển Nam Trung Bộ, địch sẽ dùng ít nhất 1 cụm tàu sân bay tiến công để phong tỏa. Thành phần cụm tàu sân bay địch thường gồm: 1 tàu sân bay, 2 tàu ngầm nguyên tử đa năng, 2 ÷ 3 tàu tuần dương tên lửa, 3 ÷ 4 tàu khu trục tên lửa (hoặc khu trục), 3 ÷ 4 tàu frigát, các tàu hỗ trợ, bảo đảm (tổng cộng khoảng 12 ÷ 16 tàu các loại). Với lực lượng đó, địch thiết lập 2 vùng phong tỏa gần bờ và xa bờ. Ở vùng phong tỏa xa bờ, địch triển khai tàu sân bay, tàu bảo đảm trên tuyến cách bờ khoảng 150 ÷ 180 hải lý. Ở vùng phong tỏa gần bờ, sẽ do các nhóm TMNCĐ (2 ÷ 5 tàu/nhóm) đảm nhiệm, cự ly cách bờ của tuyến phong tỏa khoảng 50 ÷ 100 hải lý. Mỗi nhóm TMNCĐ địch sẽ phong tỏa theo khu vực hoặc theo mục tiêu chỉ định, trọng tâm là cửa ra vào các vịnh, các cảng lớn và các tuyến giao thông đường biển ven bờ. Thủ đoạn chúng thường sử dụng là tuần tiễu khu vực, cảnh giới gần căn cứ hải quân, các cảng của ta, tổ chức các đòn tiến công vào các đầu mối giao thông quan trọng trên biển... Sau một thời gian hoạt động, nhóm TMNCĐ địch sẽ được tiếp tế, bổ sung mọi mặt ngay trên biển.

Với vai trò lực lượng đột kích chủ yếu của Hải quân nhân dân Việt Nam, lữ đoàn TTL sẽ được sử dụng để tiến công nhóm TMNCĐ địch hoạt động trên vùng phong tỏa gần bờ. Trong điều kiện nhóm TMNCĐ địch có trang bị hiện đại, sức tiến công và khả năng phòng thủ mạnh; để chiến thắng địch, lữ đoàn TTL cần vận dụng cách đánh du kích bằng vũ khí hiện đại và tương đối hiện đại. Vận dụng cách đánh này, lữ đoàn thường được cấp trên bảo đảm về trinh sát, chỉ thị mục tiêu, tác chiến điện tử; được tăng cường một số phương tiện, tàu thuyền. Trên cơ sở đó, lữ đoàn TTL tổ chức thành: Lực lượng tiến công, gồm 2 ÷ 3 tốp chiến thuật TTL. Lực lượng dự bị tiến công, khoảng 1

÷ 2 tốp chiến thuật TTL. Lực lượng nghi binh, gồm 2 ÷ 3 tốp chiến thuật tàu pháo (hoặc kiềm ngư). Lực lượng bảo đảm hậu cần - kỹ thuật (HC-KT). Các lực lượng dự bị, nghi binh thường được bố trí bên sườn, phía sau, xen kẽ với lực lượng tiến công. Hiện nay, một số công trình khoa học đã tính toán, hệ thống phòng không trên tàu khu trục của địch có thể đánh chặn từ 6 ÷ 8 quả tên lửa phóng từ 1 hướng, nhưng nếu ta phóng tên lửa từ 2 hướng trở lên thì khả năng đánh trả của chúng sẽ giảm 40% hoặc lớn hơn. Vì vậy, lữ đoàn TTL sẽ bố trí lực lượng tiến công ở ven bờ, đảo, bảo đảm bí mật và tạo thành 2 ÷ 3 hướng (mỗi hướng sử dụng 1 tốp chiến thuật) tiến công nhóm TMNCĐ địch. Để tên lửa không gây nhiễu lẫn nhau trong các loạt phóng, góc kẹp tính từ mục tiêu đến các tốp chiến thuật TTL trên 2 hướng bắn kề nhau phải lớn hơn 30°; vì thế, khoảng cách giữa các tốp chiến thuật TTL có thể lên tới hàng chục hải lý. Những vấn đề trên cho thấy, HC-KT lữ đoàn TTL phải bảo đảm VCHC cho nhiều đầu mối, phân tán trên phạm vi rộng, yêu cầu bí mật cao; nhu cầu VCHC lớn, tốc độ tiêu thụ vật chất rất nhanh, nhất là xăng dầu, nước ngọt. Khảo sát các cuộc diễn tập của một số lữ đoàn TTL cho thấy, nhu cầu VCHC trong trận đánh nhóm TMNCĐ địch PTĐB lên tới 8 ÷ 10 nghìn tấn, với khoảng gần 60 loại vật chất khác nhau.

Điều kiện bảo đảm đó đòi hỏi lữ đoàn TTL phải dựa vào ba nguồn chính để bảo đảm VCHC, đó là: (1). Nguồn trên cấp, đây là nguồn quan trọng cơ bản, cung cấp VCHC cho lữ đoàn TTL một cách liên tục, thường xuyên và đầy đủ chủng loại theo yêu cầu nhiệm vụ, nhất là các loại vật chất có nhu cầu lớn như xăng dầu, nước ngọt, lương thực; được thực hiện theo kế hoạch, chỉ tiêu và tiêu chuẩn chế độ do Nhà nước, quân đội quy định; được bảo đảm bằng hiện vật hoặc kinh phí. (2). Nguồn từ nền

kinh tế địa phương (nguồn tại chỗ), là nguồn nội lực quan trọng, giữ vị trí cơ bản thường xuyên chủ yếu nhất, cung cấp nhiều chủng loại và được phân bổ, cất giữ rộng rãi trên địa bàn chiến đấu. Lữ đoàn TTL khai thác tại nguồn này sẽ bảo đảm tính kịp thời; đặc biệt, hạn chế sự cơ động đường dài trong vận chuyển nên sẽ tăng tính bí mật. Việc khai thác nguồn được thực hiện bằng pháp lệnh giao chỉ tiêu tạo nguồn cho các ngành, HC-KT lữ đoàn TTL cần chủ động hiệp đồng với hội đồng cung cấp địa phương và doanh nghiệp để xây dựng tạo nguồn theo yêu cầu nhiệm vụ. (3). Nguồn cầu cá biển và ché biến trên tàu, đây là nguồn nội bộ của lữ đoàn, thiết thực nuôi dưỡng bộ đội trong điều kiện chiến đấu độc lập trên biển. Thực tiễn trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khi Mỹ tiến hành phong tỏa khắp vùng ven biển miền Bắc bằng thủy lôi và bom từ trường, để bảo đảm VCHC cho các biên đội tàu mặt nước của Trung đoàn 171, 172 Hải quân đánh tàu lớn trên vịnh Bắc Bộ, hậu cần các đơn vị đã vận dụng đa dạng các hình thức khai thác, tiếp nhận từ nguồn trên cấp; tích cực tạo nguồn vật chất tại chỗ; chú trọng dự trữ, chủ động đánh cá và trồng rau xanh trên boong tàu. Riêng xăng dầu và nước ngọt, hậu cần các trung đoàn tổ chức tiếp nhận từ nguồn trên cấp, chủ động hiệp đồng với khu tuần phong, các trung đoàn phòng không và các đơn vị của Bộ Giao thông Vận tải đứng chân trên địa bàn để tạo nguồn khai thác. Trong PTĐB, do địa hình vùng biển Nam Trung Bộ rất trống trải nên thuận lợi cho địch sử dụng hệ thống trinh sát hiện đại, tổ chức nhiều tầng, nhiều lớp để phát hiện hoạt động bảo đảm VCHC của lữ đoàn TTL. Bên cạnh đó, vùng biển Nam Trung Bộ có độ sâu lớn, thuận lợi cho địch sử dụng tàu ngầm để phong tỏa khu vực gần bờ, sử dụng không quân, phương tiện không người lái để đánh phá đường sá, cầu cống, làm hạn chế sự vận chuyển, bổ sung

VCHC của lữ đoàn TTL. Thực tiễn trong cuộc chiến tranh Man-vi-nát giữa Anh và Ác-hen-ti-na năm 1982, Hải quân Anh sử dụng 2 tàu ngầm hạt nhân và các nhóm tàu TMNCĐ, đã phong toả chặt chẽ khu vực bờ biển Ác-hen-ti-na (lồi ra đảo Man-vi-nát), phát hiện hầu như mọi hoạt động bảo đảm HCKT của Hải quân Ác-hen-ti-na tại ven bờ, trên biển và tổ chức đánh phá hiệu quả. Thực tiễn đó đòi hỏi HC-KT lữ đoàn TTL phải có biện pháp để đưa các nguồn VCHC đến bờ trí, triển khai trong khu vực chiến đấu nhằm đáp ứng yêu cầu kịp thời, bí mật khi bảo đảm. Đây là vấn đề hết sức quan trọng; để thực hiện, HC-KT lữ đoàn TTL cần thực hiện các biện pháp sau đây:

Một là, tham mưu cho cấp trên và địa phương phát triển hệ thống cảng biển theo hướng quân - dân lưỡng dụng, vừa phục vụ thương mại, dân sinh vừa có khả năng chuyển đổi chức năng thành cơ sở HC-KT trong thời chiến để bảo đảm VCHC cho lữ đoàn TTL. Trong bảo đảm VCHC của lữ đoàn TTL, hệ thống cảng biển đóng vai trò đặc biệt quan trọng; vừa là nơi để TTL tiếp nhận vật chất, vừa có thể phát triển thành cơ sở dự trữ vật chất, tạo nguồn bảo đảm tổng hợp. Trong kháng chiến chống Mỹ, khi địch tiến hành phong tỏa các cảng, cửa sông lớn bằng thủy lôi, các tàu mặt nước của Trung đoàn 171, 172 Hải quân đã dựa vào hệ thống cầu cảng dân sự nhỏ lẻ ở ven biển từ Quảng Ninh đến Ninh Bình để tiếp nhận VCHC. Ngày nay, các tàu mặt nước, nhất là TTL của ta có lượng giãn nước và nhu cầu VCHC lớn, hoạt động chiến đấu luôn đòi hỏi phải cấp phát, bổ sung nhanh chóng VCHC nên cần có cầu cảng hiện đại. Hiện nay, hệ thống cảng biển dân sự ở khu vực ven biển Nam Trung Bộ tương đối phát triển, với số lượng lớn, tạo điều kiện thuận lợi để lưỡng dụng hóa cảng biển.

Lựa chọn cảng biển dân sự để lưỡng dụng hóa phục vụ lữ đoàn TTL cần thỏa

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

mẫn yêu cầu về chiến thuật và kỹ thuật. Về chiến thuật, trước hết, các cảng dân sự phải thuộc khu vực đánh địch PTĐB trong phương án chiến đấu của lữ đoàn TTL. Cần chọn cảng ở những nơi có địa hình thiên hiềm; được vật thể tự nhiên che khuất, che đỡ (như đảo, bãi ngang, vách núi nhô ra biển...); dễ dàng triển khai các thiết bị và lực lượng bảo vệ; có độ sâu lớn để hạn chế khả năng bị địch phong tỏa bằng thủy lôi hoặc đặt thiết bị trinh sát thủy âm; có luồng đủ rộng để TTL đổi mạn khi tiếp nhận tên lửa, nhiên liệu, nước ngọt. Ngoài ra, tình hình an ninh chính trị ở khu vực cảng biển phải tốt; gần căn cứ HC-KT cấp trên hoặc gần vùng sản xuất, chế biến LTTP, các kho dự trữ và doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu; có nguồn điện, nước ngọt ổn định. Về kỹ thuật, cần lựa chọn cảng biển có chiều dài bến phù hợp, đủ để ít nhất 3 tàu cập cảng cùng thời điểm (2 tàu TTL và 1 tàu bảo đảm); có mớm nước, độ sâu lớn; có hạ tầng tiếp nhiên liệu, nước ngọt và giao thông tốt; có hệ thống phao tiêu, dẫn đường, hệ thống quan trắc (cảm biến đo gió, mực nước, tốc độ cập tàu, tầm nhìn...) và hệ thống ra-đa hiện đại...

Phát triển hệ thống cảng biển theo hướng quân - dân lưỡng dụng là biểu hiện sinh động của việc kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh ở khu vực Nam Trung Bộ. Để thúc đẩy chủ trương này, Nhà nước cần xây dựng, ban hành các tiêu chí kỹ thuật và quy định pháp lý về lưỡng dụng hóa hệ thống cảng biển. Điều này bao gồm việc thiết lập các quy tắc có liên quan đến thiết kế, vận hành, chuyển đổi chức năng và chia sẻ thông tin tại các cảng lưỡng dụng; tích hợp tiêu chuẩn quân - dân trong các hạng mục, như: Thiết bị neo đậu; cảm biến giám sát chống ngầm, phòng không; xây dựng kho nhiên liệu, LTTP, thuốc men, quân trang, quân dụng; cho phép sử dụng các

thiết bị thương mại (cần cẩu, xe nâng, xe vận tải, băng chuyền, nhà kho...) phục vụ bảo đảm HCKT. Trong thời bình, HC-KT lữ đoàn TTL tiến hành khảo sát các cảng dân sự, lựa chọn các cảng đủ tiêu chí để tham mưu cho cấp trên và địa phương phát triển thành cảng lưỡng dụng. Khi chống địch PTĐB, hậu cần - kỹ thuật lữ đoàn TTL căn cứ kế hoạch, chỉ tiêu, ngân sách của cấp trên để chủ động quan hệ, hiệp đồng với HCKT vùng hải quân, HCKT quân sự địa phương, các ngành kinh tế và các doanh nghiệp trên địa bàn chiến đấu để khai thác tại chỗ VCHC đưa vào dự trữ ở cảng biển lưỡng dụng; hiệp đồng với các đơn vị của lữ đoàn TTL và đơn vị bạn để tổ chức bảo vệ chặt chẽ, an toàn.

Hai là, tổ chức nhóm tàu bảo đảm đủ mạnh để hình thành nguồn VCHC cơ động trên biển. Khi lữ đoàn TTL nhận lệnh tiến công nhóm TMNCĐ địch, các tốp chiến thuật TTL phải nhanh chóng cơ động ra khu sơ tán bí mật. Tại đây, các TTL tiếp tục làm công tác chuẩn bị chiến đấu và phải liên tục cơ động, di chuyển để thay đổi vị trí nhằm tránh địch trinh sát và tiến công bất ngờ, nhất là từ tàu ngầm địch. Quá trình đó, các TTL tiêu thụ lượng lớn VCHC, chủ yếu là xăng dầu, nước ngọt, LTTP. Trong điều kiện địch làm chủ trên không, trên biển và kiểm soát chặt chẽ chiến trường, khiến TTL của ta phải hạn chế về cảng để tiếp nhận VCHC. Vì vậy, lữ đoàn TTL cần tổ chức các tàu bảo đảm đủ mạnh, tạo nguồn dự trữ VCHC sẵn sàng bổ sung cho các tàu chiến đấu.

Hiện nay, trong biên chế của lữ đoàn TTL không có tàu bảo đảm HCKT. Để thực hiện biện pháp này, cấp trên cần tăng cường cho lữ đoàn khoảng 2 ÷ 3 tàu bảo đảm (trên mỗi hướng tiến công bố trí 1 tàu bảo đảm). Do các TTL có mớm nước nông nên thường được bố trí ở nơi có núi, đảo, hang động tự nhiên, vách đá dựng đứng hoặc trong các vịnh, vũng, cửa sông... Vì thế, cần chọn các

tàu bảo đảm HCKT có mớn nước khoảng $2 \div 3$ m và có khả năng dự trữ lớn VCHC, nhất là xăng dầu, nước ngọt (như tàu kiểm ngư, tàu cá giả dạng hoặc huy động tàu dịch vụ hậu cần nghề cá). Để bổ sung nhiên liệu cho các TTL, cần trang bị cho mỗi tàu bảo đảm 1 bộ cấp phát BZKR-100M. Hệ thống này có năng lực cấp nhiên liệu lên đến 90 m³/giờ; đường ống dài 1.440 m; có 2 bộ ống đường kính 100 mm. Ở điều kiện sóng gió cấp 3, thời gian triển khai và thu hồi hệ thống khoảng 4 giờ. Ngoài ra, trong một số trường hợp, vì yêu cầu bí mật không cho phép tổ chức nấu ăn trên TTL; khi đó, có thể nấu ăn trên tàu bảo đảm để tiếp tế cho các TTL. Vì vậy, trên các tàu bảo đảm, HC-KT lữ đoàn TTL cần tổ chức dự trữ LTTP phù hợp, trang bị đủ dụng cụ cấp dưỡng, thiết bị nhà bếp; tham mưu cho cấp trên trang bị khoảng $1 \div 2$ xuồng máy mã lực lớn để vận chuyển, bổ sung VCHC và tiếp tế cơm nước (khi cần thiết).

Ba là, tích cực đánh bắt cá biển và sản xuất rau mầm trên tàu. Đây là biện pháp tạo nguồn thực phẩm tại chỗ, có ý nghĩa rất lớn trong điều kiện khả năng dự trữ VCHC của tàu có hạn và phải hoạt động độc lập trên biển dài ngày. Thực hiện cách đánh du kích, lữ đoàn TTL sẽ tiến công nhóm TMNCĐ địch ở khu vực và thời điểm có lựa chọn. Thời cơ thuận lợi nhất để lữ đoàn tiến công địch là khi nhóm TMNCĐ địch đang tổ chức tiếp nhận vật chất, trang bị trên biển. Để chớp được thời cơ này, có thể lữ đoàn TTL sẽ phải mai phục địch trong nhiều ngày. Tận dụng điều kiện đó, HC-KT lữ đoàn cần tham mưu cho người chỉ huy triển khai các lực lượng tích cực câu cá biển và sản xuất rau mầm để bổ sung vào bữa ăn hằng ngày của bộ đội.

Theo đó, các lực lượng dự bị tiến công, nghi binh cần tích cực câu cá quanh tàu. Đối với các tàu bảo đảm HCKT, phải tổ chức câu kết hợp đánh bắt cá trong phạm

vi cho phép; khi có điều kiện sẽ tiếp tế, bổ sung cá và các loại VCHC khác cho các tàu chiến đấu. Riêng sản xuất rau mầm, các tàu của lữ đoàn đều có thể tiến hành. Bởi rau mầm là loại rau sạch có giá trị dinh dưỡng cao. Quá trình trồng rau đơn giản, tốn ít nhân lực, diện tích và nước tưới; phù hợp với điều kiện thiếu ánh sáng mặt trời.

Để thực hiện tốt biện pháp này, HC-KT lữ đoàn TTL cần xây dựng kế hoạch tăng gia sản xuất phù hợp với điều kiện, nhiệm vụ của từng tàu. Trang bị đầy đủ ngũ cốc, nhất là máy dò cá, máy làm đá và dụng cụ bảo quản cá. Cung cấp khay, giá thể (xơ dừa) và hạt giống chất lượng cao cho các tàu. Do lượng nước ngọt dự trữ trên các tàu chiến đấu rất hạn hẹp; cho nên, cần chọn các loại rau có nhu cầu nước nhỏ trong quá trình sinh trưởng, như rau cải, mầm rau muống, giá đỗ... để sản xuất.

IV. KẾT LUẬN

Để chuẩn bị cho chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai, nghiên cứu tạo nguồn VCHC bảo đảm cho lữ đoàn TTL tiến công nhóm TMNCĐ địch PTĐB Nam Trung Bộ là nội dung quan trọng đối với người chỉ huy và cơ quan HC-KT lữ đoàn. Những nội dung bàn luận trong bài báo này là một nỗ lực góp phần vào công tác chuẩn bị đó♦

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hải quân (2004), *Tác chiến hải quân trong một số cuộc chiến tranh*, Khánh Hòa.
2. Học viện Hải quân (2016), *Chiến thuật các lực lượng hải quân trong chiến đấu hiệp đồng chống tàu mặt nước địch*, Khánh Hòa.
3. Lữ đoàn 162 Hải quân (2022), *Kế hoạch diễn tập RC - 22*, Khánh Hòa.
4. Đỗ Minh Thái (2008), *Phong tỏa đường biển và phòng chống địch PTĐB trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.

GIẢI PHÁP PHÂN CẤP VẬN TẢI TRUNG ĐOÀN BỘ BINH VẬN ĐỘNG TIẾN CÔNG TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Đại tá, TS. NGUYỄN THÀNH TRUNG
Chánh Văn phòng, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: In combat, completing transport tasks requires carrying out many activities, in which transport hierarchy forms the basis for determining transport volumes used to calculate the scale of organization, the employment of forces, and the arrangement of transportation. This article proposes several principal contents and solutions for the transport hierarchy of an infantry regiment conducting offensive maneuvers in the Fatherland protection war.

I. TÓM TẮT

Trong chiến đấu, để hoàn thành công tác vận tải cần tiến hành nhiều nội dung, trong đó phân cấp vận tải (PCVT) là cơ sở xác định khối lượng vận tải, tính toán quy mô tổ chức, sử dụng lực lượng và tổ chức vận chuyển. Bài viết đề xuất một số nội dung, giải pháp chủ yếu PCVT trung đoàn bộ binh (eBB) vận động tiến công (VĐTC) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

II. ĐẶT VĂN ĐỀ

Trung đoàn VĐTC chiến đấu trong đội hình của sư đoàn nhằm ngăn chặn, sát thương tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận sinh lực, phá hủy phương tiện chiến đấu của địch; tạo điều kiện cho hoạt động tác chiến của cấp trên và đẩy mạnh chiến tranh nhân dân địa phương phát triển. Để trận đánh giành thắng lợi, phải tập trung nỗ lực giải quyết nhiều vấn đề về tạo lập thế trận, tổ chức sử dụng, bố trí lực lượng, tổ chức các mặt bảo đảm... trong đó, công tác vận tải nói chung, PCVT nói riêng giữ vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình và kết quả của trận đánh.

Thực tiễn trong chiến tranh giải phóng, ta đã tổ chức nhiều trận VĐTC cấp trung đoàn giành thắng lợi và để lại một số kinh

nghiệm quý về PCVT có thể kế thừa, nghiên cứu và phát triển. Tuy nhiên, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), trung đoàn bộ binh VĐTC diễn ra trong điều kiện mới, khối lượng vật chất hậu cần, kỹ thuật, thương binh, bệnh binh (TBBB) phải vận chuyển lớn, nhiều khó khăn, phức tạp. Vì vậy, cần có giải pháp PCVT phù hợp với tình hình thực tiễn.

III. GIẢI QUYẾT VĂN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu của trung đoàn bộ binh VĐTC trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc thường là tiểu đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới, hải quân đánh bộ, kỵ binh đường không) địch (lực lượng dự bị của lữ đoàn) cơ động ứng cứu giải tỏa, vu hồi bằng đường bộ, trong đội hình lữ đoàn bộ binh địch phòng ngự khu vực, có tổ chức biên chế, trang bị mạnh, sử dụng vũ khí công nghệ cao, khả năng cơ động nhanh, tác chiến điện tử rộng rãi. Vì vậy, chiến đấu diễn ra rất ác liệt, nhiều tình huống phức tạp, tác động rất lớn đến công tác vận tải bảo đảm cho eBB chiến đấu.

Trong quá trình chiến đấu, eBB có thể được phối thuộc: Bộ đội địa phương tỉnh (thành phố), binh khí, kỹ thuật của quân khu,

hậu cần - kỹ thuật của sư đoàn. Để hoàn thành nhiệm vụ, eBB thường tổ chức thành nhiều bộ phận: Chiến đấu tạo thế (gồm phân đội chốt chặn; phân đội chia cắt; phân đội chiếm giữ bàn đạp bên sườn); tiến công trên hướng chủ yếu; tiến công trên hướng thứ yếu; dự bị binh chủng hợp thành; xe tăng; pháo binh, phòng không; công binh - hóa học; sở chỉ huy; hậu cần - kỹ thuật. Ngoài ra, tùy tình hình cụ thể, eBB có thể tổ chức các phân đội bao vây, chia cắt, nghi binh... Mỗi lực lượng có nhiệm vụ, cách đánh khác nhau, dẫn tới TBBB và nhu cầu vật chất cũng khác nhau. Tuy nhiên, trung đoàn bộ binh VĐTC trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc diễn ra trong điều kiện các tỉnh (thành phố) trên cả nước được đầu tư mọi mặt, hệ thống mạng lưới giao thông ngày càng đồng bộ, phát triển. Đây là điều kiện thuận lợi cơ bản để hậu cần - kỹ thuật eBB khai thác thực hiện nhiệm vụ vận tải trên địa bàn chiến đấu.

Để hoàn thành công tác vận tải, giúp trung đoàn bộ binh VĐTC chiến đấu thắng lợi, cần thực hiện tốt một số giải pháp PCVT chủ yếu sau:

Một là, vận dụng nguyên tắc PCVT hợp lý, kết hợp chặt chẽ giữa vận tải sư đoàn, trung đoàn và vận tải các đơn vị. Đây là cơ sở đảm bảo để vận tải trung đoàn (VT/e) hoàn thành tốt nhiệm vụ vận chuyển trong từng giai đoạn chiến đấu và các tình huống xảy ra. Lực lượng vận tải vận chuyển bảo đảm trung đoàn bộ binh VĐTC bao gồm LLVT của sư đoàn, LLVT của trung đoàn và LLVT của đơn vị. Theo nguyên tắc cấp trên bảo đảm cho cấp dưới là chính, LLVT sư đoàn sẽ vận chuyển vật chất từ kho sư đoàn, kho địa phương đến bổ sung cho kho trung đoàn; LLVT trung đoàn tổ chức tiếp nhận và vận chuyển bổ sung cho các đơn vị, vận chuyển TBBB từ trạm quân y của các đơn vị về quân y

trung đoàn. Tuy nhiên, LLVT trung đoàn sẽ không đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ ở một số thời điểm nhất định. Mặt khác, trung đoàn bộ binh VĐTC có chủng loại vật chất đa dạng, phức tạp, thực hiện giao, nhận khó khăn, nhiều loại vật chất được khai thác tại địa phương. Trong khi đó, ở một số thời điểm, LLVT cấp dưới có đủ khả năng để lên kho trung đoàn, kho địa phương tự vận chuyển vật chất. Vì vậy, cần vận dụng linh hoạt PCVT hợp lý trong từng giai đoạn chiến đấu. Thực tiễn, công tác vận tải eBB88/fBB308 VĐTC ở khu vực Điểm cao 477, ngày 07/10/1950 cho thấy, lực lượng vận tải (LLVT) Trung đoàn vận chuyển đầy đủ các loại vật chất hậu cần - kỹ thuật từ căn cứ hậu cần cấp trên ở Quảng Uyên bổ sung cho kho trung đoàn và các đơn vị thực hiện nhiệm vụ trên các hướng, vận chuyển bổ sung đầy đủ đạn dược, đồng thời vận chuyển TBBB về quân y cấp trên khi trung đoàn thực hành chiến đấu. Quá trình thực hiện nhiệm vụ vận chuyển, kết hợp linh hoạt các phương thức, hình thức vận tải để vận chuyển vật chất, TBBB; sử dụng chủ yếu là hình thức đi thẳng để vận chuyển vật chất cho các đầu mối đơn vị và vận chuyển TBBB về tuyến sau, góp phần quan trọng vào thắng lợi của trận đánh.

Thực hiện phân cấp vận tải phù hợp là LLVT trung đoàn vận chuyển bảo đảm cho các đơn vị cấp dưới trực tiếp là chính, kết hợp đề nghị LLVT sư đoàn vận chuyển vượt cấp và huy động LLVT các đơn vị lên kho hậu cần - kỹ thuật trung đoàn, kho địa phương nhận vật chất chuyển về, hoặc vận chuyển TBBB thẳng về trạm quân y trung đoàn; thực hiện trên dưới cùng vận chuyển. Cụ thể:

Giai đoạn chuẩn bị chiến đấu: Sư đoàn bổ sung vật chất hậu cần - kỹ thuật cho eBB tại kho sư đoàn, kho địa phương; bổ sung đạn các loại ở kho của eBB; trung đoàn bổ

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

sung đạn các loại, xăng dầu tại hậu cần - kỹ thuật các đơn vị; bổ sung các loại vật chất tại hậu cần - kỹ thuật các đơn vị làm nhiệm vụ tạo thế, các đơn vị trực thuộc; bổ sung các loại vật chất hậu cần - kỹ thuật còn lại tại kho sư đoàn, hoặc bổ sung giao nhận tay ba tại kho địa phương, đơn vị tự chuyển về. Thực tiễn, công tác vận tải eBB1/QK8 trong trận vận động tiến công lộ Đông Hòa, từ 07/7 ÷ 10/7/1972, trong giai đoạn chuẩn bị, VT/e đã khẩn trương triển khai lực lượng, tổ chức vận chuyển vật chất bổ sung cho trung đoàn dự trữ theo quy định. Vận tải trung đoàn nhanh chóng tiếp nhận, bổ sung cho các đơn vị tham gia chiến đấu; việc bảo đảm được tổ chức theo tuyến kết hợp với bảo đảm theo khu vực.

Giai đoạn chiến đấu: Trong thực hành chiến đấu nhiều tình huống diễn ra bất ngờ, yêu cầu vận chuyển khẩn trương, nên phải thực hiện PCVT đa dạng, linh hoạt. Giai đoạn này, VT/e phải đảm nhiệm vận chuyển các loại vật chất bổ sung tại hậu cần - kỹ thuật các đơn vị và vận chuyển TBBB từ các đơn vị về quân y eBB. Đặc biệt, trong một số trường hợp vận tải các đơn vị khó khăn, mất cân đối, VT/e có thể vận chuyển vượt cấp đến trận địa hỏa lực, đơn vị làm nhiệm vụ chủ yếu hoặc VT/e có thể chuyển TBBB nặng về tuyến sau.

Sau chiến đấu: Trung đoàn sử dụng vận tải ôtô và vận tải bộ tiếp nhận và bổ sung vật chất hậu cần - kỹ thuật cho các đơn vị đủ lượng phải có sau chiến đấu.

Hai là, nâng cao khả năng vận chuyển của VT/e. Đây là vấn đề có vai trò quan trọng để giải quyết mất cân đối trong vận chuyển, quyết định đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ của LLVT. Thực hiện tốt giải pháp này, trước tiên, cần tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, cho LLVT; tập trung giáo dục làm cho cán bộ, chiến sĩ vận tải hiểu rõ thuận lợi, khó khăn khi tiến hành

công tác vận tải bảo đảm trung đoàn bộ binh VĐTC để nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần phấn đấu, hy sinh, chịu đựng gian khổ, niềm tin vào thắng lợi, sẵn sàng đối đầu với hiểm nguy, ác liệt trong chiến đấu. Thực tiễn trong kháng chiến chống Mỹ, ta đã làm tốt công tác giáo dục, động viên, tuyên truyền, làm cho cán bộ, chiến sĩ vận tải hiểu rõ vai trò của công tác vận tải; nhờ đó, đã phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần LLVT, góp phần nâng cao khả năng vận chuyển của các đơn vị.

Mặt khác, VT/e cần tăng cường huấn luyện nâng cao năng lực toàn diện cho LLVT. Đây là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng, tạo cơ sở cho lực lượng tham gia vận chuyển có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt, đủ điều kiện và khả năng hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ được giao. Đây chính là yếu tố có vai trò quyết định trực tiếp đến việc hoàn thành nhiệm vụ. Để công tác huấn luyện đạt chất lượng và hiệu quả thiết thực, đại đội vận tải phải lập kế hoạch huấn luyện cụ thể, sát với thực tiễn nhiệm vụ của đơn vị. Phân loại đối tượng huấn luyện chặt chẽ, tăng thời gian huấn luyện thực hành, rèn luyện tay nghề; cần chú trọng trong huấn luyện kỹ chiến thuật với LLVT bộ; phân công giáo viên cụ thể và kiểm tra nội dung bài giảng, có tổ chức giảng thử và rút kinh nghiệm; chú trọng đổi mới phương pháp huấn luyện theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo. Đồng thời, có kế hoạch tổ chức luyện tập, diễn tập các phương án công tác vận tải bảo đảm trung đoàn bộ binh VĐTC.

Nghiên cứu, lựa chọn lực lượng vận chuyển phù hợp, tích cực cải tiến phương tiện vận tải, làm tốt công tác bảo đảm vận tải. Căn cứ khả năng, sở trường của từng đơn vị vận tải cấp dưới; điều kiện thực hiện nhiệm vụ như đường sá, địch đánh phá và nhiệm vụ vận chuyển để lựa chọn, phân

công các đơn vị thực hiện nhiệm vụ vận chuyển phù hợp. Đặc biệt, phải lựa chọn phương tiện vận tải phù hợp với điều kiện đường sá, hàng hoá, cự ly vận chuyển. Đồng thời, tính toán xác định phương án xếp dỡ phù hợp để tận dụng trọng tải của phương tiện, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng để giảm thời gian, nâng cao khả năng vận chuyển. Cùng với đó, chú trọng cải tiến phương tiện vận tải thô sơ, các trang thiết bị mang vác của vận tải bộ, quan tâm chăm lo cho LLVT bộ để nâng cao hệ số quân số khỏe. Đây mạnh nghiên cứu sáng kiến cải tiến trong đơn vị, vận dụng vào thực tiễn để nâng cao khả năng vận chuyển. Khảo sát phương án diễn tập công tác vận tải eBB209/fBB312 vận động tiến công khu vực Hùng Sơn (Diễn tập - 2020), hậu cần - kỹ thuật trung đoàn đã sử dụng linh hoạt các phương thức vận tải phù hợp với điều kiện vận chuyển, kết hợp chặt chẽ các thành phần LLVT từ tiểu đội vận tải ôtô đến LLVT bộ và dân công; phát huy khả năng, sở trường của mỗi thành phần lực lượng để hoàn thành tốt công tác vận tải bảo đảm cho trung đoàn chiến đấu.

Bà là, chú trọng khai thác, huy động vận tải khu vực phòng thủ (KVPT). Đây là giải pháp quan trọng, tạo nên LLVT mạnh, khả năng vận tải lớn và các điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ công tác vận tải. Trung đoàn chiến đấu trên địa bàn KVPT các tỉnh (thành phố) đã được xây dựng vững mạnh từ thời bình với tiềm lực vận tải lớn, chủng loại phương tiện đa dạng, phong phú. Do đó, VT/e có điều kiện để khai thác huy động vận tải KVPT tham gia công tác vận tải bảo đảm eBB VĐTC.

Trước hết, VT/e tiến hành huy động tại KVPT lực lượng dân công, cùng với các phương tiện vận tải, như xe đạp thồ, xe ba gác, xe máy thồ, công nông, xe ôtô... để nâng cao khả năng vận chuyển. Cùng với

đó, có thể huy động nhân dân, dân quân tự vệ tham gia bốc xếp, chuyển tải, cất giữ hàng hóa, phương tiện vận tải và khắc phục hậu quả do địch đánh phá hoặc thiên tai gây ra. Đặc biệt, chú trọng khai thác vận tải quân sự địa phương đã triển khai ở các căn cứ hậu cần - kỹ thuật để vận chuyển bảo đảm cho các tình huống chiến đấu, lực lượng của trung đoàn chiến đấu gần các căn cứ hậu cần - kỹ thuật của địa phương và vận chuyển TBBB. Đồng thời, VT/e có thể tận dụng các nhà máy, cơ sở sửa chữa tại KVPT để sửa chữa phương tiện khi có hư hỏng; khai thác vật tư kỹ thuật, xăng dầu bảo đảm cho phương tiện vận tải; tận dụng các cơ sở y tế địa phương để cứu chữa khi LLVT bị thương.

IV. KẾT LUẬN

Phân cấp vận tải trung đoàn bộ binh VĐTC có vai trò quan trọng, quyết định đến hoàn thành nhiệm vụ công tác vận tải, quá trình tổ chức thực hiện phải vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo các giải pháp vào tình hình thực tiễn, góp phần cho trung đoàn chiến đấu thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2015), *Bảo đảm hậu cần eBB vận động tiến công*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2015), *Trung đoàn bộ binh vận động tiến công*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (1998), *Bảo đảm hậu cần eBB chiến đấu tiến công trong kháng chiến chống Mỹ, tập 2*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Học viện Hậu cần (2019), *Giáo trình công tác vận tải eBB chiến đấu*, Nxb QĐND, Hà Nội.
5. Học viện Lục Quân (2001), *Một số trận đánh điển hình cấp trung đoàn và những bài học kinh nghiệm*, Nxb QĐND, Đà Lạt.

TỔ CHỨC, SỬ DỤNG LỰC LƯỢNG HẬU CẦN - KỸ THUẬT TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Đại tá, PGS. TS. VŨ VĂN BÂN

Khoa Hậu cần Chiến dịch, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: Organization and employment of logistical and technical forces is a component of logistical and technical organization aimed at establishing a firm logistical and technical posture and capability, and harnessing synergy to provide timely and adequate logistical and technical support for combat forces. This article proposes several solutions for organizing and employing logistical and technical forces in military region defensive operations in the Fatherland protection war.

I. TÓM TẮT

Tổ chức, sử dụng lực lượng hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) là một nội dung của tổ chức HC-KT, nhằm tạo thế và lực HC-KT vững chắc, phát huy sức mạnh tổng hợp để bảo đảm kịp thời, đầy đủ mọi mặt HC-KT cho các lực lượng tác chiến. Bài viết đề xuất một số giải pháp tổ chức, sử dụng lực lượng HC-KT tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ).

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong chiến tranh BVTQ, tác chiến PTQK sẽ là hoạt động tác chiến cơ bản đánh bại các âm mưu, biện pháp tác chiến tiến công của địch, bảo vệ vững chắc vùng lãnh thổ và các mục tiêu trên địa bàn quân khu. Tác chiến PTQK có nhiều lực lượng tham gia, tác chiến khu vực là phô biển, kết hợp các hoạt động đấu tranh, hình thức tác chiến với các quy mô khác nhau; tính biến động cao, tình huống diễn biến khẩn trương, ác liệt; tổ chức chỉ huy, hiệp đồng, bảo đảm khó khăn, phức tạp. Để bảo đảm đầy đủ, kịp thời mọi mặt HC-KT cho các lực lượng tác chiến thắng lợi cần có giải pháp

tổ chức, sử dụng lực lượng HC-KT tác chiến PTQK phù hợp với điều kiện mới của chiến tranh BVTQ.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng của tác chiến PTQK là quân địch tiến công xâm lược từ bên ngoài vào và lực lượng phản động gây bạo loạn lật đổ bên trong. Lực lượng tiến công từ ngoài vào có thể là lực lượng hải quân, hải quân đánh bộ, bộ binh, bộ binh cơ giới... ở nhiều trạng thái khác nhau. Tác chiến PTQK có thể diễn ra đồng thời trên các môi trường không, bộ, biển, điện tử; trong đó, đánh địch tiến công trên bộ là chủ yếu và quyết định.

Lực lượng tham gia tác chiến PTQK gồm: Bộ đội chủ lực quân khu, lực lượng trong khu vực các tỉnh, thành phố và có thể có một bộ phận bộ đội chủ lực của Bộ. Đặc điểm nổi bật của tác chiến PTQK là tính tổng hợp cao, kết hợp các hoạt động tác chiến của LLVT với đấu tranh chính trị, kinh tế, địch vận... của các ban, ngành theo kế hoạch thống nhất. Trong đó, đấu tranh quân sự là chủ yếu, đấu tranh phi quân sự có vai trò quan trọng. Đấu tranh quân sự diễn ra

bằng kết hợp các hình thức, biện pháp tác chiến rộng khắp của lực lượng KVPT tỉnh, thành phố với tác chiến tập trung của lực lượng chủ lực quân khu. Tùy theo tình hình cụ thể mà vận dụng các hình thức phòng thủ, phòng ngự, phản công hay tiến công với các quy mô sử dụng lực lượng, thời gian và địa điểm tiến hành tác chiến khác nhau. Vì vậy, lực lượng tham gia tác chiến hoạt động trên phạm vi rộng, cự ly bảo đảm xa, việc triển khai, cơ động lực lượng HC-KT, vận chuyển vật chất, thương binh, bệnh binh gặp nhiều khó khăn. Cho nên, để tổ chức, sử dụng lực lượng HC-KT phù hợp, cần thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu sau:

Một là, chủ động chuẩn bị lực lượng HC-KT trong thời bình, tích cực, khẩn trương chuẩn bị trực tiếp đáp ứng yêu cầu bảo đảm HC-KT tác chiến PTQK. Thời bình, dưới sự chỉ đạo của Bộ, các quân khu tiến hành chuẩn bị những nội dung cơ bản cho tác chiến phòng thủ, gồm: Quyết tâm tác chiến phòng thủ, các kế hoạch A, A2, A3, A4; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng các khu vực phòng thủ (KVPT) tỉnh, thành phố; xây dựng hệ thống đường cơ động, các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, căn cứ HC-KT, kho tang; xây dựng lực lượng vũ trang (LLVT) quân khu, tổ chức xây dựng hệ thống phòng thủ dân sự; xây dựng kế hoạch động viên thời chiến; chuẩn bị về tinh thần cho Nhân dân và LLVT... Theo đó, tiềm lực, lực lượng, thế trận HC-KT các cấp và hệ thống các căn cứ HC-KT chiến lược, quân khu, KVPT tỉnh, thành phố được chuẩn bị từ thời bình trên phạm vi cả nước, tạo ra khả năng to lớn cho bảo đảm HC-KT trên từng địa bàn quân khu. Chuẩn bị trước từ thời bình là điều kiện cơ bản, quan trọng, bảo đảm cho quân khu bước vào tác chiến thuận lợi. Tuy nhiên, thời gian chuẩn bị trực tiếp thường ngắn, khối lượng công việc lớn,

điều kiện phức tạp, tính đột biến cao. Để đáp ứng yêu cầu của chiến tranh BVTQ trong điều kiện mới, chuẩn bị lực lượng HC-KT của quân khu phải tiến hành tích cực, khẩn trương trong giai đoạn chuẩn bị trực tiếp và liên tục củng cố trong quá trình chiến tranh.

Để thực hiện tốt giải pháp trên, ngay từ thời bình, dựa trên quyết tâm tác chiến PTQK, hậu cần - kỹ thuật cần dự kiến nhu cầu bảo đảm cho tác chiến. Trên cơ sở đó, chủ động chuẩn bị tiềm lực, lực lượng, thế trận HC-KT, nắm chắc khả năng của lực lượng HC-KT để tổ chức, phân chia, sắp xếp trong các căn cứ, phân căn cứ HC-KT và các thành phần khác cho phù hợp, có đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm HC-KT cho các lực lượng tác chiến. Hàng năm, các quân khu tổ chức huấn luyện, diễn tập, kịp thời rút kinh nghiệm trong chuẩn bị lực lượng HC-KT. Trong thời chiến, HC-KT quân khu phải rà soát lại tổ chức, biên chế, trang bị, kịp thời có biện pháp đề nghị cấp trên bổ sung, kiện toàn. Đồng thời, tiến hành động viên chính trị, tinh thần cho cơ quan, đơn vị HC-KT, xác định quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ cho cán bộ, nhân viên, chiến sĩ HC-KT. Căn cứ vào chỉ lệnh bảo đảm HC-KT chiến lược, HC-KT quân khu nhanh chóng tổ chức biên chế về các căn cứ, phân căn cứ HC-KT, giao nhiệm vụ cụ thể và thống nhất các quy định, ký tín ám hiệu trong thực hành bảo đảm. Nắm chắc tình hình địch, điều chỉnh quyết tâm tác chiến, nhất là điều chỉnh tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng tác chiến PTQK của tư lệnh quân khu, khả năng HC-KT quân khu để điều chỉnh tổ chức, sử dụng lực lượng HC-KT phù hợp.

Hai là, lựa chọn phương án tổ chức lực lượng HC-KT phù hợp với nhiệm vụ, quyết tâm tác chiến PTQK. Để tổ chức lực lượng HC-KT phù hợp phải căn cứ vào nhiệm vụ tác chiến PTQK, quyết tâm tác chiến PTQK

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

của tư lệnh quân khu; chỉ lệnh bảo đảm HC,KT chiến lược; khả năng HC-KT quân khu, HC-KT khu vực phòng thủ; môi trường tác chiến, thủ đoạn đối phó của địch. Trong đó, căn cứ vào nhiệm vụ và quyết tâm tác chiến PTQK là quan trọng nhất; mọi hoạt động HC,KT phải hướng vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ và quyết tâm tác chiến PTQK.

Tác chiến PTQK phải chủ động đánh địch khi chúng lần chiếm biên giới, biển, đảo, phong tỏa đường biển, đường không; tiến công hỏa lực, tiến công trên bộ, kéo dài ngay từ khi bắt đầu chiến tranh cho đến khi đánh bại tiến công của địch trên địa bàn, kết thúc chiến tranh. Vì thế, để bảo đảm kịp thời, đầy đủ mọi mặt HC,KT cho LLVT quân khu tác chiến, HC-KT quân khu phải căn cứ vào nhiệm vụ, quyết tâm tác chiến PTQK, khả năng HC-KT quân khu, địa bàn tác chiến và các yếu tố khác có liên quan để lựa chọn phương án tổ chức lực lượng HC-KT phù hợp, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng HC-KT bảo đảm cho tác chiến PTQK giành thắng lợi. Hậu cần - kỹ thuật quân khu có khả năng tổ chức một số căn cứ HC-KT và các phân căn cứ HC-KT; lực lượng HC-KT tăng cường cho cấp dưới; lực lượng HC-KT dự bị; lực lượng HC-KT cơ động; một số khu vực tập trung vũ khí trang bị hư hỏng; các kho trạm lẻ, trạm trung chuyển (khi cần).

Ba là, sử dụng lực lượng HC-KT linh hoạt, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng HC-KT bảo đảm cho tác chiến PTQK giành thắng lợi. Trong giai đoạn chuẩn bị trực tiếp, địch tiến hành nhiều phương thức, thủ đoạn tác chiến với cường độ, quy mô khác nhau; thời gian chuẩn bị trực tiếp ngắn, kinh tế bị tàn phá; do đó, nguồn lực HC-KT bị ảnh hưởng, công tác động viên gấp khó khăn. Trong giai đoạn thực hành tác chiến, địch có ưu thế về hỏa lực, tác chiến điện tử và sức cơ động cao;

chúng có thể tiến công hỏa lực liên tục dài ngày, với cường độ lớn, bằng vũ khí công nghệ cao, trên các khu vực khác nhau. Địch tiến công trên nhiều hướng, có thể đổ bộ đường không vào nhiều nơi trong chiều sâu địa bàn quân khu; kết hợp tiến công từ ngoài vào với gây bạo loạn lật đổ ở bên trong. Vì vậy, tính biến động cao, có nhiều tình huống phức tạp phải tập trung xử trí; nhu cầu bảo đảm HC,KT lớn; các hoạt động vận chuyển, cứu chữa thương binh, bệnh binh; bảo dưỡng, sửa chữa, cứu kéo vũ khí trang bị, tiếp nhận, vận chuyển, cấp phát vũ khí trang bị, đạn dược, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật trong quá trình tổ chức chuẩn bị và thực hành tác chiến gặp nhiều khó khăn; trong khi, khả năng HC-KT quân khu có hạn. Để khắc phục khó khăn trên, đòi hỏi phải sử dụng lực lượng HC-KT linh hoạt, phát huy khả năng, sở trường và sức mạnh tổng hợp của các lực lượng HC-KT bảo đảm cho tác chiến PTQK giành thắng lợi.

Với lực lượng HC-KT có trong biên chế thời chiến của quân khu; lực lượng HC-KT cấp trên tăng cường (nếu có); lực lượng HC-KT tại chỗ của các KVPT tỉnh, thành phố được huy động hay phối hợp phục vụ tác chiến, HC-KT quân khu sử dụng lực lượng trong các căn cứ HC-KT, phân căn cứ HC-KT và một số thành phần khác như sau:

Đối với căn cứ HC-KT, mỗi căn cứ có nhiệm vụ bảo đảm cho 1 ÷ 2 hướng (khu vực) tác chiến. Sử dụng lực lượng ở căn cứ HC-KT thường có các đại đội đến tiểu đoàn vận tải (của trung đoàn, lữ đoàn vận tải quân khu), từ đội điều trị đến bệnh viện khu vực tuyến cuối, đội vệ sinh phòng dịch (thiếu), từ đại đội đến tiểu đoàn sửa chữa tổng hợp hoặc xưởng sửa chữa tổng hợp; một số kho tổng hợp (vũ khí trang bị, đạn dược, vật tư kỹ thuật); kho hậu cần, trạm, xưởng sản xuất, lực lượng dân quân, phục vụ và cơ quan chỉ huy căn cứ.

Đối với phân căn cứ HC-KT, mỗi phân căn cứ có nhiệm vụ bảo đảm cho 1 hướng (khu vực) tác chiến. Sử dụng lực lượng ở phân căn cứ HC-KT cơ bản như căn cứ HC-KT nhưng quy mô nhỏ hơn (tùy thuộc vào nhiệm vụ, khả năng HC-KT; số lượng căn cứ, phân căn cứ HC-KT).

Đối với lực lượng HC-KT tăng cường cho cấp dưới, tùy theo tính chất, nhiệm vụ, điều kiện địa hình, khả năng khai thác, huy động HC-KT tại chỗ để tăng cường lực lượng HC-KT cho các đơn vị cấp dưới. Thường tăng cường lực lượng vận tải, quân y và lực lượng sửa chữa; quy mô có thể đội điều trị hoặc hơn, trung đội đến đại đội thiêu vận tải ô tô, trung đội đến đại đội vận tải bộ, từ 1 trung đội đến 1 đại đội sửa chữa tổng hợp hoặc chuyên ngành.

Đối với lực lượng HC-KT dự bị, được tổ chức gọn nhẹ, sẵn sàng cơ động để xử trí các tình huống xảy ra trong tác chiến. Khi cần thiết, lực lượng HC-KT dự bị có thể kết hợp với hậu cần - kỹ thuật KVPT hình thành phân căn cứ HC-KT mới để bảo đảm cho hướng (khu vực) nhất định. Sử dụng lực lượng HC-KT dự bị thường có đội điều trị đến bệnh viện dã chiến, phân đội vận tải cơ giới, đại đội sửa chữa tổng hợp.

Lực lượng HC-KT cơ động được tổ chức nhằm tăng cường khả năng bảo đảm HC-KT cho các khu vực (hướng) có khối lượng công việc lớn, quá khả năng bảo đảm của lực lượng HC-KT trên khu vực (hướng) đó hoặc của đơn vị. Sử dụng lực lượng HC-KT cơ động trên mỗi khu vực (hướng) thường có đội cứu chữa cơ bản đến đội điều trị, trung đội đến đại đội vận tải, trung đội đến đại đội sửa chữa... cùng với trang bị, phương tiện, vật chất đồng bộ, gọn nhẹ và thuận lợi cơ động. Ngoài ra, HC-KT quân khu còn sử dụng lực lượng HC-KT ở khu vực tập trung vũ khí trang bị hư hỏng và kho lẻ, trạm trung chuyển.

IV. KẾT LUẬN

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra) sẽ là cuộc chiến tranh hiện đại, đối tượng địch của tác chiến PTQK sẽ có nhiều phát triển về vũ khí trang bị cũng như nghệ thuật tác chiến; sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử hiện đại... Vì vậy, tác chiến PTQK sẽ diễn ra rất ác liệt; nhu cầu bảo đảm HC-KT lớn, trong khi khả năng HC-KT quân khu có hạn. Đòi hỏi chủ nhiệm, cơ quan và đơn vị HC-KT phải nghiên cứu, tham mưu, đề xuất với tư lệnh quân khu phương án tổ chức, sử dụng lực lượng HC-KT phù hợp, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng HC-KT, bảo đảm đầy đủ, kịp thời, chính xác mọi mặt HC-KT cho tác chiến PTQK giành thắng lợi trong mọi tình huống♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2018), *Điều lệnh tác chiến PTQK*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2018), *Bảo đảm hậu cần trong tác chiến PTQK*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tổng tham mưu (2018), *Bảo đảm kỹ thuật trong tác chiến PTQK*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Bộ Tổng tham mưu (2018), *Tác chiến PTQK trong chiến tranh BVTQ*, Nxb QĐND, Hà Nội.
5. Nguyễn Thanh Vân (2020), *Phát triển lý luận bảo đảm hậu cần tác chiến PTQK trong chiến tranh BVTQ*, Đề tài cấp Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
6. Hồ Đức Vinh (2020), *Phát triển lý luận bảo đảm kỹ thuật tác chiến PTQK trong chiến tranh BVTQ*, Đề tài cấp Bộ Quốc phòng, Hà Nội.

CHUẨN BỊ QUÂN NHU TỪ THỜI BÌNH, SẴN SÀNG BẢO ĐẢM CHO ĐÁNH ĐỊCH GIỮ VỮNG KHU VỰC PHÒNG THỦ CHỦ YẾU TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU

Thượng tá, ThS. ĐỖ VIỆT HƯNG
Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

Trong tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK), trước kẻ địch có ưu thế cả về lực lượng và vũ khí, phương tiện nên bảo đảm quân nhu cho lực lượng đánh địch giữ vững khu vực phòng thủ (KVPT) gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp. Để quân nhu quân khu hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó chuẩn bị trước mọi mặt từ thời bình giữ vai trò quan trọng.

CHUẨN bị quân nhu là tổng thể các nội dung, công việc, biện pháp của người chỉ huy và cơ quan quân nhu quân khu về chuẩn bị lực lượng, thế trận và phương án bảo đảm quân nhu (BĐQN) nhằm sẵn sàng bảo đảm mọi mặt về quân nhu cho quân khu đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu. Trong tác chiến PTQK, thực hành đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu được tiến hành bằng các trận đánh (chiến dịch) khi địch đánh chiếm được một phần thuộc KVPT tỉnh, thành phố của ta. Do đó, chuẩn bị đánh địch cũng như chuẩn bị bảo đảm cho đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu được chuẩn bị trước một bước và chuẩn bị trực tiếp theo kế hoạch tác chiến PTQK. Thời gian chuẩn bị, thực hành đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu cũng đồng thời với thời gian tác chiến PTQK. Vì vậy, chuẩn bị quân nhu đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu được thực hiện từ thời bình qua hai bước: Chuẩn bị trước (từ thời bình đến khi quân khu có tình huống tác chiến cụ thể) và bước chuẩn bị trực tiếp (khi có tình huống tác chiến cụ thể đến thực hành đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu). Cả hai bước có mối quan hệ chặt chẽ; trong đó, chuẩn bị trước vừa là

yêu cầu tiên quyết, vừa có tính nguyên tắc trong tạo thế và lực quân nhu góp phần bảo đảm cho quân khu tác chiến giành thắng lợi. Nội dung chuẩn bị quân nhu trước từ thời bình thường tập trung vào một số vấn đề: Chuẩn bị lực lượng bao gồm chuẩn bị nhân lực và vật chất quân nhu; Chuẩn bị thế trận tập trung nội dung vị trí bố trí kho, trạm quân nhu các cấp. Chuẩn bị phương án bao gồm: phương án bảo đảm cho các tình huống đánh địch; phương án tổ chức huy động lực lượng quân nhu (LLQN) tại địa bàn, phương án kết hợp với các lực lượng bảo đảm khác đứng chân trên địa bàn; ngoài ra cần xác định những thuận lợi, khó khăn trong công tác chuẩn bị, ý kiến đề xuất. Đối với nội dung chuẩn bị trực tiếp, là bước kế tiếp của chuẩn bị trước; trên cơ sở tình huống tác chiến cụ thể, cùng với các ngành HC-KT khác, quân nhu quân khu nhanh chóng bổ sung, điều chỉnh kế hoạch BĐQN phù hợp với phương án bảo đảm HC-KT của Chủ nhiệm HC-KT.

Thực tiễn trong chiến tranh giải phóng đã chứng minh, chuẩn bị quân nhu đánh địch giữ vững căn cứ có ý nghĩa hết sức quan trọng đến kết quả của hoạt động tác chiến.

Trong trận đánh địch giữ vững căn cứ địa trong Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, để chuẩn bị về lực lượng, ngay từ sau khi Cục quân nhu được thành lập (25/3/1946), ngành quân nhu từng bước hoàn chỉnh tổ chức ở các cấp, từ cấp đại đội đến Cục Quân nhu; ở các địa phương đều thành lập Ban tiếp tế từ cấp xã, huyện đến Uỷ ban kháng chiến ở cấp tỉnh. Đồng thời, để chuẩn bị VCQN cho kháng chiến lâu dài, Quân nhu Chiến khu chủ động thu mua VCQN từ các vùng có điều kiện khai thác (Thái Nguyên, Bắc Giang,...); đồng thời xây dựng các phương án di chuyển kho nhằm bảo đảm an toàn trong trường hợp địch tiến công. Qua đó, đã sản xuất, huy động và khai thác được hàng chục tấn gạo, muối, thực phẩm khô, hàng nghìn bộ quân trang cùng nhiều loại VCQN thiết yếu, góp phần bảo đảm kịp thời, đầy đủ cho các đơn vị chiến đấu dài ngày. Trong trận đánh địch giữ vững căn cứ Dương Minh Châu (từ 22/02 ÷ 15/4/1967), để chuẩn bị lực lượng, ngay sau khi dự kiến địch tiến công vào Căn cứ địa, Quân nhu Miền đã chủ động điều chỉnh lực lượng theo phương án bảo đảm hậu cần; tại địa phương, quân nhu tỉnh đội chủ động xây dựng kế hoạch, phân cấp hướng dẫn bảo đảm cho các huyện đội và xã đội. Đồng thời, quân nhu Miền đã chủ động khai thác, dự trữ LTTP (trên 1.665 tấn) và dự kiến các phương án phối hợp với Nhân dân để bảo đảm cho tác chiến; qua đó, đã xây dựng “Căn cứ lõm” làm nền tảng vững chắc để bảo đảm mọi mặt quân nhu trong điều kiện địch tiến hành càn, lập ấp và tiến công bình định....

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra) sẽ là cuộc chiến tranh hiện đại; đối tượng tác chiến trực tiếp của lực lượng đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu trong tác chiến PTQK dự báo là các lữ đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới) trong đội hình sư đoàn lục quân và các đơn vị binh chủng yểm trợ thuộc cụm lực

lượng tiền công phía trước hoặc cụm lực lượng dự bị (của quân đội X). Quá trình tiến công, địch tập trung sức mạnh về lực lượng với vũ khí công nghệ cao, sức cơ động nhanh, nhiều thủ đoạn tác chiến... Mặt khác, điều kiện môi trường tự nhiên, tình hình an ninh, chính trị, khả năng kinh tế - xã hội tại địa bàn tác chiến thuộc KVPT chủ yếu của quân khu luôn có sự thay đổi, đòi hỏi nghệ thuật tác chiến của ta cần có sự phát triển, yêu cầu BĐQN ngày càng cao. Do đó, vấn đề chuẩn bị quân nhu quân khu từ thời bình, sẵn sàng bảo đảm cho các lực lượng đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu trong tác chiến PTQK càng có ý nghĩa quan trọng. Để thực hiện tốt vấn đề này, cần tiến hành một số nội dung, biện pháp cơ bản sau đây:

Một là, ngành quân nhu quân khu tiếp tục quán triệt sâu sắc và thực hiện tốt quan điểm hậu cần toàn dân trong chuẩn bị quân nhu bảo đảm cho tác chiến PTQK. Xuất phát từ quan điểm hậu cần toàn dân thể hiện sự quán triệt sâu sắc tư tưởng “toàn dân đánh giặc, toàn dân làm hậu cần”. Theo đó, công tác hậu cần không chỉ là nhiệm vụ của quân đội mà là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và cả hệ thống chính trị. Hậu cần toàn dân bao gồm việc huy động mọi nguồn lực của xã hội để bảo đảm cho các hoạt động tác chiến và đời sống của lực lượng vũ trang, cũng như duy trì sản xuất và ổn định xã hội trong điều kiện chiến tranh. Tiềm lực hậu cần nhân dân cần được chuẩn bị đồng bộ trên các mặt.

Quán triệt những vấn đề trên, đòi hỏi quân nhu quân khu phải phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ban, ngành địa phương chuẩn bị mọi mặt trong xây dựng các nội dung: Phương án tổ chức lực lượng, khai thác VCQN; tổ chức huấn luyện và diễn tập các phương án BĐQN; phương án phân cấp dự trữ vật chất; khả năng huy động và sử dụng lực lượng đáp ứng yêu cầu của chiến tranh hiện đại.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Để thực hiện tốt biện pháp, quân nhu quân khu cần tham mưu cho tư lệnh quân khu và chính quyền địa phương trên địa bàn tiếp tục hoàn thiện cơ chế chỉ huy, điều hành công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và củng cố hệ thống tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức quần chúng, nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, điều hành của cán bộ các cấp, nhất là ở cơ sở, thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội; xây dựng phương án và phối hợp chặt chẽ với các lực lượng có liên quan trong chuẩn bị phương án tổ chức quân nhu; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, củng cố lòng tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước...; qua đó, tạo tiềm lực quân nhu vững mạnh để sẵn sàng huy động bảo đảm cho tác chiến PTQK.

Hai là, xây dựng phương án phối hợp giữa các lực lượng bảo đảm, tạo sức mạnh tổng hợp trong BĐQN cho tác chiến. Trong KVPT chủ yếu; do có nhiều lực lượng bảo đảm và do tính chất phức tạp, luôn phát sinh nhiều tình huống khi thực hành bảo đảm; cho nên, để phát huy hết khả năng và hỗ trợ nhau trong quá trình BĐQN, quân nhu quân khu cần có phương án phối hợp giữa các bộ phận, lực lượng bảo đảm.

Nội dung phối hợp đối với từng lực lượng cụ thể như sau: Đối với hậu cần KVPT, hậu cần nhân dân cần thực hiện tốt công tác xây dựng lực lượng dự bị động viên (trong đó có LLQN), xây dựng hoàn chỉnh các phương án huy động lực lượng, VCQN; tổ chức diễn tập để nâng cao chất lượng huy động LLQN. Đối với LLQN thuộc các đơn vị trực tiếp tham gia tác chiến cần dự kiến các phương án có thể xảy ra trong tác chiến để xây dựng các phương án tổ chức phân cấp, dự trữ, phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với tính chất từng đơn vị. Đối với các cơ quan thuộc cục HC-KT quân khu cần có kế hoạch phù hợp với vai trò nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Cụ thể: Với cơ

quan tham mưu kế hoạch, cần phối hợp trong nắm chỉ thị, mệnh lệnh của chủ nhiệm HC-KT, tình hình hậu cần, tổ chức hiệp đồng với các cơ quan khác trong tổ chức lực lượng ở các căn cứ HC-KT. Với cơ quan vận tải, cần hiệp đồng chặt chẽ các phương án vận chuyển, bổ sung, bảo quản, bảo vệ VCQN trên đường vận chuyển cũng như tại kho, trạm. Phối hợp với cơ quan quân y trong nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe bộ đội; bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, xử trí các tình huống nhiễm độc, nhiễm bệnh khi địch sử dụng vũ khí sinh học, hóa học.... Phối hợp với cơ quan xăng dầu trong khai thác, bảo đảm chất đốt (dầu đốt) cho các đơn vị khi tác chiến. Với cơ quan doanh trại, cần phối hợp về phương tiện, hình thức dự trữ nước bảo đảm ăn uống, bảo đảm ngủ, nghỉ và tắm giặt cho bộ đội... Đối với các lực lượng khác, như các đơn vị của Bộ đứng chân trên địa bàn, các cơ sở kinh tế của Nhà nước, các bộ, ban, ngành...; đây là những đơn vị có tiềm năng về nhân lực và khả năng huy động vật chất, trang bị tại địa bàn rất lớn; do đó, cần xây dựng phương án kết hợp để tạo nguồn, hỗ trợ bảo đảm trong các phương án tác chiến.

Ba là, tổ chức xây dựng LLQN rộng khắp, đủ khả năng bảo đảm trong mọi tình huống. Xuất phát từ thực tế hiện nay, các quân khu xác định: Trên từng hướng, từng địa bàn tác chiến cần chủ động triển khai xây dựng các căn cứ hậu phương chiến lược, căn cứ HC-KT chiến dịch; kết hợp chặt chẽ kinh tế - xã hội với quốc phòng và quốc phòng với kinh tế - xã hội, sắp xếp các cơ sở sản xuất, các căn cứ quân sự hợp lý, theo từng vùng lãnh thổ. Ngoài ra, xuất phát từ yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành KVPT vững chắc trong tình hình mới. Vì vậy, quân nhu quân khu phải

chuẩn bị thê và lực vững chắc, hoàn chỉnh phương án tổ chức quân nhu, tăng cường khai thác các loại vật chất tại chỗ bảo đảm cho tác chiến sẵn sàng đối phó có hiệu quả với mọi tình huống. Do đó, quân nhu quân khu cần tích cực, chủ động trong tham gia xây dựng các căn cứ hậu phương chiến lược, căn cứ HC-KT chiến dịch và hậu cần KVPT; bố trí, sắp xếp lực lượng hợp lý; xây dựng hệ thống bảo đảm nhiều cấp, nhiều tuyến kế tiếp nhau và có quan hệ gắn bó với nhau trong tổ chức lực lượng, phân cấp, dự trữ trang bị, VCQN; gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng.

Bốn là, thường xuyên rà soát, bổ sung kế hoạch từ thời bình; kịp thời điều chỉnh kế hoạch BĐQN khi vào tác chiến. Quân nhu bảo đảm đánh địch giữ vững KVPT trong tác chiến PTQK có điều kiện thời gian chuẩn bị trước từ thời bình và là một phần trong kế hoạch chuẩn bị của quân nhu quân khu cho tác chiến phòng thủ. Tuy nhiên, khi thực hành tác chiến, tình hình luôn vận động, biến đổi, tư lệnh quân khu thường phải tiến hành bổ sung nhiệm vụ, điều chỉnh lực lượng, thế trận. Tổ chức quân nhu bảo đảm cho tác chiến phòng thủ nói chung, bảo đảm cho đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu nói riêng có thể không còn phù hợp nên phải kịp thời điều chỉnh, bổ sung lực lượng, chuyển hóa thế bố trí theo chỉ thị của chủ nhiệm HC-KT để đáp ứng yêu cầu bảo đảm và xây dựng thế trận mới.

Khi bổ sung, điều chỉnh kế hoạch, quân nhu quân khu cần tập trung vào các nội dung: Tổ chức quân nhu trong căn cứ HC-KT, phân căn cứ HC-KT, xác định LLQN dự bị phù hợp; điều chỉnh phương án dự trữ, phân cấp VCQN; tổ chức tiếp nhận VCQN từ các nguồn, điều chỉnh phương án bổ sung VCQN phù hợp kế hoạch tác chiến. Do vậy, đòi hỏi quân nhu quân khu cần nắm chắc thực lực quân nhu, tình hình hậu cần-

kỹ thuật KVPT, địa hình, đường xá... Khi điều chỉnh phương án bảo đảm, cần bám sát phương án tác chiến và phương án bảo đảm HC-KT, chủ động phối hợp với các đơn vị, lực lượng có liên quan để phối hợp, hiệp đồng trong thực hành bảo đảm.

Chuẩn bị quân nhu từ thời bình, sẵn sàng bảo đảm cho đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu trong tác chiến PTQK là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách và có tính chiến lược lâu dài, đòi hỏi phải có sự nỗ lực tham gia của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; trong đó, ngành quân nhu quân khu giữ vai trò nòng cốt. Với truyền thống kiên cường, bất khuất của lực lượng vũ trang và Nhân dân trên địa bàn quân khu; sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt của đảng ủy, bộ tư lệnh quân khu; sự đoàn kết, sáng tạo và bản lĩnh của cán bộ, nhân viên, chiến sĩ ngành quân nhu quân khu; cùng sự vận dụng linh hoạt các biện pháp bài báo nêu... chắc chắn nhiệm vụ chuẩn bị của ngành quân nhu quân khu sẽ đạt kết quả cao, tạo tiền đề căn bản để bảo đảm đầy đủ, kịp thời mọi mặt quân nhu cho đánh địch giữ vững KVPT chủ yếu trong tác chiến PTQK khi chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xảy ra♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Tác chiến PTQK trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tư lệnh Quân khu 1 (2015), *Lịch sử lực lượng vũ trang Quân khu 1 – Việt Bắc (1945-2015)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tư lệnh Quân khu 7 (2004), *Lịch sử Bộ Chỉ huy Miền (1964 - 1970)*, Nxb CTQG, Hà Nội.
4. Chính phủ (2018), *Nghị định số 164/2018/NĐ-CP về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng*, Hà Nội.

PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG GIAO THÔNG KHU VỰC PHÍA ĐÔNG BẮC TỈNH BẮC NINH TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CÙNG CỐ QUỐC PHÒNG

PGS.TS. LÊ HÙNG SƠN

Trường đại học Trưng Vương

PGS.TS. NGUYỄN HỒNG THÁI

Trường đại học Giao thông Vận tải

Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông ở khu vực phía Đông Bắc (KVPĐB) tỉnh Bắc Ninh là yếu tố quan trọng trong lưu thông hàng hóa, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước, phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, góp phần đa dạng hóa nền kinh tế; đồng thời, cũng là cơ sở để cơ động lực lượng, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, phát triển chiến đấu của các lực lượng trên địa bàn khi có tình huống chiến tranh.

KHU vực phía Đông Bắc tỉnh Bắc Ninh (thuộc địa bàn tỉnh Bắc Giang cũ) có vị trí quan trọng trong thế trận phòng thủ của Quân khu 1 và trên hướng phòng thủ phía Bắc của Tổ quốc. Khu vực này có vị trí địa lý thuận lợi ở trung tâm của khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc nằm trong vùng Thủ đô Hà Nội, trên tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; cách trung tâm Thủ đô Hà Nội và sân bay quốc tế Nội Bài khoảng 50km; cách cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn) 110km và cách Cảng Hải Phòng 140km... tạo ra tiềm năng lớn trong phát triển cả công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ; từ đó, nâng cao khả năng về huy động hậu cần, kỹ thuật tại chỗ bảo đảm cho các lực lượng vũ trang trên địa bàn chiến đấu khi có tình huống. Để biến tiềm năng, khả năng thành hiện thực, Đảng, Nhà nước và tỉnh Bắc Ninh cần có các chính sách đột phá về phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) nói chung, củng cố quốc phòng nói riêng; đặc biệt, cần tập trung đầu tư mạnh mẽ vào phát triển cơ sở hạ tầng GTVT hiện đại.

Những năm qua, Chính phủ và các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh

đã có nhiều chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào phát triển hạ tầng giao thông thuộc KVPĐB tỉnh Bắc Ninh. Nhờ vậy, đến nay, khu vực này đã có mạng lưới giao thông bao gồm đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa phân bố tương đối hợp lý, kết nối nội và liên tỉnh gần cảng biển. Gần đây, Chính phủ và tỉnh Bắc Ninh đã phê duyệt và tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều dự án giao thông được triển khai nhanh chóng. Riêng trong năm 2022, KVPĐB tỉnh Bắc Ninh có 5 dự án giao thông trọng điểm đã được khởi công mới với tổng vốn đầu tư hàng trăm nghìn tỷ đồng, gồm: Dự án Xây dựng cầu Như Nguyệt; Dự án Xây dựng cầu Đồng Việt và đường dẫn lên cầu; Dự án Xây dựng cầu và đường dẫn nối cảng Mỹ An - Quốc lộ 31 - Quốc lộ 1 và tuyến nhánh hồ Suối Nú - Khuôn Thần; Dự án Nút giao liên thông tại thị trấn Vôi với cao tốc Bắc Ninh - Lạng Sơn và Dự án Nâng cấp, mở rộng đường nối từ Đường tỉnh 293 đến Quốc lộ 17. Qua đó, đã nâng tổng số dự án giao thông lớn đang triển khai trên địa bàn lên 13 dự án.

Tuy nhiên, do sự phát triển công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp tại KVPĐB tỉnh Bắc Ninh ngày càng mạnh nên đã tạo

ra nhu cầu rất lớn về giao thông vận tải (GVT). Bên cạnh đó, theo quy hoạch đến năm 2030, Bắc Ninh trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, quy mô GRDP thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước, với nhiều khu công nghiệp lớn, hiện đại. Tại KVPĐB tỉnh Bắc Ninh, hiện các khu công nghiệp đã thu hút 488 dự án đầu tư, trong đó có 373 dự án FDI, 115 dự án đầu tư trực tiếp trong nước (DDI); tổng vốn đầu tư quy đổi đạt 10,6 tỷ USD. Đây cũng là khu vực đứng trong tốp đầu cả nước về vốn đầu tư nước ngoài với nhiều dự án lớn, công nghệ cao của các Tập đoàn lớn, đa quốc gia, như: Foxconn, Luxshare, Longi, JA Solar, Hana Micron... Ngoài ra, KVPB tỉnh Bắc Ninh cũng là nơi có tiềm năng khai thác phát triển du lịch thành một ngành kinh tế quan trọng, chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Trong phát triển du lịch, tỉnh Bắc Ninh đang định hướng hình thành các không gian du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hoá, thể thao giải trí gắn với các danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa lịch sử của tỉnh để phục vụ nhu cầu trong tỉnh, vùng Thủ đô Hà Nội, các khu vực xung quanh; kết nối hình thành các tuyến, chương trình du lịch liên vùng (Hà Nội - Bắc Ninh - Lạng Sơn, Hà Nội - Bắc Ninh - Quảng Ninh - Hà Nội, Hà Nội - Quảng Ninh - Bắc Ninh - Hà Nội, Thái Nguyên - Bắc Ninh - Quảng Ninh,...) và Trung Quốc. Trong củng cố quốc phòng, do địa hình phần lớn là đồi núi, rừng rậm nhưng ít bị chia cắt nên KVPĐB tỉnh Bắc Ninh có thể sẽ là nơi tập trung lực lượng, hậu cần, kỹ thuật, trở thành khu vực phòng thủ vững chắc trong phương án tác chiến bảo vệ biên giới phía Bắc, cũng như trong phương án tác chiến phòng thủ quân khu. Những vấn đề trên ngày càng đòi hỏi phải phát triển mạnh mẽ cơ sở hạ tầng GVT cho KVPB của tỉnh Bắc Ninh. Song, hiện nay, cơ sở hạ tầng GVT thuộc KVPĐB tỉnh Bắc Ninh vẫn còn nhiều tồn tại, như: Trong quy hoạch

GVT chưa đánh giá chính xác việc gia tăng mật độ giao thông đường bộ và tốc độ phát triển đô thị, khu cụm công nghiệp và dịch vụ nên quy mô các tuyến đường nhỏ, chủ yếu là cấp III, IV, V chưa đáp ứng được yêu cầu hiện tại và tương lai. Công tác cắm mốc quy hoạch, quản lý hành lang đường bộ còn hạn chế ở hầu hết các xã. Quy hoạch đầu nối vào quốc lộ gặp nhiều khó khăn. Nguồn lực thực hiện hạn chế dẫn đến nhiều mục tiêu quy hoạch chưa thực hiện được và phải chuyển giai đoạn đầu tư (Quốc lộ 37, đoạn Kép - Ngã tư Thân - cầu Cẩm Lý và xây dựng cầu đường bộ Cẩm Lý tách khỏi đường sắt đến nay chưa có kế hoạch thực hiện; QL31 đoạn phuờng Bắc Ninh – Chũ không được đầu tư; nhiều tuyến đường tỉnh (291, 289, 299B, 294, 298B,...) và cầu yếu, hẹp, tràn, cầu vượt chưa được nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới). Việc nâng cấp các tuyến đường xã lên đường tỉnh, mở mới các tuyến đường, kết nối giữa các loại hình giao thông (tới cảng, bến thủy, nhà ga...) tỉnh thực hiện còn hạn chế. Thị phần đầu tư chưa cân đối, chủ yếu tập trung cho ngành đường bộ; đường thủy nội địa phát triển chậm do phụ thuộc nhiều vào Trung ương, đầu tư cảng, bến bãi chủ yếu phụ thuộc doanh nghiệp. Các đô thị cơ bản quy hoạch có hệ thống đường vành đai; tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng còn hạn chế, các trục quốc lộ, đường tỉnh đều đóng vai trò là các trục chính đô thị và các trung tâm nên ảnh hưởng trực tiếp đến lưu thông trên tuyến. Công tác quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng GVT còn gặp khó khăn do lưu lượng phương tiện gia tăng, tình trạng xe quá khổ, quá tải, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông vẫn tiếp diễn phức tạp. Công tác đầu tư phát triển cảng đường thủy nội địa đã thu hút nhà đầu tư quan tâm, tuy nhiên tiến độ thực hiện còn chậm. Các bến ngang sông chủ yếu do cá nhân đầu tư có quy mô nhỏ, hạ tầng phục vụ hạn chế. Hệ thống đường thuỷ chưa thực sự phát huy được thế mạnh

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

của tỉnh; nhiều tuyến sông chưa được nạo vét, khả năng tiếp cận giữa đường bộ tới các bến bãi đường thuỷ nội địa còn hạn chế. Kết nối giữa đường bộ với đường sắt và đường thủy nội địa chưa cao do thiếu các trục đường bộ thuận lợi vào các ga đường sắt và vào hệ thống các cảng, bến (như cảng Á Lũ, cảng xăng dầu, các bến bốc xếp) đã gián tiếp hạn chế phát triển của các phương thức vận tải khác, đặc biệt là vận tải đường thủy nội địa.

Đứng trước cơ hội lớn, tỉnh Bắc Ninh đã xác định việc phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông là chìa khóa để khai thác tối đa tiềm năng phát triển kinh tế. Trong kế hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đến năm 2030, tỉnh Bắc Ninh khẳng định: “Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung ưu tiên, tạo đột phá thúc đẩy phát triển KTXH của mỗi địa phương và của tỉnh... Ưu tiên các tuyến đường kết nối đối ngoại, phục vụ công nghiệp, du lịch” hướng tới xây dựng hệ thống giao thông hiện đại, đồng bộ, kết nối, đảm bảo an toàn, thông suốt, đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH, cung cấp quốc phòng và nâng cao đời sống Nhân dân. Để giải quyết các vấn đề của thực trạng và thực hiện thành công mục tiêu trên, trong thời gian tới, cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, tập trung xây dựng hạ tầng giao thông với các tuyến đối ngoại, vành đai kết nối với các địa phương lân cận, kết nối với hệ thống cảng biển, sân bay, kết nối giữa các tuyến tỉnh lộ với các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường vành đai, cùng với phát triển hạ tầng công nghiệp đồng bộ để thu hút đầu tư; phát triển hạ tầng đô thị để đẩy mạnh phát triển dịch vụ và là trung tâm phát triển các khu vực, tiểu vùng; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin để xây dựng nền kinh tế số, xã hội số; phát triển hạ tầng xã hội và đẩy mạnh phát triển dịch vụ xã hội.

Hai là, xây dựng và triển khai hiệu quả phát triển giao thông đối nội, đối ngoại tỉnh Bắc Ninh đến 2030 nhằm mở rộng mạng lưới kết nối và rút ngắn thời gian kết nối các khu đô thị, các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh với nhau và với các địa phương khác trong khu vực, đảm bảo đáp ứng dòng lưu chuyển hàng hóa và lao động, tạo không gian để thúc đẩy phát triển KTXH của các địa phương và của tỉnh; giải quyết dứt điểm vấn đề tắc đường cục bộ, chia cắt, thiếu tính kết nối. Cụ thể: Tỉnh Bắc Ninh cần tập trung đầu tư các tuyến đường giao thông đối ngoại kết nối Quốc lộ 31 với Cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn; các tuyến giao thông kết nối các xã với các tỉnh Thái Nguyên, Quảng Ninh, thành phố Hải Phòng. Tỉnh Bắc Ninh cần duy trì khai thác đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn với quy mô 4 làn xe, đường gom tối thiểu cấp III. Tiếp tục đầu tư nâng cấp những tuyến, đoạn tuyến quốc lộ, đường vành đai quan trọng đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp III (Quốc lộ 17, 31, 37); các đoạn qua đô thị mở rộng 4 làn xe. Cải tạo, nâng cấp, đưa vào cấp đường tỉnh với mục tiêu ở vùng đồng bằng đạt tiêu chuẩn đường cấp III trở lên; đoạn qua các phường đạt tiêu chuẩn đường đô thị với tối thiểu 4 làn xe; đầu tư xây dựng mới một số cầu kết nối giữa các xã qua sông Thương, Lục Nam. Đồng thời, cần đầu tư các tuyến đường kết nối các trục giao thông liên vùng, liên xã, kết nối các tuyến giao thông chính với các khu cụm công nghiệp, các cảng tổng hợp, khu, điểm du lịch; cải tạo, nâng cấp các tuyến đường đã xuống cấp...

Ba là, chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương xây dựng kế hoạch đầu tư hoàn thiện cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, đường Vành đai V vùng Thủ đô; cải tạo và nâng cấp các tuyến quốc lộ, nâng cấp hạ tầng đường sắt, đường thủy nội địa trên địa bàn KVPĐB tỉnh Bắc Ninh... Đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ

cả khu vực công và khu vực tư nhân nhằm nhanh chóng đáp ứng nhu cầu phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

Bốn là, cần xác định bước đi, lộ trình cụ thể hóa phương án quy hoạch các ngành, lĩnh vực để đạt mục tiêu của quy hoạch; xây dựng kế hoạch đầu tư cụ thể các phương án quy hoạch gồm đầu tư công và các dự án ngoài vốn đầu tư công; kế hoạch sử dụng đất phù hợp với phương án phát triển các ngành, lĩnh vực theo từng giai đoạn. Xác định rõ nguồn lực và giải pháp để thực hiện theo quy hoạch. Trong tổ chức thực hiện phải chủ động, sáng tạo, linh hoạt, có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các sở, ngành, địa phương.

Năm là, thu hút vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông. Để nguồn vốn ngân sách nhà nước (NSNN) đầu tư hiệu quả, có vai trò dẫn dắt, định hướng đầu tư cho mạng lưới đường bộ, cần kiến nghị xem xét ưu tiên bố trí vốn NSNN đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông, trong đó tập trung cho các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia. Đồng thời, ưu tiên sử dụng giá trị gia tăng từ quỹ đất do việc phát triển kết cấu hạ tầng giao thông để tái đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông. Cho phép vốn NSNN tham gia >50% tổng mức đầu tư các dự án PPP đối với các khu vực khó khăn để phương án tài chính của dự án được khả thi nhằm kêu gọi đầu tư đối với các khu vực trung du, miền núi. Đối với các dự án PPP lớn, khó khả thi cần xem xét tách thành các dự án thành phần hoặc tiểu dự án, Nhà nước góp vốn 50% cho các dự án thành phần hoặc tiểu dự án thực hiện theo hình thức PPP, Nhà nước đầu tư 100% đối với các dự án thành phần hoặc tiểu dự án hay các hạng mục không khả thi như hệ thống đường gom, công trình cầu, các công trình phụ trợ...

Tăng cường triển khai hình thức đối tác công - tư trong đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng giao thông trên cơ sở xây dựng cơ

chế chính sách thu hút nhà đầu tư tư nhân thông thoáng và hấp dẫn hơn. Ngoài chính sách ưu đãi miễn giảm về thuế, tiền thuê đất và một số ưu đãi khác, cần cho phép nhà đầu tư tư nhân khai thác giá trị quỹ đất hai bên đường và thu phí giao thông với thời gian thích hợp. Ngoài ra, khu vực tư nhân tham gia phải trao đổi và tư vấn với công chúng, bao gồm cả người tiêu dùng, cộng đồng bị ảnh hưởng và các bên liên quan, nhằm đạt sự chấp thuận, hiểu biết nhau về mục tiêu của các bên liên quan.

Huy động nguồn vốn đóng góp tự nguyện của các tổ chức và cộng đồng dân cư xây dựng giao thông nông thôn trên cơ sở gắn với lợi ích sử dụng của người dân. Nghĩa là, huy động đóng góp của địa phương nào thì đầu tư xây dựng trực tiếp vào cơ sở hạ tầng giao thông của địa phương đó. Mức huy động đóng góp phù hợp với khả năng thu nhập của Nhân dân ở thời điểm nhất định và công khai minh bạch trong việc huy động cũng như trong quá trình sử dụng nguồn vốn đóng góp và nguồn hỗ trợ từ NSNN.

Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông là một nhiệm vụ quan trọng, cấp bách đối với KVPĐB tỉnh Bắc Ninh. Vận dụng phù hợp các giải pháp trên sẽ góp phần giúp địa phương xây dựng được hệ thống giao thông hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển KTXH và củng cố quốc phòng của tỉnh♦

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (2022), Quyết định số 219/QĐ-TTg về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Hà Nội.

- Hội đồng Nhân dân tỉnh Bắc Giang (2024), Nghị quyết số 10/NQ-HĐND thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bắc Giang.

NGHỆ THUẬT LẬP THẾ BẢO ĐẢM ĐÁNH TRẬN THEN CHỐT TIÊU DIỆT ĐỊCH ĐỔ BỘ ĐƯỜNG KHÔNG TRONG CHIẾN DỊCH PHÒNG NGỤ

Thượng tá, ThS. LÊ VĂN BẰNG
Nghiên cứu sinh, Học viện Lực lượng

ABSTRACT: Establishing the battle posture is a core component of combat methods, contributing to creating synergy and defeating enemy airborne landing operations. This article discusses several issues about the art of establishing the battle posture for key battles attacking enemy airborne landings in a medium-scale defensive campaign in the area of Military Region 13 in the Fatherland protection war.

I. TÓM TẮT

Lập thế trận là nội dung cốt lõi của phương pháp tác chiến, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp, đánh bại biện pháp đổ bộ đường không (ĐBĐK) của địch. Bài viết đề cập một số vấn đề nghệ thuật lập thế bảo đảm đánh trận then chốt (TTC) tiêu diệt địch ĐBĐK trong chiến dịch phòng ngự (CDPN) quy mô vừa ở địa bàn Quân khu 13 trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ).

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quân khu 13 là địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước. Chiến tranh BVTQ (nếu xảy ra), nơi đây sẽ diễn ra nhiều trận đánh, chiến dịch với các quy mô lực lượng, hình thức chiến thuật và loại hình tác chiến khác nhau, trong đó có TTC tiêu diệt địch ĐBĐK của CDPN. Trận đánh thường diễn ra ác liệt, phức tạp, khó lường, thời gian ngắn, tính biến động cao, thời cơ xuất hiện và mất đi nhanh. Khi ta lập thế trận, việc bố trí, triển khai lực lượng, chuẩn bị công sự trận địa, đường cơ động cho các lực lượng, nhất là lực lượng bảo đảm luôn gặp khó khăn, phức tạp. Trong chiến tranh giải phóng, ta

đã lập thế bảo đảm cho một số trận đánh, CDPN đánh địch ĐBĐK giành thắng lợi và để lại nhiều kinh nghiệm quý. Tuy nhiên, chiến tranh BVTQ trong tương lai (nếu xảy ra), các yếu tố giữa ta và địch có sự thay đổi và phát triển. Vì vậy, để hoàn thành nhiệm vụ, chiến dịch cần nghiên cứu và giải quyết nhiều vấn đề về nghệ thuật tác chiến; trong đó, nghệ thuật lập thế bảo đảm đánh TTC tiêu diệt địch ĐBĐK là một trong những vấn đề có vị trí, vai trò rất quan trọng tác động trực tiếp đến kết quả hoàn thành nhiệm vụ của chiến dịch.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Dự báo đối tượng tác chiến CDPN quy mô vừa ở địa bàn Quân khu 13 có thể là liên binh đoàn hỗn hợp địch tiến công trên hướng chủ yếu, trong đội hình cấp trên đã đánh chiếm được một số mục tiêu, khu vực phòng thủ phía trước, trực tiếp uy hiếp đến các khu vực, mục tiêu trọng yếu của quân khu. Trong đó, đối tượng tác chiến của TTC tiêu diệt địch ĐBĐK là quân địch ĐBĐK thuộc lực lượng dự bị của các sư đoàn lục quân tiến công vào địa bàn chiến dịch. Quy mô lực lượng địch ĐBĐK có thể từ cấp tiểu

đoàn đến lữ đoàn bộ binh (thiếu). Quá trình tác chiến, địch có ưu thế về các phương tiện trinh sát, tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng, nhất là các phương tiện UAV; phát huy sức mạnh của các loại vũ khí công nghệ cao; khả năng cơ động nhanh; chủ động về không gian, thời gian, khu vực, bãi đổ bộ. Vì vậy, việc lập thế bão đảm của chiến dịch sẽ gặp rất nhiều khó khăn, khó lường. Bên cạnh đó, lập thế bão đảm là thành phần rất quan trọng trong thế trận chung của chiến dịch; là việc tổ chức, bố trí, triển khai lực lượng và thiết bị chiến trường cho các lực lượng công binh (CB), hóa học (HH), hậu cần, kỹ thuật (HCKT) nhằm phát huy cao nhất khả năng tác chiến đánh bại biện pháp ĐBĐK của địch. Để TTC tiêu diệt địch ĐBĐK giành thắng lợi, chiến dịch cần thực hiện tốt một số vấn đề lập thế bão đảm cho các lực lượng sau:

Một là, lực lượng CB. Đây là lực lượng nòng cốt xây dựng công sự sở chỉ huy, trận địa cho pháo binh, phòng không; bố trí, khắc phục vật cản; bão đảm đường cơ động cho tăng thiết giáp, pháo xe kéo và trực tiếp tham gia chiến đấu bằng vũ khí, khí tài chuyên dụng. Lực lượng CB của CDPN quy mô vừa có thể được quân khu phối thuộc khoảng lữ đoàn CB. Trong đó, sư đoàn bộ binh tham gia đánh TTC tiêu diệt địch ĐBĐK có thể được chiến dịch phối thuộc từ tiểu đoàn đến tiểu đoàn CB tăng cường, các đội tự vệ giao thông của tỉnh. Để lập thế bão đảm CB cho trận đánh địch ĐBĐK, chiến dịch chỉ đạo sư đoàn tổ chức lực lượng CB (trong giai đoạn tổ chức chuẩn bị chiến đấu) thành các bộ phận: Trinh sát CB, bão đảm đường cơ động, bão đảm vượt sông, xây dựng sở chỉ huy, khắc phục và bố trí vật cản. Bộ phận trinh sát công binh, tổ chức các đài quan sát và các tổ trinh sát công binh; bố trí bên sườn, phía trước sở chỉ huy cơ bản

của sư đoàn và trên hướng dự kiến đánh địch đổ bộ đường không. Bộ phận bảo đảm đường cơ động, bố trí gần các trọng điểm địch đánh phá, các trục đường cơ động của bộ binh, tăng thiết giáp, pháo xe kéo hoặc nơi địa hình phức tạp, cơ động khó khăn. Bộ phận bảo đảm vượt sông, bố trí trong các khu vực vượt sông, bảo đảm bí mật, tiện triển khai lực lượng, phương tiện khí tài và chỉ huy điều hành vượt sông. Bộ phận xây dựng sở chỉ huy, bố trí bên sườn, phía sau, gần vị trí dự kiến xây dựng sở chỉ huy sư đoàn, nơi tiện triển khai thi công công trình. Bộ phận xây dựng trận địa hỏa lực, bố trí trong khu vực xây dựng trận địa hỏa lực của các đơn vị pháo binh được đảm nhiệm. Bộ phận khắc phục vật cản, bố trí gần các trục đường, trọng điểm giao thông, bến vượt, cầu cống, nơi tiện cơ động thực hiện nhiệm vụ. Tại khu vực bố trí chiến đấu, lực lượng CB xây dựng hầm ẩn nấp, hầm làm việc cho chỉ huy, công sự chiến đấu vững chắc; triệt để tận dụng đường mòn, hào giao thông của các cấp, đường làm sẵn của lực lượng vũ trang địa phương để cải tạo thành đường cơ động. Thực tiễn, trận đánh địch ĐBĐK trong Đợt 2 của CDPN Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng (năm 1972), chiến dịch đã tổ chức CB xây dựng sở chỉ huy chiến dịch, làm nòng cốt xây dựng trận địa pháo binh, bão đảm cơ động cho xe tăng, sẵn sàng cơ động vật cản ngăn chặn địch; bố trí ở Phu Leng. Nghệ thuật lập thế bão đảm CB đó đã trực tiếp góp phần đánh bại biện pháp ĐBĐK của địch.

Hai là, lực lượng HH. Đây là lực lượng bão đảm quan trọng, nhằm hạn chế mức thấp nhất thiệt hại do vũ khí HH của địch gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi TTC tiêu diệt địch ĐBĐK. Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ, quân khu có thể phối thuộc tiểu đoàn phòng hóa cho chiến dịch. Để bảo

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

đảm HH cho trận đánh địch ĐBĐK, chiến dịch chỉ đạo sư đoàn (đơn vị tham gia đánh TTC tiêu diệt địch ĐBĐK) tổ chức thành: Bộ phận HH cơ động, gồm các tiểu đội trinh sát phóng xạ; HH đi bộ, bố trí phía trước hoặc bên sườn sở chỉ huy cơ bản của sư đoàn, tận dụng các điểm cao, sườn đồi, cây độc lập, nhà cao tầng để đặt các đài quan sát phóng xạ, HH; các đội HH cơ động, sử dụng từ trung đội đến đại đội phòng hóa (thiếu), bố trí quanh các khu vực, bãi đổ bộ của địch trong cự ly thích hợp, gần các trọng điểm giao thông, nơi bí mật, tiện cơ động khắc phục hậu quả HH và tạo khói ngụy trang, nghi binh. Bộ phận (đội) dự bị HH từ trung đội đến trung đội phòng hóa tăng cường, bố trí bên sườn, phía sau sở chỉ huy cơ bản của sư đoàn. Bộ phận bảo đảm gồm các nhân viên kỹ thuật HH, hóa nghiệm, HCKT, chiến sĩ thông tin liên lạc; thường bố trí trong bộ phận (đội) dự bị HH của sư đoàn.

Tại khu vực bố trí chiến đấu, các phân đội HH xây dựng hầm ẩn nấp, công sự chiến đấu để hạn chế hậu quả hỏa lực địch đánh phá, sát thương lực lượng và phá hủy phương tiện, khí tài. Chiến dịch có thể xác định trước các khu vực mở bãi tiêu tẩy gần nguồn nước để sẵn sàng tiêu tẩy cho binh khí kỹ thuật bị nhiễm độc, nhiễm xạ, chuẩn bị đường cơ động ra vị trí tiêu tẩy, thường tận dụng đường có sẵn, đường lâm nghiệp, đường mòn và dải địa hình để cơ động lực lượng HH.

Ba là, lực lượng HCKT. Đây là lực lượng bảo đảm quan trọng, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp để đánh thắng TTC tiêu diệt địch ĐBĐK. Lập thế trận của lực lượng HCKT là tổ chức, bố trí, triển khai lực lượng và hệ thống kho, trạm, công sự trận địa, đường cơ động cho lực lượng HCKT của chiến dịch và đơn vị đảm nhiệm trận đánh. Lực lượng HCKT của chiến dịch có

thể gồm: Tiểu đoàn vận tải ô tô; bệnh viện dã chiến, các đội điều trị, đội vệ sinh phòng dịch, tiểu đoàn kho HCKT; tiểu đoàn sửa chữa tổng hợp (do quân khu phòi thuộc), kết hợp lực lượng HCKT huy động tại khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố). Chiến dịch tổ chức bảo đảm HCKT chung cho các lực lượng ngay từ đầu, có thể phối thuộc lực lượng vận tải bộ, một phần lực lượng vận tải ô tô, đội phẫu, tổ sửa chữa cho cấp dưới, trong đó có TTC tiêu diệt địch ĐBĐK. Quá trình tác chiến, phối hợp chặt chẽ với HCKT cấp trên, lực lượng vũ trang địa phương để tiếp nhận, cấp phát trang bị, đạn dược; thu dung, điều trị thương bệnh binh; cơ động kịp thời bảo đảm cho trận địa hỏa lực, tăng thiết giáp, phương tiện cơ giới và sửa chữa vũ khí, trang bị hư hỏng của các lực lượng.

Lực lượng HCKT của đơn vị đảm nhiệm TTC: Sư đoàn bộ binh đánh TTC có thể được chiến dịch phối thuộc đội phẫu hoặc đội điều trị, trung đội đến đại đội vận tải ô tô, đại đội đến tiểu đoàn vận tải bộ (thiếu), đại đội sửa chữa tổng hợp; ngoài lực lượng phối thuộc cho cấp dưới, sư đoàn có thể tổ chức 1 hoặc 2 bộ phận HCKT và các thành phần khác (HCKT dự bị; tổ sửa chữa cơ động; khu tập trung vũ khí trang bị hư hỏng; HCKT phía sau). Căn cứ vào thể bố trí lực lượng HCKT chiến dịch, các phương án đánh TTC, sư đoàn bố trí, triển khai lực lượng HCKT phù hợp với tình hình, thường bố trí bên sườn, phía sau sở chỉ huy cơ bản của sư đoàn, cách từ $2 \div 3$ km; sau hoặc ngang lực lượng dự bị binh chủng hợp thành, cách HCKT của trung đoàn tiến công trên hướng chủ yếu từ $3 \div 4$ km, diện tích triển khai từ $1,5 \div 2$ km². Các kho, trạm HCKT bố trí có khoảng cách phù hợp, ngụy trang chu đáo; phân đội vận tải ô tô bố trí nơi địa hình có thảm thực vật tốt, che chắn an toàn để giấu xe; tổ sửa chữa cơ động bố trí

bên sườn, phía sau các trận địa hỏa lực của sư đoàn, cách từ 150 ÷ 200m, nơi địa hình an toàn. Ở địa bàn Quân khu 13, bố trí lực lượng HCKT cần triệt để tận dụng những khu vực địa hình có giá trị chiến thuật, công trình kiến trúc kiên cố để triển khai HCKT bảo đảm bí mật và hạn chế tối đa tổn thất do hỏa lực địch đánh phá; có vị trí chính thức và các vị trí dự bị, xây dựng phương án bảo vệ chặt chẽ để phòng biệt kích, thám báo địch tập kích; phương án phòng chống cháy, nổ và di chuyển khi cần.

Hệ thống kho, trạm HCKT xây dựng theo kiểu nửa chìm, nửa nổi, chú trọng yếu tố bí mật, kiên cố, vững chắc; tận dụng kho, trạm của lực lượng vũ trang địa phương, các vật kiến trúc kiên cố để bố trí. Khu vực cứu chữa thương, bệnh binh phải gần nguồn nước; chuẩn bị đầy đủ, chu đáo các thành phần, bảo đảm thuận tiện cho vận chuyển, cứu chữa thương binh và tiếp tế vật chất cho các đơn vị. Lực lượng HCKT khai thác lợi thế địa hình để xây dựng công sự chiến đấu, hầm ẩn nấp, giao thông hào nối liền các kho, trạm, hạn chế thiệt hại khi địch đánh phá.

Để bảo đảm đầy đủ, kịp thời mọi mặt cho TTC, lực lượng HCKT tích cực chuẩn bị đường cơ động liên kết giữa các lực lượng của chiến dịch, cấp trên và HCKT trong khu vực phòng thủ; triệt để tận dụng đường mòn, đường lâm nghiệp, dải địa hình, đường làm sẵn, hào giao thông của chiến dịch, của lực lượng vũ trang địa phương, công trình dân sinh để giảm thiểu khối lượng chuẩn bị. Để hạn chế khả năng đánh phá của địch vào khu vực HCKT, đường tiếp tế vận chuyển, chiến dịch cần bảo đảm lượng vật chất, đạn dược đồng bộ ngay từ đầu và cần duy trì bổ sung liên tục trong suốt quá trình tác chiến.

Thực tiễn, trận đánh địch ĐBĐK trong Đợt 2, CDPN Cánh đồng Chum - Xiêng

Khoảng năm 1972, chiến dịch đã tổ chức, bố trí, triển khai lực lượng hậu cần hợp lý, hình thành thế bảo đảm theo khu vực, phân cấp bảo đảm và dự trữ. Căn cứ HCKT bố trí ở Noọng Pẹt - Khang Khay - Lạt Bua; các kho trạm được tổ chức thành 2 đại đội, Bệnh viện 139 được tổ chức thành 2 đại đội; lực lượng quân y tăng cường cho Trung đoàn 174 để tăng khả năng cứu chữa thương binh tại chỗ. Các cụm kho được giao cho các trung đoàn nên bổ sung được kịp thời khi chiến dịch đánh địch ĐBĐK.

IV. KẾT LUẬN

Chiến tranh BVTQ tương lai (nếu xảy ra), đối tượng tác chiến của CDPN quy mô vừa trong tác chiến phòng thủ Quân khu 13 sẽ tiếp tục có sự thay đổi, phát triển. Vũ khí, trang bị, phương tiện ĐBĐK ngày càng hiện đại; môi trường tác chiến trên địa bàn Quân khu 13 cũng có sự thay đổi. Do vậy, nghệ thuật lập thế bảo đảm đánh TTC tiêu diệt địch ĐBĐK trong CDPN quy mô vừa diễn ra rất khó khăn, phức tạp, tính biến động cao, khả năng thương vong, tổn thất lớn. Vì vậy, những vấn đề nêu trên cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển làm cơ sở vận dụng vào huấn luyện, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ tác chiến phòng thủ trong chiến tranh BVTQ (nếu xảy ra)♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Nghệ thuật chiến dịch phòng ngự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1987), *Chiến dịch phòng ngự Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng mùa mưa năm 1972*, Nxb QĐND, Hà Nội.

PHỐI HỢP, HIỆP ĐỒNG CHẶT CHẼ, PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG HỢP CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, ĐƠN VỊ TRONG HOÀN THIỆN QUY HOẠCH HỆ THỐNG CĂN CỨ HẬU CẦN - KỸ THUẬT QUÂN KHU

Thượng tá, ThS. VŨ THANH HẢI
Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: Planning the military region's logistical and technical base system is a component of logistical and technical preparation for military region defensive operations, serving as the basis for investing in constructing the military region's logistical and technical bases in response to support requirements in the Father-land protection war. This article discusses the foundations, content, and principal measures for the military region's logistical and technical forces to closely coordinate with relevant levels and agencies to harness synergy in completing the planning of the military region's logistics and technical base system.

I. TÓM TẮT

Quy hoạch hệ thống (QHHT) căn cứ hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) quân khu là một nội dung chuẩn bị thế trận HC-KT tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK), cơ sở để đầu tư xây dựng căn cứ HC-KT quân khu đáp ứng nhiệm vụ bảo đảm trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Bài viết đề cập cơ sở, nội dung, biện pháp chủ yếu của HC-KT quân khu để phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với các cấp, các ngành liên quan, phát huy sức mạnh tổng hợp trong hoàn thiện QHHT căn cứ HC-KT quân khu.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong QHHT căn cứ HC-KT quân khu phải đồng bộ, thống nhất với các loại quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch của bộ, ngành, địa phương trên địa bàn quân khu, địa bàn các tỉnh. Do vậy, cần quán triệt, thực hiện tốt quan điểm, chủ trương của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, HC-KT toàn dân và hệ thống luật pháp về quy hoạch; phù hợp với thế trận tác chiến PTQK, điều kiện

tự nhiên, tình hình, tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) trên địa bàn. Để đáp ứng các đòi hỏi trên phải nghiên cứu nhiều giải pháp phù hợp; trong đó, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với các cấp, các ngành liên quan là giải pháp quan trọng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong hoàn thiện QHHT căn cứ HC-KT quân khu.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Hoàn thiện QHHT căn cứ HC-KT quân khu gồm: (1). Hoàn thiện quy hoạch tổng thể bố trí các căn cứ HC-KT, (2). Hoàn thiện QHHT hạ tầng kỹ thuật kết nối đến các căn cứ HC-KT, (3). Hoàn thiện quy hoạch xây dựng từng căn cứ HC-KT; với nhiều nội dung cụ thể, như: Hoàn thiện phân bố không gian bố trí căn cứ HC-KT trên địa bàn quân khu; hoàn thiện tổ chức không gian các khu chức năng; hoàn thiện quy hoạch không gian sử dụng đất căn cứ HC-KT; xác định hệ thống hạ tầng giao thông vận tải, cung cấp điện, cấp thoát nước; bố trí hệ thống các công trình, kho, trạm, hạ tầng kỹ thuật trong

căn cứ HC-KT. Cùng với đó, QHHT căn cứ HC-KT quân khu mang đặc thù quân sự, tính chuyên môn kỹ thuật cao của nhiều chuyên ngành như: Quân nhu, xăng dầu, xe máy - vận tải, doanh trại, quân khí, tác chiến, công binh, thông tin, trinh sát...; tiến hành từ thời bình, phức tạp, liên quan đến nhiều cấp, ngành cả trong và ngoài quân đội.

Hoàn thiện QHHT căn cứ HC-KT có mối quan hệ với các quy hoạch khác trên cùng địa bàn quân khu, địa bàn các tỉnh và liên quan đến đất đai, chương trình, dự án phát triển KT-XH của các ngành, các địa phương. Song, hiện nay, việc phối hợp giữa HC-KT quân khu với các cơ quan, đơn vị liên quan chưa chặt chẽ; quy hoạch chủ yếu trên bản đồ, nhiều căn cứ chưa xác định được chỉ giới, diện tích sử dụng đất so với nhu cầu sử dụng và diện tích đã hợp thức quyền sử dụng đất thấp... Các loại quy hoạch trên địa bàn chưa thật sự đồng bộ, hợp lý với phân bố không gian bố trí căn cứ HC-KT; chưa tạo sự liên kết, phát huy hiệu quả kết hợp phát triển KT-XH với xây dựng thế trận, tăng cường tiềm lực HC-KT. Vì vậy, để phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ, hiệu quả, phát huy sức mạnh tổng hợp mọi cấp, ngành trong QHHT căn cứ HC-KT đòi hỏi cục HC-KT quân khu (trực tiếp là phòng doanh trại) cần thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp sau:

Một là, phối hợp, hiệp đồng giữa cục HC-KT với bộ tham mưu quân khu. Bộ tham mưu là cơ quan chủ trì lập quy hoạch các công trình chiến đấu theo phương án tác chiến nên cục HC-KT phải thường xuyên phối hợp, hiệp đồng với bộ tham mưu trong QHHT căn cứ HC-KT, từ lập nhiệm vụ quy hoạch, khảo sát, điều tra, nắm các yếu tố liên quan đến lập, thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch. Tập trung vào: Phối hợp về xác định phương án phân bố không gian bố trí căn cứ HC-KT (cùng lúc với nội dung tổ chức bố trí căn cứ HC-KT trong kế hoạch bảo đảm), nhất là khi có sự bổ sung, điều

chỉnh quyết tâm, kế hoạch tác chiến. Phối hợp xác định nhu cầu sử dụng đất, hợp thức và quản lý đất quốc phòng, xác định chỉ giới không gian quy hoạch các căn cứ HC-KT quân khu. Phối hợp xác định hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối đến căn cứ HC-KT, nhất là các công trình dự kiến phải xây dựng bổ sung khi có chiến tranh (đường vận tải, bến bãi, ngầm phà...). Phối hợp, hiệp đồng với phòng tác chiến, cơ quan công binh, thông tin, trinh sát, quân báo... trong quy hoạch các khu chức năng, lựa chọn phương án bố trí, kết cấu, kiểu dáng để tăng sức sống cho kho trạm HC-KT, cho sở chỉ huy, hệ thống thông tin liên lạc, đài quan sát, phương án ngụy trang công trình... Phối hợp với bộ tham mưu giúp bộ tư lệnh quân khu thẩm định, phê duyệt quy hoạch; thẩm định các đề án, chương trình, dự án đầu tư xây dựng của bộ ngành, địa phương trong phạm vi thẩm quyền; đồng thời tham mưu đề xuất với Bộ Quốc phòng và chỉ đạo Bộ chỉ huy quân sự các tỉnh trong thẩm định các quy hoạch, dự án đầu tư phát triển KT-XH, đảm bảo đồng bộ, thống nhất và kết nối với các căn cứ HC-KT quân khu, góp phần củng cố xây dựng thế trận HC-KT vững chắc; cùng bộ tham mưu nghiên cứu phân rõ phạm vi, trách nhiệm các cơ quan quân khu liên quan trong thực hiện quy trình thủ tục trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt, công bố và thực hiện QHHT căn cứ HC-KT quân khu.

Để thực hiện tốt các vấn đề trên, cục HC-KT phải chủ động đề xuất nội dung, biện pháp thực hiện; phối hợp nắm chủ trương, phương hướng, hướng dẫn, quy định liên quan; cùng bộ tham mưu giải quyết các vấn đề liên quan đến địa phương. Làm tốt các vấn đề về quy hoạch, như: Kết cấu, kiểu dáng công trình, phương án lập hệ thống thông tin liên lạc, đài quan sát, công trình chiến đấu, phương án, kỹ thuật ngụy trang...

Hai là, phối hợp giữa cục HC-KT quân khu với các cơ quan chức năng của

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Bộ Quốc phòng và bộ, ngành liên quan. Với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng; thường xuyên, trực tiếp là Tổng cục HC-KT, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, cục HC-KT quân khu phải chủ động phối hợp để được chỉ đạo, hướng dẫn về quy hoạch căn cứ HC-KT, các nội dung quy hoạch tổng thể bố trí căn cứ HC-KT và quy hoạch xây dựng căn cứ HC-KT thống nhất, đồng bộ với quy hoạch bố trí căn cứ HC-KT chiến lược, QHHT cơ sở công nghiệp quốc phòng và đồng bộ thống nhất hệ thống kho đạn, kho hậu cần với hệ thống kho của hậu cần chiến lược trên địa bàn quân khu. Với bộ, ngành liên quan - cơ quan chủ quản các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành được tích hợp vào quy hoạch quốc gia - cục HC-KT thông qua bộ tư lệnh quân khu hoặc đề xuất Bộ Quốc phòng để phối hợp thống nhất, đồng bộ quy hoạch căn cứ HC-KT quân khu với các quy hoạch của bộ ngành, tránh chồng chéo không gian sử dụng đất; phối hợp trong quy hoạch phát triển cơ sở KT-XH của ngành theo hướng lưỡng dụng, quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng giao thông vận tải, thông tin liên lạc... kết nối căn cứ HC-KT quân khu.

Để thực hiện tốt nội dung này, cục HC-KT cần tham mưu với bộ tư lệnh quân khu kiến nghị với các cơ quan Bộ Quốc phòng những vấn đề về quy hoạch căn cứ HC-KT chiến lược, QHHT cơ sở công nghiệp quốc phòng... Phối hợp với bộ ngành, địa phương quán triệt tốt quan điểm kết hợp phát triển KT-XH với quốc phòng, xây dựng thế trận tác chiến PTQK, thế trận HC-KT quân khu. Cùng bộ tham mưu quân khu tham mưu với bộ tư lệnh quân khu, ban chỉ đạo quân khu về khu vực phòng thủ (KVPT) các đề xuất, kiến nghị với Bộ Quốc phòng những vấn đề nảy sinh, vướng mắc về căn cứ HC-KT quân khu liên quan đến bộ ngành, địa phương để phối hợp giải quyết,

nhất là về cơ chế, chính sách, thủ tục, quy trình, quy định liên quan đến quy hoạch căn cứ HC-KT.

Ba là, phối hợp với các sở, ngành, ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn quân khu. Cục HC-KT quân khu phải phối hợp với ủy ban nhân dân, sở, ngành, bộ chỉ huy quân sự tỉnh để giải quyết các nội dung liên quan, như: Phối hợp, thống nhất, đồng bộ QHHT căn cứ HC-KT quân khu với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác trên địa bàn tỉnh, nhất là quy hoạch thế trận quân sự trong KVPT tỉnh; thống nhất về quy mô sử dụng đất cho căn cứ HC-KT, xác định chỉ giới khu vực quy hoạch căn cứ HC-KT. Thực tế hiện nay, diện tích đất địa hình loại 2 quy hoạch xây dựng căn cứ HC-KT đã thống nhất và tích hợp trong quy hoạch tỉnh rất thấp so với yêu cầu triển khai bão đảm cho tác chiến, diện tích đất được hợp thức quyền sử dụng càng ít. Vì vậy, để hoàn thiện quy hoạch, cục HC-KT quân khu cùng cơ quan tác chiến tiếp tục phối hợp chặt chẽ với địa phương để có đủ quỹ đất xây dựng các công trình thiết yếu, như: Sở chỉ huy căn cứ, kho xăng dầu, đường hầm, bệnh viện dã chiến... Đồng thời có khu đất dự trữ quy hoạch cho vị trí dự bị bố trí căn cứ HC-KT; có thể chỉ xác định trên bản đồ, địa phương vẫn sử dụng đất cho phát triển KT-XH với điều kiện không làm biến dạng địa hình trong vùng. Đối với bộ chỉ huy quân sự tỉnh, cục HC-KT cần chỉ đạo QHHT căn cứ HC-KT của KVPT tỉnh.

Để thực hiện tốt nội dung, HC-KT quân khu cần tham mưu, đề xuất với bộ tư lệnh quân khu trong chỉ đạo bộ chỉ huy quân sự các tỉnh về QHHT căn cứ HC-KT KVPT tỉnh; quản lý, bảo vệ các khu vực địa hình loại 2 (nơi dự kiến quy hoạch, xây dựng căn cứ HC-KT quân khu) đã được phê duyệt; phối hợp, hiệp đồng với các cơ quan quân khu tham mưu đề xuất với đảng ủy, bộ tư lệnh quân khu, ban chỉ đạo quân khu về KVPT để cùng địa phương giải quyết các vấn đề

liên quan, như: Thống nhất, đồng bộ với các quy hoạch khác trên địa bàn, kết hợp phát triển KT-XH với QHHT căn cứ HC-KT, giải quyết các vấn đề vướng mắc về đất quốc phòng...; phối hợp trong tích hợp QHHT căn cứ HC-KT quân khu vào quy hoạch tỉnh.

Bốn là, phối hợp hiệp đồng giữa các cơ quan, đơn vị trong nội bộ cục HC-KT quân khu. Cục HC-KT quân khu, trực tiếp là phòng doanh trại với vai trò chủ chốt trong lập quy hoạch tổng thể bố trí căn cứ HC-KT (hợp phần của quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp phát triển KT-XH của quân khu), quy hoạch xây dựng căn cứ HC-KT (hợp phần của QHHT công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng của quân khu) phải là đầu mối trung tâm phối hợp hiệp đồng tạo sự đồng thuận, ăn khớp, phát huy sức mạnh tổng hợp mọi cấp, ngành để hoàn thiện QHHT căn cứ HC-KT đạt chất lượng, hiệu quả. Dưới sự chủ trì của chỉ huy cục, các cơ quan, đơn vị trong nội bộ cục phối hợp hiệp đồng với nhau để tiến hành các nội dung, các khâu, các công việc quy hoạch căn cứ HC-KT; phối hợp với nhau để phối hợp, hiệp đồng với cơ quan, đơn vị bên ngoài. Trong đó, phòng tham mưu kế hoạch và phòng doanh trại phối hợp chặt chẽ với nhau, làm nòng cốt tham mưu, đề xuất với chỉ huy cục.

Để thực hiện tốt các nội dung, biện pháp trên cục HC-KT quân khu cần chú trọng nâng cao nhận thức, trách nhiệm, trình độ, năng lực về công tác cho cán bộ, nhân viên cơ quan HC-KT quân khu nói chung, cho lực lượng trực tiếp làm công tác quy hoạch nói riêng. Nghiên cứu cập nhật, nắm chắc các chủ trương, kế hoạch, hướng dẫn của cấp trên về công tác quy hoạch, các quy trình, hồ sơ, thủ tục quy hoạch, các yếu tố liên quan đến quy hoạch như quyết tâm, kế hoạch tác chiến; tình hình KT-XH, điều kiện tự nhiên trên địa bàn. Chủ động

nghiên cứu đề xuất các nội dung cần phối hợp, hiệp đồng như điều tra, khảo sát thực địa, nắm bắt các quy hoạch trên địa bàn. Chủ động đề xuất các yếu tố làm cơ sở cho phối hợp hiệp đồng như nhu cầu, quy mô sử dụng đất, nhu cầu hạ tầng kỹ thuật kết nối đến căn cứ HC-KT, các công trình hạ tầng quân khu cần xây dựng bổ sung (khi có chiến tranh)... Vận dụng linh hoạt các hình thức, phương pháp phối hợp, hiệp đồng trực tiếp tay đôi, tay ba, tổ chức hội nghị nhiều bên, gián tiếp trao đổi giải quyết công việc qua công văn.

IV. KẾT LUẬN

Hoàn thiện QHHT căn cứ HC-KT quân khu từ thời bình đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tác chiến PTQK trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc là vấn đề mới, nội hàm rộng, tính chất phức tạp; thực tiễn còn nhiều hạn chế vướng mắc, trong đó có việc phối hợp, hiệp đồng giữa các cấp, các ngành. Các nội dung, biện pháp bài báo đề cập đã dựa trên cơ sở khoa học, có khả năng vận dụng trong thực tiễn; song, mới chỉ là nghiên cứu bước đầu nên cần tiếp tục bổ sung hoàn thiện, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả QHHT căn cứ HC-KT quân khu đáp ứng yêu cầu của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2018), *Bảo đảm hậu cần trong tác chiến PTQK*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (2020), *Thông tư ban hành quy định thực hiện một số điều của Nghị định 21 về KVPT*, Hà Nội.
3. Bộ Quốc phòng (2021), *Quyết định phê duyệt Kế hoạch tổ chức lập QHHT các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Hà Nội.

NÂNG CAO NĂNG LỰC GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN TRONG BỘ QUỐC PHÒNG

Trung tá, ThS. NGUYỄN NHẬT HÙNG
Ban Quản lý các dự án, Bệnh viện quân y 175

ABSTRACT: In recent years, the Ministry of National Defense has implemented numerous key projects and works for the fulfillment of military and defense tasks. Most of these projects hold strategic positions and roles, requiring that both implementation progress and investment quality be maintained at the highest level. At the same time, the disbursement of investment capital must receive special attention in order to enhance the efficiency of budget use and the achievement of investment objectives. Based on theoretical and practical research, this article proposes solutions for improving the disbursement capacity of investment projects within the Ministry of National Defense in the coming time.

I. TÓM TẮT

Thời gian qua, Bộ Quốc phòng (BQP) đã triển khai nhiều công trình, dự án trọng điểm bảo đảm cho nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Phần lớn các dự án đều có vị trí, vai trò chiến lược, đòi hỏi tiến độ thực hiện và chất lượng đầu tư phải luôn được đảm bảo ở mức cao; đồng thời, công tác giải ngân vốn đầu tư các dự án phải được quan tâm đặc biệt để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và mục tiêu đầu tư. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài báo đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực giải ngân các dự án đầu tư trong BQP thời gian tới.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giải ngân vốn đầu tư công (VĐTC) không chỉ là chỉ tiêu kỹ thuật tài chính mà còn là chỉ số phản ánh năng lực tổ chức thực hiện dự án, năng lực quản lý nhà nước, quản lý tài chính và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan chức năng. Trong bối cảnh Chính phủ đặt quyết tâm cao trong việc thúc đẩy giải ngân VĐTC để phục hồi và phát

triển kinh tế, đồng thời kiểm soát bội chi ngân sách và nợ công, yêu cầu nâng cao năng lực giải ngân càng trở nên cấp bách, nhất là đối với các bộ, ngành có tỷ trọng đầu tư lớn, tính đặc thù cao như BQP.

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, BQP, các cơ quan chức năng đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân VĐTC. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy, ở BQP, một số dự án đầu tư vẫn gặp vướng mắc kéo dài trong các khâu chuẩn bị đầu tư, lựa chọn nhà thầu, thi công xây dựng, nghiệm thu thanh toán, dẫn đến tỷ lệ giải ngân chưa đạt yêu cầu kế hoạch được giao. Điều đó không chỉ làm giảm hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước mà còn ảnh hưởng đến nhiệm vụ quốc phòng và mục tiêu phát triển lực lượng, tiềm lực quốc phòng. Vấn đề này cho thấy, việc nâng cao năng lực giải ngân các dự án trong BQP không chỉ là yêu cầu tài chính - kế toán đơn thuần mà

còn là nhiệm vụ chiến lược mang tính hệ thống, cần có sự đổi mới toàn diện cả về tư duy quản lý, cơ chế chính sách, trách nhiệm chính trị của các cấp lãnh đạo, chỉ huy và phải có biện pháp thực hiện hiệu quả.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thông qua công tác thống kê, báo cáo, kết hợp khảo sát, điều tra thực tế, có thể thấy, trong thời gian qua, tiến độ giải ngân tại nhiều dự án trọng điểm của BQP đã có chuyển biến tích cực. Cụ thể: (1). Tỷ lệ giải ngân từng bước được cải thiện; trong giai đoạn 2020 - 2024, tỷ lệ giải ngân VĐTC hằng năm của BQP đạt trung bình từ 85% ÷ 92% kế hoạch được giao, có năm đạt trên 95% (cao hơn mức trung bình của cả nước). Một số đơn vị chủ đầu tư tiêu biểu như Bình chủng Công binh, Quân khu 5, Quân chủng Phòng không - Không quân có tỷ lệ giải ngân ổn định và tiến độ triển khai các dự án bảo đảm theo yêu cầu nhiệm vụ. (2). Quy trình lập và phân bổ kế hoạch vốn có nhiều cải thiện, BQP đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn quy trình lập, phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Cơ chế giao vốn từng bước được chuẩn hóa, rút ngắn thời gian trình duyệt, bảo đảm tính kịp thời, bảo mật để các đơn vị có thể triển khai đúng tiến độ. (3). Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu gắn liền với hiệu quả công tác giải ngân vốn các dự án và chất lượng dự án. Việc giải ngân vốn được đưa vào nội dung đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của thủ trưởng các đơn vị. Nhờ đó, một số chỉ huy đơn vị đã chủ động hơn trong công tác quản lý dự án, bám sát kế hoạch vốn, chỉ đạo quyết liệt để bảo đảm tiến độ giải ngân. (4). Tăng cường sự phối hợp, hiệp đồng giữa các cơ quan như Cục Tài chính, Cục Kế hoạch - Đầu tư, Cục Kinh tế (nay

sáp nhập thành Cục Tài chính) và các Ban Quản lý dự án. Việc chia sẻ thông tin, xử lý vướng mắc về hồ sơ, thủ tục thanh toán được thực hiện linh hoạt hơn, hỗ trợ các đơn vị chủ đầu tư trong quá trình triển khai.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác giải ngân các dự án trong BQP vẫn còn tồn tại một số bất cập, như: (1). Tiến độ giải ngân chưa đồng đều giữa các đơn vị; bên cạnh các đơn vị chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân cao thì vẫn còn một số đơn vị có tỷ lệ giải ngân thấp dưới 60%, kéo dài qua nhiều quý trong năm. Có hiện tượng dồn ép giải ngân vào cuối năm, ảnh hưởng đến chất lượng thi công, quyết toán. (2). Vẫn còn dự án không bảo đảm thời gian chuẩn bị đầu tư theo quy định. Một số hồ sơ thiết kế - dự toán chưa đạt yêu cầu phải điều chỉnh, thẩm định lại nhiều lần, gây kéo dài thời gian triển khai. (3). Năng lực cán bộ quản lý dự án chưa đồng đều. Tại nhiều đơn vị, cán bộ kiêm nhiệm công tác đầu tư còn thiếu kinh nghiệm, chưa được đào tạo bài bản về quản lý đầu tư, kế toán xây dựng cơ bản, dẫn đến việc lập hồ sơ giải ngân còn sai sót. (4). Việc theo dõi tiến độ giải ngân chủ yếu thực hiện bằng phương pháp thủ công, thiếu hệ thống phần mềm quản lý tập trung, chưa đáp ứng yêu cầu minh bạch hóa và kịp thời cảnh báo những dự án có nguy cơ chậm tiến độ. (5). Thiếu cơ chế ràng buộc trách nhiệm cụ thể. Việc chậm giải ngân chưa đi đôi với cơ chế xử lý trách nhiệm rõ ràng đối với tập thể, cá nhân để xảy ra sai sót. Điều này làm giảm tính chủ động và tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ liên quan.

Nguyên nhân của thực trạng trên là tổng hợp của nhiều yếu tố, bao gồm cả nguyên nhân khách quan như: Cơ chế chính sách còn nội dung chồng chéo, bất cập; đặc thù các dự án quốc phòng chưa được thể chế hóa đầy đủ... và nguyên nhân chủ quan, như: Năng lực tổ chức thực hiện

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

dự án có thời điểm còn hạn chế, thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong Bộ, chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư chưa cao, trách nhiệm của người đứng đầu có lúc chưa được phát huy...

Trước bối cảnh Chính phủ đặt quyết tâm cao trong việc thúc đẩy giải ngân VĐTC nhằm phục hồi và phát triển kinh tế, đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới, để nâng cao năng lực giải ngân các dự án sử dụng VĐTC trong BQP, cần triển khai đồng bộ các giải pháp từ thể chế, tổ chức thực hiện đến nâng cao năng lực cán bộ và ứng dụng công nghệ. Trong đó, các nhóm giải pháp trọng tâm sau đây cần được ưu tiên triển khai:

Một là, nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư. Công tác chuẩn bị đầu tư là khâu mở đầu nhưng có tính chất quyết định đến tiến độ, chất lượng triển khai và khả năng giải ngân dự án. Thực tiễn cho thấy, nhiều dự án trong BQP bị chậm tiến độ do khâu chuẩn bị chưa kỹ, hồ sơ không hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ giữa các bước: Lập đề xuất dự án, phê duyệt chủ trương đầu tư, lập dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, dự toán và lựa chọn nhà thầu. Do đó, cần rà soát, hoàn thiện quy trình chuẩn bị đầu tư theo hướng khoa học, chặt chẽ, gắn trách nhiệm cụ thể với từng đơn vị, cá nhân phụ trách. Trong quá trình lập dự án, cần tăng cường phối hợp giữa cơ quan tài chính, hậu cần - kỹ thuật và chủ đầu tư để đảm bảo tính khả thi và đồng bộ trong thiết kế, kế hoạch vốn và thời gian thực hiện. Ngoài ra, cần tăng cường công tác thẩm định dự án ngay từ đầu, hạn chế tình trạng điều chỉnh nhiều lần khi triển khai, gây phát sinh thời gian và chi phí. Đối với các dự án có tính chất đặc thù, cần có hướng dẫn riêng về lập và trình hồ sơ để tránh tình trạng “áp dụng máy móc” các quy định dân sự vào lĩnh vực quân sự, làm chậm quy trình phê duyệt. Đối với

các dự án mở mới trong năm, căn cứ danh mục dự án trong kế hoạch mở mới được duyệt và kế hoạch vốn được giao, các cơ quan, đơn vị khẩn trương hoàn tất thủ tục đầu tư các dự án khởi công mới trong kế hoạch chi xây dựng cơ bản trong năm theo quy định của Luật Đầu tư công. Tập trung chỉ đạo, rà soát tiến độ, phê duyệt kế hoạch thực hiện và tiến độ giải ngân chi tiết cho từng dự án, gói thầu; thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tiến độ thi công, nghiệm thu, thanh toán; kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu, đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ thực hiện; khi có khôi lưỡng hoàn thành được nghiệm thu, khẩn trương làm thủ tục thanh toán.

Hai là, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đầu tư và tài chính dự án. Con người luôn có vai trò quyết định đến tiến độ giải ngân các dự án. Hiện nay, tại nhiều đơn vị, cán bộ làm công tác đầu tư thường kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản, thiếu kinh nghiệm xử lý các tình huống thực tiễn như thay đổi kế hoạch vốn, điều chỉnh thiết kế, phối hợp với các cơ quan kiểm soát chi. Trước thực trạng đó, cần xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về quản lý dự án đầu tư công, tài chính dự án, kế toán xây dựng cơ bản cho đội ngũ cán bộ trong toàn quân, đặc biệt tại các đơn vị có quy mô đầu tư lớn. Nội dung đào tạo cần gắn với thực tế, tập trung vào các tình huống nghiệp vụ cụ thể, kỹ năng lập hồ sơ thanh toán, kỹ năng làm việc với Kho bạc Nhà nước và cơ quan tài chính. Hình thức đào tạo có thể thực hiện bằng tổ chức lớp học tập trung hoặc học online trên các nền tảng trực tuyến, qua hệ thống mạng quân sự. Bên cạnh đào tạo, cần có cơ chế đánh giá năng lực cán bộ và bố trí nhân sự hợp lý. Với các dự án quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp, cần giao cho các cán bộ có kinh nghiệm, năng lực và từng trực tiếp triển khai dự án tương

tự. Bộ Quốc phòng cần xây dựng các tổ hỗ trợ chuyên gia theo vùng miền để kịp thời hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn quy trình giải ngân cho các đơn vị tuyến dưới, tránh xảy ra tình trạng “lúng túng, chờ hướng dẫn”.

Ba là, đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và giải ngân các dự án. Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giải ngân là một bước đi tất yếu, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, minh bạch hóa quy trình, giảm bớt thời gian xử lý và phòng ngừa rủi ro trong quá trình thực hiện dự án. Bộ Quốc phòng cần xây dựng hệ thống phần mềm quản lý đầu tư công dùng chung cho toàn quân, kết nối giữa các đơn vị chủ đầu tư, cơ quan tài chính, kế hoạch đầu tư và chỉ huy các cấp. Hệ thống này cần cho phép theo dõi tiến độ thực hiện, tỷ lệ giải ngân theo thời gian thực, cảnh báo các điểm nghẽn và hỗ trợ thống kê - phân tích dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Ngoài ra, cần đầy mạnh số hóa quy trình xử lý hồ sơ thanh toán, ứng dụng chữ ký số nội bộ và kết nối với hệ thống của Kho bạc Nhà nước, Bộ Tài chính để rút ngắn thời gian kiểm soát chi. Việc triển khai một hệ thống quản lý đồng bộ không chỉ giúp kiểm soát tiến độ giải ngân mà còn tạo cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và báo cáo nhanh chóng, chính xác.

Bốn là, tăng cường kiểm tra, giám sát tiến độ và xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể chậm giải ngân. Giám sát và đánh giá tiến độ là công cụ quản lý quan trọng để bảo đảm tiến độ giải ngân theo đúng kế hoạch. Hiện nay, tại một số đơn vị, việc chậm giải ngân không được phát hiện và xử lý kịp thời, do thiếu cơ chế kiểm tra định kỳ và thiếu công cụ theo dõi hiệu quả. Để khắc phục tình trạng này, BQP cần xây dựng kế hoạch kiểm tra tiến độ giải ngân hàng quý, lồng ghép với các

cuộc kiểm tra chuyên đề, kiểm tra thường xuyên tại đơn vị. Kết quả kiểm tra cần được tổng hợp, công khai trong nội bộ ngành để kịp thời rút kinh nghiệm; đồng thời, khuyến khích tinh thần thi đua, trách nhiệm.

Đặc biệt, cần gắn kết quả giải ngân với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu đơn vị và cán bộ phụ trách. Trường hợp đơn vị chậm giải ngân kéo dài, cần tổ chức kiểm điểm, làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của các cá nhân, tập thể có liên quan, từ đó có hình thức xử lý phù hợp. Bên cạnh chế tài, cần có chính sách khuyến khích đơn vị hoàn thành vượt tiến độ giải ngân, như ưu tiên bố trí vốn năm sau, khen thưởng tập thể, cá nhân có sáng kiến trong cải tiến thủ tục, tăng hiệu quả sử dụng vốn. Lưu ý, trước ngày 30/9 hàng năm, các đơn vị rà soát kết quả thực hiện vốn đầu tư của các dự án được giao trong năm, tổng hợp đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn đối với các dự án không có khả năng thực hiện cho các dự án có khả năng đầy nhanh tiến độ và các dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành còn thiếu vốn. Đến ngày 31/12, các đơn vị thanh toán, quyết toán hết dự toán ngân sách đã được chuyển nguồn ngân sách một năm; giải ngân tối đa kế hoạch vốn trong năm được giao và chịu trách nhiệm trước Bộ về số dự toán bị Nhà nước thu hồi.

Năm là, hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư công phù hợp với đặc thù quốc phòng. Một trong những điểm nghẽn mang tính hệ thống hiện nay là việc áp dụng cơ chế đầu tư công thống nhất cho tất cả các bộ, ngành, trong khi các dự án quốc phòng có nhiều yếu tố đặc thù như yêu cầu bảo mật, địa bàn hoạt động rộng, thời gian triển khai linh hoạt và yêu cầu kỹ thuật cao. Vì vậy, BQP cần chủ động kiến nghị Chính phủ, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung các quy

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

định pháp luật theo hướng cho phép áp dụng một số cơ chế đặc thù trong thẩm định, đấu thầu, điều chỉnh dự án và phê duyệt kế hoạch vốn. Đối với các dự án cấp bách, phục vụ trực tiếp nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, cần có cơ chế rút gọn hồ sơ, rút ngắn thời gian thẩm định, trình phê duyệt. Ngoài ra, cần nghiên cứu mở rộng quyền tự chủ cho các chủ đầu tư trong phạm vi dự toán được giao, cho phép linh hoạt trong điều chuyển khối lượng, điều chỉnh thiết kế - dự toán trong trường hợp phép mà không cần trình duyệt lại từ cấp trên. Điều này sẽ giúp tiết kiệm thời gian, tăng tính chủ động trong triển khai dự án mà vẫn bảo đảm nguyên tắc quản lý chặt chẽ về tài chính.

Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị trong toàn quân cần tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, ngày 11/11/2021 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của BQP quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng VĐTC và nguồn vốn ngân sách quốc phòng; về đẩy nhanh thực hiện thủ tục đầu tư dự án mới thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách quốc phòng năm 2021 - 2025; về đẩy nhanh thực hiện thủ tục đầu tư dự án mới năm 2025 và các dự án mới thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách quốc phòng năm 2026 - 2030... Triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp giải ngân kế hoạch vốn theo đúng thời gian quy định; đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện thủ tục đầu tư đối với các dự án được mở mới hằng năm.

IV. KẾT LUẬN

Có thể nhận thấy rằng, trong thời gian qua, BQP đã có nhiều nỗ lực cải thiện năng lực giải ngân các dự án, thể hiện ở một số chỉ số tích cực như tỷ lệ giải ngân bình quân khá cao so với mặt bằng chung cả nước, quy trình giao kế hoạch vốn dần được

chuẩn hóa, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng từng bước hiệu quả hơn. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giải ngân vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế như sự chênh lệch tiền độ giữa các đơn vị, công tác chuẩn bị đầu tư chưa thực sự chất lượng, năng lực cán bộ không đồng đều, ứng dụng công nghệ thông tin còn ở mức thấp và đặc biệt là cơ chế chính sách chưa thực sự phù hợp với tính chất đặc thù của các dự án quốc phòng. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực hiện kế hoạch đầu tư công của BQP mà còn gây lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, làm chậm tiến trình hiện đại hóa quân đội trong bối cảnh yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc ngày càng cao. Trên cơ sở đánh giá thực trạng và những yêu cầu cấp thiết đặt ra, bài viết đã đề xuất 5 nhóm giải pháp trọng tâm, bao gồm: (1) nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư; (2) tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý đầu tư; (3) đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; (4) tăng cường giám sát, xử lý trách nhiệm và (5) hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với lĩnh vực quốc phòng. Đây là những giải pháp có tính khả thi, có thể triển khai đồng bộ, phù hợp với đặc điểm tổ chức và yêu cầu quản lý của BQP, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng VĐTC, bảo đảm tiến độ thực hiện các nhiệm vụ chiến lược của quân đội trong tình hình mới♦

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (2021), *Nghị định số 99/2021/NĐ-CP*, Hà Nội.
- Cục Tài chính (2025), *Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn 2021 - 2025 và giải ngân năm 2025 của các dự án đầu tư xây dựng*, Hà Nội.
- Quốc hội (2024), *Luật Đầu tư công 58/2025/QH15*, Hà Nội.

BIỆN PHÁP TẠO NGUỒN VẬT CHẤT BẢO ĐẢM HẬU CẦN, KỸ THUẬT THƯỜNG XUYÊN CHO LỰC LƯỢNG HẢI QUÂN TRÊN CÁC ĐẢO XA BỜ

Thiếu tá, CN. NGUYỄN HUY VĨ
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

Đối với các đảo xa bờ có lực lượng hải quân (LLHQ) đứng chân, công tác tạo nguồn vật chất hậu cần (VCHC) thường xuyên có vai trò rất quan trọng trong bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HCKT) thường xuyên. Tuỳ tình hình, nhiệm vụ của các đảo xa bờ; đặc điểm, yêu cầu bảo đảm mỗi loại VCHC... mà có biện pháp tạo nguồn cho phù hợp.

CÁC đảo xa bờ của nước ta có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế và chủ quyền quốc gia; tạo thành một tuyến phòng thủ tiền tiêu để bảo vệ sườn phía Đông của đất nước. Phần lớn các đảo xa bờ thường có diện tích nhỏ; nguồn nước ngọt rất hạn chế (nhiều đảo không có); với khí hậu hải dương, nhiều gió, độ ẩm cao, ít biến động nhiệt độ trong ngày nhưng bị ảnh hưởng mạnh bởi bão hoặc áp thấp nhiệt đới; có hệ động thực vật biển đa dạng, nhiều loài đặc hữu; việc đi lại và giao lưu với đất liền gặp khó khăn. Hiện nay, trên một số đảo xa bờ có LLHQ đứng chân thực hiện nhiệm vụ, với quy mô không lớn, trực thuộc các trung (lữ) đoàn hải quân. Để LLHQ trên đảo hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc, cần phải tiến hành đồng bộ nhiều vấn đề; trong đó, bảo đảm HCKT thường xuyên phải được chú trọng, nhất là công tác tạo nguồn VCHC thường xuyên.

Tạo nguồn VCHC thường xuyên bảo đảm cho LLHQ trên các đảo xa bờ gồm tổng thể các hoạt động nhằm phát hiện, tổ chức khai thác các loại VCHC phục vụ cho huấn luyện, học tập và sẵn sàng chiến đấu. Bao gồm các biện pháp xây dựng nguồn, khai thác, sản xuất, tiếp nhận, phân phối, cấp phát VCHC; do lực lượng HCKT trung (lữ)

đoàn làm nòng cốt thực hiện, đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ huy, chỉ đạo tập trung, thống nhất của đảng ủy, chỉ huy trung (lữ) và ngành nghiệp vụ cấp trên; nhằm cung cấp đầy đủ, kịp thời VCHC phục vụ nhu cầu hoạt động thường xuyên của người và phương tiện, góp phần nâng cao chất lượng sinh hoạt, học tập, huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu của LLHQ trên đảo. Vật chất hậu cần thường xuyên bảo đảm cho các đảo gồm có: Vật chất quân nhu (lương thực thực phẩm, nhu yếu phẩm, dụng cụ cấp dưỡng, chất đốt, quân trang, các trang thiết bị quân nhu...); vật chất quân y (thuốc, bông băng, trang bị y tế...); vật tư doanh trại (dầu thắp, doanh cụ, nhà bạt, vật liệu xây dựng...); vật chất xăng dầu (xăng, diezen, dầu mỡ phụ và trang bị kỹ thuật, vật tư xăng dầu...). Hiện nay, các loại VCHC thường xuyên bảo đảm cho các đảo thường được khai thác từ nguồn trên cấp, nguồn khai thác tại địa phương, nguồn tăng gia sản xuất (TGSX) của đơn vị, ngoài ra còn có nguồn hỗ trợ chi viện của các tổ chức chính trị - xã hội. Hằng năm, HCKT các trung (lữ) đoàn hải quân cung cấp các loại VCHC thường xuyên cho đảo theo các chuyến tàu (4 đợt/1 năm). Khảo sát công tác tạo nguồn VCHC thường xuyên bảo đảm cho LLHQ trên các đảo xa bờ giai đoạn 2019 ÷ 2024 cho thấy, lãnh đạo, chỉ huy các trung

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

(lữ) đoàn luôn quan tâm đúng mức đến công tác tạo nguồn, được cụ thể hóa trong nghị quyết lãnh đạo của đơn vị; cán bộ, nhân viên HCKT các trung (lữ) đoàn đã làm tốt vai trò tham mưu cho lãnh đạo, chỉ huy duy trì tốt nền nếp chế độ dự trữ, bảo quản, quản lý, sử dụng VCHC, kết hợp và khai thác có hiệu quả VCHC từ các nguồn để bảo đảm kịp thời, đủ tiêu chuẩn định lượng cho bộ đội; chỉ huy các đảo, các phân đội thường xuyên động viên đơn vị làm tốt công tác tạo nguồn VCHC tại chỗ. Qua đó, đã góp phần giữ vững và nâng cao chất lượng đời sống, sinh hoạt, học tập, công tác, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu cho LLHQ trên các đảo. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác tạo nguồn VCHC cho các đảo vẫn còn tồn tại bất cập, như: Chưa làm tốt công tác kế hoạch, phát huy tối đa khả năng, hiệu quả từ các nguồn bảo đảm; công tác TGSX gặp nhiều khó khăn; việc bảo quản, quản lý trong khai thác, sử dụng VCHC chưa chặt chẽ ảnh hưởng đến chất lượng tạo nguồn... Từ thực trạng trên, để nâng cao hiệu quả tạo nguồn VCHC thường xuyên bảo đảm cho LLHQ trên các đảo xa bờ, cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

Một là, làm tốt công tác giáo dục, nâng cao nhận thức cho toàn thể cán bộ, chiến sĩ đơn vị về công tác tạo nguồn VCHC thường xuyên. Công tác tạo nguồn VCHC thường xuyên do HCKT trung (lữ) đoàn làm nòng cốt với sự tham gia của toàn thể cán bộ, nhân viên, chiến sĩ đơn vị. Nếu cán bộ, nhân viên, chiến sĩ đơn vị nhận thức chưa đầy đủ về trách nhiệm của bản thân đối với công tác tạo nguồn VCHC thì sẽ dẫn đến chất lượng, hiệu quả công tác không cao, dễ bị xem nhẹ, bỏ qua. Vì vậy, đây là biện pháp rất quan trọng, cần được thực hiện thường xuyên, liên tục. Theo đó, cấp ủy, chỉ huy đơn vị cần tập trung giáo dục cho

cán bộ, nhân viên, chiến sĩ đơn vị hiểu rõ đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước, quân đội đối với công tác tạo nguồn VCHC; giáo dục quan điểm quần chúng, quan điểm phục vụ bộ đội, tự lực, tự cường của Quân đội ta trong bảo đảm HCKT; truyền thống của trung (lữ) đoàn và các đảo. Tiếp tục bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên, chiến sĩ của đơn vị, nhất là chiến sĩ thay quân trên các đảo. Hình thức bồi dưỡng, giáo dục cần đa dạng, linh hoạt. Có thể thông qua các buổi sinh hoạt, học tập, giao ban, thông báo thời sự hoặc tổ chức các buổi quán triệt chỉ thị, nghị quyết các cấp về tạo nguồn VCHC cho cán bộ, nhân viên, chiến sĩ trong đơn vị...

Hai là, hiệp đồng chặt chẽ, khai thác có hiệu quả các nguồn vật chất. Đối với nguồn bảo đảm của trên, HCKT trung (lữ) đoàn phải nắm chắc nhiệm vụ của đảo và chỉ tiêu kế hoạch, chế độ, tiêu chuẩn của bộ đội để tính toán nhu cầu sát đúng. Chủ động liên hệ với cơ quan HCKT cấp trên để xây dựng kế hoạch tiếp nhận cụ thể, khoa học. Tổ chức quản lý, bảo quản tốt các loại VCHC trong tất cả các khâu vận chuyển, bảo quản, dự trữ và sử dụng. Đối với nguồn khai thác, thu mua tại địa phương, HCKT trung (lữ) đoàn phải nắm chắc phân cấp bảo đảm; từ đó lựa chọn cơ sở cung cấp uy tín để ký kết hợp đồng mua bán các loại VCHC đơn vị được khai thác. Kiểm tra, quản lý chặt chẽ số lượng, chất lượng, nguồn gốc VCHC; có phương pháp bao gói, dự trữ, tiếp nhận phù hợp với từng loại VCHC. Đối với nguồn hỗ trợ từ các tổ chức chính trị, xã hội, HCKT trung (lữ) đoàn cần nắm chắc nhu cầu thực tế của từng đảo, từng bộ phận để tham mưu, đề xuất với các tổ chức chính trị - xã hội trên hoặc ngoài địa bàn về nội dung hỗ trợ, bảo đảm tính thiết thực, đồng bộ. Quá trình tiếp nhận, kiểm kê, bảo quản và phân

phối nguồn hỗ trợ cần được tổ chức chặt chẽ, đúng quy định; tuân thủ nghiêm quy trình nghiệp vụ, bảo đảm đúng đối tượng, đúng mục đích.

Bà là, chủ động, tích cực TGSX, thực hành tiết kiệm tại đơn vị, đảo. Trong điều kiện cách biệt với đất liền, vận chuyển khó khăn, việc tiến hành TGSX để tạo nguồn thực phẩm tại chỗ trên các đảo có ý nghĩa rất lớn, thiết thực cải thiện và nâng cao chất lượng bữa ăn của bộ đội. Do trên đảo đất đai cằn cỗi, thiếu nước ngọt, thường xuyên có gió mạnh và hơi nước mặn cao; cho nên, phương hướng TGSX của đảo cần tập trung vào chăn nuôi và trồng rau. Căn cứ điều kiện tự nhiên, biên chế quân số trên mỗi đảo để lựa chọn hình thức tổ chức TGSX phù hợp. Đối với các đảo cấp 1 nên lựa chọn hình thức tổ chức TGSX tập trung; bởi vì, trên các đảo cấp 1 có quân số tương đối cao, sản phẩm từ TGSX tập trung được sử dụng hàng ngày với khối lượng lớn; điều kiện địa lý, tự nhiên có thuận lợi hơn. Đối với các đảo, điểm đảo khác, nên áp dụng hình thức tổ chức TGSX phân tán; nhằm sản xuất ra khối lượng thực phẩm phù hợp để phục vụ đời sống hàng ngày của bộ đội. Trên các đảo nồi, mỗi phân đội cần xây dựng 1 vườn rau kích thước 4 x 5 m. Theo đó, đảo cấp 1 sẽ có $12 \div 13$ vườn, đảo cấp 2 có $8 \div 10$ vườn; đảo cấp 3 có $5 \div 6$ vườn. Các vườn rau cần quy hoạch phù hợp với thế bờ trí chung của đảo; có tường bao để che chắn sóng, gió và hạn chế nước biển xâm nhập. Tường bao thường cao 1,4m để vừa bảo đảm được yêu cầu quân sự (về tầm quan sát, hỏa lực...), vừa bảo đảm tính mỹ quan và phù hợp với địa thế của các đảo. Riêng các vườn rau di động của các phân đội (được tạo thành từ các khay composit đựng đất trồng) cần bố trí hợp lý, bảo đảm thuận tiện trong di chuyển khi có bão to, gió

lớn. Trong vườn trồng nhiều chủng loại rau theo mùa vụ, như rau muống, rau dền, cải ngọt, cà và mồng tơi. Ngoài ra, các phân đội có thể tận dụng đất xung quanh các lô cốt, ụ súng để trồng các giàn mướp, bầu, bí; mỗi giàn có diện tích từ $10 \div 15m^2$. Về chăn nuôi, các đảo cần chú trọng nuôi các loại gia cầm như gà, vịt, ngan... Các loại gia cầm trước khi đưa ra đảo phải tiêm phòng bệnh, đảm bảo chất lượng và được chăn thả trong môi trường biển (khoảng $15 \div 20$ ngày) để vật nuôi thích nghi.

Để nâng cao hiệu quả công tác TGSX trên đảo, HCKT các trung (lữ) đoàn cần bảo đảm đủ giống, vật tư, nông cụ theo thông tư số 72/2021/TT-BQP, ngày 23/6/2021 của Bộ Quốc phòng; với lực lượng hải quân, cụ thể như sau:

Hạt giống các loại: 1 kg/người/năm;

Phân bón NPK: 3 kg/người/năm;

Phân hữu cơ vi sinh: 5 kg/người/năm;

Đất màu: 10 kg/người/năm;

Khay composit: 1 cái/5 người/năm (đối với các đảo nồi cấp III, đảo chìm).

Chế phẩm sinh học xử lý chất thải chăn nuôi: 0,6 kg/người/năm (đối với đảo nồi cấp I, II); 0,5 kg/người/năm (đối với đảo nồi cấp III, đảo chìm).

Căn cứ kế hoạch vận chuyển cho đảo, HCKT các trung (lữ) đoàn tổ chức cung ứng đầy đủ, kịp thời vật tư trồng rau đáp ứng yêu cầu mùa vụ. Tại đảo, khi tiếp nhận, các loại vật tư sản xuất cần nhập kho, có phương pháp bảo quản phù hợp, không để hạt giống bị mốc, hư hỏng. Đồng thời, cung cấp đủ vật tư trong chăn nuôi, bao gồm nguyên, vật liệu để xây dựng hệ thống chuồng trại; thức ăn chăn nuôi; thuốc thú y dùng để phòng chữa bệnh gia súc, gia cầm... Hệ thống chuồng trại được cấp trên đầu tư xây dựng 1 lần; các loại vật tư khác được cung ứng hàng năm

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

theo các chuyến tàu cấp hàng cho các đảo. Hậu cần - kỹ thuật các trung (lữ) đoàn cần lựa chọn các loại thức ăn chăn nuôi có thời gian dự trữ, bảo quản được dài ngày trên đảo (như thóc, ngô hạt, sắn khô...); không nên sử dụng các loại thức ăn khó bảo quản như cám tổng hợp... Đối với các loại thuốc dùng để phòng và chữa bệnh, cần tiếp nhận các loại mới sản xuất để kéo dài thời gian sử dụng trên đảo. Cơ quan quân nhu kết hợp với quân y và các đảo tổ chức cung ứng vắc-xin tiêm phòng một số bệnh truyền nhiễm cho gia súc, gia cầm.

Bốn là, coi trọng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong bảo quản, quản lý, khai thác, tiếp nhận, sử dụng VCHC thường xuyên. Tổ chức quản lý chặt chẽ ngay từ khâu lập kế hoạch tạo nguồn VCHC; coi trọng việc xác định chỉ tiêu kế hoạch bảo đảm khoa học, phù hợp, đáp ứng đủ nhu cầu của đảo; quản lý chặt chẽ về số lượng, chất lượng, giá cả từng mặt hàng; nhu cầu về kinh phí mua hàng; thời gian thực hiện công việc. Quản lý chặt chẽ hợp đồng mua bán và thanh quyết toán, gồm: Hồ sơ, thủ tục hợp đồng; địa chỉ mua hàng, hệ thống các chỉ tiêu số lượng, chất lượng; thời gian giao, nhận hàng; trách nhiệm của các bên trong hợp đồng mua bán và thời gian hoàn thành, thanh toán hợp đồng. Chú trọng việc kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất, chế biến hàng tại nơi sản xuất về chất lượng, bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, tiến độ và thời gian theo hợp đồng. Trong tiếp nhận, vận chuyển cần tiến hành cân, đo, đong, đếm cụ thể; nhận đủ số lượng, chất lượng hàng theo mẫu đã hiệp đồng; ngoài người giao và người nhận còn có người chứng kiến giám sát; giao nhận hàng xong phải ký nhận đầy đủ và ghi chép sổ sách thống kê chặt chẽ, rõ ràng; chuẩn bị tốt về phương tiện vận chuyển trên bờ và trên biển, dụng cụ bao gói, chứa đựng, che

mưa, che nắng, chống hơi mặn xâm nhập trong quá trình vận chuyển từ bờ ra cảng cho các đơn vị trên đảo.

Tạo nguồn VCHC thường xuyên là một nội dung quan trọng; là điều kiện tiên quyết góp phần bảo đảm kịp thời, đầy đủ nhu cầu VCHC bảo đảm cho LLHQ trên các đảo xa bờ; góp phần vào kết quả hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao của các lực lượng. Để thực hiện tốt công tác tạo nguồn VCHC thường xuyên, HCKT các trung (lữ) đoàn cần áp dụng đồng bộ và vận dụng linh hoạt các biện pháp bài báo nêu, phù hợp với thực tiễn hoạt động của từng đảo; đồng thời, cần phát huy trách nhiệm của mọi tập thể, cá nhân, nhất là vai trò nòng cốt của đội ngũ cán bộ, nhân viên, chiến sĩ HCKT các cấp để tạo nguồn VCHC được tốt hơn trong mọi điều kiện♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2021), *Thông tư số 72/2021/TT-BQP về tiêu chuẩn TGSX và tiêu chuẩn TGSX tăng thêm*, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (2008), *Giáo trình một số vấn đề về tạo nguồn bảo đảm và tổ chức dự trữ VCHC*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1658-NQ/QUTW về công tác hậu cần quân đội đến năm 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
4. Quân chủng Hải quân (2021), *Những điều cần biết về hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và khu vực thềm lục địa phía Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội.
5. Lữ đoàn 146 Hải quân (2019 ÷ 2024), *Báo cáo công tác hậu cần năm*, Khánh Hòa.
6. Nguyễn Huy Vĩ (2025), *Tạo nguồn vật chất hậu cần thường xuyên cho các đảo thuộc quần đảo Trường Sa*, Đề tài Học viện Hậu cần, Hà Nội.

NÂNG CAO TÍNH CHỦ ĐỘNG CỦA GIẢNG VIÊN TRƯỚC YÊU CẦU ĐỔI MỚI CÔNG TÁC GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ CHO CÁN BỘ HẬU CẦN - KỸ THUẬT QUÂN ĐỘI

Trung tá, ThS. TRƯƠNG TRÍ DŨNG
Khoa CTĐ, CTCT, Học viện Hậu cần

GIÁO dục lý luận chính trị (LLCT) cho cán bộ hậu cần - kỹ thuật (HCKT) tại các nhà trường quân đội có vai trò đặc biệt quan trọng; nhằm giúp cho người học có sự hiểu biết sâu sắc, đầy đủ, toàn diện hơn về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; củng cố niềm tin và bản lĩnh chính trị, ý thức giai cấp và tinh thần yêu nước, phục vụ quân đội cho cán bộ HCKT; từ đó, thúc đẩy cán bộ HCKT tự giác, tự nguyện, hăng hái hành động, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao. Trong giáo dục LLCT cho cán bộ HCKT, sự chủ động của giảng viên luôn là nhân tố then chốt quyết định chất lượng; nhất là trong bối cảnh hiện nay đang đặt ra yêu cầu rất cao về đổi mới công tác giảng dạy LLCT, đòi hỏi phải nâng cao tính chủ động của đội ngũ giảng viên giảng dạy LLCT cho cán bộ HCKT xuất phát từ những vấn đề cơ bản sau đây:

Thứ nhất, từ vai trò của công tác giảng dạy LLCT và vai trò của người giảng viên trong các nhà trường quân đội. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi”. Người cũng nhấn mạnh, “có lý luận mà không làm tốt công tác giáo dục thì lý luận không đi vào cuộc sống, không đến với cán bộ, đảng viên và quần chúng, do đó, không trở thành hiện thực”. Ngày

nay, trước yêu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo cán bộ quân đội nói chung, cán bộ HCKT nói riêng, việc không ngừng đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác giáo dục LLCT đã trở thành một nhiệm vụ cấp thiết, mang tính chiến lược. Nhân tố có vai trò quyết định đến sự thành công của quá trình này chính là đội ngũ giảng viên. Bởi, đội ngũ giảng viên là lực lượng truyền đạt, bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, và trực tiếp góp phần hoàn thiện phẩm chất, nhân cách, đạo đức cách mạng và những giá trị cao đẹp của “Bộ đội Cụ Hồ” cho người học. Đồng thời, giảng viên LLCT còn là lực lượng nòng cốt tham gia nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn quân sự; trực tiếp chiến đấu trên mặt trận tư tưởng, lý luận; kiên quyết bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, góp phần giữ vững định hướng chính trị trong sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân (QĐND) Việt Nam “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”.

Thứ hai, từ mục tiêu, đối tượng đào tạo ở các nhà trường quân đội được giao nhiệm vụ đào tạo cán bộ HCKT. Mục tiêu đào tạo cán bộ HCKT ở các nhà trường là xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT, tài chính có bản lĩnh chính trị tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân; có ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm, tinh thần chủ động, sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ; có tư duy sáng tạo, trình độ chuyên môn, năng lực chỉ huy, quản lý đáp ứng yêu cầu cương

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

vị công tác và có tiềm năng phát triển lâu dài. Đây là lực lượng nòng cốt, trực tiếp quản lý, phân phối, sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất, trang bị, tài sản, ngân sách của quân đội. Các nguồn lực - từ “một đồng tiền, một bát gạo” đến các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại - đều là thành quả lao động của quân và dân. Chính vì vậy, phẩm chất đạo đức của người cán bộ HCKT có ảnh hưởng trực tiếp, sâu sắc đến hiệu quả quản lý, sức mạnh chiến đấu của toàn quân và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Quân đội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn, sự thiếu hụt các phẩm chất “cần, kiệm, liêm, chính” sẽ là mảnh đất dung dưỡng cho các hành vi tiêu cực, tham ô, lăng phí, gây tổn hại đến tài sản của Nhà nước, Quân đội và thanh danh “Bộ đội Cụ Hồ”. Do đó, sự chủ động của giảng viên trong giảng dạy LLCT nhằm xây dựng những chuẩn mực đạo đức cách mạng trong sáng cho cán bộ HCKT là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm.

Thực tiễn công tác GDCT tại Học viện Hậu cần đã đạt được kết quả tích cực. Trong báo cáo khảo sát chất lượng sĩ quan tốt nghiệp tại Học viện được các đơn vị trong toàn quân đánh giá cao ở nhóm tiêu chí chính trị, với 98,35% đạt mức Tốt về “Thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước” và 97,52% đạt mức Tốt về “Phẩm chất chính trị, đạo đức người cán bộ Hậu cần quân đội”. Những con số này là minh chứng sống động, khẳng định sự thành công trong việc định hình nền tảng chính trị vững chắc cho đội ngũ cán bộ HCKT, tài chính.

Thứ ba, yêu cầu từ nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, QĐND Việt Nam đang từng bước được xây dựng theo hướng “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”. Chủ trương này được cụ thể hóa trong các văn kiện có ý nghĩa

chiến lược, như: Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị “về tổ chức QĐND Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo”; Nghị quyết số 44-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; Nghị quyết số 230-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương “về điều chỉnh tổ chức, biên chế Quân đội giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo”. Trọng tâm của quá trình này là đổi mới tổ chức, biên chế và chức năng hoạt động, đòi hỏi phải có sự điều chỉnh căn bản, toàn diện về chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo, nhất là việc hình thành tư duy hệ thống, tư duy thực tiễn và năng lực thích ứng nhanh với môi trường công nghệ hiện đại.

Một trong những đột phá chiến lược để hiện đại hóa quân đội là đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển khoa học, công nghệ. Đây không chỉ là định hướng dài hạn mà còn là nhiệm vụ cấp bách, được triển khai với quyết tâm chính trị cao nhất. Lộ trình được xác định rõ ràng: Năm 2025: 80% cán bộ, chiến sĩ phải có hiểu biết cơ bản và được trang bị để tiếp cận công nghệ số. Đến năm 2026: 100% có khả năng sử dụng thiết bị thông minh phục vụ mọi nhiệm vụ. Tầm nhìn đến năm 2030: Toàn bộ hoạt động quản lý, chỉ huy, điều hành của quân đội sẽ được thực hiện trên môi trường số.

Sự tác động đồng thời của quá trình tái cấu trúc tổ chức và cuộc cách mạng chuyển đổi số đang đặt ra những yêu cầu mới, vừa cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài đối với đội ngũ giảng viên giảng dạy LLCT. Họ phải chủ động, sáng tạo đi trước một bước trong việc cập nhật tri thức, đổi mới phương pháp giảng dạy, và quan trọng nhất là phải gắn kết nhuần nhuyễn lý luận với thực tiễn của ngành HCKT trong bối cảnh chuyển đổi số.

Từ những luận giải trên, để nâng cao tính chủ động của giảng viên trong giảng dạy LLCT, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau đây:

Một là, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy và cơ quan chức năng các cấp trong nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên giảng dạy LLCT. Muốn vậy, cấp ủy, chỉ huy các nhà trường quân đội có nhiệm vụ đào tạo cán bộ HCKT cần quán triệt sự chỉ đạo của Trung ương và Bộ Quốc phòng, nhất là Quyết định số 3525/QĐ-BQP, ngày 03/8/2023 phê duyệt Đề án “Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong quân đội giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo”, để chủ động xây dựng kế hoạch tạo nguồn, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo giảng dạy LLCT đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa và nhiệm vụ trong tình hình mới. Đảng ủy, Ban Giám đốc (Ban Giám hiệu) các nhà trường quân đội cần xác định rõ chủ trương, biện pháp đột phá để nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập các môn LLCT; chỉ đạo sát sao việc đổi mới, nâng cao chất lượng bài giảng. Đồng thời, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, kịp thời uốn nắn những hạn chế, bảo đảm chất lượng giảng dạy luôn được duy trì và nâng cao. Các cơ quan chức năng, như: Phòng Đào tạo, Phòng Chính trị, Ban Khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục, đào tạo... phải đề cao trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các khoa giảng viên LLCT phát huy tính chủ động, sáng tạo.

Hai là, nâng cao phẩm chất, năng lực toàn diện của đội ngũ giảng viên giảng dạy LLCT. Thực tiễn đã chứng minh, tính chủ động, hấp dẫn của bài giảng LLCT phụ thuộc trực tiếp vào phẩm chất và năng lực của người thầy. Nếu giảng viên không thường xuyên tự học, tự rèn để nâng cao trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị và

tác phong sư phạm thì không thể đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn. Trong biên soạn bài giảng, giảng viên phải chủ động nghiên cứu sâu đối tượng đào tạo để lựa chọn nội dung, phương pháp và các minh chứng thực tiễn phù hợp; bảo đảm tính khoa học, tính đảng, tính thực tiễn và cập nhật những vấn đề mới. Giảng viên cần vận dụng sáng tạo, linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực, như: Nêu vấn đề, đối thoại, thảo luận nhóm... để kích thích tư duy người học, khắc phục triệt để lối dạy “độc thoại”, truyền thụ một chiều, kinh viện, xa rời thực tiễn. Đặc biệt, các minh chứng, tình huống thực tiễn phải được lựa chọn kỹ lưỡng, mang tính điển hình, khái quát và cập nhật, phản ánh sâu sắc hoạt động của các đơn vị, nhất là những vấn đề liên quan đến chuyển đổi số, ứng dụng AI trong quản lý, chỉ huy.

Ba là, tăng cường các hoạt động nghiên cứu thực tế và dự nhiệm ở đơn vị cho giảng viên các môn LLCT. Quán triệt sâu sắc phương châm “Kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục và đào tạo trong nhà trường với bồi dưỡng tại đơn vị và tự học, tự rèn trong quá trình công tác” của Quân ủy Trung ương, việc đi thực tế, dự nhiệm là biện pháp quan trọng, thiết thực để hiện thực hóa nguyên tắc “Gắn lý luận với thực tiễn, nhà trường với đơn vị”. Thông qua đó, giảng viên không chỉ rèn luyện bản lĩnh, tác phong, năng lực công tác mà còn kịp thời nắm bắt những đòi hỏi của thực tiễn; từ đó tích lũy những kinh nghiệm quý báu, những thông tin bổ ích để làm giàu thêm nội dung, phương pháp giảng dạy, bảo đảm “nhà trường đi trước đơn vị” và “chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”. Hoạt động này phải trở thành chế độ, có kế hoạch cụ thể, chặt chẽ và được thực hiện nghiêm túc ở tất cả các nhà trường.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Bốn là, phát huy vai trò tự đào tạo, tự bồi dưỡng của đội ngũ giảng viên LLCT. Để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, mỗi giảng viên phải là chủ thể tích cực trong quá trình tự đào tạo, tự bồi dưỡng. Chỉ có thông qua tự học, tự nghiên cứu, giảng viên mới có thể củng cố lập trường tư tưởng kiên định, vững vàng, có niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, biến đó thành động lực nội sinh mạnh mẽ. Mỗi giảng viên cần xây dựng cho mình một kế hoạch tự bồi dưỡng khoa học, xác định rõ những điểm mạnh cần phát huy, những hạn chế cần khắc phục để học hỏi từ nghị quyết, tài liệu, từ cấp trên, đồng nghiệp và từ thực tiễn. Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư và quá trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, giảng viên LLCT phải tiên phong trong cập nhật kiến thức mới, tự trang bị kỹ năng nền tảng về công nghệ thông tin, ngoại ngữ và tự duy phản biện để phục vụ hiệu quả cho nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

Năm là, tăng cường các điều kiện bảo đảm cho dạy học các môn LLCT. Đây là giải pháp mang tính nền tảng, tạo môi trường thuận lợi để nâng cao tính chủ động trong dạy và học LLCT. Các nhà trường quân đội cần ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện dạy học hiện đại, tiếp cận mô hình dạy học thông minh dựa trên nền tảng công nghệ số, như: Lớp học thông minh, thư viện điện tử, hệ thống quản lý học tập trực tuyến. Trước mắt, cần tập trung nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cho giảng viên, học viên trong mọi khâu của quá trình đào tạo, nhất là việc thiết kế bài giảng, biên soạn giáo trình, kiểm tra, đánh giá kết quả; qua đó, xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, tích cực, góp phần đào tạo các thế hệ cán bộ HCKT vừa “hồng” vừa “chuyên”.

Nâng cao tính chủ động của đội ngũ giảng viên giảng dạy LLCT cho cán bộ

HCKT là một yêu cầu tất yếu, cấp thiết, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong thời kỳ mới. Thực tiễn đòi hỏi người giảng viên phải không ngừng tự đổi mới, chủ động cập nhật tri thức, sáng tạo trong phương pháp, làm chủ công nghệ và gắn kết sâu sắc lý luận với thực tiễn chỉ huy, quản lý và bảo đảm. Các giải pháp bài báo đề xuất mang tính hệ thống, không chỉ tập trung vào việc nâng cao năng lực cá nhân giảng viên mà còn kiến tạo một môi trường sư phạm, cơ chế, chính sách thuận lợi để thúc đẩy sự phát triển toàn diện. Thực hiện tốt các giải pháp này sẽ góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT có bản lĩnh chính trị vững vàng, tư duy hiện đại và năng lực thực tiễn, đáp ứng yêu cầu xây dựng QĐND Việt Nam “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”♦

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2023), *Nghị quyết số 44-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 05-NQ/TW về tổ chức QĐND Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
3. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới*, Hà Nội.
4. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1658-NQ/QUTW về công tác hậu cần quân đội đến năm 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
5. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1656-NQ/QUTW về lãnh đạo công tác kỹ thuật quân đội đến năm 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.

BẢO VỆ HẬU CẦN, KỸ THUẬT TRUNG ĐOÀN BỘ BINH CƠ GIỚI THAM GIA TRẬN THEN CHỐT ĐÁNH ĐỊCH ĐỔ BỘ ĐƯỜNG KHÔNG TRONG CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG

Trung tá, TS. NGUYỄN ĐỨC TÚ
Viện nghiên cứu khoa học HCQS, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: Based on theoretical and practical research and influencing factors, this article proposes a number of measures for the logistical and technical protection of a mechanized infantry regiment within the combat formation of an infantry division under a corps, participating in the key battle attacking enemy airborne landings in a medium-scale offensive campaign on the Northern battlefield.

I. TÓM TẮT

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn và các yếu tố tác động; bài viết đề xuất một số nội dung, giải pháp bảo vệ hậu cần, kỹ thuật (HCKT) trung đoàn bộ binh cơ giới (eBBCG) trong đội hình chiến dịch, tham gia trận then chốt (TTC) đánh địch đổ bộ đường không (ĐBĐK) trong chiến dịch tiến công (CDTC) quy mô vừa trên chiến trường miền Bắc.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong CDTC, đánh địch tăng viện phản kích bằng đổ bộ đường không, eBBCG thuộc sư đoàn bộ binh cơ giới, thường đảm nhiệm hướng tiến công chủ yếu của TTC đánh địch ĐBĐK trong CDTC, có nhiệm vụ tiêu diệt sở chỉ huy lữ đoàn địch trong TTC và thực hiện các nhiệm vụ khác. Quá trình chiến đấu, công tác bảo vệ HCKT của eBBCG có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần quyết định khả năng duy trì sức chiến đấu, cơ động và hỏa lực liên tục của trung đoàn. Thực tiễn chiến tranh giải phóng và thông qua diễn tập CDTC đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý trong bảo vệ HCKT cần được kế thừa, phát triển. Tuy nhiên,

trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), địch sẽ sử dụng hỏa lực mạnh, độ chính xác cao, tác chiến điện tử, trinh sát đa miền và phương tiện bay không người lái (UAV) để tập kích mạng bão đầm. Do đó, bảo vệ HCKT của eBBCG càng quan trọng hơn và phải được thực hiện bằng những giải pháp phù hợp.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu trực tiếp của eBBCG là sở chỉ huy lữ đoàn địch (và lực lượng có liên quan) ĐBĐK chiến dịch, ứng cứu giải tỏa cho lực lượng đang bị ta tiến công. Địch được trang bị hiện đại, khả năng cơ động cao, có thể thay đổi nhanh hướng và khu vực đổ bộ. Trước khi ĐBĐK, địch thường sử dụng hệ thống vệ tinh, máy bay trinh sát, UAV để phát hiện lực lượng và tuyến bảo đảm HCKT của ta. Khi phát hiện, chúng tập trung hỏa lực pháo binh, tên lửa, UAV cảm tử để đánh phá kho, trạm, phương tiện vận tải, xe chiến đấu bộ binh, xe tăng, sát thương lực lượng bảo đảm của ta. Cùng với đó, địch còn đánh phá các đường vận tải, cầu, cống trong khu vực chiến đấu nhằm

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

chia cắt, làm gián đoạn hệ thống bảo đảm HCKT của eBBCG.

Để đánh địch, eBBCG tổ chức thành nhiều bộ phận, với lực lượng đa dạng, gồm: Bộ binh, xe tăng, xe chiến đấu bộ binh, pháo binh, công binh, thông tin, hóa học... Đội hình chiến đấu của eBBCG phân tán, phạm vi bố trí từ $8 \div 10 \text{ km}^2$, các tiểu đoàn được bố trí cách xa nhau. Do đó, HCKT của eBBCG phải bảo đảm cho nhiều đầu mối, trên địa bàn rộng, việc vận chuyển, bổ sung vật chất và cơ động phương tiện gặp nhiều trở ngại, dễ bị trinh sát đường không, vệ tinh, UAV phát hiện và đánh phá. Trong điều kiện chiến đấu ác liệt, địch thường tập trung hỏa lực chính xác cao vào khu vực tập kết, bố trí chiến đấu, tuyến vận tải, kho trạm HCKT và đội hình cơ động, gây tổn thất vật chất lớn, tiêu hao nhanh. Quá trình tổ chức cứu chữa, vận chuyển thương binh, bổ sung vật chất HCKT, các phương tiện cơ giới bộc lộ ngoài công sự khó giữ bí mật. Do đó, để duy trì hiệu quả bổ sung vật chất, cứu chữa thương binh và sửa chữa kỹ thuật ngay tại chỗ, bảo đảm an toàn, nâng cao hiệu quả bảo vệ HCKT của eBBCG, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, bố trí HCKT phân tán, triệt để tận dụng đường vận tải; tích cực ngụy trang, nghi binh. Trong chiến đấu, các cơ sở HCKT của eBBCG, như kho, trạm, điểm cấp phát, trạm quân y và khu giàu xe luôn là mục tiêu dễ bị phát hiện và tập kích. Thực tiễn trong kháng chiến chống Mỹ, không quân Mỹ đã nhiều lần tập kích vào các kho xăng dầu, đạn dược và bến phà của ta, gây tổn thất lớn về vật chất. Tuy nhiên, ở những đơn vị tổ chức phân tán kho hàng, ngụy trang kín đáo, kết hợp nghi binh bằng các kho giả thì thiệt hại được giảm thiểu rõ rệt. Còn trong chiến tranh Nga - Ukraina cũng cho thấy, nhiều kho nhiên liệu, đạn dược được bố trí tập trung của cả hai bên đã bị UAV cảm tử hoặc pháo phản lực chính xác phá hủy chỉ trong

thời gian ngắn, làm tê liệt cả một hướng tiến công. Từ thực tiễn đó, để đáp ứng yêu cầu bảo vệ, eBBCG cần tổ chức hệ thống kho, trạm theo hướng phân tán thành nhiều cụm nhỏ, mỗi cụm đủ bảo đảm trong $24 \div 48$ giờ chiến đấu; đồng thời, bố trí kho trung gian và kho dự phòng để tăng khả năng phục hồi. Các cơ sở này phải được ngụy trang đa phỗ, tận dụng công sự, địa hình tự nhiên, kết hợp với sử dụng lưới ngụy trang, khói che và mô hình kho giả nhằm đánh lừa trinh sát đối phương. Điểm cấp phát vật chất phải được vận hành theo nguyên tắc “nhanh - gọn - bí mật”, thời gian tồn tại không quá 60 phút, sau đó nhanh chóng cơ động hoặc xóa dấu vết để tránh bị phát hiện. Cùng với đó, eBBCG phải xây dựng hệ thống cảnh giới nhiều lớp xung quanh các kho, trạm, trong đó có lực lượng phòng không tầm thấp, trinh sát điện tử và đội phản ứng cơ động chống đột kích đường không. Thường xuyên tổ chức diễn tập phương án phân tán, ngụy trang, nghi binh và cơ động kho, trạm trong điều kiện có UAV và hỏa lực chính xác của địch.

Hai là, bảo vệ trang bị và phương tiện cơ giới bằng cơ động hợp lý, phân tán và bảo đảm kỹ thuật kịp thời. Trang bị và phương tiện cơ giới, gồm: Xe tăng, xe chiến đấu bộ binh, pháo tự hành, xe trinh sát cùng các phương tiện bảo đảm (xe vận tải, xitec chở nhiên liệu, xe cứu thương, xe cứu kéo) quyết định khả năng cơ động, áp sát và duy trì hỏa lực của eBBCG. Bảo vệ trang bị không chỉ là tránh bị tiêu diệt mà còn là duy trì khả năng khôi phục, giữ tỉ lệ sẵn sàng kỹ thuật ở mức cao trong suốt thời gian tác chiến. Thực tiễn trong kháng chiến chống Mỹ, các đơn vị tăng thiết giáp nào biết tổ chức ngụy trang và phân tán phương tiện thì giảm đáng kể tỷ lệ tổn thất; ngược lại, việc tập kết lộ thiên tại các bến vượt sông, khu tập kết đã khiến nhiều phương tiện bị loại khỏi hành tiến hoặc phải bỏ lại. Trong

chiến tranh Nga - Ukraine càng cho thấy nhiều phương tiện chủ lực bị UAV cảm tử và hỏa lực chính xác tiêu diệt ngay khi tập kết hoặc triển khai; đồng thời, tỉ lệ phương tiện ngừng hoạt động do hỏng kỹ thuật và thiếu phụ tùng rất lớn. Thực tiễn này đặt ra, trong bảo vệ, cần phải làm giảm khả năng bị phát hiện và nâng cao năng lực khôi phục.

Vì vậy, bảo vệ trang bị và phương tiện cơ giới của eBBCG cần tập trung vào ba vấn đề: (1). Tổ chức hành tiến và tập kết theo mô hình phân tán, cơ động; (2). Xây dựng mạng cứu kéo - sửa chữa cơ động để khôi phục tại chỗ; (3). Duy trì chế độ bảo dưỡng, dự trữ phụ tùng và huấn luyện kíp xe, thợ sửa chữa nhằm giảm tổn thất kỹ thuật. Tổ chức phân tán có nghĩa là bố trí phương tiện theo cụm nhỏ ($2 \div 4$ xe/tổ), giữ khoảng cách an toàn giữa cụm và quy định thời gian dừng tối đa ở mỗi vị trí; tiến hành ngụy trang đa lớp (che hình dạng, giảm IR, giảm phát xạ điện tử). Khi hành tiến áp dụng nguyên tắc dừng ngắn, di chuyển ngắn kết hợp sử dụng khói che, màn giảm nhiệt và vật thể giả tại một số hướng để lừa trinh sát địch. Khi tập kết ở bến vượt, khu chuyển tiếp phải ưu tiên các vị trí có che chắn tự nhiên, công sự bắn ngầm hoặc hầm tạm để giảm bộc lộ. Đối với mạng cứu kéo - sửa chữa, eBBCG cần tổ chức đội cứu kéo và tổ sửa chữa cơ động bám sát đội hình tiến công. Các trạm sửa chữa dã chiến được bố trí phân tầng từ tuyến trước đến hậu cứ; quy trình báo hỏng, gọi cứu kéo và xử lý tại chỗ phải rút ngắn về thời gian (mục tiêu: Gọi cứu kéo ≤ 20 phút, khôi phục hỏng nhẹ ≤ 24 giờ). Về trang bị kỹ thuật, mỗi đoàn xe cần mang theo "kit" phụ tùng tiêu hao phổ biến; cấp trung đoàn duy trì kho phụ tùng cơ động, chuẩn hóa các linh kiện thông dụng và sẵn sàng sử dụng kỹ thuật sản xuất nhanh (ví dụ in 3D) cho chi tiết thay thế đơn giản. Các vấn đề này cần được luật hóa bằng quy trình tác chiến (SOP) và củng cố bằng huấn luyện thường

xuyên. SOP phải quy định rõ đội hình hành tiến, khoảng cách an toàn, thời gian dừng tối đa, trình tự ngụy trang, thủ tục báo hỏng và lộ trình kêu gọi cứu kéo. Huấn luyện phải bao gồm diễn tập hành tiến phân tán, cứu kéo - sửa chữa dưới hỏa lực giả lập, thực hành ngụy trang IR/AN/EMCON và luyện tác chiến đoàn xe có hộ tống hỏa lực.

Ba là, tăng cường trang bị, huấn luyện kỹ năng chiến đấu chống UAV, nâng cao khả năng bảo vệ trong vận chuyển bổ sung vật chất, cứu chữa và vận chuyển thương, bệnh binh. Trong TTC đánh địch ĐBĐK, nếu lực lượng HCKT của eBBCG bị tổn thất thì sẽ làm gián đoạn bảo đảm vật chất HCKT, giảm tính cơ động và khả năng cứu chữa, vận chuyển thương binh, dẫn đến nguy cơ mất sức chiến đấu. Vì vậy, tăng cường trang bị và huấn luyện để nâng cao khả năng tự bảo vệ lực lượng HCKT là yêu cầu vừa có tính cấp bách, vừa mang ý nghĩa lâu dài trong xây dựng eBBCG. Thực tiễn trong kháng chiến chống Mỹ cho thấy, nếu đơn vị nào tổ chức tốt công tác sơ cứu tại chỗ và vận chuyển thương binh an toàn thì tỷ lệ cứu sống tại chiến trường đạt tới $65 \div 70\%$; ngược lại, chỉ đạt $40 \div 50\%$. Trong chiến tranh Nga - Ukraine, nhiều báo cáo quốc tế chỉ ra rằng, tỷ lệ thương vong gia tăng đáng kể khi các tuyến vận tải và cơ sở quân y bị UAV tập kích, lực lượng bảo đảm thiếu phương tiện cơ giới an toàn để chuyển thương. Những dẫn chứng này khẳng định rằng: Bảo vệ con người phải được tổ chức đồng bộ từ trang bị cá nhân, huấn luyện kỹ năng đối phó UAV cho đến vận tải bổ sung vật chất, cứu chữa, chuyển thương cơ động.

Nội dung giải pháp này tập trung vào bốn hướng then chốt: (1). Tăng cường trang bị cá nhân và chuyên dụng cho lực lượng HCKT và quân y. Ngoài các trang bị tiêu chuẩn như mũ chống mảnh, áo giáp, túi quân y cá nhân, cần bổ sung khí tài chống UAV tầm gần, thiết bị cảnh giới và gây nhiễu

đơn giản, cùng phương tiện che chắn, ngụy trang cá nhân để giảm nguy cơ bị phát hiện và tập kích. (2). Huấn luyện kỹ năng chiến đấu chống UAV và kỹ năng chiến trường cho mọi cán bộ, chiến sĩ, đặc biệt các kíp xe vận tải, xitec chở xăng dầu, xe cứu thương và xe cứu kéo. Nội dung huấn luyện bao gồm nhận diện UAV, triển khai che chắn, cơ động né tránh, sử dụng hỏa lực phòng vệ tầm gần; đồng thời, thực hành sơ cứu ban đầu, rút thương trong điều kiện hỏa lực, chuyển thương an toàn và phối hợp quân y phân tán. (3). Tổ chức vận chuyển bổ sung vật chất HCKT cơ động, phân tán và an toàn. Trung đoàn cần duy trì nhiều tuyến vận tải dự phòng, điểm trung chuyển tạm thời kết hợp phương tiện cơ giới quân sự với phương tiện dân sự được huy động, giảm phụ thuộc vào một trực cơ động duy nhất. Khi vận chuyển xăng dầu, đạn dược, quân y, phải áp dụng nghiêm ngặt nguyên tắc “nhanh - gọn - bí mật”, kết hợp khói ngụy trang và phân tán đội hình để tránh bị UAV trinh sát, tập kích. (4). Tổ chức cứu chữa và vận chuyển thương, bệnh binh theo hướng phân tán, cơ động. Các tổ quân y cơ động bám sát đội hình chiến đấu, các trạm thu dung bán ngầm đặt trong công sự hoặc tận dụng địa hình che chắn, trong khi tuyến vận chuyển thương binh phải kết hợp nhiều phương tiện: Xe bọc thép cứu thương, xe tải nhỏ, phương tiện dân sự huy động, lực lượng dân quân tự vệ phối hợp. Các trạm và tuyến này cần có phương án bảo vệ chống tập kích đường không, phòng UAV và chuẩn bị dự trữ thuốc men, vật tư y tế.

Triển khai đồng bộ các nội dung trên, sẽ nâng cao đáng kể khả năng tự bảo vệ lực lượng con người, giảm thiểu thương vong, duy trì sức chiến đấu liên tục cho eBBCG. Giải pháp này có ý nghĩa bảo đảm trực tiếp cho từng trận đánh then chốt, và còn góp phần xây dựng sức mạnh bền vững, đáp ứng yêu cầu chiến tranh công nghệ cao.

IV. KẾT LUẬN

Bảo vệ HCKT của eBBCG trong đội hình chiến đấu của sư đoàn bộ binh thuộc quân đoàn, tham gia TTC đánh địch ĐBĐK trong CDTC quy mô vừa, ở địa hình hỗn hợp là nhiệm vụ sống còn, quyết định khả năng duy trì sức chiến đấu trong điều kiện chiến tranh hiện đại. Các giải pháp bài báo đề xuất là hệ thống đồng bộ, giúp giảm thiểu tổn thất, giữ vững cơ động và hỏa lực của eBBCG nên cần vận dụng phù hợp♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2021), *Bảo đảm hậu cần eBBCG tiến công địch ĐBĐK*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tư lệnh Tăng thiết giáp (1999), *Tổng kết công tác hậu cần tăng thiết giáp trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1959 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Nguyễn Đình Chiến (2007), *Một số vấn đề về sử dụng BBCG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Khuất Duy Hoan (2011), *Nghiên cứu phát triển cách đánh của eBBCG trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Đề tài cấp Bộ Quốc phòng, Gia Lai.
5. Institute for the Study of War – ISW (2023), *Russian Offensive Campaign Assessment*.
6. UK Ministry of Defence (2022), *Intelligence Update: Destruction of Ukrainian Fuel Depots by Russian Drones*.
7. RAND Corporation (2023), *Improving Logistics Survivability Under Precision Strike Threats*, RAND Research Report.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TỔ CHỨC VẬN TẢI CƠ GIỚI CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU

Thượng tá, TS. TRỊNH TIẾN THÀNH

Học viện Lực lượng

Vận tải cơ giới là một trong những phương thức vận tải chủ yếu nhằm đưa lực lượng, vật chất, đạn dược, trang thiết bị, phương tiện đến đúng địa điểm, thời gian để duy trì hoạt động tác chiến liên tục. Vì vậy, tổ chức vận tải cơ giới phải được tiến hành theo kế hoạch thống nhất, chỉ huy, chỉ đạo, kiểm tra chặt chẽ từ trên xuống dưới. Bài viết làm rõ một số vấn đề về tổ chức vận tải cơ giới chiến dịch tiến công (CDTC) quy mô nhỏ trong tác chiến phòng thủ quân khu.

T RONG tương lai, nếu chiến tranh xảy ra, để tiến công đánh chiếm địa bàn quân khu của ta, địch sẽ sử dụng khoảng một cụm tác chiến liên hợp quân. Tuy nhiên, do bị ta chặn đánh quyết liệt, địch bị tổn thất lực lượng, không đủ sức tiến công, buộc phải chuyển vào phòng ngự. Khi đó, quân khu có thể mở CDTC quy mô nhỏ để tiêu diệt lữ đoàn bộ binh, bộ binh cơ giới địch đang lâm thời phòng ngự theo khu vực.

Dự báo, CDTC quy mô nhỏ trong tác chiến PTQK sẽ diễn ra trên địa bàn tương đối rộng thuộc 1 hoặc 2 tỉnh; thời gian thường gồm $2 \div 3$ đợt, mỗi đợt $2 \div 3$ ngày. Lực lượng chiến dịch khoảng 1 sư đoàn bộ binh, được quân khu tăng cường một số đơn vị binh chủng và bảo đảm, có sự tham gia phối hợp của các đơn vị bộ đội địa phương và dân quân tự vệ trên địa bàn tác chiến. Theo đó, chiến dịch thường tổ chức thành các lực lượng: Sở chỉ huy chiến dịch; lực lượng tạo thế, nghi binh; lực lượng tiến công địch trong công sự; lực lượng tiến công địch ứng cứu giải tỏa bằng đường bộ; lực lượng tiến công địch đổ bộ đường không; lực lượng binh chủng chiến đấu; lực lượng đánh pháo hợp, rộng khắp, đánh hiểm; lực lượng dự bị chiến

dịch; lực lượng hậu cần - kỹ thuật (HCKT) và một số lực lượng khác. Các lực lượng chiến dịch thường bố trí phân tán nhưng liên kết chặt chẽ, thống nhất theo một ý định tác chiến. Bên cạnh đó, trong chiến tranh hiện đại, diễn biến chiến dịch rất mau lẹ. Cho nên, vấn đề cơ động lực lượng trở nên cấp thiết và hết sức quan trọng, đặt ra những yêu cầu rất cao cho công tác vận tải chiến dịch.

Trong chiến tranh giải phóng đã để lại nhiều bài học quý về công tác vận tải. Thực tiễn chiến tranh cũng khẳng định, để tiếp tế và bổ sung đầy đủ vật chất HCKT đáp ứng sự phát triển nhanh chóng của các chiến dịch, nhất thiết phải làm tốt vận tải chiến dịch, coi đó là khâu trung tâm của công tác HCKT chiến dịch; phải tận dụng mọi khả năng vận tải bằng cơ giới (cả đường bộ và đường thủy), lấy vận tải cơ giới bằng đường bộ làm phương thức vận tải chủ yếu. Kế thừa, vận dụng, phát triển quan điểm trên trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai, tổ chức vận tải cơ giới trong CDTC cần tập trung thực hiện tốt một số vấn đề sau đây:

Thứ nhất, triển khai tuyến vận tải cơ giới mạnh. Tuyến vận tải cơ giới mạnh của CDTC là tuyến vận tải được triển khai hoàn

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

chỉnh, toàn diện, bao gồm: Kho tàng; điểm tiếp nhận, tập kết hàng hóa; đường sá; lực lượng vận tải, bảo đảm và các thành phần khác. Tuyến vận tải cơ giới của CDTC phải đủ khả năng tiếp nhận và bảo quản khối lượng hàng của tuyến chiến lược chuyển tới; có thể đưa hàng tới các tuyến chiến dịch và khu vực chiến đấu trên từng hướng với hiệu suất cao, kịp thời, an toàn trong các giai đoạn của chiến dịch.

Mạng đường: Là điều kiện hàng đầu để triển khai tuyến vận tải cơ giới mạnh của chiến dịch, bảo đảm vận tải lưu lượng lớn, trọng tải cao và tốc độ nhanh. Bao gồm nhiều tuyến đường, được nối liền với đường chiến lược, kéo đến các hướng chiến dịch và từng khu vực chiến đấu. Mỗi tuyến đường lại được lựa chọn chính xác và chuẩn bị chu đáo để có thể kéo dài và mở rộng theo yêu cầu phát triển của chiến dịch. Đặc biệt, trong điều kiện địa hình nước ta có nhiều sông, ngòi, mùa mưa thường có lũ lớn trên diện rộng, địch có lực lượng không quân mạnh, đánh phá ác liệt, nên việc tổ chức vượt sông trong mạng đường cần chuẩn bị chu đáo trước khi mở chiến dịch; chỉ huy, điều hành giao thông trên đường phải tiến hành có trật tự, khoa học. Vì vậy, tư lệnh và HCKT chiến dịch cần quan tâm đến tổ chức mạng đường vận tải.

Lực lượng vận tải cơ giới mạnh: Là bộ phận nòng cốt tạo nên tuyến vận tải cơ giới mạnh của chiến dịch; được tổ chức cân đối với yêu cầu của nhiệm vụ vận tải; được điều động kịp thời với số lượng đủ theo các kế hoạch vận tải của chiến dịch. Bao gồm đội ngũ lái xe và thợ sửa chữa có tay nghề cao, sức khỏe tốt, được giáo dục kỹ về mục đích, nhiệm vụ, phương châm tác chiến chiến dịch, yêu cầu công tác vận tải, có quyết tâm chiến đấu anh dũng và phương tiện vận tải cơ giới bảo đảm tốt về tình trạng kỹ thuật, luôn duy trì ở tư thế sẵn sàng cơ động trong mọi điều kiện. Ngoài lực lượng vận tải thường xuyên, chiến dịch phải tổ chức lực lượng dự bị,

được trang bị phương tiện tốt, bố trí nơi bí mật, tiện cơ động, kịp thời đáp ứng yêu cầu vận tải đột xuất trong quá trình tác chiến.

Kho tàng: Là bộ phận quan trọng hợp thành tuyến vận tải mạnh. Lực lượng vận tải cơ giới sử dụng càng lớn, khối lượng vận chuyển càng nhiều thì hệ thống kho tàng càng phải tổ chức hoàn chỉnh, chu đáo. Các kho tàng không những đủ sức tiếp nhận khối lượng hàng hóa đưa tới mà còn phải đạt được các yêu cầu về bảo quản, bố trí hợp lý, tiện cơ động, bí mật, an toàn theo điều kiện cho phép. Việc xếp dỡ hàng hóa được tổ chức tỉ mỉ, năng suất cao để giải phóng nhanh phương tiện vận tải.

Ngoài ra, để hình thành tuyến vận tải mạnh, chiến dịch cần giải quyết nhiều vấn đề khác, như: Tổ chức sửa chữa, bảo đảm thông tin liên lạc; bảo đảm HCKT cho lực lượng vận tải; có sự phân công, phân cấp rõ ràng giữa lực lượng vận tải cơ giới và thô sơ, giữa tuyến vận tải cơ giới của chiến dịch và tuyến vận tải chiến thuật.

Thứ hai, vận dụng linh hoạt các hình thức hoạt động của bộ đội vận tải cơ giới trong chiến dịch. Vận dụng các hình thức hoạt động của bộ đội vận tải cơ giới là vấn đề hết sức quan trọng; nếu vận dụng càng sáng tạo thì công tác vận tải càng được triển khai nhanh, an toàn, tiết kiệm. Trước hết, cần tổ chức hiệp đồng chặt chẽ với các kho, trạm, các lực lượng bảo đảm giao thông và bảo vệ trong quá trình vận tải. Đây là hình thức hoạt động rất thích hợp của bộ đội vận tải cơ giới trong CDTC, nhất là CDTC hiệp đồng binh chủng quy mô nhỏ. Do khối lượng vật chất của CDTC rất lớn và nhiều chủng loại; cho nên, vận tải phải khẩn trương mới đáp ứng kịp thời mọi yêu cầu tiếp tế, bổ sung vật chất, phương tiện trên các hướng chiến dịch và các đơn vị chiến đấu theo tiến trình phát triển chung của các tình huống. Trong điều kiện đó, chỉ có sự hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực

lượng mới bảo đảm cho VTCG nâng cao tốc độ, bảo đảm an toàn, tăng năng suất vận tải.

Trên mỗi cung, tuyến đường, trong mỗi chuyến vận tải, ngoài lực lượng công binh và giao thông còn có lực lượng phòng không hoặc bộ binh được bố trí theo các phương án. Do đó, cần có sự hiệp đồng chặt chẽ, cụ thể, chu đáo; lấy lực lượng vận tải của bộ đội vận tải làm trung tâm, phát huy mạnh mẽ vai trò của lực lượng công binh, phòng không. Kế hoạch hiệp đồng phải luôn có sự điều chỉnh, bổ sung kịp thời phù hợp với tình hình địch, địa hình, thời tiết và sự phát triển của chiến dịch.

Kết hợp giữa hoạt động tập trung với phân tán, đội hình phân đội lớn với đội hình phân đội nhỏ, chạy ngày với chạy đêm. Vận tải ban đêm là hình thức hoạt động quen thuộc, sở trường của bộ đội VTCG trong điều kiện bị địch đánh phá ác liệt. Trong giai đoạn chuẩn bị chiến dịch, để thực hiện những kế hoạch vận chuyển lớn, phục vụ chung cho chiến dịch và trên từng hướng được bí mật, kịp thời, thì việc sử dụng đội hình phân đội lớn để vận chuyển ban đêm rất phù hợp. Khi điều kiện cho phép, có thể vận chuyển cả ban ngày nhằm đẩy nhanh tốc độ cơ động, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Việc sử dụng đội hình phân đội nhỏ để chạy ngày hoặc lấn sớm, lấn chiều rõ ràng sẽ phù hợp với những kế hoạch vận chuyển nhỏ lẻ, đột xuất. Nó vừa có thể phục vụ kịp thời các yêu cầu tác chiến trong giai đoạn chiến dịch phát triển, vừa bảo đảm an toàn. Vì vậy, tổ chức, chỉ huy vận tải phải kiên quyết, linh hoạt khi lựa chọn một hình thức hoạt động nào đó, hoặc chuyển từ hình thức hoạt động này sang hình thức hoạt động khác. Trong mọi hình thức hoạt động, tổ chức phòng tránh, bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và hàng hóa phải luôn được coi trọng. Ở những nơi trú quân, các bãi giấu xe, vấn đề chấp hành kỷ luật trú quân, công sự, ngụy

trang cho người, phương tiện phải được hiện nghiêm túc, có nền nếp, kiểm tra, đôn đốc thường xuyên, liên tục.

Thứ ba, xây dựng và triển khai thực hiện tốt các kế hoạch vận tải. Triển khai tuyến vận tải và áp dụng các hình thức hoạt động trong vận tải xét cho cùng là để thực hiện thắng lợi các kế hoạch vận tải. Trong công tác vận tải quân sự, kế hoạch vận tải là mệnh lệnh chiến đấu, nhiệm vụ chiến đấu. Vì vậy, xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch vận tải chiến dịch là một nội dung cơ bản trong tổ chức vận tải chiến dịch.

Trước hết, kế hoạch vận tải phải phù hợp với mục đích, nhiệm vụ và phương hướng phát triển của chiến dịch. Do đó, khi lập kế hoạch phải căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ của chiến dịch và từng trận đánh; điều tra, nghiên cứu, nắm vững lực lượng và phương tiện vận tải, kho tàng, tình hình địch, ta, địa hình, thời tiết; phải dự báo những tình huống phát sinh cần giải quyết; chuẩn bị chu đáo lực lượng dự bị, tránh bị động, bất ngờ.

Kế hoạch vận tải (các cấp) đều được thực hiện với tinh thần kiên quyết và khẩn trương. Kết quả thực hiện kế hoạch vận tải không phải chỉ xem xét qua những con số về chủng loại, số lượng vật chất chuyển từ nơi này đến nơi khác. Điều quan trọng hơn là phải xem khối lượng vật chất, khí tài đó có thật sự được đưa tới cán bộ, chiến sĩ ở các mặt trận theo đúng yêu cầu hay không? Có phục vụ đắc lực cho việc hoàn thành nhiệm vụ chung của chiến dịch hay không? Vì vậy, trong tổ chức thực hiện các kế hoạch vận tải, phải luôn tìm mọi cách bảo đảm cho khả năng vận hành của các phương tiện được thông suốt, liên tục, giữ vững tuyến VTCG của chiến dịch với chiến lược và chiến thuật.

Khối lượng vật chất, khí tài phải huy động cho chiến dịch là rất lớn, nhưng lại không thể trong một, hai chuyến, bằng một, hai kế hoạch vận tải mà đưa hết lên phía

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

trước được. Chưa kể đến công tác tiếp tế, vận chuyển thương binh về tuyến sau. Quá trình vận tải là sự thử thách trước làn “mưa bom, bão đạn” của kẻ thù, giữa “sự sống và cái chết”. Vì vậy, phát huy đầy đủ khả năng vận chuyển của các phương tiện, bảo đảm việc vận tải được liên tục là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với kết quả thực hiện các kế hoạch vận tải. Ngoài việc chuẩn bị về tư tưởng, tổ chức và kỹ thuật cho các đơn vị VTCG, phải sử dụng thật hợp lý và tiết kiệm lực lượng, không để dư thừa, lãng phí cả con người và phương tiện; phải quản lý chặt chẽ hành trình đi, về của các phương tiện, nắm chắc tình hình vận chuyển trên đường; kịp thời giải quyết khó khăn, bảo đảm tới đích nhanh nhất, an toàn nhất, tiêu thụ xăng dầu ít nhất. Chú ý bảo đảm công tác nuôi quân, phòng bệnh, duy trì sức khỏe cho bộ đội làm công tác vận tải để có thể phục vụ bền bỉ, dẻo dai, trong mọi điều kiện thời tiết. Phải tổ chức giữ gìn, bảo dưỡng, sửa chữa xe, bảo đảm cho phương tiện được vận hành trơn tru trong mọi tình huống.

Từ những vấn đề trên, để thực hiện tốt công tác tổ chức VTCG trong CDTC quy mô nhỏ do quân khu tổ chức, cần tiến hành đồng bộ các biện pháp cơ bản sau đây:

Một là, ngay từ thời bình, các phương án tác chiến phải gắn với từng địa bàn chiến lược, dự kiến chuẩn bị đầy đủ mạng đường thông suốt từ cấp chiến lược, chiến dịch và từng trận đánh, nhất là trận then chốt (then chốt quyết định). Ngoài lực lượng và phương tiện vận tải của các đơn vị theo biên chế, khi chiến dịch mở ra ở từng địa bàn, tư lệnh và cơ quan HCKT chiến dịch phải có kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện vận tải tại chỗ kịp thời bảo đảm theo yêu cầu tác chiến, trong mọi điều kiện của cuộc chiến tranh. Dự kiến và triển khai xây dựng các kho tàng dã chiến và kiên cố gắn với từng hướng tác chiến chiến lược, hướng phòng thủ chủ yếu theo từng phương án tác chiến phòng thủ,

tác chiến chiến lược, có trọng tâm, trọng điểm. Khi mở CDTC, những kho tàng này sẽ kết nối ngay để tạo thành mạng lưới bao đảm vững chắc, liên tục cho VTCG.

Hai là, làm tốt công tác xây dựng, bồi dưỡng cho bộ đội vận tải có trình độ chính trị tốt, tay nghề vững vàng, gắn công tác huấn luyện thường xuyên vào quá trình luyện tập, diễn tập sát với thực tiễn của chiến tranh. Tích cực sửa chữa, bảo dưỡng nâng cao hệ số kỹ thuật của trang bị vận tải với đầu tư, mua sắm trang bị, làm chủ công nghệ để sản xuất mới phương tiện vận tải hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Ba là, chuẩn bị chu đáo các kế hoạch vận tải phù hợp với từng phương án CDTC trong tác chiến phòng thủ quân khu; kịp thời điều chỉnh, bổ sung kế hoạch theo tiến trình phát triển chiến dịch và dự kiến những tình huống có thể xảy ra. Gắn thế trận vận tải chiến dịch với thế trận phòng không nhân dân, sẵn sàng phòng tránh đánh trả không quân địch, bảo đảm an toàn cho quá trình vận tải chiến dịch.

Từ dự báo về địch, ta và điều kiện địa hình các quân khu trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, bài báo bàn luận một số vấn đề về tổ chức VTCG của CDTC quy mô nhỏ trong tác chiến phòng thủ quân khu. Tuy nhiên, đây là vấn đề phức tạp, có nhiều khó khăn trong thực hiện. Do vậy, vấn đề này cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển♦

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hậu cần (2016), *Công tác vận tải tác chiến phòng thủ quân khu*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Mối (2007), *Nâng cao khả năng vận chuyển của lực lượng ô tô vận tải bảo đảm CDTC trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Luận án tiến sĩ quân sự, Học viện Hậu cần, Hà Nội.

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP, PHÂN BỔ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TẠI SỰ ĐOÀN 361, QUÂN CHỦNG PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUÂN

Trung tá, TS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH
Khoa Tài chính, Học viện Hậu cần

Công tác lập và phân bổ dự toán ngân sách (DTNS) nhà nước là khâu đầu tiên trong chu trình quản lý ngân sách, có vai trò quan trọng, quyết định chất lượng thực hiện và quyết toán ngân sách nhà nước tại các đơn vị quân đội. Do có vai trò rất quan trọng đối với hoạt động của các đơn vị nên công tác lập và phân bổ DTNS nhà nước tại các đơn vị luôn phải được hoàn thiện.

Sự đoàn 361 có nhiệm vụ chính trị trung tâm là huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, quản lý, bảo vệ chặt chẽ vùng trời Thủ đô Hà Nội cùng các mục tiêu trọng yếu khác; hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị bạn, lực lượng vũ trang, cấp ủy, chính quyền các địa phương giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn đóng quân. Hiện nay, Sư đoàn 361 được tổ chức biên chế thành nhiều đơn vị trực thuộc (các trung đoàn, tiểu đoàn và tương đương), với quân số rất lớn; làm nhiệm vụ phân tán trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố phía Bắc, trong đó có nhiều đơn vị ở khu vực biên giới; không phận quản lý rất rộng, yêu cầu canh trực 24/24 giờ. Những năm qua, Sư đoàn được quan tâm xây dựng tiền thảng lên hiện đại, trang bị nhiều chủng loại vũ khí, khí tài mới, hiện đại nên nhiệm vụ giữ gìn, bảo quản và huấn luyện làm chủ khí tài, vận dụng, phát triển cách đánh phù hợp với thực tế chiến đấu của Sư đoàn ngày càng nặng nề. Bên cạnh đó, trong mỗi ngày, Sư đoàn phải quản lý hàng nghìn chuyến bay qua không phận được giao. Để quản lý chặt chẽ, không xảy ra sai, sót, lọt, chậm, hoang báo các hoạt động bay là nhiệm vụ rất khó, đòi hỏi bộ đội phải làm việc với cường độ rất cao, nhiều chế độ đặc thù trong bảo đảm tài chính.

Từ đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ đã đặt ra cho công tác tài chính của Sư đoàn những nhiệm vụ hết sức nặng nề; trong đó có công tác lập và phân bổ dự toán ngân sách (DTNS) hàng năm. Sư đoàn 361 là đơn vị dự toán cấp 3; trong lập và phân bổ DTNS, luôn đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, chỉ huy Sư đoàn. Khảo sát công tác lập và phân bổ DTNS của Sư đoàn giai đoạn 2020 ÷ 2024, cho thấy một số kết quả nổi bật: (1). Công tác lập, phân bổ DTNS luôn là một trong những hoạt động được Đảng ủy, chỉ huy Sư đoàn coi trọng và là hoạt động giành được thành tích cao trong những đợt thi đua cao điểm của Sư đoàn; (2). Lập và phân bổ DTNS cơ bản đã đáp ứng được đúng nội dung, trình tự, thủ tục lập; đã căn cứ theo những yêu cầu nhiệm vụ của Sư đoàn phải thực hiện trong năm kế hoạch, các yếu tố về quân số, biên chế, trang bị, định mức, tiêu chuẩn, giá cả hiện hành, các văn bản hướng dẫn của cấp trên về khả năng đảm bảo.... để xác định từng chỉ tiêu cụ thể; đối với các nội dung chi phức tạp đã có báo cáo thuyết minh kèm theo giải trình cơ sở, căn cứ tính toán cụ thể; (3). Sư đoàn thực hiện tốt chủ trương phân bổ ngân sách năm theo đúng quy định của Bộ, Quân chủng về công khai tài chính.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Thực hiện phân bổ 100% ngân sách cho các ngành, đơn vị. Đã tổ chức hội nghị giao chỉ tiêu ngân sách cho các cơ quan, đơn vị, thể hiện ngày càng rõ tính tập trung, thống nhất, công khai; (4). Cơ chế lập và phân bổ DTNS theo cơ chế quản lý tài chính mới được thực hiện nghiêm túc; cơ quan tài chính đã phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ làm tham mưu cho Đảng ủy, chỉ huy Sư đoàn trong lập và phân bổ DTNS.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác lập, phân bổ DTNS của Sư đoàn 361 cũng còn một số hạn chế, như: Còn sự khác biệt lớn giữa nhu cầu ngân sách, DTNS Sư đoàn lập so với DTNS được giao và ngân sách thực hiện trong năm kế hoạch. Quy trình lập DTNS có thời điểm chưa được thực hiện một cách linh hoạt; Các căn cứ thực hiện lập và phân bổ DTNS chưa thực sự toàn diện, chưa thực sự tạo được công bằng và gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng đơn vị, ngành nghiệp vụ. Thực hiện các bước lập nhu cầu, phân bổ số kiểm tra và lập DTNS còn chưa chủ động. Nguyên nhân là do thiếu hệ thống định mức lập và phân bổ DTNS, định mức kinh tế kỹ thuật; sự phối hợp, hiệp đồng của cơ quan tài chính Sư đoàn với cơ quan tài chính cấp trên, với các ngành nghiệp vụ và các đơn vị trong quá trình lập, phân bổ DTNS có những thời điểm chưa tạo được sự hiệu quả cao; nhận thức và thực hiện công tác lập, phân bổ DTNS của một số ngành nghiệp vụ, một số bộ phận và cán bộ, nhân viên ngành tài chính có mặt hạn chế; năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác của một số cán bộ, nhân viên làm công tác tài chính, nhất là cán bộ kiêm nhiệm ở các ngành nghiệp vụ, bộ phận vẫn còn hạn chế nhất định, chưa đáp ứng yêu cầu lập và phân bổ DTNS theo cơ chế mới.

Từ thực trạng trên, để hoàn thiện công tác lập và phân bổ DTNS tại Sư đoàn 361, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

Một là, phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng và chỉ huy đơn vị trong Sư đoàn về công tác lập, phân bổ DTNS. Đây là biện pháp rất quan trọng, có tính chất quyết định, bảo đảm cho công tác lập, phân bổ DTNS của Sư đoàn luôn hoạt động đúng hướng, có hiệu quả. Theo đó, cấp ủy và chỉ huy đơn vị các cấp cần quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế số 616-QC/QUTW, ngày 29/9/2021 của Quân ủy Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chỉ huy các cấp về công tác tài chính trong Quân đội; Chỉ thị số 95/CT-BQP, ngày 11/8/2023 của Bộ Quốc phòng về tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách trong Quân đội. Trên cơ sở đó, cấp ủy các cấp cần có nghị quyết chuyên đề lãnh đạo công tác lập, phân bổ DTNS; phát huy vai trò, tác dụng của công tác lập, phân bổ DTNS trong thực hiện nhiệm vụ của toàn Sư đoàn; chống mọi biểu hiện buông lỏng sự lãnh đạo, chỉ đạo hoặc khoán trăng công tác lập, phân bổ DTNS cho cơ quan tài chính sư đoàn.

Hai là, xây dựng, hoàn thiện hệ thống định mức phân bổ ngân sách. Một trong những nguyên nhân dẫn đến việc lập nhu cầu ngân sách và DTNS chưa sát với nhu cầu thực tiễn tại các đơn vị ở Sư đoàn 361 là do chưa có hệ thống định mức lập và phân bổ DTNS. Trước mắt, để khắc phục, tài chính Sư đoàn cần vận dụng sáng tạo Quyết định số 4475/QĐ-BQP, ngày 01/10/2024 của Bộ Quốc phòng phê duyệt định mức lập và phân bổ DTNS nhà nước chi thường xuyên trong Bộ Quốc phòng thực hiện thí điểm năm 2025. Dựa vào Quyết định này, Sư đoàn 361 thực hiện xây dựng số tiêu chí phân bổ, hệ số điều chỉnh và lập DTNS đối với những nội dung thực hiện định mức thí điểm như sau:

Về công thức xây dựng: Mức phân bổ ngân sách cho các đơn vị dự toán cấp

4 trực thuộc Sư đoàn được xác định theo đúng Quyết định số 4475/QĐ-BQP thống nhất trong toàn quân như sau: $PBi = Mi \times Si' \times Hi$. Trong đó, PBi là mức phân bổ ngân sách năm kế hoạch cho đơn vị thuộc Sư đoàn; Mi là định mức phân bổ ngân sách của đơn vị trực thuộc Sư đoàn; Si' là số tiêu chí phân bổ của đơn vị thuộc Sư đoàn; Hi là hệ số điều chỉnh của đơn vị thuộc Sư đoàn.

Về xây dựng số tiêu chí phân bổ (Si'): Thống nhất lựa chọn tiêu chí phân bổ quy định tại Quyết định số 4475/QĐ-BQP. Ban Tài chính Sư đoàn chủ trì, phối hợp với các ngành nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc xây dựng số tiêu chí phân bổ (Si') cho các đơn vị cấp 4 trực thuộc Sư đoàn 361.

Về xây dựng hệ số điều chỉnh (Hi). Khi xây dựng hệ số điều chỉnh (Hi), cần tuân thủ theo nguyên tắc sau: Căn cứ vào đặc thù, yêu cầu nhiệm vụ của từng đơn vị (Trung đoàn tên lửa cần được xây dựng Hi cao hơn Trung đoàn pháo phòng không, Trung đoàn ở xa địa bàn Hà Nội cần có Hi cao hơn ...), Tổng mức ngân sách phân bổ cho các đơn vị trực thuộc khi áp dụng hệ số điều chỉnh Hi không vượt quá ngân sách được Quân chủng giao.

Ba là, cơ quan tài chính Sư đoàn cần vận dụng quy trình lập và vân bỗ DTNS một cách linh hoạt; xác định rõ yêu cầu, những đầu việc cần phổ biến đối với ngành nghiệp vụ cùng cấp và các đơn vị cấp dưới trong lập DTNS năm. Phổ biến, quán triệt thực hiện các quy định về công tác lập chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước trong Bộ Quốc phòng tới từng cơ quan, đơn vị để từ đó chấp hành nghiêm các quy định về mẫu biểu, mốc thời gian trong quá trình lập DTNS. Bám sát nhiệm vụ đơn vị, ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm. Nâng cao chất lượng thẩm định dự toán. Ban Tài chính và các cơ quan tài chính của đơn vị trực thuộc phải thẩm định DTNS của các ngành, nghiệp vụ, bảo đảm

phù hợp yêu cầu nhiệm vụ và đúng quy định. Các ngành nghiệp vụ cần thắm định chặt chẽ dự toán chi ngân sách của ngành nghiệp vụ cấp dưới lập. Trong thắm định, cần bảo đảm các ngành nghiệp vụ cấp dưới bố trí nội dung chi ngân sách trong dự toán có sát đúng với định hướng nhiệm vụ của ngành trong năm sau, bao gồm các yếu tố về định hướng trọng tâm, dự kiến nhiệm vụ tăng, giảm, thứ tự ưu tiên bảo đảm cho năm sau của nội bộ ngành.

Bốn là, tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan tài chính và các ngành nghiệp vụ, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm trong quản lý kinh phí nghiệp vụ. Phân bỗ DTNS có liên quan trực tiếp đến mọi ngành, bộ phận và đơn vị trong Sư đoàn; do vậy, cần phải có sự phối hợp nhịp nhàng. Cơ quan tài chính và các ngành nghiệp vụ cần phải nghiên cứu và tính toán nhu cầu chi bao gồm cả phần tiền và hiện vật mua của các ngành quy ra tiền để lập dự toán kinh phí cho phù hợp, đặc biệt chú ý việc tiếp nhận hiện vật từ các nguồn và việc cấp phát, sử dụng... đều phải quy ra giá trị để quản lý. Có như vậy mới bảo đảm phục vụ tốt nhất cho yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị và yêu cầu về quản lý tài chính. Căn cứ vào chỉ thị, mệnh lệnh của Sư đoàn trưởng; chỉ tiêu, kinh phí được cấp; Ban Tài chính và các ngành nghiệp vụ cần phối hợp trong lập DTNS về mặt số lượng, giá trị các loại vật tư, tài sản thuộc phạm vi trách nhiệm của các ngành, bộ phận phải quản lý. Quá trình phối hợp, cơ quan tài chính Sư đoàn phải nắm vững các nguyên tắc và kỷ luật tài chính, vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, vận dụng mềm dẻo, linh hoạt trong hoạt động thực tiễn, đảm bảo đoàn kết và tôn trọng lẫn nhau. Đồng thời, phải nghiêm túc, kiên quyết trong xử lý các vi phạm về tài chính, đặc biệt là các vi phạm mang tính nguyên tắc trong quá trình lập và phân bỗ DTNS.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Thực tiễn cho thấy, khi mọi người, mọi ngành có nhận thức đúng về vị trí, tác dụng của công tác lập, phân bổ DTNS; hiểu được các yêu cầu, nguyên tắc trong lập, chấp hành kế toán và quyết toán ngân sách thì sẽ phát huy trách nhiệm của mình trong hoạt động nghiệp vụ; chủ động, tự giác tiến hành công việc; các nguyên tắc, trình tự thủ tục lập DTNS được thực hiện đúng, đủ. Để làm được điều này, cơ quan tài chính cần tham mưu cho chỉ huy Sư đoàn trong trang bị cho các bộ phận, cá nhân liên quan những kiến thức cơ bản về chế độ quy định, nhất là quy trình lập, chấp hành và quyết toán ngân sách theo các yêu cầu mới khi có định mức lập và phân bổ DTNS đúng quy định, yêu cầu của Cục Tài chính và Phòng Tài chính Quân chủng.

Năm là, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, nhân viên ngành Tài chính Sư đoàn. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, quy hoạch và sử dụng cán bộ, nhân viên tài chính các cấp là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên; thông qua đó sẽ nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ làm công tác tài chính của Sư đoàn trong lập, phân bổ DTNS. Muốn vậy, Đảng ủy, chỉ huy Sư đoàn cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tài chính các cấp. Coi trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực về nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ làm công tác tài chính. Chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo; đề xuất gửi cán bộ, nhân viên đi đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành tài chính trong tình hình hội nhập kinh tế thế giới. Tổ chức các lớp bồi dưỡng cho các đối tượng nhằm phổ biến các chế độ, thuế lệ về tài chính quân đội, trang bị cho các đối tượng các kiến thức cơ bản về công tác lập, phân bổ DTNS. Tùy điều kiện cụ thể, Sư đoàn có thể tổ chức

lớp bồi dưỡng ngắn hoặc lồng ghép vào chương trình huấn luyện tại chức hàng năm của các đối tượng. Thông qua các văn bản quy định, chỉ thị, mệnh lệnh... của người chỉ huy để phổ biến, hướng dẫn các chế độ, thuế lệ và kỷ luật tài chính, phổ biến các quy định về thực hiện chế độ lập DTNS với các ngành, cơ quan, đơn vị. Cơ quan tài chính Sư đoàn cần phải làm tốt công tác tham mưu, giúp việc cho Sư đoàn trưởng trong việc đưa ra các văn bản quy định về lập, phân bổ DTNS. Nêu cao tinh thần tự học, tự rèn, tu dưỡng, trau dồi kinh nghiệm công tác, kiến thức năng lực toàn diện, chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ tài chính đủ khả năng làm tham mưu cho cấp ủy, chỉ huy đơn vị. Định kỳ tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về chế độ, chính sách tài chính; trong đó, chú trọng nội dung tìm hiểu về lập và phân bổ DTNS.

Lập và phân bổ DTNS là một nội dung cơ bản trong quản lý tài chính của Sư đoàn 361; có ý nghĩa, vai trò rất quan trọng đối với quá trình thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Vì vậy, ngành Tài chính Sư đoàn cần vận dụng linh hoạt các giải pháp trên vào hoạt động thực tiễn tại đơn vị, từng bước góp phần hoàn thiện công tác lập, phân bổ DTNS đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Sư đoàn 361 trong tình hình mới♦

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hậu cần (2010), *Giáo trình Tài chính dự toán quân đội*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Sư đoàn 361 (2020 ÷ 2024), *Dự toán ngân sách năm*, Hà Nội.
3. Sư đoàn 361 (2020 ÷ 2024), *Báo cáo tổng quyết toán ngân sách và tổng kết công tác tài chính năm*, Hà Nội.

QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHI THƯỜNG XUYÊN CHO QUỐC PHÒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HUẤN LUYỆN DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN TẠI SỰ ĐOÀN 301

Thiệu tá, TS. NGUYỄN THỊ THUÝ LINH

Khoa Tài chính, Học viện Hậu cần

Quản lý ngân sách nhà nước (NSNN) chi thường xuyên cho quốc phòng thực hiện nhiệm vụ huấn luyện dự bị động viên (DBĐV) có vai trò quan trọng nhằm đảm bảo mỗi khoản chi NSNN được thực hiện đúng dự toán ngân sách được duyệt, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức quy định và đúng đối tượng, mục đích, yêu cầu, mang lại hiệu quả trong chi tiêu. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, bài viết đề xuất biện pháp quản lý NSNN chi thường xuyên cho quốc phòng thực hiện nhiệm vụ huấn luyện DBĐV tại Sư đoàn bộ binh 301.

Sư đoàn bộ binh 301 là đơn vị chủ lực của Bộ Tư lệnh (BTL) Thủ đô Hà Nội, có nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng yếu, sự kiện chính trị quan trọng của Đảng, Nhà nước và quân đội diễn ra trên địa bàn Thủ đô... Những năm qua, công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của Sư đoàn có nhiều chuyển biến, tiến bộ, vững chắc, góp phần nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu, bảo đảm cho Sư đoàn luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong huấn luyện DBĐV, Sư đoàn 301 luôn quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, bám sát phương châm huấn luyện “Cơ bản, thiết thực, chất lượng”, phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền, cơ quan quân sự địa phương để sắp xếp, biên chế đủ số lượng quân DBĐV theo chỉ tiêu, chất lượng tương đối tốt. Đồng thời, Sư đoàn coi trọng thực hiện tổ chức tập huấn (10 ngày) cho đội ngũ cán bộ DBĐV (khung B) trước khi bước vào huấn luyện, nhằm khắc phục những khâu yếu, mặt yếu của cán bộ, cả về trình độ chuyên môn và phương pháp tổ chức huấn luyện. Qua đó, giúp cán bộ DBĐV có đủ năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, chỉ huy đơn vị.

Trong bảo đảm tài chính cho huấn luyện DBĐV, ngoài ngân sách địa phương (NSDP), Sư đoàn còn có nguồn NSNN chi thường xuyên cho quốc phòng. Nhìn chung, công tác quản lý NSNN chi thường xuyên cho quốc phòng trong huấn luyện DBĐV tại Sư đoàn đã phát huy được vai trò nhiệm vụ, đáp ứng đầy đủ, kịp thời, đúng quy định nguồn tài chính cho các đối tượng, nhiệm vụ, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ quân sự quốc phòng ở địa phương; chấp hành tốt chế độ chính sách trong bảo đảm kinh tế tài chính của Nhà nước và quân đội. Tuy nhiên, công tác quản lý NSNN chi thường xuyên cho huấn luyện DBĐV tại Sư đoàn vẫn còn một số hạn chế nhất định như: công tác xây dựng kế hoạch, lập dự toán NSNN chi thường xuyên cho nhiệm vụ huấn luyện DBĐV có thời điểm chưa khoa học; việc chấp hành các quy định trong quản lý chi tiêu ngân sách có thời điểm chưa chặt chẽ; công tác kiểm tra, kiểm soát chứng từ, kiểm tra tài chính vẫn còn tồn tại một số thiếu sót,...Những hạn chế trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ quan đến từ: công tác bảo đảm tài chính thực hiện đối với nhiều đối tượng, thụ hưởng nhiều chính sách, chế độ khác nhau;

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

việc phối hợp hiệp đồng giữa cơ quan tài chính và các cơ quan quản lý QNDB có thời điểm chưa chặt chẽ; vai trò tham mưu, lập và thực hiện kế hoạch huấn luyện của cơ quan nghiệp vụ còn hạn chế; công tác kiểm soát chi đối với một số nội dung chưa triệt để. Từ thực tiễn đó, để nâng cao hiệu quả quản lý NSNN chi thường xuyên cho quốc phòng đối với nhiệm vụ huấn luyện DBĐV của Sư đoàn 301, cần thực hiện một số biện pháp sau:

Một là, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chỉ huy đơn vị các cấp đối với công tác quản lý NSNN chi thường xuyên cho nhiệm vụ huấn luyện DBĐV. Căn cứ vào các quy chế, hướng dẫn của Cục Tài chính, yêu cầu, nhiệm vụ huấn luyện, cấp uỷ, chỉ huy đơn vị các cấp cần ban hành các chỉ thị, nghị quyết về tổ chức quản lý ngân sách đúng, đủ, kịp thời cho huấn luyện DBĐV tại đơn vị. Mặt khác, người chỉ huy đơn vị phải phục tùng sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng, phải báo cáo tình hình và nhiệm vụ tài chính, ngân sách đã được cấp trên giao và đề xuất chủ trương, biện pháp để cấp uỷ thảo luận và quyết định; chỉ huy đơn vị chấp hành và chỉ đạo tổ chức thực hiện. Cơ quan Tài chính tham mưu cho chỉ huy đơn vị trong việc soạn thảo các quyết định, quy định về tổ chức quản lý ngân sách trên cơ sở các chế độ, nguyên tắc, trình tự, thủ tục đã quy định, nhằm phối hợp một cách đồng bộ, nhịp nhàng các hoạt động của các ngành, đơn vị và cá nhân có liên quan trong quá trình bảo đảm tài chính đối với nhiệm vụ huấn luyện DBĐV. Ngoài ra, các cấp uỷ Đảng và chỉ huy đơn vị cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát, tăng cường kiểm soát chi, kịp thời phát hiện, ngăn ngừa các biểu hiện sai phạm, khắc phục triệt để tình trạng chi tiêu, thanh toán chưa sát với nội dung, thời gian trong dự toán được duyệt còn tồn tại, nêu

cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương trong công tác tài chính tại đơn vị.

Hai là, nắm chắc quy định chế độ, chính sách bảo đảm tài chính cho nhiệm vụ huấn luyện DBĐV. Cơ quan Tài chính cần nắm chắc Nghị định số 79/2020/NĐ-CP, ngày 08/7/2020 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng DBĐV. Trong đó, xác định, phân định rõ các nội dung chi thuộc trách nhiệm của ban chỉ huy khu vực phòng thủ, các nội dung chi thuộc trách nhiệm của Sư đoàn. Cụ thể: Các phụ cấp đối với quân nhân dự bị (QNDB) đã xếp vào đơn vị dự bị động viên, QNDB được bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị DBĐV, trợ cấp đối với gia đình QNDB do ban chỉ huy khu vực phòng thủ tổ chức chi trả; các khoản phụ cấp theo ngày làm việc do Sư đoàn tổ chức chi trả. Đồng thời, cơ quan Tài chính phối hợp, hiệp đồng với cơ quan quân nhu bảo đảm chế độ tiền ăn, chế độ quân trang, đồ dùng sinh hoạt cho QNDB trong thời gian huấn luyện. Trong đó, đối với chế độ tiền ăn, cần theo dõi vào sổ chấm cơm hàng ngày để phục vụ cho công tác thanh, quyết toán khi kết thúc huấn luyện, công khai chế độ tiêu chuẩn ăn, định lượng, dinh dưỡng từng ngày tại bếp ăn đơn vị; đối với chế độ quân trang, đồ dùng sinh hoạt, cần ghi chép, lập phiếu xuất kho và kiểm đếm đầy đủ khi cấp phát cũng như hoàn trả vào thời điểm kết thúc huấn luyện.

Để thực hiện biện pháp này, trước hết, cần kiện toàn, xây dựng cơ quan tài chính vững mạnh, trọng tâm là đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhân viên ngành tài chính Sư đoàn. Cần thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo, gửi cán bộ, nhân viên đi học nhằm nâng cao trình độ; tổ chức bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ tài chính hàng năm cho cán bộ, nhân viên chuyên môn, cho trợ lý chi tiêu của các ngành sử dụng NSNN giao về định mức,

chế độ, tiêu chuẩn, về hoá đơn, chứng từ, về lập kế hoạch chi tiêu và thanh quyết toán ngân sách đảm chế độ, tiêu chuẩn tài chính cho QNDB trong huy động, tiếp nhận đúng chế độ tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

Ba là, tăng cường phối hợp giữa cơ quan tài chính và các cơ quan quản lý QNDB trong việc nắm bắt yếu tố quân số để tiến hành bảo đảm đúng, sát, hiệu quả. Trước hết, yếu tố dự báo, thống kê, kiểm soát quân số QNDB qua sự phối hợp giữa cơ quan cán bộ, quân lực và cơ quan tài chính là rất quan trọng. Các cơ quan quản ký QNDB cần tập hợp đầy đủ các kế hoạch, chỉ lệnh huấn luyện, chỉ lệnh tạo nguồn DBĐV hàng năm của Chính phủ; quy định, hướng dẫn của UBND Thành phố Hà Nội và BTL Thủ đô Hà Nội về hoạt động huấn luyện DBĐV trong năm kế hoạch; nội dung và kết quả thực hiện nhiệm vụ huấn luyện của các năm trước; từ đó xác định quân số cho từng hoạt động huấn luyện. Các cơ quan quân lực, cán bộ trong Sư đoàn cần xác định rõ những yêu cầu, những đầu việc cần phổ biến đổi các đơn vị cấp dưới trong quản lý, nắm bắt nguồn DBĐV. Các ngành nghiệp vụ có liên quan và các đơn vị phụ trách huấn luyện phải xác định được thứ tự ưu tiên thực hiện nhiệm vụ từ tạo nguồn, quản lý, huy động QNDB tham gia huấn luyện cho đến các nội dung huấn luyện, các mặt huấn luyện, nhu cầu đảm bảo trong quá trình huấn luyện từ đó có phương án phân bổ kinh phí có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải làm giảm hiệu quả sử dụng ngân sách hoặc không bảo đảm kịp thời cho thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Đồng thời, nâng cao chất lượng dự kiến quân số, ngạch QNDB; thay đổi về quân ra, quân vào nguồn DBĐV; trường hợp QNDB không đủ điều kiện sức khỏe khi đến thời gian huấn luyện đều cần được tính toán, dự báo chính xác nhất có thể để đảm bảo quân số huy động và tham

gia huấn luyện theo đúng chỉ tiêu được giao từ BTL Thủ đô Hà Nội, từ đó tạo thuận lợi cho cơ quan Tài chính xây dựng kế hoạch quân số và có các điều chỉnh cụ thể về ngân sách cho hoạt động huấn luyện.

Bốn là, nâng cao chất lượng khâu lập dự toán NSNN chi thường xuyên cho quốc phòng thực hiện nhiệm vụ huấn luyện DBĐV. Cụ thể: (i) Cấp ủy Đảng và chỉ huy các cấp cần tiếp tục tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, nhân viên tài chính các cấp, người phụ trách chi tiêu của các cơ quan nhận thức đầy đủ về vai trò quan trọng của việc xác định chính xác nhu cầu ngân sách và lập dự toán NSNN năm theo cơ chế quản lý tài chính trong Quân đội hiện nay, thường xuyên quán triệt các văn bản quy định về lập dự toán NSNN. Phải giúp các cơ quan, đơn vị nhận thức được việc xác định nhu cầu và lập dự toán ngân sách có trách nhiệm của các cơ quan nghiệp vụ, tránh suy nghĩ cho rằng khâu lập, phân bổ ngân sách hoàn toàn do cơ quan tài chính; (ii) Đối với Ban Tài chính Sư đoàn và cơ quan tài chính các Trung đoàn 757, trung đoàn 59, cần nắm vững các Chỉ lệnh, kế hoạch, dự kiến huấn luyện DBĐV, số phân bổ và giao DTNS của BTL cho nhiệm vụ huấn luyện DBĐV; tình hình nguồn DBĐV, tổ chức biên chế, trang bị, phương tiện kỹ thuật dự bị, quân số cán bộ huấn luyện QNDB của toàn đơn vị; các chế độ, chính sách, tiêu chuẩn định mức và giá cả. Đồng thời, cần tính toán khả năng huy động mức tồn kho vật tư hàng hóa năm trước chuyển sang và khả năng khai thác, huy động nguồn thu nội bộ tại đơn vị nhằm tăng cường khả năng bảo đảm tài chính cho nhiệm vụ huấn luyện DBĐV khi mà nguồn ngân sách còn hạn hẹp. Ngoài ra, cần thiết phải phân tích, đánh giá tình hình thực hiện lập dự toán ngân sách những năm trước liền kề, rút ra những kinh nghiệm để tính toán các chỉ tiêu thu, chi ngân sách năm kế

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

hoạch tốt hơn; (iii) Đối với các ngành nghiệp vụ cùng cấp và các đơn vị trực thuộc phải bám sát vào tình hình thực hiện nhiệm vụ của các năm trước và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ huấn luyện DBĐV năm sau để để xác định sát số chi đòi hỏi, làm căn cứ lập nhu cầu và lập dự toán ngân sách. Nâng cao vai trò trách nhiệm của ngành nghiệp vụ Sư đoàn trong thẩm định chặt chẽ dự toán chi NSNN cho nhiệm vụ huấn luyện DBĐV của ngành nghiệp vụ trung đoàn lập, nếu thấy việc dự toán chưa hợp lý, cần xác định rõ số thẩm định và số báo cáo, đưa ra lý do cụ thể vì sao có sự chênh lệch.

Năm là, tăng cường thanh tra, kiểm tra tài chính trong thời gian huấn luyện DBĐV và hoàn thiện công tác quyết toán ngân sách NSNN chi thường xuyên cho quốc phòng thực hiện nhiệm vụ huấn luyện DBĐV. Hàng năm, đơn vị phải xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra tài chính trong đó có cả nhiệm vụ huấn luyện DBĐV và kế hoạch cho từng đợt huấn luyện, xác định rõ mục đích, yêu cầu, đối tượng, nội dung, thời gian kiểm tra, giám sát. Các kết luận về kiểm tra, thanh tra phải được công khai rộng rãi trong toàn đơn vị. Sư đoàn cần xây dựng hệ thống các tiêu chí, phương pháp để kiểm tra, đánh giá, như: Phương pháp kiểm tra tài chính cơ bản, phương pháp kiểm tra chứng từ, phương pháp kiểm tra thực tế, phương pháp kiểm tra chọn mẫu, phương pháp nghe báo cáo, trao đổi, chất vấn những người có trách nhiệm... Trong nhiệm vụ huấn luyện DBĐV tại Sư đoàn, xuất phát từ đặc thù của các đợt huấn luyện DBĐV thường chỉ diễn ra trong thời gian ngắn, quân số huấn luyện lớn, nhiều thành phần, bởi vậy cơ quan tài chính phải có kế hoạch quyết toán cụ thể, hợp lý đối với các ngành, các đơn vị các đầu mối chi tiêu, thực hiện tốt công tác chuẩn bị về mặt số liệu, đôn đốc thanh quyết toán, kiểm tra lại tình hình các khoản thu nộp, phải thu,

phải trả đầy đủ theo quy định; thực hiện tốt việc thẩm định số liệu, tài liệu, hồ sơ chứng từ trước khi quyết toán đặc biệt là phải có đầy đủ chữ ký, xác nhận của các đồng chí QNDB. Kiên quyết không quyết toán những nội dung chi sai nội dung DTNS, chi không đúng chế độ tiêu chuẩn, thiếu chứng từ hợp pháp, hồ sơ chi tiêu không đầy đủ. Cần thực hiện kiểm tra, đối chiếu nội dung, số liệu quyết toán với DTNS được duyệt, xác định số chênh lệch, nguyên nhân của chênh lệch đó (đặc biệt chú trọng trong các đợt huấn luyện có liên quan tới nhiệm vụ diễn tập); thẩm tra, xác định tính chính xác, đầy đủ của số liệu quyết toán bằng việc đối chiếu, so sánh giữa báo cáo quyết toán của cơ quan, đơn vị với các tài liệu liên quan; kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ đối với một số nội dung chi trọng tâm, điển hình. Ngoài ra, Ban Tài chính cần nghiên cứu đề xuất hệ thống hóa bộ chứng từ quyết toán chuẩn cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhằm thống nhất về chứng từ, mẫu biểu giữa các đầu mối và giảm bớt khối lượng công việc trong kiểm soát chi

Nâng cao hiệu quả quản lý NSNN cho quốc phòng đối với nhiệm vụ huấn luyện DBĐV có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng huấn luyện lực lượng DBĐV của Sư đoàn 301, cũng là nhiệm vụ cấp thiết hiện nay. Thực hiện đồng bộ, linh hoạt các biện pháp trên sẽ góp phần xây dựng lực lượng DBĐV vững mạnh, chất lượng, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao◆

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (2020), Nghị định số 79/2020/NĐ-CP quy định chế độ, chính sách trong xây dựng, huy động lực lượng DBĐV, Hà Nội.
- Sư đoàn bộ binh 301 (2020 ÷ 2024), Báo cáo quyết toán ngân sách năm, Hà Nội

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HUẤN LUYỆN THỰC HÀNH ĐỊA HÌNH QUÂN SỰ CHO ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO SĨ QUAN HẬU CẦN CẤP PHÂN ĐỘI, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN

Trung tá, ThS. ĐINH HOÀNG OANH
Khoa Quân sự, Học viện Hậu cần

Môn học Địa hình quân sự (ĐHQSK) trang bị cho học viên kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình; phương pháp, phương tiện để nghiên cứu, đánh giá chính xác các yếu tố địa hình; khai thác, tận dụng triệt để thế có lợi của địa hình,... phục vụ các hoạt động quân sự đạt hiệu quả. Đây là cơ sở quan trọng để học viên vận dụng trong học tập tại Học viện Hậu cần và công tác tại đơn vị.

XUẤT phát từ vị trí, vai trò quan trọng của môn học ĐHQSK trong thực hiện mục tiêu đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học của Học viện Hậu cần nên Đảng ủy, chỉ huy Học viện và Khoa Quân sự luôn chú trọng nâng cao chất lượng huấn luyện thực hành ĐHQSK. Nhờ vậy, việc tổ chức huấn luyện thực hành ĐHQSK đã đem lại hiệu quả thiết thực, đi vào chiều sâu và đạt kết quả tương đối vững chắc. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận học viên nhận thức chưa đầy đủ về vị trí, vai trò của huấn luyện thực hành ĐHQSK, kỹ năng, động tác thực hành còn hạn chế; chưa vận dụng tốt kết quả thực hành vào đánh giá địa hình với hoạt động quân sự trong quá trình tập bài và diễn tập. Trong huấn luyện, một số học viên còn có biểu hiện xem nhẹ hoặc thiếu tích cực, chưa chủ động trong tự học, tự nghiên cứu dẫn đến ngại thực hành; chưa biết vận dụng kết quả thực hành đo đạc để đánh giá ưu, nhược điểm của từng địa hình cụ thể trong học tập chiến thuật, diễn tập cuối khóa. Kiến thức thực hành ĐHQSK của một số cán bộ quản lý học viên còn yếu; cách thức tổ chức thực hành và duy trì hoạt động sau bài giảng

về thực hành ĐHQSK chưa khoa học, thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

Việc bố trí kế hoạch giảng bài ở một số giảng viên chưa thực sự phù hợp, còn chia nhỏ các nội dung lý thuyết và thực hành nên làm thiếu tính lôgic trong theo dõi, tiếp thu kiến thức của học viên. Việc phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học ở một số giảng viên chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Đa số giảng viên mới chỉ đặt các câu hỏi kiểm tra, phát vấn có tác dụng giúp học viên tái hiện kiến thức; việc dẫn dắt người học hăng say tìm tòi giải quyết các vấn đề lý luận phục vụ thực hành môn ĐHQSK còn hạn chế; chưa tạo hứng thú cho học viên luyện tập để hình thành kỹ năng, kỹ xảo. Cùng với đó, cơ sở vật chất phục vụ huấn luyện thực hành còn những hạn chế, như: Thiếu máy định vị GPS; thao trường huấn luyện ĐHQSK bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa; bản đồ địa hình chỉnh sửa, tái bản nhiều lần, gây khó khăn cho giảng viên trong chuẩn bị bài tập.

Từ thực trạng trên, để nâng cao chất lượng huấn luyện thực hành ĐHQSK cho đối tượng đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần, cần làm tốt các nội dung biện pháp sau:

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên trong huấn luyện thực hành ĐHQGS. Đây là biện pháp quan trọng hàng đầu trong huấn luyện thực hành ĐHQGS. Theo đó, đội ngũ cán bộ, giảng viên cần nâng cao nhận thức cho học viên về vai trò quan trọng trong hình thành kỹ năng, kỹ xảo thực hành ĐHQGS đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ học tập tại Học viện và huấn luyện chiến đấu ở đơn vị sau ra trường. Muốn vậy, đội ngũ cán bộ, giảng viên phải luôn nêu cao trách nhiệm trong chuẩn bị bài giảng, không ngừng đổi mới phương pháp huấn luyện thực hành; vận dụng nhiều biện pháp tạo hứng thú, say mê học tập của học viên; có phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phù hợp, kích thích sự sáng tạo của học viên. Đối với học viên, cần chủ động, ham tiếp thu kiến thức; tự giác luyện tập, tích cực trao đổi, thảo luận trong tổ, nhóm học tập; qua đó, từng bước hình thành kỹ năng, kỹ xảo thực hành ĐHQGS đáp ứng yêu cầu môn học.

Hai là, đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp huấn luyện thực hành môn ĐHQGS. Nội dung, chương trình và phương pháp huấn luyện là chỉnh thể thống nhất, tác động qua lại, hỗ trợ nhau nhằm nâng cao chất lượng huấn luyện thực hành; sự đồng bộ, thống nhất, khoa học của các thành tố này là cơ sở cốt lõi để nâng cao chất lượng huấn luyện ĐHQGS cho học viên; vì vậy, cần phải được đổi mới cho phù hợp với điều kiện. Theo đó, các nội dung huấn luyện thực hành, như: Đo đạc trên bản đồ, sử dụng bản đồ địa hình ngoài thực địa, bản đồ số, máy định vị GPS,... phải được rút ngắn nội dung lý thuyết, tăng thời gian thực hành. Kết cấu một đơn vị kiến thức trong kế hoạch giảng bài phải tương đối hoàn chỉnh; giảng xong một đơn vị kiến thức mới chuyển sang thực hành (tránh cắt vụn nội dung huấn luyện) tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp nhận, xâu chuỗi kiến thức. Đồng thời, việc

giảng hết một đơn vị kiến thức trong một nội dung hoặc cả phần, sau đó chuyển sang thực hành sẽ làm tăng thời gian thực hành, tạo điều kiện tốt hơn để hình thành kỹ năng, kỹ xảo cho học viên khi huấn luyện. Một số nội dung như sử dụng bản đồ địa hình ngoài thực địa, bản đồ số, sử dụng máy GPS...; hiện nay, trong kế hoạch giảng của giảng viên thường được thiết kế theo hướng giảng “lý thuyết, thực hành”; thời gian tới, cần đổi thành giảng “thực hành”. Bởi lẽ, kế hoạch giảng “lý thuyết, thực hành” sẽ bắt giảng viên giảng toàn bộ nội dung lý thuyết của từng bài, sau đó học viên mới thực hành. Như vậy, khi học viên thực hành, giảng viên thường phải nhắc lại một số nội dung; điều đó không khoa học, làm giảm thời gian thực hành của học viên.

Cùng với đổi mới nội dung, chương trình cần đổi mới phương pháp huấn luyện thực hành ĐHQGS. Phương pháp huấn luyện thực hành trên thao trường, bối cảnh phải tận dụng triệt để các yếu tố địa hình, địa vật để tăng tính trực quan, giúp học viên dễ hình dung, dễ hiểu, dễ nhớ. Giảng viên huấn luyện thực hành phải kết hợp nhuần nhuyễn giữa nói và làm; huấn luyện lần lượt từ dễ đến khó, từ đơn lẻ, phân chia các bước đến tổng hợp; động tác mẫu phải chuẩn xác, khoa học, dễ thấy, dễ hiểu.

Ba là, phát huy tính tích cực, chủ động, tự rèn trong thực hành ĐHQGS của học viên. Học viên là trung tâm, là nhân tố quyết định chất lượng huấn luyện thực hành ĐHQGS. Bởi, thời gian học viên thực hành ĐHQGS có giảng viên hướng dẫn thường ngắn; cùng với đó, kỹ năng, kỹ xảo thực hành ĐHQGS chỉ được hình thành khi người học luyện tập nhiều và thường xuyên. Phát huy tính tích cực, chủ động trong huấn luyện thực hành ĐHQGS thực chất là biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo của người học. Đây vừa là quan điểm vừa là mục tiêu nhằm nâng cao trình độ kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng, kỹ

xảo trong thực hành huấn luyện quân sự cho học viên.

Để phát huy tính tích cực, chủ động, tự rèn trong huấn luyện thực hành ĐHQSK, giảng viên và cán bộ quản lý cần động viên, khích lệ học viên ham muốn tìm kiếm, chiếm lĩnh kiến thức thực hành, hăng say luyện tập. Từ đó, học viên tự xây dựng kế hoạch luyện tập trong giờ nghỉ, ngày nghỉ; xác lập cho mình tổ, nhóm học tập phù hợp để trao đổi, thảo luận, tìm ra phương pháp, cách luyện tập khoa học, tối ưu nhất; đồng thời, biết so sánh kết quả, thi đua học tập, từng bước hình thành kỹ năng, kỹ xảo thực hành ĐHQSK. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ, giảng viên dạy ĐHQSK cần chuẩn bị kỹ các bài giảng, nhất là bài giảng thực hành; kiến thức bài giảng thực hành xâu chuỗi, lôgic, khoa học; kết hợp hài hòa các phương pháp dạy học để cuốn hút học viên. Các cơ quan chức năng cần sắp xếp lịch huấn luyện khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên linh hoạt, tiếp nhận, tư duy kiến thức; bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất, thao trường, bối cảnh. Đội ngũ cán bộ quản lý phải nhiệt tình, trách nhiệm bám nắm, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn học viên trong luyện tập thực hành; phối hợp chặt chẽ với giảng viên trong tổ chức ôn luyện, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hành ĐHQSK.

Bốn là, bảo đảm tốt và khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất, thao trường trong huấn luyện thực hành ĐHQSK. Đây là biện pháp quan trọng, có ý nghĩa thiết thực góp phần nâng cao chất lượng huấn luyện thực hành ĐHQSK. Trong huấn luyện thực hành các môn quân sự nói chung, ĐHQSK nói riêng, cơ sở vật chất, thao trường, bối cảnh là "đất diễn", điều kiện cẩn bản để học viên thực hành luyện tập. Cơ sở vật chất huấn luyện thực hành ĐHQSK thường nhiều chủng loại, có loại phụ thuộc vào biên chế, cấp phát của cấp trên, như: Máy định vị GPS, bản đồ giấy, phòng máy,... Theo đó, Học viện cần bảo

đảm đồng bộ, kịp thời cơ sở vật chất, đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng tạo điều kiện thuận lợi cho học viên luyện tập. Khoa Quân sự, Bộ môn Quân sự chung hiệp đồng chặt chẽ với các cơ quan chức năng để chuẩn bị thao trường, bối cảnh. Việc lựa chọn địa hình, địa vật trên các thao trường, bối cảnh phải đa dạng, sát thực tế để học viên có điều kiện thực hành và vận dụng kết quả đúc rút vào thực tiễn nghiên cứu, đánh giá địa hình phục vụ cho hoạt động quân sự trong huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu đạt hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên dạy ĐHQSK phải lập kế hoạch bảo quản, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thao trường, bối cảnh; hàng tháng, hàng quý phải kiểm tra, bổ sung, điều chỉnh các bài tập trên thao trường, bối cảnh nếu điều kiện địa hình, địa vật có sự thay đổi. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan Ban bando để nghiên cứu, cập nhật các phần mềm mới về công nghệ số, cơ sở dữ liệu GPS phục vụ cho chuẩn bị bài tập ĐHQSK bảo đảm nhanh, chính xác.

Nâng cao chất lượng huấn luyện thực hành ĐHQSK cho đối tượng đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ở Học viện Hậu cần là cấp thiết. Các biện pháp nêu trên là thiết thực, các chủ thể cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo♦

Tài liệu tham khảo

1. Cục bando (2022), *Sổ tay địa hình quân sự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2023), *Nghị quyết số 883-NQ/ĐU về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu xây dựng Học viện trong tình hình mới*, Hà Nội.
3. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1659-NQ/QUTW về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG CÓ THU TẠI ĐƠN VỊ DỰ TOÁN TRONG BỘ QUỐC PHÒNG

Thiếu tá, ThS. BÙI ANH DUY

Khoa Tài chính, Học viện Hậu cần

Công tác kế toán hoạt động có thu (KTHĐCT) tại các đơn vị dự toán quân đội giữ vai trò quan trọng trong quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Trên cơ sở lý luận, thực tiễn, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác KTHĐCT tại các đơn vị dự toán trong Bộ Quốc phòng (BQP).

Tại các đơn vị dự toán trong BQP, công tác KTHĐCT là công cụ quan trọng giúp phản ánh, kiểm soát và đánh giá toàn diện các khoản thu, chi, tài sản và kết quả tài chính từ hoạt động lao động sản xuất, kinh tế và các hoạt động có thu khác. Thông qua hệ thống kế toán, đơn vị có cơ sở để khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực sẵn có, vừa tạo thêm nguồn thu bổ sung cho ngân sách quốc phòng, vừa nâng cao đời sống bộ đội; đồng thời, bảo đảm tính công khai, minh bạch và đúng pháp luật trong quản lý tài chính. Qua khảo sát thực tiễn cho thấy, công tác KTHĐCT ở các đơn vị dự toán trong BQP đã đạt được nhiều kết quả tích cực: Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách được chuẩn hóa, bảo đảm phản ánh tương đối đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh. Doanh thu và chi phí từ hoạt động có thu đã được hạch toán riêng, cơ bản tách biệt với nhiệm vụ thường xuyên; qua đó, làm rõ kết quả tài chính của từng hoạt động. Việc trích khấu hao tài sản cố định, lập quỹ và phân phối kết quả được triển khai thực hiện theo quy định. Công tác lập báo cáo tài chính, quyết toán từng bước đi vào nền nếp, nhiều đơn vị đã ứng dụng phần mềm kế toán quân đội; nhờ đó, nâng cao độ chính xác và khả năng kiểm soát. Tính công khai, minh bạch tài chính ở đơn vị đã được coi trọng,

tạo cơ sở để chỉ huy và cơ quan cấp trên giám sát, đánh giá khách quan.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác KTHĐCT tại các đơn vị dự toán trong BQP vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, như: Việc phân loại chi phí ở nhiều đơn vị chưa triệt để, nhất là chi phí trực tiếp, chi phí chung và chi phí nhân công thuộc biên chế; việc tính khấu hao tài sản cố định còn chưa đúng, chưa đủ. Ứng dụng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, còn nhiều đơn vị cơ sở vẫn hạch toán thủ công dẫn đến sai sót và độ trễ thông tin. Báo cáo tài chính của một số đơn vị còn mang tính hình thức; số liệu chủ yếu dùng để tổng hợp, thống kê, chưa được phân tích sâu để phục vụ quyết định quản lý. Công tác kiểm tra, giám sát nội bộ chưa toàn diện, phương pháp kiểm tra thiếu tính hiệu quả; việc đối chiếu số liệu giữa chứng từ và thực tế vẫn còn bất cập. Đội ngũ cán bộ, nhân viên tài chính chưa đồng đều về trình độ; một số nhân viên chưa được đào tạo cơ bản trong quân đội, thiếu kỹ năng phân tích, quản trị tài chính, còn lúng túng khi xử lý các nghiệp vụ phức tạp.

Nguyên nhân của những hạn chế trên xuất phát từ cả yếu tố khách quan và chủ quan. Khung pháp lý dù đã được ban hành khá đầy đủ nhưng chưa đủ thời gian để các đơn vị triển khai thống nhất. Tư duy quản

lý tài chính ở một số nơi vẫn nặng về hành chính – thủ tục, chưa chú trọng đến phân tích hiệu quả kinh tế và sử dụng thông tin kế toán để phục vụ quản trị. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu cầu hạch toán hiện đại. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài chính chưa theo kịp yêu cầu đổi mới quản lý tài chính trong quân đội, nên có chênh lệch về chất lượng cán bộ giữa các cấp, các đơn vị.

Từ thực trạng trên, để nâng cao chất lượng công tác KTHĐCT ở các đơn vị dự toán trong BQP, cần thực hiện đồng bộ các biện pháp sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp đối với công tác KTHĐCT. Đây là biện pháp bảo đảm công tác KTHĐCT tuân thủ đúng đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước và quy định của BQP; định hướng, giám sát để mọi hoạt động kế toán phục vụ nhiệm vụ đơn vị. Để thực hiện, các cấp ủy, chỉ huy cần quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Quân ủy Trung ương (QUTW), BQP về nhiệm vụ lao động sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng. Ban hành nghị quyết lãnh đạo, kế hoạch công tác phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ đơn vị. Có biện pháp nâng cao nhận thức, trình độ kế toán cho cán bộ, nhân viên tài chính đơn vị; phát huy vai trò gương mẫu, nêu cao tính dân chủ, minh bạch trong quản lý tài chính; đồng thời, tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý các sai phạm.

Hai là, hoàn thiện công tác tập hợp chứng từ KTHĐCT. Chứng từ kế toán là căn cứ pháp lý và là nguồn thông tin gốc phản ánh các nghiệp vụ kinh tế - tài chính phát sinh, quyết định đến tính chính xác, minh bạch và kịp thời của số liệu kế toán. Do đó, hoàn thiện công tác tập hợp chứng từ KTHĐCT là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao chất lượng thông tin phục vụ quản lý tài chính tại các đơn vị dự toán trong BQP.

Để thực hiện biện pháp này, cần quy định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân trong lập, kiểm tra và chuyển giao chứng từ; thiết lập chế độ nộp chứng từ định kỳ, phù hợp với đặc thù hoạt động của từng đơn vị. Bên cạnh đó, cơ quan tài chính cần hướng dẫn các bộ phận lập bảng tổng hợp chi phí phát sinh kèm theo chứng từ gốc; trong đó, phân loại theo các khoản mục chi phí chủ yếu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu và hạch toán. Việc áp dụng các biểu mẫu tổng hợp thống nhất, kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập và truyền gửi chứng từ, sẽ góp phần tiết kiệm thời gian, giảm thiểu sai sót, nâng cao hiệu quả xử lý thông tin kế toán.

Ba là, hoàn thiện phân loại chi phí hoạt động có thu. Phân loại chi phí nhằm tạo cơ sở để kiểm soát nguồn lực, xác định giá thành sản phẩm, dịch vụ và cung cấp thông tin phục vụ quyết định quản trị. Thực tiễn hiện nay, nhiều đơn vị dự toán trong BQP mới chủ yếu áp dụng tiêu thức phân loại chi phí theo yếu tố, đáp ứng yêu cầu hạch toán cơ bản nhưng chưa đầy đủ cho quản lý chi phí, tính giá thành và phân tích hiệu quả hoạt động có thu. Để khắc phục, cần từng bước áp dụng phân loại chi phí theo khoản mục, trên cơ sở công dụng, địa điểm phát sinh và đối tượng chịu chi phí. Chi phí hoạt động có thu cần tập hợp thành ba nhóm chủ yếu: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; chi phí nhân công trực tiếp; chi phí sản xuất chung (gồm chi phí quản lý, vật liệu - dụng cụ dùng chung, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác). Cách tiếp cận này bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa chi phí với đối tượng chịu chi phí, qua đó nâng cao khả năng kiểm soát, minh bạch và hiệu quả sử dụng nguồn lực. Việc hoàn thiện phân loại chi phí không chỉ giúp tổng hợp và hạch toán chính xác các khoản chi phí cần thiết, đúng pháp luật, mà còn hỗ trợ xác định giá thành sản phẩm, dịch vụ hoạt động có thu một cách khoa học.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Bốn là, hoàn thiện phương pháp tập hợp chi phí hoạt động có thu. Trong điều kiện hoạt động có thu có nhiều loại hình đa dạng và chịu sự chi phối của nhiều yếu tố khách quan, việc hoàn thiện phương pháp tập hợp chi phí tại các đơn vị dự toán trong BQP trở nên hết sức cần thiết. Trước hết, cần tăng cường quản lý, ghi nhận và tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo quy trình chặt chẽ. Nguyên vật liệu sử dụng cho hoạt động có thu đều phải thực hiện đầy đủ thủ tục nhập - xuất kho. Quy trình này sẽ bảo đảm tính hợp lệ của chứng từ, tạo căn cứ pháp lý và kế toán để kiểm soát việc sử dụng vật tư. Cuối mỗi kỳ, các bộ phận phải lập bảng kê vật tư còn lại, làm rõ khối lượng và giá trị vật tư chưa sử dụng, tính toán chi phí nguyên vật liệu đưa vào hoạt động có thu trong kỳ. Đối với hoạt động có thu quy mô lớn, cần thiết lập nhật ký vật tư để theo dõi chi tiết, làm cơ sở để quản lý trực tiếp tại hiện trường và đối chiếu với chứng từ kế toán khi tập hợp chi phí. Đối với chi phí nhân công trực tiếp, cần xây dựng kế hoạch chi phí nhân công chi tiết, trên cơ sở định mức lao động và đơn giá theo từng loại hình hoạt động có thu. Phải có bảng chấm công hàng ngày để theo dõi số lượng, thời gian và kết quả lao động. Trên cơ sở đó, bộ phận kế toán tổng hợp, tính lương, phụ cấp và các khoản trích nộp theo quy định; đồng thời, lập báo cáo chi phí nhân công theo kỳ và nắm chắc chi phí phát sinh trực tiếp từ hoạt động có thu. Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương của bộ đội đơn vị đã tính vào chi phí hoạt động có thu thì không được quyết toán vào ngân sách Nhà nước.

Đối với chi phí sản xuất chung, cần có kế hoạch dự toán chi tiết, xác định rõ các khoản mục chủ yếu như tiền lương quản lý, khấu hao tài sản cố định, chi phí vật liệu, dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác. Việc phân bổ chi phí sản xuất chung cần dựa trên tiêu chí khoa học, phù hợp với từng loại hình hoạt

động, thường xuyên rà soát để điều chỉnh hợp lý. Tài sản cố định có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước khi đưa vào sử dụng cho hoạt động có thu phải được tính trích khấu hao theo quy định của BQP và thực hiện nghĩa vụ hoàn trả ngân sách nhà nước phần khấu hao tương ứng.

Năm là, nâng cao chất lượng cán bộ, nhân viên kế toán trong công tác KTHĐCT. Cán bộ kế toán phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp trong sáng, vững chuyên môn, chủ động cập nhật kiến thức và thích ứng với sự thay đổi. Muốn vậy, các đơn vị cần tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp nhằm xây dựng tinh thần trách nhiệm và ý thức tuân thủ pháp luật; thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chế độ, chính sách, định mức và những thay đổi trong công tác quản lý tài chính, kế toán; khuyến khích cán bộ tự học tập, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn để vận dụng linh hoạt trong công việc. Coi trọng sinh hoạt chuyên môn, hội thi nghiệp vụ tài chính - kế toán, tạo môi trường thi đua, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức mới và phát huy năng lực sáng tạo.

Nâng cao chất lượng công tác KTHĐCT luôn là yêu cầu cấp thiết tại các đơn vị dự toán trong BQP. Triển khai đồng bộ các biện pháp bài báo nêu sẽ bảo đảm cho hoạt động có thu ở đơn vị luôn đi đúng hướng♦

Tài liệu tham khảo

1. Cục Tài chính (2024), *Hướng dẫn số 7789/HD-CTC về thực hiện chế độ kế toán đơn vị dự toán trong BQP*, Hà Nội.
2. Quận khu 1 (2020 ÷ 2024), *Báo cáo tài chính năm*, Thái Nguyên.
3. Quận khu 7 (2019 ÷ 2024), *Báo cáo tài chính năm*, TP. Hồ Chí Minh

BIỆN PHÁP CHUẨN BỊ BẢO ĐẢM Ở, NƠI LÀM VIỆC TỪ THỜI BÌNH, SẴN SÀNG BẢO ĐẢM TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU

Trung tá, ThS. VŨ HỒNG HẢI
Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

Thực tiễn chiến tranh cho thấy, điều kiện ngủ nghỉ, sinh hoạt và làm việc có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ, tinh thần chiến đấu của bộ đội. Vì vậy, bảo đảm ở và làm việc cho các lực lượng tác chiến phải được quan tâm đúng mức và thực hiện bằng nhiều giải pháp, trong đó, làm tốt công tác chuẩn bị giữ vai trò quan trọng.

CHUẨN bị bảo đảm ở và làm việc từ thời bình để bảo đảm cho tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK) bao gồm các nội dung, biện pháp chuẩn bị về nơi ở và làm việc; điện năng, ánh sáng; nước sinh hoạt phục vụ ở và làm việc của bộ đội; được tiến hành trong giai đoạn chuẩn bị trước và chuẩn bị trực tiếp; do phòng doanh trại quân khu chủ trì, phối hợp với các lực lượng liên quan thực hiện; đặt dưới sự lãnh đạo của đảng uỷ, chỉ huy cục hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) quân khu, sự chỉ đạo của cơ quan doanh trại chiến lược; nhằm sẵn sàng bảo đảm cho quân khu tác chiến thắng lợi.

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), địch tiến công vào địa bàn quân khu nhằm phá hủy tiềm lực quân sự, quốc phòng, tiêu diệt các lực lượng ta, đánh chiếm các khu vực, mục tiêu, địa bàn quan trọng, tạo thế có lợi để tiến công đánh chiếm toàn bộ quân khu. Lực lượng địch tiến công từ ngoài vào quân khu có thể là cụm lực lượng tác chiến liên hợp, nòng cốt là các lữ đoàn bộ binh (BBCG) thuộc 1 ÷ 2 sư đoàn bộ binh (BBCG); 1 sư đoàn hải quân đánh bộ, 1 ÷ 2 lữ đoàn đổ bộ đường không (ĐBĐK), được các loại hỏa lực chi viện. Để đánh địch, quân và dân quân khu sẽ được tổ chức thành nhiều bộ phận lực lượng; chiến đấu trên các hướng phòng thủ

chủ yếu, thứ yếu và hướng phối hợp; tổ chức thành các khu vực phòng thủ (KVPT), khu vực tập trung ngăn chặn và tiêu diệt địch tiến công đường bộ, khu vực tập trung tiêu diệt địch ĐBĐK, khu vực quyết giữ và KVPT then chốt. Như vậy, tác chiến PTQK sẽ mang tính tổng hợp cao, diễn ra trong thời gian dài, trên không gian rộng, ác liệt và biến động... Theo đó, nhiều thành phần, lực lượng tham gia tác chiến phải ở và làm việc trong điều kiện hết sức khó khăn, nhất là các lực lượng hoạt động trong đường hầm, dưới lòng đất, lực lượng phòng thủ, phòng ngự.... Để khắc phục những khó khăn trong tác chiến, đòi hỏi bảo đảm ở và làm việc cho các lực lượng tác chiến của quân khu phải được tiến hành chuẩn bị trước một phần từ thời bình, triệt để khai thác các điều kiện thuận lợi tại địa phương. Tuy nhiên, hiện nay, ngành doanh trại vừa phải tiến hành công tác chuẩn bị, vừa phải tiến hành nhiệm vụ thường xuyên với khối lượng công việc lớn; phải chuẩn bị cho nhiều đối tượng, nhiều lực lượng có nhu cầu, yêu cầu bảo đảm khác nhau; quá trình chuẩn bị liên quan đến nhiều cấp, ngành, nhiều lĩnh vực trong và ngoài quân đội. Vì vậy, để làm tốt công tác chuẩn bị ở và làm việc từ thời bình, sẵn sàng bảo đảm cho tác chiến PTQK, cần tiến hành một số nội dung, biện pháp sau:

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Một là, doanh trại quân khu nắm chắc các yếu tố liên quan, tính toán đề xuất nhu cầu chuẩn bị ở và làm việc cho các lực lượng vũ trang quân khu tác chiến. Trên cơ sở phương án bảo đảm doanh trại nói chung, phương án bảo đảm ở và làm việc cho các lực lượng tác chiến của quân khu gắn với từng địa bàn tác chiến nói riêng, ngành doanh trại quân khu tính toán xác định nhu cầu bảo đảm để tiến hành công tác chuẩn bị. Để tính toán, đề xuất nhu cầu bảo đảm, ngành doanh trại quân khu cần nắm chắc quyết tâm tác chiến, ý định sử dụng lực lượng tác chiến của tư lệnh quân khu; kế hoạch bảo đảm HC-KT; khả năng bảo đảm của doanh trại các cấp, nhất là doanh trại các đơn vị chủ lực của quân khu. Hiểu rõ điều kiện trên địa bàn tác chiến có thể khai thác, tận dụng trong bảo đảm ở và làm việc cho tác chiến, như: Các hang động tự nhiên, các công trình công cộng, hạ tầng điện, nước dân sinh; nắm rõ khả năng khai thác, huy động mọi nguồn lực doanh trại của các cơ sở kinh tế - xã hội (KT-XH) địa phương. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan, như tác chiến, công binh... tiến hành tham mưu, đề xuất trong cải tạo, sử dụng các công trình có sẵn phục vụ cho bảo đảm ở và làm việc trong tác chiến PTQK.

Hai là, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban ngành cả trong và ngoài quân đội trên địa bàn quân khu tham gia chuẩn bị ở và làm việc. Để chuẩn bị cho tác chiến PTQK, các cơ quan, đơn vị phải tiến hành nhiều nội dung và trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Trong thời bình, cần phối hợp xây dựng về tiềm lực doanh trại; hiệp đồng xây dựng kế hoạch, phương án bảo đảm, xây dựng các công trình phòng thủ, kết nối hạ tầng điện nước; phát triển KT-XH tạo nguồn, dự trữ vật chất trang bị doanh trại. Giai đoạn chuẩn bị trực tiếp là giai đoạn có ý nghĩa quyết định đến kết quả bảo đảm. Việc phối hợp trong giai đoạn này cần chú ý đến: Điều chỉnh, bổ

sung phương án, kế hoạch; bổ sung hoàn thiện các nội dung chuẩn bị; huy động, khai thác, triển khai sẵn sàng bảo đảm cho tác chiến. Đối với các công trình bảo đảm cho ở, làm việc: Các công trình quốc phòng được xây dựng trước từ thời bình (sở chỉ huy, chốt chiến dịch...), ngành doanh trại cần căn cứ vào tổ chức biên chế, tiêu chuẩn quy định, ý định tác chiến của chỉ huy các cấp để xác định nhu cầu về diện tích ở, làm việc; xác định kiểu, loại công trình... để phối hợp với cơ quan chức năng tiến hành công tác chuẩn bị. Ngoài ra, cần điều tra, khảo sát địa hình, điều kiện tự nhiên để đề xuất phương án xây dựng, cải tạo, sẵn sàng bảo đảm trong tác chiến. Đối với hạ tầng bảo đảm điện, nước: Nắm chắc phương án tổ chức lực lượng, phương án xây dựng sở chỉ huy, cơ quan các cấp, các lực lượng; điều tra khảo sát địa bàn; nắm chắc hạ tầng điện, nước ở địa phương để tính toán nhu cầu và đề xuất phương án khai thác, đấu nối.

Quá trình phối hợp cần thống nhất rõ phạm vi trách nhiệm thực hiện, tuân thủ quy định theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị: Với đặc thù là hoạt động tác chiến tổng hợp, có sự tham gia của nhiều thành phần, lực lượng, được tiến hành trong thế trận chiến tranh nhân dân, hậu cần toàn dân. Do vậy, cùng một nội dung bảo đảm cho tác chiến, có thể có nhiều thành phần, lực lượng cùng tham gia (cả quân và dân). Cho nên, đối với các cơ quan, đơn vị trong lực lượng vũ trang, cần có cơ chế phối hợp nhịp nhàng, tạo đồng thuận trong chuẩn bị, nhất là chuẩn bị trước các công trình quốc phòng, chiến đấu. Trong đó, ngành doanh trại quân khu phải tính toán nhu cầu diện tích về ở, làm việc, nhu cầu thiết kế hệ thống hạ tầng điện nước cho các công trình. Đối với các cơ quan, ban ngành của địa phương, nhất là các sở nông nghiệp và môi trường, xây dựng, phòng lâm nghiệp và kiểm lâm, công ty điện lực..., quá trình phát triển KT-XH sẽ

tạo tiềm lực về doanh trại phục vụ khi tác chiến. Do vậy, phòng doanh trại quân khu cần tham mưu cho cục HC-KT, bộ tư lệnh quân khu hướng dẫn các ban, ngành địa phương trên địa bàn tích cực chuẩn bị thực lực về ở và làm việc theo các phương án tác chiến PTQK.

Ba là, tận dụng tốt các điều kiện có sẵn trên địa bàn tác chiến để chuẩn bị bảo đảm ở và làm việc. Tác chiến PTQK diễn ra trên địa bàn rộng, có những thuận lợi trong tận dụng các lợi thế của địa hình, các công trình có sẵn để chuẩn bị ở và làm việc cho bộ đội trong thời chiến, nhất là hệ thống các hang động tự nhiên nằm rải rác trên các tỉnh của quân khu. Hệ thống hang, động có thể tận dụng để cải tạo làm kho tàng, hầm chiến đấu, sở chỉ huy, nơi sơ tán... Các hang động nếu được cải tạo tốt thì có thể giảm kinh phí đầu tư so với xây dựng công trình mới; đặc biệt, có khả năng chống chịu tốt với hỏa lực của địch, dễ ngụy trang, bí mật. Tuy nhiên, cần có sự nghiên cứu, điều tra, khảo sát để có phương án cải tạo tốt nhất. Bên cạnh hệ thống hang động tự nhiên, ngành doanh trại quân khu cần tận dụng các nguồn nước, nguồn nguyên vật liệu tự nhiên (gỗ, tre, nứa, cát sỏi...) trong chuẩn bị ở và làm việc.

Công trình hạ tầng có sẵn bao gồm những công trình đã có hoặc sẽ có theo quy hoạch phát triển KT-XH của địa phương và của từng ngành... Các công trình hạ tầng này sẽ là nguồn bảo đảm cơ bản, quan trọng phục vụ cho ở và làm việc trong thời chiến. Công trình có sẵn có thể là các nhà cao tầng có kết cấu vững chắc, các công trình ngầm, các công trình phục vụ dân sinh, hoặc có thể là các công trình cung cấp điện, nước trong thời bình... Thời chiến, tùy thuộc vào từng giai đoạn tác chiến có thể tận dụng làm nơi ở, làm việc cho bộ đội.

Lợi thế về mặt địa hình cộng với tình hình KT-XH trên địa bàn quân khu đang ngày càng phát triển đã tạo ra những thuận lợi cơ

bản trong chuẩn bị nơi ở và làm việc ngay từ thời bình. Tuy nhiên, không phải hang động hay công trình nào cũng có thể tận dụng được mà phải căn cứ vào phương án tác chiến. Địa hình có lợi là khu vực địa hình có thể giữ, thể đánh, bảo vệ an toàn các thành phần, nhất là khu vực địa hình bố trí sở chỉ huy, các cơ quan của quân khu, hệ thống kho tàng, bệnh viện... Mặt khác, do được chuẩn bị trước từ thời bình nên cần tính đến khả năng chống chịu thiên tai, thảm họa cũng như khả năng tự bảo vệ trước sự tiến công, đánh phá của kẻ địch; có khả năng bảo đảm các hoạt động lãnh đạo, chỉ huy, điều hành chiến tranh một cách thường xuyên, liên tục, không bị gián đoạn, nhất là trong điều kiện ác liệt của tác chiến PTQK.

Chuẩn bị ở và làm việc từ thời bình, sẵn sàng bảo đảm cho tác chiến PTQK là nội dung phức tạp; được tiến hành qua nhiều giai đoạn, liên quan đến nhiều cấp, ngành. Từ thực tiễn chuẩn bị ở và làm việc của các quân khu hiện nay và phương án tác chiến phòng thủ của một số quân khu, bài báo đề xuất các biện pháp mang tính khoa học, có khả năng vận dụng trong thực tiễn chuẩn bị bảo đảm ở và làm việc từ thời bình của các quân khu hiện nay. Quá trình thực hiện, cần vận dụng một cách phù hợp với đặc điểm của từng quân khu và xu thế phát triển của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc◆

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Bảo đảm hậu cần trong tác chiến PTQK*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Tác chiến PTQK trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Phạm Quốc Lập (2007), *Bảo đảm ở, nơi làm việc cho cơ quan QK phòng tránh, đánh địch tiến công hỏa lực thời kỳ đầu chiến tranh*, Luận án tiến sĩ khoa học hậu cần quân sự, Học viện Hậu cần, Hà Nội.

Nghiên cứu yếu tố không gian, thời gian trong chiến tranh hiện đại, để xuất giải pháp nâng cao hiệu quả bảo đảm hậu cần, kỹ thuật quân đội trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

Thượng tá, ThS. ÂU ĐỨC THẮNG

Phòng Khoa học quân sự, Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

Thiếu tá, ThS. HOÀNG ĐỨC THÀNH

Học viện Phòng không - Không quân

Trong chiến tranh, yếu tố không gian (KG), thời gian (TG) có mối quan hệ tương tác, gắn chặt với nhau và luôn được các bên tham chiến coi trọng sử dụng nhằm đạt được mục đích đề ra. Nghiên cứu sự tác động của yếu tố KG, TG đến hoạt động bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HCKT) trong các cuộc chiến tranh hiện đại (CTHD) để vận dụng phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc là vấn đề rất cần thiết.

KHÔNG gian và TG là những thành phần cơ bản cấu thành nghệ thuật quân sự; có tác động đến tất cả các hoạt động tác chiến, trong đó có hoạt động bảo đảm HCKT của quân đội.

Ngày nay, trước sự phát triển vượt bậc của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư với trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), phân tích dữ liệu lớn (Big Data)... và các hệ thống vũ khí tự động hóa đã tạo ra những biến đổi sâu sắc về KG, TG trong tác chiến. Thực tiễn các cuộc chiến tranh và xung đột vũ trang gần đây, như: Nagorno - Karabakh (2020), Israel - Hamas (2021), Nga - Ucraina (2022)... cho thấy, sự thay đổi của yếu tố KG và TG đã tác động trực tiếp, tạo ra thách thức đối với hoạt động bảo đảm HCKT, được thể hiện trên một số khía cạnh sau đây:

Một là, về không gian. Trước hết, KG tác chiến mở rộng, đa miền: Trên không, trên bộ, trên biển, trên vũ trụ và KG mạng;

phi tuyến tính, phân tán khiến ranh giới tiền tuyến - hậu phương trở nên mờ nhạt. Trong xung đột quân sự Nga - Ucraina, do mặt trận kéo dài hàng nghìn ki-lô-mét nên hai bên đều phải tổ chức hệ thống HCKT lớn, linh hoạt để bảo đảm cho các đơn vị trên khắp chiến trường.Thêm vào đó, các loại khí tài hiện đại như UAV, tên lửa hành trình, bom lượn... có thể tấn công đồng thời các mục tiêu chiến lược, sâu trong lãnh thổ đối phương, uy hiếp hệ thống bảo đảm. Đây là thách thức lớn đòi hỏi hệ thống bảo đảm HCKT phải cơ động, phân tán, có tính độc lập, tự chủ cao và được tích hợp trên nền tảng công nghệ số, tạo khả năng giám sát, điều phối theo TG thực.

Bên cạnh đó, các cuộc tấn công mạng và tác chiến điện tử (EW) đã trở thành một mặt trận quan trọng, có khả năng gây sai lệch thông tin, phá hủy dữ liệu, làm tê liệt khả năng chỉ huy, quản lý, điều hành toàn bộ chuỗi cung ứng. Trong chiến dịch

Nagorno - Karabakh (2020), Azerbaijan đã sử dụng các hệ thống EW để làm nhiễu hệ thống phòng không và thông tin liên lạc của Armenia, khiến việc điều phối HCKT và sửa chữa vũ khí trang bị gặp vô vàn khó khăn. Xung đột quân sự Nga - Ucraina đã diễn ra hàng trăm cuộc tấn công mạng và chiến dịch EW quy mô lớn nhằm vào hệ thống cơ sở hạ tầng trọng yếu, như mạng lưới điện, viễn thông và logistics của cả hai bên. Điều này khiến việc quản lý chuỗi cung ứng bị gián đoạn, gây khó khăn trong theo dõi, điều động vật chất, trang bị trên chiến trường.

Ngoài ra, chiến tranh thông tin còn được triển khai nhằm kiểm soát, định hướng dư luận và tâm lý, làm suy yếu ý chí chiến đấu, gây chia rẽ nội bộ đối phương. Thủ đoạn tung tin giả kho tàng, tuyến đường vận tải, lực lượng HCKT... bị phá hủy, thương vong hoặc sự thiếu hụt vật chất, trang bị có thể gây hoang mang, làm lung lay niềm tin vào khả năng bảo đảm HCKT, ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần chiến đấu của binh lính. Do đó, bảo đảm HCKT không chỉ là hoạt động bảo đảm đơn thuần mà còn phải tham gia vào bảo vệ thông tin, chống tâm lý chiến.

Hai là, về yếu tố thời gian. Một đặc trưng nổi bật là thời điểm chiến tranh nổ ra bất ngờ, không có dấu hiệu báo trước, cường độ xung đột tăng, liên tục cả ngày lẫn đêm, làm cho bên bị tấn công không đủ TG chuẩn bị, tập kết hoặc triển khai các nguồn lực bảo đảm HCKT một cách tuân tự, nhất là khi đối phương áp dụng chiến lược “sốc và kinh hoàng” hoặc tấn công phủ đầu quy mô lớn. Do đó, lực lượng HCKT của các bên đều phải hoạt động với cường độ cao, chịu áp lực cả về thể chất và tinh thần. Trong xung đột quân sự Nga - Ucraina, do tác chiến diễn ra liên tục nên các đơn vị HCKT của Ucraina phải hoạt động không ngừng nghỉ để cung cấp đạn dược, nhiên liệu và sửa chữa xe, khí tài... dưới hỏa lực chế áp liên tục của Nga.

Một đặc trưng khác của CTHĐ là trong TG ngắn, vật chất, trang bị tiêu hao với cường độ lớn. Xung đột quân sự Nga - Ucraina, có thời điểm, ước tính Quân đội Ucraina bắn tới $4.000 \div 7.000$ quả đạn pháo/ngày, còn Nga sử dụng tới $20.000 \div 50.000$ quả đạn pháo/ngày. Cả hai bên đều chịu tổn thất nặng nề về xe tăng, xe bọc thép, pháo và các phương tiện quân sự khác. Tiêu hao với tốc độ cao như vậy, buộc các nhà sản xuất phải hoạt động hết công suất và chuỗi cung ứng phải cực kỳ linh hoạt. Cùng với đó, việc bảo trì, sửa chữa và thay thế số lượng lớn trang thiết bị bị hư hại trên chiến trường cũng đặt ra thách thức lớn đối với công tác HCKT.

Trong CTHĐ, thời gian phục hồi vũ khí trang bị, xử lý hậu quả chiến tranh rút ngắn. Cuộc xung đột quân sự Nga - Ucraina ghi nhận, để hỗ trợ Ucraina, các trung tâm sửa chữa vũ khí phương Tây thường được đặt ở các quốc gia lân cận; việc cứu kéo, sửa chữa, đưa trở lại tiền tuyến phải được thực hiện trong TG ngắn nhất có thể, thường chỉ vài tuần cho các khí tài lớn như xe tăng Leopard hay pháo M777. Các cơ sở sửa chữa dã chiến cũng được triển khai sát tiền tuyến để rút ngắn TG khắc phục hỏng hóc, đôi khi chỉ trong vài giờ hoặc vài ngày cho các lỗi nhỏ.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra) sẽ là cuộc CTHĐ, địch sử dụng ngày càng nhiều loại vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử rộng rãi trên tất cả các môi trường, KG tác chiến rộng, TG tác chiến ngắn, với sự tham gia của nhiều thành phần lực lượng quân, binh chủng, phương pháp tác chiến đa dạng, chỉ huy, hiệp đồng phức tạp, tình huống diễn biến nhanh, hết sức ác liệt, chứa đựng nhiều yếu tố khó lường, nhất là về KG và TG. Trong điều kiện đó, để bảo đảm HCKT cho các lực lượng tác chiến đạt hiệu quả, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Thứ nhất, cần thay đổi tư duy và hoàn thiện cơ chế, chính sách về bảo đảm HCKT. Ngành HCKT phải có nhận thức mới về KG, TG và sự tác động của nó đến hoạt động bảo đảm. Trong đó, cần nhận thức rõ rằng, bảo đảm HCKT trong CTHĐ là yếu tố quyết định trực tiếp đến khả năng duy trì sức chiến đấu và giành thắng lợi trên chiến trường. Với sự thay đổi của yếu tố KG, TG, tư duy bảo đảm phải chuyển từ “tập trung” sang “cơ động, phân tán, đa phương thức”, từ “chờ đợi” sang “chủ động”, từ “phản ứng” sang “tiên liệu”, và từ “lượng” sang “chất” kết hợp “lượng”... để phù hợp với yêu cầu của CTHĐ. Điều này đòi hỏi sự đổi mới toàn diện trong phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức và thực hiện công tác bảo đảm HCKT. Theo đó, cơ quan tham mưu HCKT các cấp cần phát huy tốt vai trò nòng cốt, tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác dự trữ quốc phòng, dự trữ quốc gia đối với các loại vũ khí trang bị, vật tư kỹ thuật, vật chất, trang bị hậu cần thiết yếu trong thời bình, dự trữ cho các nhiệm vụ ứng phó với thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống, chủ động bảo đảm đủ nhu cầu vật chất, trang bị những năm đầu chiến tranh; dự trữ bảo đảm cho các hoạt động tác chiến, chiến đấu, công tác của lực lượng vũ trang ở từng cấp đơn vị, phù hợp với khả năng kinh tế của đất nước trong từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tiết kiệm, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống. Theo chức năng, nhiệm vụ, tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm HCKT trong các trạng thái sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm HCKT chuyển địa phương từ thời bình sang thời chiến... Đặc biệt, cần có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho ngành công nghiệp quốc phòng và các doanh nghiệp dân sự tham gia chuỗi cung ứng và sản xuất vật tư, trang bị quân sự.

Thứ hai, tập trung đầu tư, xây dựng hệ thống logistics thông minh; bảo đảm HCKT theo mô hình “cơ động, phân tán, đa phương thức”; hình thành hệ thống bảo đảm hiện đại, nhất thể hóa, tiêu chuẩn hóa các kênh thu thập thông tin, trong TG ngắn nhưng vẫn phải đảm bảo tính chính xác, kịp thời, đồng bộ trong chỉ huy, quản lý, điều hành. Thực hiện vấn đề trên, cần tập trung nghiên cứu, phổ cập kiến thức ứng dụng công nghệ số, như: Trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoTs), chuỗi khối (Blockchain)... cho đội ngũ cán bộ, nhân viên ngành HCKT. Trước mắt, tập trung đầu tư xây dựng các kho dữ liệu lớn, cập nhật thường xuyên dữ liệu “sạch, sống”, các trung tâm xử lý dữ liệu trên một số lĩnh vực: Thông tin địa lý tiềm lực HCKT các chuyên ngành, lĩnh vực, địa phương tương ứng với HCKT quân sự và nắm được các tiềm lực HCKT theo ngành trên từng khu vực, địa bàn... Hướng tới xây dựng, chuẩn hóa hệ thống quyết sách ứng phó với các tình huống xảy ra trong quá trình bảo đảm trên cơ sở ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích, xử lý các thông tin, tự động hóa chỉ huy, điều khiển và phối hợp hành động chặt chẽ giữa các bên liên quan làm cơ sở cho việc tự động phân bổ nguồn lực bảo đảm đúng TG, địa điểm, số lượng theo yêu cầu tác chiến.

Thứ ba, tích cực, chủ động chuẩn bị trước các mô hình bảo đảm HCKT cho tác chiến cơ động, phân tán, như: “Kho, trạm HCKT cơ động trên xe”, “bệnh viện trên xe”, “nhà ăn trên xe”, “sở chỉ huy điều hành HCKT qua mạng”... Triển khai mô hình “bảo trì dự báo” thay vì “bảo trì định kỳ”, giúp đơn vị phát hiện sớm nguy cơ hỏng hóc, giảm TG dừng máy, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu cho khí tài và thiết bị quân sự. Thí điểm “mô đun hóa” vũ khí trang bị KT cho phép lắp ráp, thay thế linh kiện nhanh chóng ngay tại tuyến đầu.

Muốn vậy, cần đầu tư, phát triển các thiết bị sửa chữa cơ động, các trạm sửa chữa dã chiến tích hợp nhiều công nghệ, có khả năng cơ động linh hoạt và triển khai nhanh. Nghiên cứu, phát triển các hệ thống chuẩn đoán hỏng hóc tự động bằng AI và học máy (Machine Learning) để xác định chính xác nguyên nhân và vị trí lỗi của vũ khí, trang bị trong TG ngắn nhất. Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ in 3D để chế tạo phụ tùng thay thế tại chỗ cho các loại khí tài phức tạp, giảm phụ thuộc vào chuỗi cung ứng bên ngoài. Tái sử dụng vật chất, nhất là các kim loại quý, vật liệu hiếm từ các khí tài bị hư hại.

Thứ tư, nâng cao sức sống và khả năng sinh tồn của HCKT trong CTHĐ. Ngay từ thời bình, chú trọng xây dựng ngầm hóa, kiên cố hóa, lưỡng dụng hóa các công trình HCKT, đặc biệt là các kho súng pháo khí tài đạn dược, trạm sửa chữa, cơ quan chỉ huy, đầu mối giao thông, thông tin liên lạc, kho tang, bệnh viện... tận dụng tối đa hệ thống hang động tự nhiên hoặc các công trình kiên cố được cải tạo. Có phương án chuyển xuống lòng đất hoạt động khi chiến tranh xảy ra; đồng thời, quản lý tốt các công trình, đề phòng sự phá hoại của con người hoặc trinh sát, phát hiện, đánh phá của các phương tiện không người lái. Khi tác chiến diễn ra, phải kết hợp với vận dụng rộng rãi các thủ đoạn nghi binh, tạo giả các thiết bị, kho, bãi, vật tư giả... Các mục tiêu giả lắp đặt cần kết hợp cả tĩnh và động, đối với các mục tiêu có trạng thái động có thể thay đổi thường xuyên vị trí của mục tiêu, về kiểu cách tạo hình, màu sắc, vật liệu khiến khí tài trinh sát kỹ thuật cao của địch khó phân biệt được thật, giả, buộc địch phải mở rộng phạm vi mục tiêu tập kích, giảm bớt thiệt hại do địch gây ra. Nghiên cứu áp dụng công nghệ “ngụy trang số hóa” dựa trên thuật toán xử lý hình ảnh và vật liệu biến đổi ánh xạ quang học. Đẩy mạnh huấn luyện tác

chiến phòng thủ mạng và đối kháng điện tử cho lực lượng HC-KT, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách về an ninh mạng trong ngành HCKT để bảo vệ hệ thống thông tin, dữ liệu quan trọng. Nghiên cứu các giải pháp mã hóa, bảo mật dữ liệu cấp độ cao và khả năng phục hồi hệ thống sau sự cố; sản xuất thiết bị gây nhiễu, đối kháng điện tử cho các đơn vị vận tải và cơ sở HCKT để tự vệ trước UAV địch. Huấn luyện nâng cao thể lực, khả năng chịu đựng áp lực và xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng cho lực lượng HC-KT các cấp. Tăng cường huấn luyện, luyện tập, diễn tập HCKT theo các phương án, tình huống tác chiến; tổ chức ngụy trang lực lượng, phòng, chống các phương tiện trinh sát hiện đại của địch; bố trí kho, trạm phân tán, có khả năng cơ động cao, bảo đảm độc lập. Đồng thời, chú trọng xây dựng lực lượng phòng vệ HCKT trong biên chế và phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương để bảo vệ HCKT.

Sự vận động, phát triển của yếu tố KG, TG đang thay đổi cách thức tiến hành CTHĐ và đặt ra những yêu cầu mới, phức tạp hơn đối với công tác bảo đảm HCKT. Trên cơ sở các giải pháp bài báo nêu, lực lượng HCKT các đơn vị, các cấp cần tiếp tục nghiên cứu để nâng cao hiệu quả bảo đảm trong điều kiện mới của CTHĐ◆

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2025), *Chuyên đề nghiên cứu cuộc xung đột quân sự Nga-Ucraina*, Hà Nội.
2. <https://www.militarystrategymagazine.com/article/drones-in-the-nagorno-karabakh-war-analyzing-the-data/>.
3. <https://www.theguardian.com/world/2023/mar/20/eu-deal-supply-Ucraina-ammunition>.
4. <https://www.cna.org/analyses/2023/10/russian-military-logistics-in-the-Ucraina-war>.

BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG MỀM CHO HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN HẬU CẦN CẤP PHÂN ĐỘI, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN HIỆN NAY

Đại tá, TS. VŨ VĂN LONG
Khoa CTĐ, CTCT, Học viện Hậu cần

Kỹ năng mềm (KNM) là khả năng hòa nhập xã hội, giúp con người tự quản lý, phát triển chính bản thân mình và tương tác với những người xung quanh để cuộc sống và công việc đạt hiệu quả như mong muốn; đây được xem là chìa khóa vàng dẫn đến thành công. Bồi dưỡng KNM cho học viên đào tạo sĩ quan hậu cần (SQHC) cấp phân đội là vấn đề có tính cấp thiết, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo (GDDT) ở Học viện Hậu cần (HVHC) trong giai đoạn hiện nay.

Bồi dưỡng KNM cho học viên đào tạo SQHC cấp phân đội là tổng thể những chủ trương, biện pháp, hình thức tác động của các chủ thể đến học viên nhằm hình thành, hoàn thiện và phát triển các KNM cho học viên, góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu, yêu cầu đào tạo; bao gồm: Kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian; kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng hợp tác, làm việc đồng đội; kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường áp lực; kỹ năng học tập hiệu quả... Trong những năm qua, Học viện thường xuyên quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, bồi dưỡng phẩm chất, năng lực, phương pháp, tác phong công tác, KNM cho học viên, đặc biệt học viên đào tạo SQHC cấp phân đội. Do đó, học viên tốt nghiệp ra trường có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đào tạo, chuẩn đầu ra; cơ bản hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ theo chức

danh chuyên ngành đào tạo. Tuy nhiên, KNM ở một bộ phận học viên chưa được hình thành một cách vững chắc, biểu hiện ở khả năng giao tiếp, ứng xử, giải quyết các mối quan hệ thiếu linh hoạt dập khuôn, máy móc; do đó hiệu quả học tập, sinh hoạt, rèn luyện không cao, giải quyết các mối quan hệ chưa phù hợp. Vẫn còn những học viên chưa có kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân, dễ bị những tác động tiêu cực từ môi trường sống của xã hội cám dỗ, dẫn đến vi phạm kỷ luật Quân đội, quy định của Học viện... Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hạn chế nêu trên, song nguyên nhân chủ yếu do: Một số cán bộ quản lý, học viên chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa, chưa xác định rõ mục tiêu, nội dung KNM cần bồi dưỡng; phương pháp và hình thức tiến hành bồi dưỡng KNM cho học viên chưa đa dạng; sự phối hợp giữa đơn vị quản lý học viên với các cơ quan và khoa giáo viên trong bồi dưỡng KNM cho học viên còn thiếu chặt chẽ. Vì vậy, để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả bồi dưỡng KNM cho học

viên đào tạo SQHC cấp phân đội, cần tập trung thực hiện tốt một số biện pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, các lực lượng trong bồi dưỡng KNM cho học viên. Đây là biện pháp hàng đầu để phát huy vai trò của các chủ thể trong bồi dưỡng KNM cho học viên đào tạo SQHC cấp phân đội ở HVHC hiện nay. Bởi có nhận thức đúng, sẽ có hành động đúng; nếu nhận thức lệch lạc, không đầy đủ sẽ dẫn tới hành động thiếu khoa học, thụ động và hiệu quả không được như mong muốn, thậm chí không thực hiện được các mục tiêu bồi dưỡng KNM cho học viên đã đặt ta. Để nâng cao nhận thức, phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, các lực lượng trong bồi dưỡng KNM cho học viên ở HVHC hiện nay, cần thực hiện tốt những vấn đề sau:

Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động bồi dưỡng KNM cho học viên. Chỉ đạo việc xây dựng tiêu chí KNM trong mục tiêu đào tạo, cụ thể hóa thành nhiệm vụ, mục tiêu bồi dưỡng, phát huy trách nhiệm chính trị của cấp ủy, chỉ huy trong bồi dưỡng KNM cho học viên. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phải thường xuyên kiểm tra, đánh giá công tác bồi dưỡng.

Phòng Đào tạo phối hợp với Phòng Chính trị chỉ đạo, hướng dẫn các khoa giáo viên, các đơn vị quản lý học viên tiến hành hoạt động bồi dưỡng KNM cho học viên, phải xác định rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong tham mưu giúp Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, biện pháp bồi dưỡng, đồng thời hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, kiểm soát quá trình thực hiện kế hoạch, nội dung bồi dưỡng, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm bồi dưỡng.

Các khoa giáo viên là chủ thể trực tiếp tham gia bồi dưỡng KNM cho học viên. Tinh

thần trách nhiệm, trình độ tổ chức, năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm của cán bộ, giảng viên giữ vai trò quyết định đến chất lượng, hiệu quả hình thành KNM cho học viên. Do đó, đòi hỏi lãnh đạo, chỉ huy các khoa giáo viên phải tăng cường trách nhiệm, thường xuyên chủ động, có kế hoạch cụ thể, bám sát tiến trình đào tạo, tích cực đổi mới nội dung, chương trình, thực hiện lồng ghép các nội dung bồi dưỡng KNM trong chương trình chính khóa, thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, chú trọng các phương pháp dạy học tích cực, hiện đại, hình thức học tập bài bản, thực hành, xử lý các tình huống thực tiễn. Tích cực hướng dẫn, chỉ đạo và tham gia hoạt động ngoại khóa của đơn vị để bồi dưỡng KNM cho học viên.

Cấp ủy, chỉ huy các đơn vị quản lý học viên là người trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy, quản lý, giáo dục, rèn luyện học viên, phải làm tròn trách nhiệm của mình trong triển khai tổ chức thực hiện các kế hoạch bồi dưỡng theo phạm vi chức trách, đồng thời là mục thước về các KNM để học viên học tập, noi theo; chủ động phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng tạo môi trường thuận lợi để học viên tự bồi dưỡng KNM.

Hai là, tăng cường bồi dưỡng những KNM cơ bản, thiết yếu cho học viên. Đây là biện pháp nền tảng quy định chất lượng của việc bồi dưỡng hệ thống KNM cho học viên. Mục tiêu của biện pháp này là giáo dục, bồi dưỡng những tri thức cơ bản và rèn luyện, phát triển các hành động thực tế của hệ thống các KNM thiết yếu của người học viên trong đào tạo ở Học viện hiện nay. Cần tập trung bồi dưỡng một số KNM cơ bản sau: Kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian; kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng hợp tác, làm việc đồng đội; kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường áp lực; kỹ năng học tập hiệu

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

quả... Trong quá trình bồi dưỡng các chủ thể cần thấy rõ sự đồng bộ của hệ thống các kỹ năng không xem nhẹ hoặc tuyệt đối hóa một kỹ năng nào; nhưng cần căn cứ vào những tình huống cụ thể trong quá trình học tập, rèn luyện để xác định nội dung, biện pháp rèn luyện bồi dưỡng cho phù hợp, có hiệu quả.

Ba là, phát huy tính chủ động, tích cực của học viên trong tự bồi dưỡng KNM. Phát huy tính chủ động, tích cực của học viên là nội dung, biện pháp cơ bản quan trọng có ý nghĩa trực tiếp quyết định tới hiệu quả của việc bồi dưỡng KNM. Tự bồi dưỡng KNM là sự nỗ lực, tự giác, sáng tạo của học viên, nhằm biến kết quả bồi dưỡng của tổ chức thành cái riêng có sâu sắc, vững chắc và làm phong phú thêm kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng của từng cá nhân, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ. Thực tiễn cho thấy, hệ thống kiến thức, kỹ năng được học tập, rèn luyện theo chương trình đào tạo là rất cơ bản, quan trọng, nhưng đây mới chỉ là tiền đề, cơ sở để học viên tiếp tục học tập, trau dồi, tu dưỡng rèn luyện đáp ứng chức trách, nhiệm vụ. Mặt khác, Học viện dù có quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đến đâu, nhưng bản thân mỗi học viên thiếu tích cực, tự giác say mê học tập, nghiên cứu, không chịu tu dưỡng, rèn luyện phần đầu trưởng thành thì cũng không thể có kết quả trên thực tế được.

Trước hết, cấp ủy, chỉ huy các cấp, của các cơ quan chức năng, của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Học viện cần thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao nhận thức, hình thành nhu cầu, động cơ đúng đắn, thái độ trách nhiệm, ý chí quyết tâm tự bồi dưỡng của mỗi học viên. Đồng thời, trong quá trình tự bồi dưỡng KNM, mỗi học viên phải tự xác định mục tiêu, yêu cầu, nội dung, cách thức, biện pháp nhằm nâng cao tri thức về KNM, hình thành phương thức tiến hành, xây dựng niềm tin, ý chí tự rèn luyện để hình thành và

phát triển các KNM. Mặt khác, từng học viên phải xây dựng kế hoạch tự học, trong đó có tự bồi dưỡng KNM khoa học, thiết thực, cụ thể và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch đã được xác định. Nội dung kế hoạch cần xác định rõ mục tiêu, yêu cầu, nội dung, hình thức, biện pháp tiến hành và mốc thời gian hoàn thành. Xác định mục tiêu tự bồi dưỡng phải sát thực tế, dựa trên cơ sở khoa học, đủ khả năng thực hiện. Lựa chọn nội dung tự bồi dưỡng phù hợp, thiết thực, bảo đảm nâng cao KNM đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngay trong quá trình đào tạo tại trường và đáp ứng nhiệm vụ lâu dài sau khi tốt nghiệp; tập trung vào những hoạt động chủ yếu, khắc phục những khâu yếu, mặt yếu về KNM của bản thân. Trong kế hoạch cần xác định rõ các hình thức, phương pháp tự bồi dưỡng; xác định thời gian hoàn thành từng nội dung, phải tận dụng thời gian mọi lúc mọi nơi để nghiên cứu, học tập, rèn luyện; tránh tình trạng xây dựng kế hoạch chung chung, hình thức.

Bốn là, tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội thông qua đó nhằm rèn luyện, phát triển các KNM cho học viên. Hoạt động ngoại khóa có vai trò quan trọng, giúp học viên bổ sung kiến thức cần thiết, tạo cơ hội phát triển năng khiếu tiềm tàng, tiếp cận các cách thức học tập mới; đồng thời, góp phần tích cực vào việc nâng cao, mở rộng vốn tri thức, rèn luyện KNM cần thiết như: Giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, lãnh đạo, quản lý... Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, tính chủ động, tích cực, sáng tạo, khả năng tự tổ chức hoạt động, tính tự tin của học viên. Hoạt động ngoại khóa có các hình thức cơ bản sau: Tổ chức lớp học bồi dưỡng ngoại khóa KNM cho học viên; tổ chức các tổ học tập; tiếp tục duy trì hoạt động của câu lạc bộ; tổ chức các buổi diễn đàn, toạ đàm thanh niên, tổ chức các hoạt động vui chơi ngày nghỉ, giờ nghỉ; tham quan học tập truyền

thông; tổ chức giao lưu với các trường trong và ngoài quân đội... Bồi dưỡng KNM qua hoạt động xã hội như: Quyên góp từ thiện, tri ân những người có công với cách mạng, hiến máu nhân đạo, hưởng ứng ngày môi trường thế giới,... Qua các hoạt động xã hội, học viên được giao lưu, giao tiếp xã hội, vun đắp tình cảm tốt đẹp, biết cách thể hiện tình cảm của mình, biết yêu thương, chia sẻ trước mọi người. Rèn luyện ý chí khắc phục khó khăn, học hỏi được cách tiếp nhận và tổ chức công việc. Tổ chức hoạt động xung kích tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng tại địa bàn đóng quân như: Ra quân dọn vệ sinh môi trường, hiến máu tình nguyện, tuyên truyền pháp luật, tham gia các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn”, “Nghĩa tình biên giới, hải đảo”, “Thắp nến tri ân”, chung tay xây dựng nông thôn mới, khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn đóng quân, tặng quà cho các cháu học sinh có hoàn cảnh khó khăn... Ngoài ra còn có thể tổ chức tuyên truyền nêu gương và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong thanh niên; các khóa học về các loại hình nghệ thuật, những buổi nói chuyện về văn hóa, lịch sử, âm nhạc.

Năm là, xây dựng môi trường văn hóa sư phạm quân sự lành mạnh góp phần bồi dưỡng KNM cho học viên. Đây là biện pháp cơ bản, quan trọng có ý nghĩa tác động to lớn đến việc bồi dưỡng chủ trọng nâng cao nhận thức, hình thành nhu cầu, động cơ đúng đắn, thái độ trách nhiệm, ý chí quyết tâm tự bồi dưỡng của mỗi học viên cho học viên. Môi trường văn hóa sư phạm quân sự là một tổ hợp giữa các yếu tố văn hóa, sư phạm và quân sự tạo thành một hệ thống giá trị có ảnh hưởng thường xuyên và tác động trực tiếp đến cuộc sống, sinh hoạt hình thành, phát triển KNM cho học viên. Đó là điều kiện tổng thể để từng học viên xây dựng động cơ, thái độ, ý thức trách nhiệm, mục đích, xu hướng nghề nghiệp, phát triển nhân cách, rèn luyện

kỹ năng nghề nghiệp và KNM, là nơi cung cấp phương tiện cho hoạt động học tập, rèn luyện của học viên, đồng thời là tấm “màng lọc” hiệu quả ngăn chặn các hiện tượng thiếu mô phạm, phi văn hóa, lối sống không lành mạnh thâm nhập vào Học viện. Thông qua môi trường văn hóa sư phạm mà trình độ nhận thức của đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên từng bước được nâng cao, năng lực tư duy phát triển, trình độ đánh giá tự nhận xét được hoàn thiện, phẩm chất nghề nghiệp, KNM từng bước được khẳng định và nâng cao. Do đó, việc tập trung xây dựng các khoa giáo viên, các đơn vị quản lý học viên chính quy, tiên tiến, mẫu mực, các mối quan hệ tốt đẹp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bồi dưỡng KNM cho học viên.

Việc bồi dưỡng KNM cho học viên đào tạo SQHC cấp phân đội ở HVHC hiện nay là đòi hỏi tất yếu khách quan. Thực hiện tốt vấn đề này, góp phần hoàn thiện nhân cách của người học viên đào tạo SQHC cấp phân đội, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở HVHC trong tình hình hiện nay♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2025), *Tài liệu kỹ năng mềm (dùng cho lớp Tập huấn Kỹ năng mềm cán bộ quản lý, giáo viên các học viện, trường quân đội)*, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb CTQG, Hà Nội.
3. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2023), *Nghị quyết số 883-NQ/ĐU về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Học viện trong tình hình mới*, Hà Nội.
4. Trần Quốc Thành (2018), *Kỹ năng mềm trong giáo dục kỷ luật cho hạ sĩ quan, binh sĩ của cán bộ chính trị cấp phân đội ở các đơn vị cơ sở hiện nay*, *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt, tháng 5/ kỳ 3, Hà Nội.

MÃY VẤN ĐỀ VỀ CĂN CỨ HẬU CẦN - KỸ THUẬT TỈNH TRUNG LÀO TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ

Trung tá, ThS. KHAM LOUANGTHOUMMALA
Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

T RONG chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, khi tiến công trên bộ vào khu vực phòng thủ (KVPT) tỉnh Trung Lào, địch sử dụng khoảng 1 lữ đoàn bộ binh (BBCG) tăng cường, 1 tiểu đoàn đổ bộ đường không cùng quân đồng minh, kết hợp với lực lượng phản động nội địa và lực lượng khác gây bạo loạn, lật đổ. Quá trình tiến công được hỏa lực không quân, pháo binh, tên lửa chi viện, tác chiến điện tử mạnh; sử dụng nhiều thủ đoạn, biện pháp tác chiến; tiến công trên nhiều hướng, kết hợp với thọc sâu, vu hồi, đổ bộ đường không. Để chặn, đánh địch, trong tác chiến phòng thủ (TCPT) tỉnh Trung Lào, bộ đội địa phương và du kích, tự vệ là hai lực lượng chủ yếu; được tổ chức thành các lực lượng chiến đấu giữ KVPT then chốt; lực lượng cơ động tiến công, tác chiến rộng khắp; lực lượng quân binh chủng, lực lượng bảo đảm. Các trận đánh sẽ diễn ra rất ác liệt, xảy ra nhiều tình huống khó lường; gây khó khăn rất lớn đối với bảo đảm HCKT cho các lực lượng vũ trang (LLVT) tỉnh. Để bảo đảm kịp thời mọi nhu cầu về hậu cần, kỹ thuật (HCKT) cho tác chiến thắng lợi, cần thực hiện nhiều nội dung; trong đó, tổ chức các căn cứ HCKT có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Trên cơ sở nghiên cứu về địch; tổ chức đội hình, sử dụng LLVT địa phương TCPT của chỉ huy trưởng bộ chỉ huy quân sự tỉnh Trung Lào; đặc điểm địa hình... Đồng thời, căn cứ lực lượng HCKT quân sự địa phương (QSĐP) có trong biên chế, lực lượng huy động từ HCKT nhân dân địa phương và lực lượng được cấp trên tăng cường (nếu có); HCKT tỉnh Trung Lào có thể tổ chức 1 căn cứ HCKT, 2 phân căn cứ HCKT; 2 cơ sở HCKT

bí mật, có lực lượng dự bị và một số thành phần lực lượng HCKT khác. Phương án tổ chức này sẽ tập trung bảo đảm cho hướng phòng thủ chủ yếu, KVPT then chốt; đồng thời, bảo đảm tốt cho các hướng, các lực lượng khác, hạn chế tổn thất do địch đánh phá. Vừa bảo đảm cho đánh địch tiến công từ biên giới phía Tây sang, vừa bảo đảm cho đánh địch đổ bộ đường không, vu hồi đường sông và phù hợp với tác chiến bám trụ, quần lộn sau lưng địch dài ngày; phát huy khả năng độc lập tự bảo đảm và sẵn sàng chi viện bảo đảm cho các lực lượng khác tác chiến tại địa bàn. Mặt khác, hậu cần - kỹ thuật KVPT tỉnh có điều kiện để tập trung lực lượng, phát huy khả năng chuyên môn nhất là về quân y và có điều kiện để tổ chức lực lượng HCKT dự bị mạnh, kịp thời xử trí các tình huống trong quá trình tác chiến; công tác chỉ huy, điều hành, hiệp đồng hậu cần có nhiều thuận lợi.

Để các căn cứ HCKT của tỉnh Trung Lào phát huy tốt vai trò bảo đảm, cần thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, chủ động chuẩn bị trước về lực lượng, thế trận, kịp thời triển khai bảo đảm cho LLVT địa phương khi chỉ huy trưởng điều chỉnh quyết tâm tác chiến. Đây là giải pháp quan trọng, nhằm đảm bảo cho hậu cần - kỹ thuật KVPT tỉnh luôn có "thế vững", "lực mạnh", đủ sức bảo đảm cho hoạt động tác chiến của LLVT địa phương đánh bại địch tiến công trong mọi tình huống. Muốn vậy, ngay từ thời bình, phải chú trọng xây dựng lực lượng HCKT thường trực, lực lượng dự bị động viên, các đơn vị chuyên môn HCKT không chuyên trách với nhiều biện pháp khác nhau.

Tiến hành điều tra khảo sát các khu vực địa bàn, nghiên cứu kỹ địa hình, xác định các khu vực bố trí các căn cứ, phân chia HCKT, các cơ sở HCKT bí mật trên các hướng, khu vực để từng bước xây dựng củng cố. Tận dụng địa hình, các công trình có sẵn để cải tạo, triển khai căn cứ HCKT trên hướng phòng thủ chủ yếu phù hợp với quyết tâm tác chiến của chỉ huy trưởng bộ chỉ huy quân sự tỉnh, xây dựng các kho, hầm dự trữ vật chất; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là đường vận tải, tạo thế liên hoàn giữa các thành phần lực lượng HCKT. Hậu cần - kỹ thuật QSĐP tỉnh phải là lực lượng nòng cốt tham mưu cho chỉ huy trưởng QSĐP tỉnh đề xuất với hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh về khảo sát, điều tra, lập quy hoạch, kế hoạch triển khai xây dựng các căn cứ HCKT tỉnh, hợp thức hóa đất quốc phòng... từng bước xây dựng các công trình hậu cần trọng điểm trong các căn cứ HCKT. Đồng thời, phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các ngành kinh tế, xã hội địa phương trong xây dựng, củng cố hoàn thiện và bảo quản, quản lý các khu vực xây dựng bố trí căn cứ hậu phương, căn cứ HCKT, căn cứ chiến đấu.

Hai là, sử dụng căn cứ HCKT làm hạt nhân, linh hoạt điều chỉnh lực lượng HCKT để kịp thời bảo đảm cho LLVT địa phương trong các giai đoạn tác chiến. Tác chiến phòng thủ tỉnh diễn ra với nhiều tình huống bất ngờ, do đó nhiệm vụ bảo đảm HCKT có những thay đổi về địa điểm, thời gian, đơn vị và các loại, khối lượng vật chất. Giải pháp này có ý nghĩa quyết định để bảo đảm kịp thời, đầy đủ các loại vật chất HCKT trong các tình huống. Hiện nay, các KVPT tỉnh trên cả nước nói chung, KVPT tỉnh Trung Lào nói riêng, đều đã xây dựng, chuẩn bị phương án tác chiến KVPT tỉnh. Theo đó, hậu cần - kỹ thuật KVPT tỉnh (hậu cần - kỹ thuật QSĐP tỉnh làm nòng cốt) đã xây dựng, chuẩn bị phương án bảo đảm HCKT, trong đó ưu tiên tổ chức xây dựng căn cứ hậu phương,

căn cứ HCKT. Đây là điều kiện thuận lợi để hậu cần QSĐP tỉnh sử dụng căn cứ HCKT làm hạt nhân để điều chỉnh, điều chuyển lực lượng, vật chất, phương tiện trực tiếp bảo đảm cho các hướng, khu vực tác chiến.

Để thực hiện tốt giải pháp này, hậu cần - kỹ thuật KVPT, cần nắm chắc thực lực, khả năng hiện có của căn cứ HCKT và các thành phần, lực lượng khác có liên quan đến tổ chức, sử dụng lực lượng, bố trí HCKT. Khi nhận nhiệm vụ tác chiến đánh địch tiến công trên bộ vào KVPT tỉnh, hậu cần QSĐP tỉnh phải khẩn trương, nhanh chóng nắm lại chính xác về thực lực, khả năng hiện có của căn cứ HCKT trên hướng phòng thủ chủ yếu và các lực lượng HCKT có liên quan, đề xuất phương án tổ chức lực lượng HCKT thông qua người chỉ huy và xây dựng kế hoạch điều chỉnh, bổ sung lực lượng HCKT hợp lý, khoa học. Tổ chức giao nhiệm vụ, phân công, phân cấp về chỉ huy, trách nhiệm bảo đảm cho các lực lượng HCKT thuộc quyền. Tham mưu đề xuất với hội đồng cung cấp KVPT điều động lực lượng, vật chất, phương tiện HCKT nhân dân địa phương bổ sung theo phương án. Hiệp đồng cụ thể về số lượng, chất lượng lực lượng, phương tiện; trách nhiệm bảo đảm; thời gian có mặt, trả về; cử người phụ trách. Chỉ huy, chỉ đạo, điều hành công tác chuẩn bị, triển khai phương án điều chỉnh, bổ sung lực lượng HCKT chặt chẽ, linh hoạt, khẩn trương. Duy trì bảo đảm liên tục cho các nhiệm vụ của TCPT tỉnh.

Ba là, kết hợp chặt chẽ các lực lượng, cơ sở HCKT trên địa bàn tỉnh để bố trí các ccHCKT tạo thế trận liên hoàn, vững chắc, bảo đảm cho tác chiến. Tác chiến phòng thủ tỉnh Trung Lào hoạt động tác chiến của LLVT địa phương TCPT tỉnh, gồm nhiều lực lượng tham gia, thực hiện phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng KVPT cùng với bộ đội chủ lực trong tác chiến cũng như bảo đảm HCKT. Trên địa bàn tác chiến có thể trận hậu cần-kỹ thuật KVPT, bao gồm hậu cần-

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

kỹ thuật QSĐP, hậu cần - kỹ thuật nhân dân địa phương, HCKT công an; HCKT các đơn vị bộ đội chủ lực (nếu có); có thể có các cơ sở của HCKT cấp trên đứng chân trên địa bàn và hệ thống mạng đường vận tải được xây dựng, chuẩn bị từ thời bình. Vì vậy, khi triển khai xây dựng bố trí các căn cứ HCKT của KVPT tỉnh phải có sự phối hợp hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng HCKT để tạo thế trận liên hoàn, vững chắc, chuyển hóa và chi viện kịp thời trong tác chiến. Thực tiễn, trong trận chiến đấu của LLVT địa phương tỉnh Khăm Muôn phòng thủ khu vực Thà Khẹc (01/1946 ÷ 21/03/1946), đã kết hợp chặt chẽ tổ chức, sử dụng lực lượng, bố trí HC-KT của LLVT với các tổ chức hậu cần nhân dân địa phương tại địa bàn để hình thành bảo đảm cho LLVT giữ vững khu vực Thà Khẹc trong gần 3 tháng. Tuy nhiên, chưa chủ động tạo thế bảo đảm cho một số hình thức tác chiến tiếp theo, nên khi tình huống phát sinh (lui quân), HCKT lúng túng, khả năng chuyển hóa thế trận hạn chế, dẫn đến lực lượng HCKT bị thương vong, tổn thất, không bảo đảm kịp thời cho các lực lượng rút về khu vực Na Khon Phạ Nôm.

Thực hiện giải pháp trên, hậu cần - kỹ thuật QSĐP phải là lực lượng nòng cốt trong phối hợp hiệp đồng các khu vực bố trí triển khai lực lượng, các cơ sở HCKT của tỉnh theo phương án đánh địch tiến công trên bộ vào KVPT trong TCPT của tỉnh. Phải nắm chắc vị trí bố trí, khả năng chi viện, giúp đỡ của các lực lượng HCKT đang triển khai trên KVPT tỉnh; diễn biến hoạt động của địch và các yếu tố có liên quan đến bố trí lực lượng HCKT. Quá trình lựa chọn vị trí bố trí phải tạo ra sự liên kết chặt chẽ với thế trận hậu cần nhân dân, hậu cần bộ đội chủ lực và các lực lượng HCKT khác đứng chân trên địa bàn. Muốn vậy, cần xây dựng, cải tạo được hệ thống mạng đường vận tải thông suốt. Bởi lẽ, mạng đường vận tải là huyết mạch nối liền giữa HCKT chiến lược đến hậu cần - kỹ thuật

KVPT tỉnh, đến các đầu mối bảo đảm, đơn vị chiến đấu, giữa các lực lượng HCKT trong địa bàn tỉnh. Đặc biệt, đối với tỉnh Trung Lào địa hình Trung Lào, thường là vùng rừng núi, vùng đồng bằng ven sông Mê Kông; xen kẽ giữa các núi cao, rừng rậm, khe sâu; mật độ dân cư thưa, kinh tế chậm phát triển; đường sá ít, chất lượng thấp, chủ yếu là đường độc đạo. Do đó, ngay từ thời bình, hậu cần - kỹ thuật QSĐP phải chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, đầu tư nâng cấp các trục đường có sẵn, mở thêm một số đường mới. Trước mắt phục vụ cho phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, tạo sự liên thông giữa các vùng miền, khi có chiến tranh xảy ra các trục đường đó sẽ là đường cơ động lực lượng, vận chuyển vật chất, thương binh, tạo sự gắn kết giữa các lực lượng HCKT trong bảo đảm và chi viện bảo đảm trong tác chiến. Mặt khác, chuẩn bị các trục dọc từ các căn cứ HCKT đến các đơn vị chiến đấu; các trục đường ngang liên kết các lực lượng, các cơ sở HCKT trên địa bàn tạo thế trận liên hoàn vững chắc. Phải có đường chính thức, đường dự bị, đường vòng tránh qua các trọng điểm.

Tổ chức căn cứ HCKT bảo đảm cho LLVT địa phương tỉnh Trung Lào tác động trực tiếp đến hoạt động chiến đấu. Vì vậy, hậu cần - kỹ thuật KVPT cần vận dụng linh hoạt các giải pháp bài báo nếu sẽ phát huy sức mạnh tổng hợp, góp phần bảo đảm kịp thời, đầy đủ cho LLVT chiến đấu thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2014), *Tác chiến phòng thủ tỉnh, thành phố trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND Việt Nam, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần Quân đội nhân dân Lào (2020), *Bảo đảm hậu cần cho lực lượng vũ trang địa phương tác chiến phòng thủ tỉnh (thành phố)*, Nxb QĐND Lào, Viêng Chăn.

VẬN DỤNG HÌNH THỨC VẬN TẢI SƯ ĐOÀN BỘ BINH ĐÁNH ĐỊCH TẠM DỪNG KHI TIẾN CÔNG ĐƯỜNG BỘ TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU

Trung tá, ThS. ĐINH VĂN QUYẾT
Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: Using appropriate modes of transportation plays a vital role in transport organization, determining the accomplishment of transportation tasks. Based on theoretical and practical research, the article proposes the use of transport modes in organizing movement support for an infantry division attacking the enemy in a temporary halt in a ground offensive in military region defensive operations.

I. TÓM TẮT

Vận dụng hình thức vận tải phù hợp có vai trò quan trọng trong tổ chức vận tải, quyết định hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển. Bài viết trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề xuất vận dụng hình thức vận tải trong tổ chức vận chuyển bảo đảm cho sư đoàn bộ binh (fBB) đánh địch tạm dừng khi tiến công đường bộ (TCĐB) trong tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK).

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hình thức vận tải là cách thức tổ chức, sử dụng lực lượng vận tải tiến hành vận chuyển phù hợp với điều kiện hoạt động. Để tổ chức vận chuyển bảo đảm fBB đánh địch tạm dừng khi TCĐB đầy đủ, kịp thời, an toàn và bí mật, vận tải sư đoàn phải tiến hành nhiều nội dung công việc, thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp, trong đó lựa chọn các hình thức vận tải là vấn đề quan trọng. Thực tiễn trong chiến tranh giải phóng, vận tải quân sự đã sáng tạo và sử dụng các hình thức vận tải linh hoạt, phù hợp với điều kiện vận tải cụ thể, đem lại hiệu quả cao; đặc biệt trong những trận đánh địch tạm dừng, để lại nhiều kinh nghiệm quý về sử dụng các hình thức vận tải, có thể kế thừa, phát triển.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra), các yếu tố về địch, ta và môi trường tác chiến có những thay đổi; nghệ thuật quân sự, lý luận bảo đảm hậu cần, kỹ thuật có những phát triển mới. Vì vậy, cần nghiên cứu, phát triển và vận dụng các hình thức vận tải phù hợp điều kiện chiến đấu.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu trực tiếp của sư đoàn là lữ đoàn bộ binh cơ giới thuộc fBB, bộ binh cơ giới TCĐB vào địa bàn quân khu, quá trình tiến công bị ta ngăn chặn, chia cắt, sát thương; lực lượng, phương tiện tiêu hao, tổn thất, sức chiến đấu suy giảm, không đủ sức tiếp tục tiến công, buộc phải tạm dừng nhằm tổ chức lại đội hình chiến đấu, bổ sung, điều chỉnh lực lượng, phương tiện để tiếp tục tiến công. Trong quá trình chiến đấu, địch sử dụng nhiều thủ đoạn đối phó, với sự vượt trội về hỏa lực, vũ khí công nghệ cao, khả năng trinh sát và tác chiến điện tử, đánh phá vào các mục tiêu trọng yếu của ta, trong đó có các trọng điểm giao thông, mạng đường và lực lượng vận tải.

Nhằm tiêu diệt, bẻ gãy các mũi TCĐB của địch vào địa bàn quân khu, tạo điều kiện

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

thuận lợi cho các hoạt động tiếp theo và hoàn thành mục tiêu tác chiến đã xác định, quân khu sử dụng lực lượng quy mô khoảng fBB được tăng cường binh khí kỹ thuật, hiệp đồng với lực lượng vũ trang địa phương; tổ chức thành nhiều lực lượng, vận dụng nhiều hình thức chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu, sẵn sàng chuyển hóa thế trận. Do đó, vận tải sư đoàn thực hiện nhiều nhiệm vụ, khởi lượng vận chuyển lớn, chủng loại đa dạng, thời gian gấp, yêu cầu bảo đảm bí mật; trong điều kiện lực lượng, phương tiện vận tải có hạn; trong nhiều thời điểm xảy ra mất cân đối. Để vận chuyển đầy đủ, kịp thời, an toàn và bí mật các loại vật chất hậu cần, kỹ thuật bảo đảm cho các lực lượng chiến đấu; đồng thời vận chuyển kịp thời thương binh, bệnh binh, vận tải sư đoàn cần vận dụng các hình thức vận tải phù hợp, tập trung vào một số nội dung, biện pháp cơ bản sau:

Một là, vận dụng hình thức vận tải đi thẳng là chủ yếu, kết hợp với các hình thức vận tải khác phù hợp cách đánh của người chỉ huy, nhiệm vụ của các đơn vị và khả năng vận chuyển vận tải sư đoàn. Đây là nguyên tắc bảo đảm trong chiến đấu, là cơ sở quan trọng nhằm tạo sự thống nhất, phát huy sức mạnh của mọi lực lượng, giành thắng lợi trong mọi tình huống. Trong chiến đấu, để hoàn thành nhiệm vụ, các đơn vị đảm nhiệm tiêu diệt địch thường tổ chức thành nhiều lực lượng với các nhiệm vụ khác nhau, vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật và thủ đoạn chiến đấu nhằm thực hiện cách đánh chung của người chỉ huy. Theo đó, mỗi hình thức chiến thuật, cách đánh khác nhau có nhu cầu về vật chất, thời gian, địa điểm bổ sung vật chất sẽ khác nhau; đòi hỏi phải vận dụng các hình thức vận tải bảo đảm khác nhau cho từng lực lượng. Thực tiễn, trong trận Sư đoàn 9 vận động tập kích cụm quân thuộc Lữ đoàn 3 và Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn 173 Mỹ tạm dừng tại Đồng Rùm đêm 20, rạng ngày 21/3/1967 (chiến dịch bảo vệ

căn cứ Dương Minh Châu 1967), nhằm bảo đảm kịp thời cho các lực lượng chiến đấu, cơ quan vận tải sư đoàn sử dụng hình thức vận tải đi thẳng xuống các eBB; đồng thời hiệp đồng với hậu cần chiến dịch thực hiện vận chuyển vượt cấp một phần đạn dược tới trung đoàn. Lực lượng, phương tiện được tổ chức kết hợp vận tải cơ giới của các Đoàn hậu cần 82, 83, 17 với vận tải bộ và thô sơ sức người của sư đoàn, bảo đảm bổ sung đầy đủ súng đạn và vật chất hậu cần cho các lực lượng.

Trong tổ chức vận chuyển bảo đảm sư đoàn đánh địch tạm dừng khi tiến công đường bộ, vận tải sư đoàn kết hợp sử dụng các hình thức vận tải, trong đó hình thức vận tải đi thẳng được sử dụng chủ yếu để thực hiện các nhiệm vụ vận chuyển trong các giai đoạn chiến đấu như: Vận chuyển bổ sung cho các đơn vị ở vị trí tập kết, vận chuyển di chuyển kho từ khu vực tập kết vào khu vực triển khai, một số nhiệm vụ bổ sung trong giai đoạn thực hành chiến đấu; Kết hợp với hình thức vận tải theo cung như bổ sung cho các trận địa hỏa lực, bổ sung cho các đơn vị trong giai đoạn thực hành chiến đấu,... (cung vận tải ô tô, cung vận tải bằng phương tiện thô sơ sức người); với lực lượng tiến công có nhu cầu vật chất lớn sử dụng hình thức vận tải đi thẳng kết hợp lót trước 1 phần vật chất hoặc sử dụng hình thức vận tải đi thẳng kết hợp với đi cùng khi không tổ chức lót trước được vật chất; lực lượng hỏa lực, lực lượng tăng, thiết giáp sử dụng hình thức vận tải đi thẳng kết hợp với vươn cung; lực lượng dự bị sử dụng hình thức vận tải đi thẳng kết hợp với hình thức vận tải đi cùng để kịp thời bổ sung vật chất trong điều kiện khẩn trương khi xử lý tình huống chiến đấu.

Thực hiện biện pháp này, vận tải sư đoàn cần nắm chắc cách đánh của người chỉ huy, xác định rõ đặc điểm, nhiệm vụ của từng đối tượng bảo đảm (đơn vị bộ binh hay

binh chủng); đặc điểm địa hình, thời tiết khu vực chiến đấu; khả năng chi viện của cấp trên và đơn vị bạn, khả năng vận chuyển của vận tải sư đoàn; tìm ra những thuật lợi, khó khăn trong tổ chức vận chuyển; những ưu điểm, hạn chế của các lực lượng để vận dụng linh hoạt các biện pháp vận chuyển nói chung, hình thức vận tải nói riêng nhằm bảo đảm kịp thời, đầy đủ mọi mặt nhu cầu về vật chất cho các lực lượng chiến đấu giành thắng lợi trong mọi tình huống.

Hai là, phối hợp chặt chẽ lực lượng vận tải khu vực phòng thủ tỉnh tổ chức vận chuyển lót trước vật chất ở các khu vực dự kiến triển khai đánh địch tạm dừng. Hình thức vận tải lót trước là bí mật vận chuyển một phần vật chất đến khu vực gần trận địa nhằm giảm áp lực vận tải khi triển khai, bảo đảm cho lực lượng vận tải sư đoàn đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ. Đây là biện pháp quan trọng nhằm giải quyết mâu thuẫn đối giữa khả năng và nhu cầu vận chuyển cho các lực lượng tham gia đánh địch đúng thời cơ, giành thắng lợi. Trận đánh địch tạm dừng có tính biến động rất cao, thời gian chuẩn bị trực tiếp rất ngắn (01 ngày), diễn biến phức tạp, nhu cầu tiêu thụ, tổn thất vật chất lớn. Trong khi đó, khả năng mang theo vật chất của vận tải sư đoàn hạn chế; yêu cầu rất khẩn trương, địch đánh phá và ngăn chặn quyết liệt, do đó, vận chuyển bổ sung gấp nhiều khó khăn. Thực tiễn, trong trận Đại đoàn 312 tiêu diệt Tiểu đoàn Sê-nê-gan số 24 tạm dừng ở Xuân Trạch (đêm 26, rạng 27/12/1950), vận tải Đại đoàn hiệp đồng với các Chi cục tiếp tế vận tải tỉnh, lót trước một phần vật chất tại các kho nhỏ dọc đường hành quân, cách mặt trận khoảng 6 ÷ 7 km, thuận tiện cấp phát cho bộ đội. Vì vậy, đã kịp thời bổ sung vật chất, kỹ thuật cho các lực lượng, góp phần sư đoàn chiến đấu giành thắng lợi.

Biện pháp này được tiến hành trong giai đoạn chuẩn bị trực tiếp, khi được sữ

đoàn trưởng cho phép, bảo đảm tuyệt đối bí mật. Trên cơ sở xác định nhu cầu, chủng loại vật chất, khả năng vận chuyển và yêu cầu bổ sung kịp thời cho các đơn vị, vận tải sư đoàn phải tính toán cụ thể khối lượng, chủng loại vật chất cần lót, đơn vị được lót, vị trí và phương án tổ chức lực lượng vận tải. Đối với vật chất cần lót chủ yếu là đạn hỏa lực có khối lượng lớn, tiêu thụ sớm và nhiều để đáp ứng kịp thời yêu cầu chiến đấu. Phương án tổ chức sử dụng lực lượng, phương tiện cần kết hợp giữa phương tiện vận tải: Đội hình vận chuyển nhỏ lẻ 1 - 2 xe ô tô, kết hợp với tiếp chuyển bằng phương tiện thô sơ sức người. Địa điểm lót trước thường bố trí gần trận địa hỏa lực, bảo đảm đủ diện tích, thuận lợi cho cất giấu, ngụy trang và tiếp nhận vận chuyển. Muốn vậy, trước hết vận tải sư đoàn cần nắm chắc ý định quyết tâm chiến đấu của sư đoàn, ý định bảo đảm hậu cần của chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật; tiến hành phân cấp vận chuyển rõ ràng, cân đối khả năng và nhu cầu vận chuyển; hiệp đồng chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị và hậu cần, kỹ thuật khu vực phòng thủ; làm tốt các mặt bảo đảm, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, bí mật trong quá trình lót vật chất kỹ thuật.

Ba là, tổ chức lực lượng vận tải cơ động mạnh để vận dụng hiệu quả hình thức vận tải đi cùng. Đây là biện pháp quan trọng, có ý nghĩa đặc biệt trong bảo đảm hậu cần, kỹ thuật được nhanh chóng, kịp thời, chính xác, đồng bộ các mặt hậu cần, kỹ thuật, đảm bảo tính liên tục trong chiến đấu, đặc biệt là cho những tình huống đột xuất, khó khăn phức tạp. Thực tiễn, trong trận Đại đoàn 312 tiêu diệt Tiểu đoàn Sê-nê-gan số 24 tạm dừng ở Xuân Trạch (đêm 26, rạng 27/12/1950). Ở giai đoạn chuẩn bị, khi vận chuyển gạo từ trung đoàn xuống đơn vị, tổ chức đoàn dân công gồm người gan dạ, khỏe, mang theo 3 ngày gạo đi cùng đơn vị để cấp phát ngay khi bước vào chiến đấu.

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Trong thực hành bảo đảm, các đơn vị hình thành “kho cơ động trên vai” dân công và bộ đội; đồng thời tranh thủ đạn sọt, bện quang, làm đòn gánh, san súng, đạn bộ binh từ hòm lớn sang sọt cho dân công vận chuyển. Mỗi dân công thường mang 15 ÷ 20 kg đạn hoặc gạo cơ động theo đơn vị, kịp thời cấp phát cho bộ đội và tải thương binh về phía sau.

Xuất phát từ đặc điểm của chiến tranh hiện đại, các yếu tố về địch có nhiều thay đổi; về ta, các đơn vị quân đội ngày càng được trang bị phù hợp với xu hướng phát triển của khoa học, nghệ thuật quân sự và chủ trương về hiện đại hóa quân đội, vận tải các đơn vị được bổ sung, biên chế thêm về con người, phương tiện, trang bị đủ sức bảo đảm cho đơn vị chiến đấu theo cách đánh phù hợp với sự phát triển của nghệ thuật quân sự Việt Nam. Ngoài ra, đề xuất hình thức vận tải trên còn xuất phát từ nguyên tắc bảo đảm hậu cần chiến đấu; thực tiễn công tác bảo đảm hậu cần của các cuộc xung đột vũ trang, chiến tranh trên thế giới trong thời gian gần đây và yếu tố địa hình, thời tiết, khí hậu của nước ta dễ bị cô lập, chia cắt giữa các lực lượng khi bị địch đánh phá. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra để thực hiện được hình thức vận tải đi cùng, cần nghiên cứu đề xuất biểu biên chế, trang bị của vận tải sư đoàn phải đủ mạnh.

Muốn vậy, ngay từ thời bình, vận tải sư đoàn cần tập trung xây dựng lực lượng chính quy, tinh nhuệ (tổ chức hợp lý, cán bộ, chiến sĩ lái xe có trình độ chuyên môn cao, có ý chí chiến đấu, tinh thần trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ..). Cùng với đó, cần chú trọng phát triển trang thiết bị hiện đại (đặc biệt là phương tiện vận tải cơ giới) phù hợp yêu cầu chiến đấu; đẩy mạnh đầu tư trang bị mới các phương tiện vận tải theo kế hoạch của Tổng cục Hậu cần về “Mua sắm trang bị kỹ thuật chính của ngành Hậu cần giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030 và những năm tiếp theo” nhằm thay

thế dần các phương tiện cũ đã qua nhiều năm sử dụng, tập trung phần lớn là các xe tải thùng, trọng tải 7 tấn, xe sitec loại chở được 10 tấn trở lên; các phương tiện vận tải được trang bị chủ yếu sử dụng động cơ nhiên liệu Diesel, có khả năng việt dã tốt, độ bền cao; kết cấu đơn giản, thuận tiện trong bảo đảm kỹ thuật, dễ khai thác sử dụng, có khả năng hoạt động phù hợp với điều kiện địa hình và khí hậu của Việt Nam. Trong quá trình chiến đấu cần nắm chắc nhiệm vụ vận chuyển, chủ động xây dựng các phương án tổ chức vận chuyển đi cùng phù hợp điều kiện vận tải, dự kiến các phương án có thể xảy ra và biện pháp xử trí các tình huống chiến đấu. Đồng thời, làm tốt các mặt bảo đảm như bảo đảm giao thông, xăng dầu, kỹ thuật cho hoạt động vận tải.

IV. KẾT LUẬN

Công tác vận tải là một nội dung quan trọng, trung tâm và quyết định đến kết quả bảo đảm hậu cần, kỹ thuật chiến đấu. Thực tế trong chiến tranh giải phóng, chúng ta đã vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức vận tải, góp phần quan trọng hoàn thành nhiệm vụ công tác hậu cần cho chiến đấu và để lại nhiều bài học kinh nghiệm có thể vận dụng và phát triển. Song, chiến tranh BVTQ trong tương lai sẽ có nhiều thay đổi về ta, địch và môi trường tác chiến. Vì vậy, cần nghiên cứu, trao đổi để vận dụng có hiệu quả các hình thức vận tải trong chiến đấu◆

Tài liệu tham khảo

1. Cục Vận tải (2022), *Điều lệ Công tác vận tải Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Phan Tùng Sơn (2024), *Nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện phương thức bảo đảm hậu cần sư đoàn bộ binh được biên chế hỏa lực mạnh trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc”*, Đề tài khoa học cấp Bộ Quốc phòng, Hà Nội.

MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIẢM BAY HƠI HAO HỤT XĂNG DẦU TRONG HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN Ở TRUNG ĐOÀN KHÔNG QUÂN

Trung úy, CN. NGUYỄN TRỌNG DŨNG
Tiểu đoàn 2, Học viện Hậu cần

Giảm bay hơi hao hụt xăng dầu (XD) là một nội dung công tác quan trọng của ngành XD tại các đơn vị quân đội, ảnh hưởng trực tiếp đến đảm bảo số lượng, chất lượng XD. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất biện pháp giảm bay hơi hao hụt XD trong hoạt động thường xuyên ở trung đoàn không quân (eKQ).

T RONG hoạt động thường xuyên, eKQ có nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ vùng trời (biển, đảo) được giao; tìm kiếm cứu nạn, phòng chống thiên tai và bay đặc thù theo yêu cầu của cấp trên. Do có nhiều phương tiện, cường độ hoạt động cao, trong môi trường đặc biệt; cho nên, hàng năm, eKQ sử dụng một khối lượng lớn XD, với yêu cầu chất lượng rất cao.

Hiểu rõ vị trí, tầm quan trọng nêu trong thời gian qua, ngành XD các eKQ luôn chủ động phối hợp với các cơ quan, ban ngành có liên quan bảo đảm kịp thời, đầy đủ về số lượng, chất lượng các chủng loại XD cho đơn vị thực hiện các nhiệm vụ được giao; đảm bảo an toàn cho người và phương tiện, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng, kéo dài tuổi thọ các loại phương tiện khí tài có trong biên chế của đơn vị. Tuy nhiên, trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp khó lường; thị trường XD có nhiều biến động, nhiều thời điểm nguồn cung bị đứt gãy nhất là các chủng loại XD đặc chủng dùng trên các phương tiện, khí cụ bay; cùng với các nội dung công tác khác đã làm vẫn đề giảm bay hơi, hao hụt XD

ở KXD các eKQ hoạt động thường xuyên càng có ý nghĩa quan trọng.

Hiện nay, ở một số eKQ, đội ngũ cán bộ, nhân viên XD vẫn còn thiếu so với biên chế, trình độ không đồng đều. Trong hoạt động bảo đảm, việc duy trì các chế độ công tác quản lý ở KXD vẫn còn biểu hiện đơn giản, chưa thành nền nếp. Tại một số đơn vị, hệ thống kho, trạm, phương tiện XD chưa đồng bộ; nghành XD đơn vị chưa ứng dụng các kỹ thuật hiện đại trong giảm bay hơi hao hụt XD. Bên cạnh đó, với sự phát triển nhanh chóng của các chủng loại phương tiện kỹ thuật, sự đa dạng về chủng loại XD trong sử dụng... đã và đang đặt ra các yêu cầu rất cao trong bảo quản, quản lý, giảm bay hơi, hao hụt XD, nhất là các chủng loại nhiên liệu bay, dầu mỡ đặc chủng của các eKQ. Từ thực trạng và xu thế phát triển, để nâng cao hiệu quả công tác giảm bay hơi hao hụt XD ở các KXD của eKQ, cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung biện pháp chủ yếu sau:

Một là, tăng cường công tác bồi dưỡng nâng cao nhận thức, tư tưởng, ý thức trách nhiệm và trình độ chuyên môn cho đội ngũ thực hiện công tác nghiệp vụ KXD. Đội ngũ

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

cán bộ, nhân viên thực hiện công tác XD tại các đơn vị là chủ thể tiến hành mọi hoạt động công tác XD, giữ vai trò quyết định đến chất lượng công tác nghiệp vụ của ngành; do vậy, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là điều kiện tiên quyết để đảm bảo quản lý chặt chẽ, duy trì số lượng, chất lượng XD sử dụng tại eKQ. Nếu đội ngũ thực hiện không nhận thức đầy đủ hoặc thiếu các kiến thức chuyên môn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả, chất lượng công tác XD nói chung, giảm bay hơi, hao hụt XD nói riêng. Chính vì vậy, biện pháp này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm an toàn mà còn góp phần tối ưu hóa nguồn lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Để thực hiện biện pháp, trước hết, cần nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, nhân viên XD về đặc tính XD, nhất là hiện tượng bay hơi, hệ quả kinh tế - kỹ thuật - an toàn; cập nhật quy định, định mức và rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ ở từng khâu (nhập, xuất, bảo quản và đo kiểm). Trọng tâm là chuyển biến tư tưởng thành thói quen, thao tác nghiệp vụ chuẩn: Làm đúng quy trình, đúng thời điểm, đúng điều kiện môi trường và đúng chế độ ghi chép, báo cáo để hạn chế các thao tác làm phát sinh lỗi; khắc phục triệt để hiện tượng “làm tắt, giảm bớt công đoạn”; kịp thời chấn chỉnh các cá nhân ý thức trách nhiệm kém, thực hiện công việc qua loa, chiều lệ, hiệu quả thấp. Trưởng ngành XD các eKQ cần nghiên cứu, tham mưu cho lãnh đạo, chỉ huy trung đoàn trong xây dựng các kế hoạch bồi dưỡng, huấn luyện tại chức hoặc tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên XD. Chú trọng các nội dung hạn chế bay hơi, hao hụt trong các khâu công tác như: Tiếp nhận, cấp phát, vận chuyển và bảo quản XD ở KXD phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị. Để công tác tập huấn đạt kết quả tốt, cần không ngừng đổi mới, chuẩn hóa quy trình, chương trình, đảm

bảo cho cán bộ nhân viên làm công tác tiếp nhận, cấp phát, vận chuyển và bảo quản ở KXD đáp ứng yêu cầu chuyên môn. Khi kết cấu chương trình tập huấn cần chú ý giữa lý thuyết với thực hành, coi trọng thực hành thao tác bảo đảm, thành thục trong sử dụng các trang thiết bị chuyên ngành, nhất là các trang thiết bị phục vụ cho công tác kiểm tra, theo dõi số lượng và chất lượng XD. Tăng cường bài thực hành thao tác theo tình huống (đóng, mở, đối áp, chuyển bể, lấy mẫu, đo mức nhiệt) nhằm giúp mọi người nắm chắc các kiến thức về cơ chế bay hơi (nhiệt, áp, gió, diện tích tự do) làm cơ sở để nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác nghiệp vụ KXD tại đơn vị.

Mặt khác, trưởng ngành XD đơn vị cần tham mưu cho lãnh đạo chỉ huy trung đoàn tăng cường công tác theo dõi kiểm tra cả thường xuyên và đột xuất để nắm tình hình mọi mặt, kịp thời khắc phục những khâu yếu, mặt yếu. Về nội dung kiểm tra, có thể kiểm tra một mặt công tác, như hệ thống sổ sách, thực lực phương tiện kỹ thuật - vật tư XD, kiểm tra so sánh lượng bay hơi hao hụt của XD trong tháng, quý hoặc có thể kiểm tra toàn bộ các nội dung liên quan đến công tác XD. Quá trình tiến hành không nên gó bó hành chính hoặc qua loa, đại khái, nhất là đối với đội ngũ nhân viên, chiến sĩ trẻ; đồng thời, tham mưu, đề xuất với lãnh đạo, chỉ huy các cấp tiến hành khen thưởng kịp thời đối với cá nhân, tập thể có thành tích tốt trong thực hiện nhiệm vụ. Có như vậy đội ngũ cán bộ, nhân viên chiến sỹ trong kho sẽ luôn xác định rõ yêu cầu nhiệm vụ, nêu cao tinh thần trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong các khâu công tác, bảo đảm an toàn, luôn thực hiện đúng theo quy trình, kế hoạch đề ra, áp dụng mọi biện pháp giảm hao hụt đến mức thấp nhất trong thực hiện công tác tiếp nhận, cấp phát và bảo quản XD.

Hai là, duy trì nghiêm các chế độ công tác quản lý ở KXD. Việc duy trì thực hiện nghiêm các chế độ công tác quản lý tại KXD là một yếu tố quan trọng trong việc bảo đảm an toàn, hiệu quả và bền vững trong công tác bảo quản, phân phối nhiên liệu phục vụ nhiệm vụ quân sự. Các chế độ công tác quản lý như kiểm tra, giám sát, lưu trữ, bảo dưỡng thiết bị, báo cáo định kỳ và kiểm kê tồn kho đã được xác định là các yếu tố cơ bản để duy trì sự hoạt động ổn định và an toàn của KXD. Việc duy trì nghiêm thực hiện các chế độ công tác quản lý ở kho nhằm bảo đảm sự thống nhất, khoa học trong toàn bộ chuỗi nghiệp vụ; Để hạn chế thấp nhất bay hơi hao hụt XD trong hoạt động thường xuyên tại các KXD, cốt lõi là kiểm soát chặt ba điểm sinh hơi chính: Thời gian, điều kiện thao tác; diện tích bề mặt thoáng nhiên liệu và trao đổi khí; chênh lệch nhiệt độ, áp suất trong bể và đường ống.

Để thực hiện tốt biện pháp này, trường ngành XD của eKQ cần xây dựng và tổ chức kế hoạch xuất - nhập tại các khung giờ có nhiệt độ thấp, hạn chế thao tác lớn giữa trưa nắng; lập lịch vận hành bơm, đo, lấy mẫu đồng bộ giữa các bể cùng cụm để giảm số lần “mở - đóng” hệ thống van bể chứa. Tổ chức vận hành “hệ kín”: Tận dụng đường hồi và đối áp, hạn chế tối đa xả khí tự do; quy định nghiêm trình tự mở, đóng van và tốc độ bơm để không tạo sôc áp suất. Thực hiện chuẩn hóa quy trình đo, ghi, đối chiếu (mức, nhiệt, tì trọng, thời tiết) trước, giữa, sau thao tác; áp dụng chế độ niêm phong kẹp chì tại các điểm có nguy cơ rò hơi; kiểm định định kỳ thiết bị đo và van thở. Thực hiện tốt chế độ bảo quản - bảo dưỡng định kỳ cho bể, đường ống, phớt, mặt bích, gasket; nghiệm thu sửa chữa có đo kiểm rõ rỉ. Đồng thời, thiết lập hệ thống kiểm tra nội bộ, kiểm toán nghiệp vụ theo quý, gắn trách nhiệm chủ bể, chủ tuyến ống với chỉ tiêu hao hụt. Các chuẩn mực nêu trên không chỉ

làm giảm hơi phát sinh mà còn giúp liên kết chặt chẽ giữa kỹ thuật mới và đầu tư phát huy tác dụng.

Việc duy trì nghiêm các chế độ công tác quản lý ở KXD sẽ giúp ngành XD trung đoàn, chỉ huy các cấp nắm chắc tình hình thực tế về số lượng, chất lượng XD tại kho bảo đảm cho các kế hoạch nhiệm vụ được giao. Qua đó có thể kịp thời phát hiện những biểu hiện sai trái của các cá nhân, đơn vị để có biện pháp uốn nắn, xử lý. Có như vậy mới đáp ứng đầy đủ, kịp thời, đồng bộ XD cho đơn vị thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được giao.

Ba là, tiếp tục đầu tư kinh phí củng cố hệ thống kho trạm, ưu tiên ứng dụng các kỹ thuật hiện đại trong giảm bay hơi hao hụt XD. Hệ thống kho trạm chứa trữ XD có ảnh hưởng lớn tới hiệu quả công tác bảo đảm số lượng, chất lượng XD bảo quản trong hoạt động thường xuyên. Nếu hệ thống kho trạm không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật thì sẽ đẩy nhanh quá trình bay hơi, hao hụt làm mất các thành phần nhẹ ảnh hưởng đến số lượng, chất lượng, hiệu quả sử dụng của nhiên liệu (tính bay hơi kém gây khó khăn trong khởi động, khả năng cháy hết hoàn toàn, khả năng tạo muội trong động cơ,...). Bên cạnh đó, việc sử dụng các phương tiện chứa trữ không bảo đảm sẽ làm giảm tính ổn định của nhiên liệu, đẩy nhanh quá trình ôxy hoá tạo nhựa, cản ảnh hưởng lớn tới chất lượng, hiệu quả sử dụng nhiên liệu, thời gian chứa trữ XD. Do đó, đầu tư vào những cơ sở vật chất hiện có và ứng dụng thêm các trang thiết bị tiên tiến là một nội dung quan trọng, yếu tố then chốt giúp nâng cao hiệu quả công tác XD, đặc biệt là các eKQ mang tính chất đặc thù, góp phần đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi điều kiện.

Đầu tư không chỉ là lắp mới thiết bị mà là tối ưu danh mục nguồn lực trên ba trục: Bố trí, nâng cấp công nghệ; an toàn, bảo vệ; đo lường, giám sát, bảo dưỡng. Mục tiêu là

tạo nền hạ tầng ít thất thoát và dễ quản lý. Trước hết, cần nghiên cứu tối ưu hoá lưu trình công nghệ, ưu tiên hệ kín: Đánh giá lại tuyến ống nhập, xuất, hồi; hạn chế điểm “túi khí” và mặt bích dư; nâng cấp đồng bộ van, phớt, ống mềm chuyên dụng cho ứng suất hơi và tĩnh điện. Bên cạnh đó, phải nâng cấp trang bị an toàn và bảo vệ hệ thống chống sét – tĩnh điện, phòng chống cháy nổ, chiếu sáng bảo vệ, kịch bản/diễn tập định kỳ, giảm thao tác bất thường, tăng điều kiện làm việc chuẩn, gián tiếp hạ hao hụt. Đồng thời, nâng cấp hệ thống đo lường, giám sát và bảo dưỡng định kỳ: Trang bị dụng cụ đo lường, lấy mẫu đạt chuẩn; kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên; từng bước hiện đại hóa theo lộ trình và khả năng ngân sách của đơn vị.

Về lộ trình, nên phân tầng ưu tiên: Chi phí thấp, hiệu quả nhanh (mái che cụm bể; tối ưu lịch vận hành; chuẩn hóa đo, ghi, niêm phong); trung hạn (liên thông khoảng trống và thu – bù hơi; cải tạo lưu trình); dài hạn (hiện đại hóa đo lường, giám sát; tự động hóa các khâu công tác). Hiện nay, do đặc thù nhiệm vụ các đơn vị không quân sử dụng chủng loại nhiên liệu bay lớn; cho nên, bên cạnh việc tổ chức chứa trữ tập trung theo từng cụm cho từng chủng loại, lô XD thì ngành XD các eKQ nghiên cứu đầu tư nâng cấp các mái che cho bể, cụm bể nhằm giảm bức xạ mặt trời lên thân – nóc bể, hạ biên độ dao động nhiệt ngày – đêm, hạn chế hiện tượng “hô hấp nhỏ”; đồng thời, tránh nước mưa xâm nhập, tạo điều kiện thao tác an toàn khi thời tiết bất lợi. Việc này có ưu điểm là thi công đơn giản, chi phí vừa phải, hiệu quả dài hạn. Mặt khác, đối với các cụm bể nên nghiên cứu giải pháp kỹ thuật nối thông khoảng trống các bể chứa trữ cùng chủng loại XD và lắp thiết bị thu, bù hơi: khi các bể trong một cụm cùng kết nối khoảng không, sự dao động của áp suất, nhiệt độ được chia sẻ, giảm biên độ “thở” của từng

bể; phần hơi phát sinh được dẫn hồi, ngưng, thu, trả lại hệ thống chứa thay vì phát tán ra môi trường. Khi triển khai, cần khảo sát hiện trạng cơ khí đường ống, van, thiết kế lại tuyến ống hơi liên thông, bố trí bẫy ngưng, thiết bị tách và lựa chọn cấu hình thu, bù (thụ động qua cân bằng áp hoặc chủ động có thiết bị hấp thụ, thu hồi). Cập nhật quy trình vận hành, quy định thứ tự mở, đóng, kiểm soát tốc độ bơm để không gây xung áp trên tuyến hơi.

Giảm bay hơi, hao hụt XD trong hoạt động thường xuyên ở các KXD của eKQ là một nội dung nghiệp vụ quan trọng của ngành XD, trực tiếp góp phần bảo đảm đầy đủ số lượng, chất lượng tốt XD cho trung đoàn hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao. Để phát huy được hiệu quả cao nhất, ngành XD các eKQ cần áp dụng đồng bộ các biện pháp bài báo nêu. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết, mới đề cập đến những biện pháp cơ bản, chủ yếu. Vì vậy, khi lựa chọn áp dụng biện pháp cụ thể, trưởng ngành XD của eKQ cần căn cứ tình hình, điều kiện thực tiễn của từng đơn vị♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2012), *Điều lệ công tác XD Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (2015), *Định mức hao hụt, tiêu thụ, tiêu hao XD trong Quân đội (Thông tư số 59/2015/TT-BQP)*, Hà Nội.
3. Bộ Quốc phòng (2019), *Giáo trình KXD quân sự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Nguyễn Trọng Dũng (2025), *Một số biện pháp giảm bay hơi hao hụt XD ở KXD trung đoàn không quân*, Đề tài khoa học cấp Học viện Hậu cần, Hà Nội.

ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO THI ĐUA

"XÂY DỰNG ĐƠN VỊ NUÔI QUÂN GIỎI, QUẢN LÝ QUÂN NHU TỐT" Ở TRUNG ĐOÀN 19

Trung tá, CN. HỒ MẠNH TRÌNH

Chủ nhiệm Hậu cần - Kỹ thuật, Trung đoàn 19

TRUNG đoàn 19, Sư đoàn 968, Quân khu 4 là đơn vị chủ lực đủ quân có nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn phía Nam Quân khu 4. Trong những năm qua, quán triệt sâu sắc các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật và sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Quân khu 4, chỉ huy các cấp và cơ quan nghiệp vụ cấp trên về thực hiện phong trào thi đua "Xây dựng đơn vị nuôi quân giỏi, quản lý quân nhu tốt" (PTTĐ); ngành Hậu cần, kỹ thuật đã chủ động tham mưu cho Đảng ủy, chỉ huy Trung đoàn lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp phù hợp, có hiệu quả. Do đó, PTTĐ đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện, góp phần bảo đảm đầy đủ, kịp thời quân nhu cho các nhiệm vụ của đơn vị; một số kết quả nổi bật như sau:

Về công tác nuôi quân: Bám sát tiêu chuẩn định lượng, tiền ăn của từng đối tượng theo quy định của Bộ Quốc Phòng, cơ quan Hậu cần - Kỹ thuật xây dựng thực đơn ăn uống khoa học; duy trì cơ cấu bữa ăn phù hợp theo mùa và khẩu vị của bộ đội, mỗi bữa ăn chính bảo đảm từ 3 ÷ 4 món giàu chất đạm. Trung đoàn có 07 bếp ăn thường xuyên, tất cả đều được xây dựng, củng cố chính quy, an toàn, chất lượng. Trang thiết bị, dụng cụ cấp dưỡng đồng bộ, thống nhất, sạch sẽ, sử dụng tốt, bền, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả. Tổ chức tốt việc

khai thác, tiếp nhận, chế biến lương thực, thực phẩm (LTTP) và phục vụ ăn uống, cơ cấu bữa ăn khoa học, thực hiện nghiêm chế độ nhà ăn, nhà bếp bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm. Chất lượng bữa ăn cho bộ đội luôn được giữ vững và có phần cải thiện, định lượng một số loại LTTP vượt so với quy định của Bộ, cụ thể: Thịt lợn 142/130g; thịt gia cầm 105/90g; cá tươi 164/150g; trứng 48/40g; đậu phụ 88/80g. Đồng thời, đòi ngũ cát bộ, chiến sĩ nuôi quân luôn có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao, có quan điểm, thái độ phục vụ đúng đắn, tận tình, chu đáo, văn minh, lịch sự. Mặt khác, trạm chế biến LTTP tập trung luôn chủ động trong công tác bảo đảm LTTP, chất đốt, nước uống tinh khiết cho đơn vị; bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, giá rẻ hơn thị trường từ 15 ÷ 20%.

Về công tác tăng gia sản xuất (TGSX): Với phương châm, TGSX phải gắn với bữa ăn của bộ đội, chủ động tạo nguồn thực phẩm phong phú, đa dạng, chất lượng tốt đưa vào bữa ăn hàng ngày, cấp ủy, chỉ huy các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy nội lực đầu tư hơn 3,1 tỷ đồng và 10.000 ngày công bộ đội để củng cố hệ thống vườn, giàn, ao, chuồng; làm mới 3.250 m² mái tôn sân nhà ăn với tổng chi phí là 300 triệu đồng. Công tác TGSX tạo nguồn thực phẩm tại Trung đoàn thực sự phát huy hiệu quả, góp phần chủ động nguồn thực phẩm và nâng cao công tác nuôi dưỡng bộ đội. Trong 5 năm qua toàn Trung đoàn đã thu hoạch được 995,6 tấn rau xanh; 720 tấn

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

thịt các loại; 445,3 tấn cá tươi. Giá các loại sản phẩm TGSX đưa vào bữa ăn của bộ đội thấp hơn giá trên thị trường cùng thời điểm đối với thịt, cá từ 10 ÷ 12%, rau xanh từ 15 ÷ 20%. Lãi thu từ hoạt động TGSX trong 5 năm đạt 12,8 tỷ đồng. Từ nguồn thu TGSX, các đơn vị đã trích quỹ đưa vào ăn thêm các ngày lễ, tết, 3 tiếng nỗ chiến sĩ mới, ngày thành lập đơn vị... bình quân toàn Trung đoàn là từ 10.000 đồng/người/ngày.

Về công tác quản lý quân nhu: Trung đoàn có kế hoạch sử dụng kinh phí trên phân bổ hợp lý; hướng dẫn đơn vị sử dụng đúng mục đích, có đầy đủ hồ sơ thủ tục quyết toán kinh phí ngành của đơn vị mình bảo đảm đúng nguyên tắc. Quản lý chặt chẽ số lượng, chất lượng, chủng loại vật chất dự trữ sẵn sàng chiến đấu, mặt hàng thường xuyên, không để xảy ra mất mát, hư hỏng, mua bán, đổi chác, sửa chữa các kiểu quân trang được cấp. Làm tốt công tác phòng chống cháy nổ khu vực kho trạm, có đầy đủ các thiết bị phòng chữa cháy theo quy định.

Bên cạnh những kết quả đạt được, PTTĐ ở Trung đoàn còn bộc lộ một số hạn chế như: Hệ thống kế hoạch còn chưa sát, cụ thể với nhiệm vụ, tình hình từng đơn vị. Chất lượng xây dựng chính quy, duy trì nền nếp công tác quân nhu một số đơn vị còn hạn chế như vệ sinh nhà ăn nhà bếp có thời điểm chưa đảm bảo. Chất lượng chế biến, nấu ăn một số đơn vị có thời điểm chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra. Hệ thống vườn, giàn có thời điểm phát triển chậm, đất trồng lâu ngày. Công tác bảo quản, sử dụng quân trang có thời điểm còn chưa chặt chẽ, còn xảy ra hiện tượng mất mát, hư hỏng. Những hạn chế này do nhiều nguyên nhân. Có thể nêu một số nguyên nhân chủ yếu sau: Công tác tham mưu có thời điểm chưa thực sự hiệu quả. Một số cán bộ, nhân viên, chiến sĩ chưa quan tâm đúng mức, phát huy hết vai trò, thiếu kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện, ý thức tự học tập nâng cao trình

độ chưa thường xuyên... Cơ sở vật chất trang bị chưa được đồng bộ. Thời tiết khí hậu khắc nghiệt, đất đai bạc màu, dịch bệnh bùng phát ở gia súc, gia cầm xảy ra trên diện rộng, tình hình giá cả biến động thất thường ảnh hưởng đến công tác hậu cần đơn vị.

Trong thời gian tới để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác nuôi dưỡng bộ đội gắn với thực hiện PTTĐ “Xây dựng đơn vị nuôi quân giỏi, quản lý Quân nhu tốt”, Trung đoàn cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp sau:

Một là, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy cơ quan, đơn vị; nâng cao chất lượng công tác tham mưu, tổ chức thực hiện của cơ quan Hậu cần - Kỹ thuật, ngành quân nhu, đơn vị và đội ngũ cán bộ, chiến sĩ làm công tác nuôi dưỡng bộ đội. Trước hết, cấp ủy, chỉ huy các cấp cần quán triệt sâu sắc và gắn việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện PTTĐ với việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, hướng dẫn của cấp trên như: Nghị quyết số 1658-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo công tác hậu cần Quân đội đến năm 2030 và những năm tiếp theo; các nghị quyết, chỉ thị thực hiện nhiệm vụ của Quân khu, Sư đoàn. Đảng ủy Trung đoàn và cấp ủy các cấp trong xây dựng Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm, hàng tháng, nghị quyết chuyên đề có nội dung chỉ đạo công tác quân nhu nói chung, thực hiện PTTĐ nói riêng. Chỉ đạo đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể chi tiết, ngay từ khi có chỉ thị, hướng dẫn của các cấp, triển khai đồng bộ, thống nhất, tập trung, quyết liệt từ cơ quan đến đơn vị. Đồng thời, tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết, giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ nắm vững mục đích yêu cầu, nội dung, tiêu chí cụ thể để tổ chức thực hiện.

Hai là, tập trung làm tốt công tác khai thác tạo nguồn và duy trì hoạt động có hiệu quả trạm chế biến giết mổ tập trung, đẩy

mạnh TGSX. Đây là biện pháp quan trọng, quyết định đến chất lượng bữa ăn của bộ đội. Muốn vậy, xây dựng kế hoạch kế hoạch tạo nguồn lương thực thực phẩm, kết hợp hài hòa giữa thực phẩm trên cắp, tạo nguồn ở địa phương; trong đó, đầy mạnh nguồn TGSX là nhiệm vụ then chốt. Mặt khác, trạm chế biến được tổ chức quy hoạch hợp lý, có đầy đủ máy móc, thiết bị; bảo đảm vệ sinh môi trường, tận dụng tối đa sản phẩm phụ từ chế biến, giết mổ để tròng trộn, chăn nuôi. Tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác TGSX; triệt để tận dụng, khai thác những khoảng đất trống, diện tích mặt nước trên ao hồ để tiến hành TGSX; xây dựng kế hoạch thâm canh, tăng vụ và đa dạng hóa cây trồng, chăn nuôi; thường xuyên kiểm tra, củng cố hệ thống vườn, giàn, chuồng.

Ba là, duy trì thường xuyên các chế độ nhà ăn, nhà bếp, tích cực cải tiến, chế biến món ăn, bảo đảm cho bộ đội ăn ngon, đủ tiêu chuẩn. Chỉ đạo các bếp chi ăn theo thực đơn phù hợp từng đơn vị, bảo đảm đúng tiêu chuẩn, chế độ, an toàn vệ sinh LTTP. Duy trì thường xuyên ủ giá, muối nén, cải tiến chế biến món ăn phù hợp theo mùa. Thực hiện tốt chế độ kiểm thực 3 bước, chế độ ăn uống khoa học, chế độ công khai tài chính, kiểm điểm rút kinh nghiệm và chế độ xuất nhập tay ba, chế độ sắp xếp, vệ sinh kho tàng gọn gàng, sạch sẽ, ngăn nắp. Tổ chức ăn uống dã ngoại, diễn tập có kế hoạch khoa học, chế biến các món ăn hợp lý, duy trì tốt bữa ăn, bộ đội có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

Bốn là, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên, chiến sĩ làm công tác nuôi quân có phẩm chất chính trị đạo đức cách mạng, có tinh thần thái độ phục vụ đúng đắn và năng lực hoạt động thực tiễn đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ thường xuyên, cũng như nhiệm vụ đột xuất cấp trên giao. Thường xuyên giáo dục để mọi cán bộ, nhân viên, chiến sĩ làm

công tác nuôi quân cần xác định rõ trách nhiệm, chấp hành nghiêm kỷ luật đơn vị, chế độ quy định của ngành. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, hội thi, hội thao ngành quân nhu như: Tập huấn nghiệp vụ ngành, tập huấn bếp lò hơi cơ khí, thi nâng bậc kỹ thuật nấu ăn, hội thao ra quân huấn luyện nội dung mắc tăng vồng, nấu bữa ăn thường xuyên. Đồng thời, phát huy tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Năm là, làm tốt công tác sơ, tổng kết, biểu dương khen thưởng; kịp thời động viên, khích lệ tạo khí thế thi đua sôi nổi đến toàn thể cán bộ, chiến sĩ trong thực hiện PTTĐ. Kết hợp chặt chẽ với phong trào Thi đua Quyết thắng và các phong trào thi đua khác như với “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, phong trào “Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy”, Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ” và các đợt thi đua cao điểm.

Với sự nỗ lực, quyết tâm cao của đội ngũ cán bộ, nhân viên ngành Hậu cần, kỹ thuật Trung đoàn 19; tin tưởng rằng, PTTĐ “Xây dựng đơn vị nuôi quân giỏi, quản lý quân nhu tốt” ở Trung đoàn 19 tiếp tục có những bước phát triển mới, toàn diện hơn, góp phần quan trọng trong xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao♦

Tài liệu tham khảo

- Đảng ủy Trung đoàn 19 (2020), Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trung đoàn 19, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Quảng Trị.
- Quân ủy Trung ương (2022), Nghị quyết số 1658-NQ/QUTW về lãnh đạo công tác hậu cần Quân đội đến năm 2030 và những năm tiếp theo, Hà Nội.
- Trung đoàn 19 (2025), Báo cáo sơ kết phong trào thi đua “Xây dựng đơn vị nuôi quân giỏi, quản lý quân nhu tốt” lần thứ IV giai đoạn 2020 - 2025, Quảng Trị.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ HẬU CẦN - KỸ THUẬT TRUNG ĐOÀN BỘ BINH TRONG ĐẦU TRANH BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG HIỆN NAY

Thượng tá, TS. PHẠM ĐÌNH DUYÊN

Trường Sĩ quan Chính trị

Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) ở các trung đoàn bộ binh (eBB) trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng (NTTT) của Đảng là nhiệm vụ chiến lược, đặc biệt quan trọng; trực tiếp góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ HC - KT Quân đội kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, góp phần củng cố sức mạnh chính trị, tinh thần và xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

BẢO vệ NTTT của Đảng là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa sống còn đối với sự tồn vong của Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa và sự phát triển bền vững của đất nước. Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khẳng định: “Bảo vệ NTTT của Đảng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng; bảo vệ Nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới,... giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”. Do vậy, đây là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong đó có đội ngũ cán bộ HC-KT ở các eBB.

Đội ngũ cán bộ HC-KT ở các eBB là lực lượng bảo đảm vật chất HC-KT, quản lý, khai thác, bảo dưỡng vũ khí, trang bị, chăm lo đời sống bộ đội... cũng là lực lượng gần gũi, tham gia nắm bắt tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị. Thông qua bảo đảm đầy đủ, kịp thời nhu cầu sinh hoạt, huấn luyện, cán bộ HC-KT đã góp phần ổn định đời sống, củng cố niềm tin, định hướng nhận thức, bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, giúp bộ đội yên tâm công tác, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được

giao. Cán bộ HC-KT còn trực tiếp tham gia tuyên truyền, phản bác quan điểm sai trái, thù địch, nhất là khi các thế lực lợi dụng các vấn đề về HCKT để xuyên tạc, hạ thấp uy tín quân đội. Đội ngũ cán bộ HC-KT cũng là lực lượng nòng cốt trong đấu tranh, ngăn chặn sự xâm nhập của lối sống thực dụng, tư tưởng hưởng thụ, lệch lạc, góp phần giữ gìn, phát huy phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới.

Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch tăng cường chống phá chế độ, Đảng ta; cùng sự phát triển mạnh mẽ của lĩnh vực thông tin và không gian mạng đã làm cho cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận ngày càng gay go, phức tạp. Điều đó đặt ra yêu cầu cao hơn đối với đội ngũ cán bộ HC-KT ở các eBB trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ và tham gia bảo vệ NTTT của Đảng. Thực tiễn cho thấy, phần lớn cán bộ HC-KT đã phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, vừa thực hiện nhiệm vụ bảo đảm vật chất, kỹ thuật, chăm lo đời sống bộ đội, vừa tích cực tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, trực tiếp đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch. Nhiều đồng chí đã linh

hoạt, sáng tạo trong đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động cán bộ, chiến sĩ và quần chúng Nhân dân gắn với đặc điểm cụ thể của từng đơn vị và địa bàn đóng quân, góp phần củng cố niềm tin, nâng cao ý thức trách nhiệm, xây dựng khối đoàn kết quân - dân, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội,...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động đấu tranh bảo vệ NTTT của Đảng của đội ngũ cán bộ HC-KT ở các eBB vẫn còn bộc lộ những hạn chế, tồn tại nhất định, như: Một bộ phận cán bộ chưa giữ vững phẩm chất cách mạng, thậm chí có trường hợp vi phạm kỷ luật, sa vào tham ô, tham nhũng, làm tổn hại đến uy tín, truyền thống vẻ vang của ngành HC-KT; đồng thời, tạo ra "kẽ hở" để các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc, chống phá. Cùng với đó, trước tác động của mặt trái cơ chế thị trường, không ít cán bộ còn bị ảnh hưởng bởi lối sống thực dụng, coi trọng lợi ích vật chất trước mắt, dẫn đến dao động về tư tưởng, giảm sút ý chí, lý tưởng cách mạng; biểu hiện ngại học tập, tu dưỡng, rèn luyện, khiến năng lực đấu tranh tư tưởng chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Bên cạnh đó, ở một số đơn vị, hoạt động tự giáo dục, tự rèn luyện về chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ HC-KT còn mang tính hình thức, thiếu chiềuthânsâu và chưa thực sự hiệu quả; do vậy, tính tiên phong, gương mẫu và sức thuyết phục của một số cán bộ HC-KT trong đấu tranh bảo vệ NTTT của Đảng có thời điểm chưa nổi bật, chưa tạo được sự lan tỏa mạnh mẽ trong đơn vị.

Để khắc phục hạn chế đó và phát huy tốt hơn vai trò của đội ngũ cán bộ HC-KT ở các eBB tham gia đấu tranh bảo vệ NTTT của Đảng trong bối cảnh mới, cần tập trung thực hiện tốt một số biện pháp cơ bản sau:

Một là, tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm bảo vệ NTTT của Đảng cho cán bộ HC-KT. Nội dung giáo dục cần

tập trung trang bị, củng cố nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng; làm rõ âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch trên lĩnh vực HC-KT. Đồng thời, coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, tinh thần "phục vụ bộ đội", nâng cao ý thức kỷ luật, trách nhiệm công vụ, khả năng "tự đề kháng" trước tác động tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường, mạng xã hội. Điều đó đòi hỏi cần kết hợp linh hoạt giữa giáo dục tập trung, tại chức và trực tuyến; phát huy hiệu quả hệ thống học liệu số, lớp bồi dưỡng chính trị theo chuyên đề; lồng ghép nội dung giáo dục trong sinh hoạt ngày Đảng, ngày chính trị và văn hóa tinh thần, ngày pháp luật ở đơn vị và tổ chức các cuộc thi chính luận về bảo vệ NTTT của Đảng.

Hai là, cấp ủy, chỉ huy các cấp cần gắn nhiệm vụ bảo vệ NTTT của Đảng với thực hiện chức trách, nhiệm vụ chuyên môn của đội ngũ cán bộ HC-KT; coi chất lượng bảo đảm HC-KT là tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác tư tưởng. Cấp ủy, chỉ huy phải cụ thể hóa nội dung này trong nghị quyết, kế hoạch công tác, làm cho mỗi khâu bảo đảm từ ăn, ở, quân y, doanh trại, xăng dầu đến quản lý, khai thác, bảo dưỡng vũ khí, trang bị kỹ thuật không chỉ hoàn thành chỉ tiêu chuyên môn, mà còn củng cố niềm tin, ổn định tư tưởng, tạo động lực cho bộ đội. Trong quá trình thực hiện, cần lồng ghép giáo dục chính trị, tư tưởng vào từng hoạt động bảo đảm; cán bộ HC-KT phải công khai, minh bạch, công bằng trong phân phối tiêu chuẩn, chăm sóc sức khỏe, cấp phát quân trang, kết hợp giải thích, tuyên truyền, động viên để tạo sự đồng thuận, củng cố bản lĩnh chính trị cho cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị. Đồng thời, cơ quan chính trị và cơ quan HC-KT cần phối hợp chặt chẽ trong nắm bắt, xử lý tư tưởng, nhất là khi nảy sinh vướng mắc về chế độ, tiêu chuẩn, không để hình thành "điểm nóng". Kết quả bảo đảm cần

ĐẤU TRANH, BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

được đưa vào hệ thống tiêu chí thi đua, khen thưởng, coi đó là thước đo đánh giá cán bộ, đảng viên và đơn vị vững mạnh toàn diện. Đặc biệt, cán bộ HC-KT phải nêu gương về tác phong, đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm, qua đó thuyết phục, củng cố niềm tin, biến sự gương mẫu thành sức mạnh định hướng tư tưởng, góp phần giữ vững NTTT của Đảng ngay từ cơ sở.

Ba là, đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác HC-KT, nâng cao hiệu quả quản lý và chủ động đấu tranh bảo vệ NTTT của Đảng trên không gian mạng. Để đáp ứng yêu cầu đó, cấp ủy, chỉ huy các cấp cần quán triệt và cụ thể hóa các nghị quyết, chương trình của Quân đội về chuyển đổi số, chỉ đạo cơ quan HC-KT đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, phục vụ, bảo đảm ở đơn vị. Trọng tâm là xây dựng cơ sở dữ liệu số về trang bị, vật tư; triển khai phần mềm quản lý kho, xưởng, bệnh viện, doanh trại; phát huy các hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nhằm nâng cao tính chủ động, chính xác và an toàn trong bảo đảm. Đồng thời, coi trọng bảo mật, an ninh mạng, không để lộ lọt, bị khai thác dữ liệu nhạy cảm, gây ảnh hưởng đến tư tưởng, tâm lý quân nhân. Cùng với đó, đội ngũ cán bộ HC-KT cần được trang bị kỹ năng số, kỹ năng thông tin, có khả năng nhận diện, phân tích và phản bác kịp thời thông tin sai trái, xuyên tạc trên mạng xã hội; kết hợp giữa “tự đề kháng” và “chủ động đấu tranh”. Đội ngũ HC-KT phải tích cực lan tỏa thông tin chính thống, sử dụng nền tảng số để định hướng dư luận, củng cố niềm tin, bảo vệ vững chắc NTTT của Đảng.

Bốn là, chăm lo xây dựng môi trường văn hóa, chính trị - xã hội tích cực, lành mạnh ở các eBB, tạo sự đồng bộ, thống nhất trong đấu tranh bảo vệ NTTT của Đảng. Thực hiện tốt biện pháp này sẽ góp phần xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, “mẫu mực tiêu biểu”, củng cố niềm tin, phát huy

trách nhiệm và quyết tâm của đội ngũ cán bộ HC-KT trong bảo vệ NTTT của Đảng ngay từ cơ sở. Do đó, cấp ủy, chỉ huy các cấp cần tập trung xây dựng tổ chức đảng ở các cơ quan, đơn vị HC-KT trong sạch, vững mạnh; tăng cường dân chủ, kỷ luật, bảo đảm công khai, minh bạch trong mọi hoạt động bảo đảm. Cùng với đó, tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, phong trào Thi đua Quyết thắng, ngày chính trị và văn hóa tinh thần, làm cho đời sống văn hóa của bộ đội phong phú, lành mạnh, tạo sự gắn bó giữa cán bộ HC-KT và chiến sĩ. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chính trị, HC-KT và các tổ chức quần chúng trong giáo dục, quản lý, định hướng tư tưởng. Đặc biệt, phải coi trọng phòng, chống biểu hiện thực dụng, hưởng thụ, cá nhân chủ nghĩa, lối sống thiếu lành mạnh nảy sinh từ mặt trái cơ chế thị trường và không gian mạng; đồng thời, thường xuyên kiểm tra, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến để bảo đảm tính bền vững.

Phát huy vai trò đội ngũ cán bộ HC-KT ở các eBB trong đấu tranh bảo vệ NTTT của Đảng là yêu cầu khách quan và rất quan trọng. Vận dụng sáng tạo các biện pháp bài báo nêu sẽ giúp đội ngũ cán bộ HC-KT cùng lực lượng khác giữ vững “trận địa tư tưởng” ở các eBB, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2018), *Nghị quyết số 35-NQ/TW về tăng cường bảo vệ NTTT của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Đảng ủy Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật (2024), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ NTTT của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch năm 2024*, Hà Nội.
3. Tổng cục Chính trị (2020), *Hướng dẫn thực hiện công tác đấu tranh bảo vệ NTTT của Đảng trong quân đội*, Hà Nội.

NGĂN NGỪA VI PHẠM PHÁP LUẬT, KỶ LUẬT QUÂN ĐỘI CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN HỌC VIỆN HẬU CẦN KHI THAM GIA MẠNG XÃ HỘI

Thượng tá, TS. ĐỖ ANH VINH
Khoa CTĐ, CTCT, Học viện Hậu cần

Mạng xã hội (MXH) tạo thời cơ to lớn trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng; song, cũng là nơi các thế lực thù địch lợi dụng chống phá cách mạng, quân đội. Để đấu tranh, phòng ngừa, mọi quân nhân nói chung, đội ngũ cán bộ, giảng viên Học viện Hậu cần (HVHC) nói riêng, khi tham gia MXH cần chấp hành nghiêm pháp luật, kỷ luật quân đội.

NGÀY nay, các môi trường, không gian mới trên nền tảng kỹ thuật số, nhất là các trang MXH, như: Zalo, Facebook, Instagram, Tik Tok, Twitter, Lotus, Hago, Tumbls, Viber, Tango, Zing me, Blog... đã và đang phát triển thu hút mạnh mẽ các tổ chức, các quốc gia đầu tư chuyển đổi số, xây dựng chính phủ điện tử, công nghiệp điện tử... Mục tiêu của các trang MXH là tạo ra một hệ thống các hệ sinh thái số trên nền tảng Internet cho phép người dùng giao lưu và chia sẻ thông tin, học tập, làm việc... rất nhanh và hiệu quả, vượt ra ngoài những giới hạn về địa lý và thời gian.

Tuy nhiên, MXH cũng được ví như “con dao hai lưỡi”. Bởi, ngoài các tác động tích cực, những giá trị mang lại, thì những tác động tiêu cực đến người sử dụng không phải là nhỏ. Do tốc độ truyền thông tin nhanh, diện tham chiếu rộng, thông tin gần như tức thì, tính “tự do” tương đối của những chủ thể thông tin, khả năng “gây nhiễu” lại khá rộng. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch ra sức lợi dụng MXH để đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, với những thủ đoạn ngày càng tinh vi, hiểm độc hơn... Vì vậy, khi tham gia MXH, người sử dụng nếu không cảnh giác, thiếu hiểu biết thì rất dễ vi phạm pháp luật Nhà nước.

Học viện Hậu cần là trung tâm giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín của Quân đội. Học viện có đội ngũ cán bộ, giảng viên tương đối lớn, đã và đang tham gia nhiều trang MXH. Thời gian qua, quán triệt, thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 29-NQ/TW về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng”; Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện lần thứ XXII, XXIII...; Thường vụ Đảng ủy, Ban chỉ đạo 35, lãnh đạo, chỉ huy HVHC và các cơ quan, đơn vị đã tổ chức, kiện toàn, thiết lập, phát huy tối đa vai trò, công năng của các trang, nhóm chính thống của Học viện trên MXH và hàng nghìn trang, nhóm của cá nhân cán bộ, giảng viên, học viên (CBGVHV), nhân viên. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên của Thường vụ, Đảng ủy, chỉ huy Học viện, đội ngũ CBGVHV, nhân viên, Lực lượng 47 của các cơ quan, đơn vị trong Học viện đã tích cực, chủ động viết, đăng tải, chia sẻ hàng triệu lượt tin bài, hình ảnh tuyên truyền, phổ biến về hoạt động của đơn vị, nhất là hình ảnh Đại hội đại biểu lần thứ XXIII của Đảng bộ Học viện, các hoạt động chào đón Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân lần thứ 2...; tích cực tuyên truyền bảo vệ và lan

ĐẤU TRANH, BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

tỏa những giá trị cách mạng, khoa học, đúng đắn, sáng tạo của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội. Những hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, diễn tập tổng hợp, xây dựng chính quy, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, hội thi, hội thao, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, tăng gia sản xuất, tấm gương người tốt việc tốt, công tác dân vận, kết nghĩa,... của các cơ quan, đơn vị trong toàn Học viện được tuyên truyền lan tỏa rộng rãi, cập nhật, phản ánh kịp thời, hấp dẫn trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang MXH chính thống, góp phần định hướng tư tưởng, hành vi, thái độ, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ CBGVHV, nhân viên, chiến sĩ; góp phần xây dựng Học viện vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Trước hoạt động chống phá, dụ dỗ, lôi kéo của các thế lực thù địch, cơ hội chính trị; Thường vụ, Đảng ủy, Ban Chỉ đạo 35, các cơ quan chức năng HVHC đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp triển khai nhanh chóng công tác đấu tranh trên không gian mạng, ngăn chặn, bão xấu, bóc gỡ hàng nghìn tin bài, video, hình ảnh, Fanpage, Blog... đăng tải thông tin sai sự thật, lôi kéo, kích động Nhân dân phản đối chính sách của Đảng, Nhà nước, quân đội... Qua đó, góp phần lành mạnh hóa thông tin, tạo môi trường không gian mạng an toàn, tinh giáo dục cao, động viên mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên, chiến sĩ trong Học viện an tâm tư tưởng, hăng hái thi đua lập thành tích, quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

Tuy nhiên, trước yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới hiện nay, nghiêm túc nhìn lại có thể thấy, vẫn còn một số cán bộ, giảng viên, đảng viên, thành viên Lực lượng 47 ở một số cơ quan,

đơn vị trong Học viện có thời điểm nhận thức chưa đầy đủ, thực hiện chưa đúng các quy định, tôn chỉ, mục đích khi tham gia MXH. Chưa tích cực bình luận, chia sẻ, lan tỏa những gương người tốt, việc tốt, những giá trị cao quý của phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới. Có lúc chưa chủ động, kịp thời biên tập, đăng tải, chia sẻ thông tin, hình ảnh đẹp, tiêu biểu trong giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, công tác, lao động sản xuất, thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ, phòng chống dịch bệnh... Cá biệt, có một số cán bộ, giảng viên phát ngôn thiếu chuẩn mực, đi ngược với tôn chỉ mục đích, vi phạm quy định cấm khi tham gia MXH; dao động tư tưởng, hoài nghi, chán nản, thiếu yên tâm công tác, vi phạm kỷ luật, quy định của đơn vị... ảnh hưởng xấu đến chất lượng xây dựng chính quy, hình ảnh Học viện.

Thực trạng đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tăng cường giáo dục, rèn luyện toàn diện đội ngũ CBGVHV ở HVHC. Đặc biệt, cần chú trọng tăng cường giáo dục, quản lý kỷ luật, xác định và vận hành các biện pháp ngăn ngừa vi phạm pháp luật, kỷ luật khi tham gia MXH. Muốn vậy, cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

Một là, xây dựng nhận thức tốt, thái độ, trách nhiệm cao về chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội khi tham gia MXH của đội ngũ CBGVHV trong Học viện. Ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội của đội ngũ cán bộ, giảng viên ở HVHC khi tham gia MXH được hình thành, phát triển trên cơ sở quán triệt sâu sắc và nhận thức đúng đắn về đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật nhà nước, nhất là Luật An Ninh mạng (năm 2018). Vì vậy, lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, đơn vị trong Học viện cần thông qua các hoạt động thực tiễn thực hiện nhiệm vụ học tập chính trị, huấn luyện, diễn đàn, tham quan, trao đổi kinh nghiệm, hội thao, hội thi, tuyên truyền, cổ động, để

đẩy mạnh công tác quán triệt, giáo dục, tuyên truyền về pháp luật, kỷ luật và các quy chế, quy định khi tham gia MXH cho đội ngũ cán bộ, giảng viên. Trong đó, cần chú ý quán triệt sâu rộng Chỉ thị số 34/CT-TƯ, ngày 17/4/2009, của Ban Bí thư; Chỉ thị số 03/CT-BQP, ngày 23/1/2014, của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Chỉ thị số 47/CT-CT, ngày 08/01/2016, của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị; Nghị quyết số 35-NQ/TU của Bộ Chính trị (khóa XII) về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; Kết luận số 53-KL/TW, ngày 04/6/2019, của Ban Bí thư “Về việc chỉ đạo đấu tranh, ngăn chặn, xử lý, gỡ bỏ, triệt phá tin giả, thông tin sai sự thật, xấu, độc trên internet, mạng xã hội”.

Trên cơ sở đó, xây dựng cho đội ngũ cán bộ, giảng viên có nhận thức đúng đắn, sâu sắc về nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ của quân đội, Học viện và của từng cơ quan, đơn vị; đặc biệt, cần có nhận thức sâu sắc về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng; các quy chế, quy định, điều cấm, quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm khi tham gia hoạt động trên hệ thống mạng xã hội; thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng, yêu cầu khách quan của việc chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội. Thông qua đó xây dựng thái độ, động cơ, ý thức, trách nhiệm, quyết tâm, danh dự, lòng tự trọng, niềm tin, tinh thần đoàn kết, ý thức tự giác chấp hành pháp luật, kỷ luật, không bị dụ dỗ, lôi kéo, mua chuộc dẫn đến vi phạm pháp luật, kỷ luật... vừa thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, sẵn sàng chiến đấu, vừa phát huy tốt trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng.

Hai là, tăng cường bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp tiếp cận, nghiên cứu, nhận diện, phân loại, xử lý chính xác thông tin, ngăn ngừa vi phạm pháp luật, kỷ luật khi tham gia MXH của đội ngũ cán bộ, giảng

viên, học viện ở Học viện. Mặc dù tiếp cận muộn hơn so với thế giới, nhưng hệ thống trang MXH ở Việt Nam đã có bước phát triển đột phá, mạnh mẽ; công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) được ứng dụng ngày càng nhiều trong mọi hoạt động và trên các nền tảng số. Điều đó cho thấy, không gian mạng là phương tiện ngày càng giữ vai trò quan trọng, không thể thiếu trong đời sống xã hội. Trên MXH, bên cạnh những thông tin của các trang, nhóm chính thống của ta, thì những trang, nhóm của các tổ chức, lực lượng phản động, thù địch mạo danh hoặc công khai hoạt động vô cùng mạnh mẽ, nội dung xuyên tạc, bóp méo rất đa dạng, phong phú, phương pháp, công nghệ truyền tải thông tin rất nhanh, mạnh, sức hút rất cao, khó phân biệt thật, giả... Vì vậy, để ngăn chặn, phòng, chống vi phạm pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội khi tham gia MXH của đội ngũ CBGVHV, nhân viên, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chức năng và các đơn vị trong Học viện cần tăng cường bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp tiếp cận, nghiên cứu, nhận diện, phân loại, xử lý chính xác thông tin, hình ảnh, thấy rõ bản chất từng vấn đề, nội dung có tính chất phản động, tránh để bị dụ dỗ, lôi kéo, bị thao túng tâm lý, nhận thức... dẫn đến mất niềm tin, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, hoặc tiếp tay cho kẻ địch; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng khai thác, sử dụng công nghệ thông tin, công nghệ điện tử, các loại phần mềm quản lý, theo dõi, báo xấu, ngăn chặn, bóc gỡ các tin bài, trang, nhóm phản động trên các trang MXH. Thông qua việc nhận diện, xử lý, sử dụng thông tin chính xác, hợp lý và nghệ thuật đấu tranh mềm dẻo, khôn khéo, linh hoạt nhưng quyết liệt, tạo ra số lượng tin bài lớn, chất lượng cao nhằm lấn át, suy yếu, từng bước làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch trên không gian mạng.

ĐẤU TRANH, BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

Bà là, nắm chắc đặc điểm, âm mưu, thủ đoạn tuyên truyền, chống phá của địch trên không gian mạng để tổ chức đấu tranh hiệu quả, ngăn ngừa, xử lý nghiêm minh trường hợp cán bộ, giảng viên vi phạm kỷ luật. Hiện nay, các thế lực thù địch sử dụng không gian mạng làm phương tiện tuyên truyền thông qua các hình thức: Lập website, E-mail, trang MXH...; các dịch vụ hội thoại (chat), điện thoại (VoIP), diễn đàn (Forum), Twitter, Youtube, MySpace. Đặc biệt, chúng sử dụng công nghệ AI để sao chép, cắt dán hình ảnh, đăng tải thông tin tạo dựng sự kiện “giả như thật”; mở diễn đàn với nhiều tên gọi khác nhau, như: “chống tham nhũng”, “liêm chính”, “cứu quốc”, “hội những người Việt Nam yêu nước”, “hãy vì tự do, dân chủ”... sau đó cho đăng các bài viết, bình luận mạo danh các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các lão thành cách mạng, các trí thức, văn nghệ sĩ nổi tiếng gây nhiễu loạn thông tin trên không gian mạng nhằm kích động, lôi kéo, gây sự chú ý của dư luận. Tính chất, cường độ chống phá thường tập trung vào thời điểm đất nước, quân đội chuẩn bị tổ chức các sự kiện quan trọng (trước, trong, sau thời điểm kỷ niệm 80 năm ngày thành lập nước...). Vì vậy, mỗi CBGVHV, nhân viên của Học viện trong quá trình hoạt động cần nắm chắc bản chất, âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù để tham mưu cho cấp uỷ, chỉ huy, Ban Chỉ đạo 35 có biện pháp tuyên truyền, giáo dục cho CBGVHV, đảng viên, quần chúng trong đơn vị. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn không để các thế lực thù địch lợi dụng câu kết, móc nối, lôi kéo, dụ dỗ CBGVHV tham gia hoạt động trái quy định trên MXH.

Bốn là, quan tâm chăm lo bảo đảm tốt đời sống vật chất, tinh thần gắn với xây dựng môi trường văn hóa MXH của Học viện phong phú, sinh động, lành mạnh. Một trong những yếu tố quan trọng để rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội cho mọi CBGVHV là phải luôn luôn chăm lo đảm

bảo ngày càng tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần. Trong khi MXH phát triển mạnh mẽ như hiện nay, để nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, rèn luyện CBGV về mọi mặt, cấp ủy, tổ chức đảng, chỉ huy các cơ quan, đơn vị trong Học viện cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thiết lập các trang, nhóm, blog của cá nhân, đơn vị, Học viện; tổ chức đăng tải, chia sẻ thông tin, hình ảnh, videos về hoạt động của đơn vị... thường xuyên, liên tục trên các trang nhóm chính thống của Học viện nhằm kịp thời định hướng tư tưởng cho CBGVHV, nhân viên, chiến sĩ. Thông qua đó, tạo ra không gian sinh hoạt trên môi trường MXH sinh động, đoàn kết, dân chủ, bình đẳng, tôn trọng, yêu thương, tin cậy lẫn nhau... với nhiều hình thức sinh động, đa dạng, phong phú, bổ ích, lôi cuốn cán bộ, giảng viên, chiến sĩ tham gia. Môi trường văn hóa của đơn vị phát triển gắn với môi trường văn hóa mạng sinh động, tích cực sẽ là điều kiện tốt để giáo dục, rèn luyện, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội của CBGVHV ở HVHC khi tham gia MXH.

Các biện pháp ngăn ngừa vi phạm pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội của đội ngũ CBGVHV, nhân viên HVHC khi tham gia MXH có mối quan hệ mật thiết với nhau, đòi hỏi mọi cá nhân, cơ quan, đơn vị cần vận dụng linh hoạt trong hoạt động thực tiễn♦

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư (2019), *Kết luận số 53-KL/TW “Về việc chỉ đạo đấu tranh, ngăn chặn, xử lý, gỡ bỏ, triệt phá tin giả, thông tin sai sự thật, xấu, độc trên internet, MXH*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2018), *Nghị quyết số 35-NQ/TW về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”*, Hà Nội.

TĂNG CƯỜNG BỒI DƯỠNG CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN THEO QUY ĐỊNH SỐ 144 - QĐ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Đại tá, TS. LÊ VIỆT THẮNG
Khoa CTĐ, CTCT, Học viện Hậu cần

Ngày 09/5/2024, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 144-QĐ/TW về “Chuẩn mực đạo đức cách mạng (ĐĐCM) của cán bộ, đảng viên (CBĐV) trong giai đoạn mới” (sau đây gọi tắt là Quy định số 144-QĐ/TW). Quy định đã chỉ rõ những giá trị cốt lõi mà đội ngũ CBĐV phải phấn đấu, rèn luyện. Đây là kim chỉ nam quan trọng để các cấp ủy, tổ chức đảng triển khai, giáo dục, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ CBĐV đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

HỌC viện Hậu cần là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học hậu cần, kỹ thuật, tài chính quân sự hàng đầu của quân đội. Trong giai đoạn hiện nay, tăng cường bồi dưỡng chuẩn mực ĐĐCM cho đội ngũ CBĐV ở Học viện Hậu cần (HVHC) theo Quy định số 144-QĐ/TW không chỉ là nhiệm vụ chính trị cấp thiết mà còn là điều kiện tiên quyết bảo đảm cho Học viện hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ, góp phần xây dựng Quân đội vững mạnh toàn diện, xây dựng Đảng bộ Học viện vững mạnh toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, nhất là mẫu mực về đạo đức. Ngay sau khi Quy định số 144-QĐ/TW được ban hành, HVHC đã triển khai việc xây dựng chuẩn mực ĐĐCM của CBĐV với đầy đủ các giá trị đạo đức chung và thể hiện nét riêng của HVHC. Điều này góp phần phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, hướng tới mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng quân đội “tinh, gọn, mạnh, tạo tiền đề vững chắc đến năm 2030, xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiên đại”, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó; là cơ sở vững chắc để không ngừng nâng cao vị thế, uy tín của Học viện, luôn xứng đáng là trung

tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hậu cần, kỹ thuật, tài chính quân sự và nghiên cứu khoa học hậu cần quân sự hàng đầu của quân đội, quốc gia.

Có thể thấy, trong thời gian qua, công tác bồi dưỡng ĐĐCM cho CBĐV ở HVHC đã đạt được những kết quả tích cực: Các cấp ủy, chi bộ, cán bộ chủ trì ở HVHC đã tổ chức sinh hoạt quán triệt Quy định số 144-QĐ/TW và tuyên truyền, phổ biến đến toàn thể CBĐV đơn vị. Qua đó, tuyệt đại đa số CBĐV đều nhận thức sâu sắc tầm quan trọng, sự cần thiết ban hành Quy định; nghiêm túc thực hiện quy định của Đảng về những điều đảng viên không được làm. Cán bộ chủ trì ở các cơ quan, khoa, đơn vị trong Học viện thường xuyên quan tâm, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của CBĐV; gương mẫu trong lời nói và hành động, không có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Hàng năm, Phòng Chính trị của HVHC xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức học tập chuyên đề sĩ quan theo quy định, hướng dẫn của cấp trên.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, việc bồi dưỡng chuẩn mực ĐĐCM của

ĐẤU TRANH, BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

CBĐV ở HVHC thời gian qua vẫn còn một số hạn chế, như: Nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, tổ chức đảng trong quán triệt, tuyên truyền, phổ biến đến CBĐV chưa kịp thời; chưa vận dụng linh hoạt, sáng tạo nội dung, hình thức, biện pháp bồi dưỡng chuẩn mực ĐĐCM; đặc biệt, việc cụ thể hóa vào từng cơ quan, khoa, đơn vị sát với đặc điểm tình hình, đối tượng bồi dưỡng còn chung chung. Một số cán bộ chủ trì chưa sâu sát, cụ thể, tỉ mỉ trong xác định khâu yếu, mặt yếu của CBĐV để phân công, giao nhiệm vụ, tiến hành bồi dưỡng phù hợp, hiệu quả. Một số CBĐV chưa đặt ra yêu cầu cao cho bản thân trong tự bồi dưỡng, rèn luyện về chuẩn mực ĐĐCM trong giai đoạn mới; còn có CBĐV ngại khó, ngại khổ, ngại rèn, thiếu động cơ, mục đích phấn đấu vươn lên trong công việc, cuộc sống; vẫn còn CBĐV có biểu hiện sống ích kỷ, cá nhân chủ nghĩa; trách nhiệm nêu gương về đạo đức, lối sống có nội dung còn chưa tốt.

Quy định số 144-QĐ/TW bao gồm 5 điều cơ bản và trong mỗi điều biểu hiện cụ thể từng nội dung về chuẩn mực ĐĐCM của CBĐV trong giai đoạn mới. Đây là sự kết tinh trí tuệ của Đảng ta, trên cơ sở lý luận về công tác xây dựng Đảng và thực tiễn công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh của Đảng ta thời gian qua. Đó là hệ thống những nguyên tắc, quy định, chuẩn mực đặt ra cho mỗi CBĐV ở HVHC phải nghiêm túc thực hiện mới giữ gìn được phẩm chất đạo đức, lối sống, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng Học viện trong giai đoạn mới. Theo đó, để tăng cường bồi dưỡng chuẩn mực ĐĐCM của CBĐV ở HVHC hiện nay, cần thực hiện tốt các giải pháp cơ bản sau:

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng đối với việc tăng cường bồi dưỡng chuẩn mực ĐĐCM cho CBĐV ở HVHC theo Quy định

số 144-QĐ/TW. Cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì các cơ quan, khoa, đơn vị trong Học viện cần nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của Quy định số 144-QĐ/TW; tiếp tục tổ chức sinh hoạt sâu, rộng trong cơ quan, đơn vị để tuyên truyền, phổ biến đến từng CBĐV; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuẩn mực ĐĐCM cho CBĐV linh hoạt, sáng tạo với đặc điểm tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra. Phân công, giao nhiệm vụ cho các đồng chí trong cấp ủy, tổ chức đảng theo dõi, kèm cặp, hướng dẫn, giúp đỡ CBĐV, nhất là CBĐV trẻ trong thực hiện các nhiệm vụ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nâng cao chất lượng bồi dưỡng chuẩn mực ĐĐCM của CBĐV thông qua kết quả hoàn thành nhiệm vụ; kịp thời chấn chỉnh, nhắc nhở đối với những CBĐV thiếu động cơ, mục đích phấn đấu vươn lên trong công việc, cuộc sống, thiếu tu dưỡng rèn luyện về đạo đức, lối sống, vi phạm những điều đảng viên không được làm. Cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì cơ quan, đơn vị cần phát huy vai trò, trách nhiệm của mình trong bồi dưỡng chuẩn mực ĐĐCM của CBĐV; sâu sát, cụ thể, tỉ mỉ, nắm rõ những ưu, nhược điểm của từng đồng chí; từ đó, họp bàn thống nhất trong cấp ủy, tổ chức đảng, lựa chọn phương án tối ưu, hiệu quả trong bồi dưỡng chuẩn mực ĐĐCM. Cấp ủy, chỉ huy các cấp, các tổ chức quần chúng cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện gắn với từng đối tượng trên cương vị cụ thể. Thông qua các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt học tập, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục bằng các phương tiện tuyên truyền hiện có; đồng thời, cần bổ sung, nâng cấp các phương tiện hoạt động công tác đảng, công tác chính trị ở từng cơ quan, đơn vị góp phần nâng cao nhận thức về chuẩn mực ĐĐCM cho CBĐV.

Hai là, thường xuyên đổi mới nội dung, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, phương pháp bồi dưỡng chuẩn mực ĐĐCM

cho CBĐV ở Học viện theo Quy định số 144-QĐ/TW trong giai đoạn mới. Quá trình đổi mới nội dung, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, biện pháp giáo dục, rèn luyện bồi dưỡng chuẩn mực ĐĐCM cho CBĐV ở Học viện hiện nay cần tiến hành trên cơ sở kế thừa có chọn lọc, bổ sung, cải tiến và vận dụng nội dung, hình thức, phương pháp đã có nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của bồi dưỡng chuẩn mực ĐĐCM cho CBĐV. Cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì và cơ quan chức năng trong Học viện cần chú trọng đổi mới công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐĐCM cho CBĐV trong giai đoạn mới. Về nội dung, lựa chọn những nội dung hướng vào nâng cao trình độ về kiến thức, thế giới quan, niềm tin cộng sản; định hướng cho CBĐV luôn có suy nghĩ và hành động đúng, phù hợp với các chuẩn mực ĐĐCM của CBĐV giai đoạn mới theo Quy định số 144-QĐ/TW. Khi xác định nội dung tuyên truyền, giáo dục ĐĐCM cho CBĐV cần kiên trì và vận dụng các hình thức, phương pháp giáo dục phong phú, đa dạng, sinh động, kết hợp chặt chẽ và phát huy sức mạnh của các tổ chức, lực lượng; gắn nội dung giáo dục ĐĐCM cho CBĐV với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện "Mẫu mực, tiêu biểu" và phát huy phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ", kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới.

Về hình thức, phương pháp bồi dưỡng: Cần đổi mới cách thức tổ chức bồi dưỡng chuẩn mực ĐĐCM cho CBĐV; lồng ghép hình thức tổ chức bồi dưỡng với những hình thức cụ thể phù hợp với nhiệm vụ của từng cơ quan, khoa, đơn vị do cấp ủy, tổ chức đảng các cấp chịu trách nhiệm thực hiện. Đổi mới các hình thức tuyên truyền, thi tìm hiểu, sinh hoạt học tập, tọa đàm về chuẩn mực ĐĐCM của CBĐV; đổi mới việc học tập các chuyên đề sĩ quan về ĐĐCM. Trong quá trình bồi dưỡng cần có sự kết

hợp chặt chẽ giữa phương pháp giảng bài với phương pháp tự nghiên cứu về chuẩn mực ĐĐCM cho CBĐV giai đoạn mới. Coi trọng phương pháp nêu gương, phát hiện và bồi dưỡng, nhân diễn hình tiên tiến ở từng cơ quan, khoa, đơn vị; kết hợp thực hiện nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất, tăng cường rèn luyện trong các tình huống, nhiệm vụ khó khăn, phức tạp để giáo dục, bồi dưỡng ĐĐCM cho CBĐV; có nhiều biện pháp đầy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; đề cao tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt của CBĐV.

Ba là, chú trọng xây dựng môi trường đạo đức lành mạnh để bồi dưỡng chuẩn mực ĐĐCM của CBĐV trong giai đoạn mới. Cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ chủ trì và cơ quan chức năng trong Học viện cần chú trọng xây dựng môi trường văn hóa sư phạm, đạo đức quân sự trong sạch, lành mạnh, giản dị, thấm đẫm giá trị nhân văn sâu sắc; nêu cao tinh thần đoàn kết, tinh đồng chí, đồng đội trong hỗ trợ, giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện "mẫu mực, tiêu biểu". Xây dựng mối quan hệ gần gũi, chân thành giữa cấp trên và cấp dưới, luôn tôn trọng, lắng nghe ý kiến của CBĐV và giải quyết kịp thời những tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của CBĐV trong cơ quan, khoa, đơn vị. Đẩy mạnh việc thực hiện các phong trào thi đua Quyết thắng, chú trọng xây dựng gương "người tốt, việc tốt" về đạo đức, lối sống và lan tỏa sâu rộng. Đồng thời, duy trì nghiêm các chế độ, nền nếp chính quy trong cơ quan, khoa, đơn vị; tích cực, chủ động đấu tranh chống các biểu hiện lèch lạc, trì trệ, suy thoái và quan điểm sai trái, thù địch về chuẩn mực ĐĐCM; quan tâm bảo đảm tốt đời sống vật chất, tinh thần cho CBĐV; phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương

ĐẤU TRANH, BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

nơi cư trú để nắm chắc các mối quan hệ của CBĐV. Thông qua đó, nắm chắc thực trạng và kết quả tự tu dưỡng, tự rèn luyện ĐĐCM của CBĐV; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm biểu hiện vi phạm đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, làm cơ sở cho việc xem xét, đánh giá phẩm chất đạo đức của mỗi CBĐV trong cơ quan, đơn vị.

Bốn là, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của CBĐV trong tự học tập, tự rèn luyện, bồi dưỡng về chuẩn mực ĐĐCM theo Quy định số 144-QĐ/TW trong giai đoạn mới. Mỗi CBĐV ở Học viện cần có những kiến thức cơ bản về đạo đức học để lĩnh hội, thẩm thấu và lan toả chuẩn mực ĐĐCM ra bên ngoài thông qua hoạt động thực tiễn thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Mỗi CBĐV phải tích cực, chủ động tự bồi dưỡng các nội dung của chuẩn mực ĐĐCM; bản thân thấy chỗ nào còn thiếu, còn yếu thì tự mình phải nghiên cứu, tìm hiểu, tự bồi dưỡng để bổ sung tri thức; mở rộng mối quan hệ và tích cực học tập từ cấp trên, đồng đội để khắc phục những hạn chế, thiếu sót, phát huy ưu điểm, thế mạnh về ĐĐCM phục vụ công việc tốt hơn. Thường xuyên đặt ra những yêu cầu cao cho bản thân về phẩm chất đạo đức, lối sống, tránh xa vào những cám dỗ, cạm bẫy về lợi ích vật chất, danh vọng, tiền tài để giữ gìn phẩm chất ĐĐCM cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của CBĐV. Thường xuyên thực hiện tốt việc “tự soi”, “tự sửa” về động cơ, thái độ, hành vi phù hợp với môi trường công tác.

Thẩm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Có đạo đức cách mạng thì mới hy sinh tận tụy với cách mạng, mới lãnh đạo được quần chúng đưa cách mạng tới thắng lợi hoàn toàn”. Quan điểm, tư tưởng đó của Người được Đảng ta chuyển hoá thành Quy định số 144-QĐ/TW rất kịp thời, phù hợp và hiệu quả, góp phần xây dựng Đảng, Nhà

nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc hiện nay. Tăng cường bồi dưỡng chuẩn mực ĐĐCM cho CBĐV ở HVHC theo Quy định 144-QĐ/TW vừa là yêu cầu cấp bách, vừa là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược lâu dài. Đây chính là nền tảng để xây dựng đội ngũ CBĐV thật sự “vừa hồng, vừa chuyên”, gương mẫu, kỷ luật, sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của Học viện. Làm tốt công tác này không chỉ củng cố uy tín, vị thế của Học viện trong Quân đội mà còn trực tiếp phục vụ mục tiêu xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới♦

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2021), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Tập I*, Nxb CTQG - Sự thật, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2018), *Quy định số 101-QĐ/TW về trách nhiệm nêu gương của CBĐV, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2016), *Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2024), *Quy định số 144-QĐ/TW về chuẩn mực ĐĐCM của CBĐV trong giai đoạn mới*, Hà Nội.
5. Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (2022), *Tài liệu học tập chuyên đề toàn quân về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb QĐND, Hà Nội.

ĐẨY MẠNH THI ĐUA, DÂN VẬN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG NGÀNH HẬU CẦN, KỸ THUẬT QUÂN ĐỘI GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

Thượng tá, TS. KHUẤT TRỌNG NAM

Học viện Chính trị

T RONG quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh vai trò to lớn của công tác dân vận và thi đua yêu nước. Người khẳng định: “Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”. Công tác dân vận luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng. Theo Người, “Dân vận là vận động tất cả lực lượng của Nhân dân nhằm thực hiện những mục tiêu cách mạng”. Người yêu cầu cán bộ phải “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm”; phải biết lắng nghe dân, tôn trọng dân, gần gũi dân, học hỏi dân và phụng sự Nhân dân. Nói về thi đua, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, thi đua vừa là động lực thúc đẩy cách mạng phát triển, vừa là biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước. Người khẳng định: “Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua. Và những người thi đua là những người yêu nước nhất”. Thi đua phải được gắn với từng nhiệm vụ cụ thể của mỗi người, mỗi tổ chức; phải lấy lợi ích của Nhân dân, của dân tộc làm mục tiêu phấn đấu; phải là thi đua chân chính, toàn diện, thường xuyên, thiết thực, hiệu quả. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, dân vận không tách rời thi đua; thi đua phải là công cụ hữu hiệu để tổ chức dân vận, khơi dậy và phát huy sức mạnh Nhân dân...

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành kim chỉ nam cho hoạt động dân vận của Đảng và hệ thống chính trị; cũng là định hướng quan trọng để xây dựng phong trào thi đua yêu nước sâu rộng, hiệu quả

trong Quân đội nhân dân Việt Nam, trong đó có ngành Hậu cần, kỹ thuật (HCKT). Trong điều kiện hiện nay, khi các thế lực thù địch đẩy mạnh chiến lược “Diễn biến hòa bình”, công kích trực tiếp vào nền tảng tư tưởng của Đảng... thì đẩy mạnh thi đua, dân vận theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong ngành HCKT càng mang ý nghĩa chính trị sâu sắc, trở thành mặt trận quan trọng trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Thực tiễn cho thấy, ở đâu công tác dân vận tốt, phong trào thi đua phát triển mạnh mẽ, sát thực tiễn, bám sát dân, thì ở đó “thế trận lòng dân” vững chắc, niềm tin của Nhân dân vào Đảng, vào Quân đội được củng cố. Phong trào thi đua trong công tác dân vận của ngành HCKT cũng là cơ hội để cán bộ, chiến sĩ (CBCS) tích cực tuyên truyền, lan tỏa giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch ngay từ cơ sở. Việc thi đua thực hiện tốt công tác dân vận không chỉ tạo hiệu ứng chính trị - xã hội tích cực, mà còn góp phần trực tiếp nâng cao “sức đề kháng” về tư tưởng - chính trị trong Ngành và Nhân dân.

Với vai trò của mình, ngành HCKT quân đội là lực lượng có mối quan hệ gắn bó mật thiết với Nhân dân, thông qua các hoạt động: Giúp dân khắc phục thiên tai; khám chữa bệnh; sửa chữa, cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho Nhân dân; xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện chính sách hậu phương quân đội... Do vậy, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua trong công tác dân vận của CBCS ngành HCKT có nhiều điều

ĐẤU TRANH, BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

kiện thuận lợi. Nội dung công tác dân vận của Ngành cần thực hiện theo hướng: Lấy Nhân dân làm trung tâm phục vụ; thi đua bằng việc làm cụ thể, hiệu quả thiết thực; thực hành tiết kiệm, chống quan liêu, xa dân; nâng cao ý thức chính trị, trách nhiệm công dân trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đẩy mạnh thi đua dân vận gắn với nhiệm vụ chống lại các biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, chống sự xuyêntac, bôi nhọ uy tín của Đảng, của Quân đội.

Thời gian qua, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị, ngành HCKT không chỉ phục vụ tốt bộ đội, quân đội mà còn gắn bó sâu sắc với Nhân dân thông qua nhiều hoạt động, chương trình, như: “Ngành HCKT Quân đội chung sức xây dựng nông thôn mới”; “Khám, cấp thuốc miễn phí cho Nhân dân vùng sâu, vùng xa”; “Hậu cần Quân đội giúp dân phòng, chống dịch”; “Bếp ăn nghĩa tình”; “Gian hàng không đồng”, “Thắp sáng đường quê”; “Tiết kiệm vì biển đảo, vì người nghèo”... Những hoạt động đó không chỉ mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc mà còn góp phần lan tỏa hình ảnh tốt đẹp “Bộ đội Cụ Hồ” trong lòng Nhân dân. Chính vì vậy, phong trào thi đua dân vận trong ngành HCKT dường như đã trở thành một mặt trận mềm, có hiệu lực chính trị sâu rộng, góp phần trực tiếp vào cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Cán bộ, chiến sỹ ngành HCKT khi thực hiện nhiệm vụ dân vận không chỉ là hành động giúp dân, hỗ trợ dân, mà còn là quá trình truyền bá tư tưởng cách mạng, củng cố niềm tin, lan tỏa giá trị nhân văn của Đảng, của quân đội; thông qua đó, góp phần phản bác, vô hiệu hóa các luận điệu sai trái, thù địch từ cơ sở; xây dựng “lá chắn lòng dân” vững chắc để bảo vệ và giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng trong mọi tình huống.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, phong trào thi đua trong công tác dân vận của ngành HCKT vẫn còn tồn tại

một số hạn chế nhất định. Ở một số đơn vị, việc triển khai phong trào còn mang tính hình thức, chưa thực sự gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ chính trị và đặc điểm địa phương. Một số đơn vị cơ sở, khi thực hiện nhiệm vụ đã ngoại làm công tác dân vận ở địa phương, việc xác định nội dung, chỉ tiêu thi đua còn chung chung, chưa rõ trọng tâm, trọng điểm, chưa có nhiều đổi mới về phương pháp tổ chức, thiếu tính sáng tạo. Một bộ phận CBCS còn hiểu chưa sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua và dân vận; tâm lý ngại va chạm, thiếu linh hoạt trong xử lý các tình huống thực tế, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Từ thực trạng đó, để đẩy mạnh thi đua trong công tác dân vận của ngành HCKT, thời gian tới, cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

Một là, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua và dân vận. Đây là giải pháp rất quan trọng, mang tính nền tảng có vai trò nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng cho CBCS ngành HCKT. Theo đó, cần quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về thi đua yêu nước, công tác dân vận và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng bần lĩnh chính trị vững vàng, ý thức trách nhiệm của CBCS trong thực hiện nhiệm vụ. Tổ chức hiệu quả các đợt sinh hoạt chính trị, hội thi, tọa đàm, học tập chuyên đề gắn với phong trào thi đua và cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Qua đó, giúp CBCS hiểu sâu kỹ, làm đúng và vận dụng sáng tạo tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thực tiễn công tác dân vận, nhất là ở địa bàn trọng yếu, vùng sâu, vùng xa.

Hai là, đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức phong trào thi đua trong công tác dân vận. Để phong trào thi đua trong công tác dân vận thực sự hiệu quả, cần đổi mới cách tiếp cận theo hướng

linh hoạt, thiết thực, sát thực tế. Các nội dung thi đua phải cụ thể, rõ tiêu chí đánh giá, có tính khả thi và hướng tới phục vụ Nhân dân, tạo hiệu ứng lan tỏa về chính trị - xã hội. Khuyến khích các đơn vị trong ngành HCKT phát huy sáng kiến, mô hình mới, cách làm hay, như: "Gian hàng không đồng"; "Bữa cơm nghĩa tình"; "Khám bệnh lưu động"; "Hiến máu cứu người"; "Cải tạo cảnh quan dân cư quân - dân". Kết hợp dân vận với bảo đảm HCKT trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, xây dựng nông thôn mới. Cùng với đó, cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội vào tuyên truyền, tôn vinh, giới thiệu các điển hình tiên tiến, nhân rộng mô hình hiệu quả, nhằm khơi dậy phong trào thi đua sôi nổi, lan tỏa rộng rãi trong toàn Ngành.

Ba là, kết hợp chặt chẽ thi đua dân vận với nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Một yêu cầu cấp thiết là phải gắn phong trào thi đua công tác dân vận với nhiệm vụ đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Thi đua không chỉ dừng ở hành động giúp dân mà cần tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa, vào Quân đội. Cán bộ, chiến sĩ ngành HCKT phải là những "chiến sĩ dân vận" trên mặt trận tư tưởng - văn hóa, tích cực tham gia viết bài, chia sẻ thông tin chính thống, lan tỏa các giá trị tích cực trên mạng xã hội; chủ động đấu tranh, phản bác thông tin xuyên tạc, bịa đặt của các thế lực thù địch về Đảng, Nhà nước, Quân đội.

Bốn là, phát huy vai trò lãnh đạo của cấp ủy, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Để phong trào thi đua đạt hiệu quả, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong ngành HCKT cần làm tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo phong trào thi đua gắn với công tác dân vận. Cán bộ, đảng viên phải là người đi đầu, nói đi đôi với làm, nêu gương trong hành

động, tận tụy, sâu sát Nhân dân; đồng thời, truyền cảm hứng, lôi cuốn quần chúng cùng thi đua. Cần gắn kết quả thi đua dân vận với đánh giá chất lượng tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ hằng năm, nhằm tạo động lực phấn đấu liên tục, thường xuyên trong toàn Ngành. Cùng với đó, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác sơ kết, tổng kết các mô hình, phong trào thi đua trong công tác dân vận. Kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; nhân rộng các mô hình hiệu quả trên phạm vi toàn quân.

Công tác dân vận và phong trào thi đua yêu nước (theo tư tưởng Hồ Chí Minh) luôn có sự gắn bó chặt chẽ, hỗ trợ nhau trong thực hiện nhiệm vụ của ngành HCKT. Trong bối cảnh mới, CBCS ngành HCKT cần nêu gương, sáng tạo trong thi đua dân vận, góp phần củng cố đoàn kết quân - dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân; đồng thời, đấu tranh chống quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Nhiệm vụ này đòi hỏi phải có sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp ủy; sự phối hợp của các lực lượng, tổ chức chính trị - xã hội; sự đổi mới nội dung, hình thức thi đua, phát huy vai trò tiên phong của cán bộ, đảng viên ngành HCKT♦

Tài liệu tham khảo

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, II*, Nxb CTQG - Sự thật, Hà Nội.
- Quân ủy Trung ương (2021), *Chỉ thị số 173-CT/QUTW về tiếp tục đẩy mạnh phong trào Thi đua Quyết thắng trong Quân đội giai đoạn 2022 - 2027*, Hà Nội.
- Tổng Cục Chính trị (2024), *Những tác phẩm tiêu biểu tham gia cuộc thi chính luận lần thứ 4*, Nxb QĐND, Hà Nội, 2024.
- Nguyễn Bá Quang (2022), *Học tập và làm theo phong cách "dân vận khéo" Hồ Chí Minh*, Nxb CTQG, Hà Nội.

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO XÂY DỰNG HỆ THỐNG HẬU CẦN - KỸ THUẬT THÔNG MINH

Trung tá, TS. HOÀNG MẠNH THÁI

Học viện Kỹ thuật quân sự

ABSTRACT: The Intelligent logistics - technical system is an operational model that deeply integrates AI and advanced digitalization technologies to optimize the entire cycle from planning, sourcing, transportation, storage, distribution, to maintenance and product lifecycle management. Based on an analysis and assessment of several AI applications, the article proposes a research direction for building an intelligent logistics - technical system.

I. TÓM TẮT

Hệ thống hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) thông minh là một mô hình hoạt động tích hợp sâu rộng AI và các công nghệ số hóa tiên tiến nhằm tối ưu hóa toàn bộ chu trình từ lập kế hoạch, tạo nguồn, vận chuyển, lưu trữ, phân phối đến bảo trì và xử lý vòng đời sản phẩm. Trên cơ sở phân tích, đánh giá một số ứng dụng của AI, bài viết đề xuất hướng nghiên cứu trong xây dựng hệ thống HC-KT thông minh.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, trọng tâm là sự hội tụ của các công nghệ đột phá, như: Trí tuệ Nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), Dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), robot tự hành... đã làm thay đổi phương thức sản xuất, quản lý và tái định hình các hệ thống nền tảng của các ngành, lĩnh vực, trong đó có hậu cần, kỹ thuật (HCKT) quân sự.

Hệ thống HC-KT thông minh là một hệ thống mang tính chất kiến tạo, có khả năng tự chủ thu thập, phân tích và diễn giải dữ liệu từ đa dạng các nguồn để tạo ra các thông tin chi tiết có giá trị, hỗ trợ ra quyết định hoặc tự động hóa hành động. Mô hình

hệ thống HC-KT thông minh gồm 3 tầng: Tầng đầu tiên là tầng dữ liệu; tầng thứ hai là tầng trí tuệ, nơi các thuật toán AI tiên tiến được triển khai; tầng cuối cùng là tầng ứng dụng và ra quyết định.

Việc ứng dụng AI trong bảo đảm HCKT quân sự được đánh giá là nhân tố then chốt giúp chuyển từ mô hình quản lý, vận hành truyền thống sang hệ thống HC-KT thông minh, có khả năng tự học, thích nghi, dự báo và tối ưu hóa nguồn lực trong thời gian thực. Trong khi đó, hệ thống HC-KT truyền thống, dù đã đóng vai trò nền tảng trong nhiều thập kỷ; song, hiện nay đang bộc lộ những hạn chế, như: (1) Khả năng dự báo nhu cầu vật tư và phụ tùng thường thiếu chính xác, dẫn đến tình trạng dư thừa, tồn kho gây lãng phí nguồn lực hoặc thiếu hụt đột ngột ảnh hưởng đến khả năng sẵn sàng; (2) Quy trình bảo trì và sửa chữa thường mang tính phản ứng thay vì chủ động. Thiết bị chỉ được bảo dưỡng khi phát sinh sự cố hoặc theo lịch trình cố định, bỏ lỡ cơ hội can thiệp sớm, dẫn đến chi phí sửa chữa cao, thời gian ngừng hoạt động kéo dài; (3) Việc quản lý chuỗi cung ứng phân tán và thiếu tích hợp là thách thức lớn; (4) Khả năng phản ứng linh hoạt trước các

tình huống bất định như thiên tai, dịch bệnh hay các biến động địa chính trị là rất hạn chế do thiếu khả năng phân tích dữ liệu lớn và đưa ra quyết định tự động... Thách thức này đòi hỏi một sự chuyển đổi mang tính đột phá, vượt ra ngoài khuôn khổ truyền thống để đảm bảo tính hiệu quả và bền vững của toàn hệ thống. Chính vì vậy, việc nghiên cứu ứng dụng AI trong xây dựng hệ thống HC-KT thông minh là vấn đề vừa mang tính lý luận cấp bách, vừa có ý nghĩa chiến lược lâu dài, nhằm đáp ứng yêu cầu của chiến tranh hiện đại.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong công tác HCKT quân sự có thể triển khai một số ứng dụng của AI để xây dựng hệ thống HC-KT thông minh, đó là:

Thứ nhất, hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong bảo đảm HCKT. Đây là hệ thống đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng công tác chỉ huy, điều hành bảo đảm HCKT. Thông qua việc thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu lớn từ nhiều nguồn (kho vật tư, trạng thái kỹ thuật của trang bị, nhu cầu của đơn vị, điều kiện chiến trường...), hệ thống có thể đưa ra các gợi ý tối ưu về phương án bảo đảm vật tư, tổ chức sửa chữa, điều phối lực lượng HC-KT và phân bổ nguồn lực. Cốt lõi của hệ thống là các thuật toán học máy và AI có khả năng mô phỏng kịch bản bảo đảm; dự báo tiêu hao vật tư, vật chất HCKT; xác định điểm nghẽn HC-KT và hỗ trợ người chỉ huy ra quyết định kịp thời, chính xác. Ngoài ra, AI còn giúp đánh giá hiệu quả các phương án bảo đảm khác nhau theo tiêu chí đa mục tiêu: Thời gian, chi phí, độ tin cậy, rủi ro kỹ thuật. Việc phát triển hệ thống hỗ trợ ra quyết định sử dụng AI không chỉ giúp nâng cao hiệu quả chỉ huy bảo đảm HCKT mà còn góp phần xây dựng lực lượng HC-KT thông minh, tự chủ và thích ứng với các hình thái chiến tranh.

Thứ hai, bảo trì tiên đoán. Đây là phương pháp ứng dụng AI để theo dõi,

phân tích và dự báo tình trạng kỹ thuật của trang bị HCKT dựa trên dữ liệu thực tế thu thập từ cảm biến, nhật ký vận hành hoặc tín hiệu đo lường. Khác với bảo trì định kỳ, bảo trì tiên đoán cho phép xác định chính xác thời điểm thiết bị HCKT có khả năng hỏng hóc, từ đó đưa ra kế hoạch sửa chữa kịp thời, giảm thiểu thời gian dừng hoạt động và tối ưu chi phí bảo trì. Các thuật toán học máy và học sâu có thể nhận diện mẫu hỏng hóc tiềm ẩn thông qua quá trình huấn luyện từ dữ liệu lịch sử và thời gian thực. Việc tích hợp AI vào hệ thống bảo trì giúp đơn vị HC-KT nâng cao độ sẵn sàng của vũ khí trang bị, kéo dài vòng đời sử dụng và giảm thiểu sự cố bất ngờ trong chiến đấu, huấn luyện. Trong bối cảnh quân đội ngày càng sử dụng nhiều khí tài công nghệ cao, bảo trì tiên đoán là xu hướng tất yếu để hiện đại hóa công tác bảo đảm HCKT theo hướng thông minh, chủ động và hiệu quả hơn.

Thứ ba, hệ thống HC-KT không người lái. Đây là một trong những ứng dụng tiêu biểu của AI và tự động hóa trong hiện đại hóa bảo đảm HCKT chiến trường. Hệ thống này bao gồm các phương tiện vận tải không người lái (UGV- xe mặt đất không người lái, UAV- thiết bị bay không người lái), robot vận chuyển, robot hậu cần và thiết bị tự động hóa trong kho - trạm - xưởng. Dưới sự điều khiển bởi AI, các phương tiện này có thể tự hành, tránh chướng ngại vật, định vị mục tiêu và tối ưu hóa lộ trình vận chuyển trong điều kiện địa hình phức tạp hoặc môi trường tác chiến nguy hiểm. AI còn cho phép hệ thống học hỏi từ tình huống thực tế để nâng cao khả năng phản ứng linh hoạt, bảo đảm vận chuyển vật tư, đạn dược, nhiên liệu, trang bị... đến tiền tuyến một cách nhanh chóng và an toàn. Việc triển khai hệ thống không người lái giúp giảm phụ thuộc vào nhân lực, hạn chế tổn thất, đồng thời duy trì bảo đảm HCKT liên tục trong điều kiện chiến tranh ác liệt, nhất là tác chiến đô thị, phi đối xứng. Hậu cần không người lái đang

QUÁN TRIỆT VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

được nhiều quân đội tiên tiến áp dụng và là hướng phát triển phù hợp với yêu cầu xây dựng lực lượng HC-KT tinh, gọn, mạnh của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Thứ tư, quản lý thông minh kho tàng, trạm xưởng. Đây là một nội dung then chốt trong xây dựng hệ thống HC-KT thông minh, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, giảm thất thoát và rút ngắn thời gian bảo đảm vật chất hậu cần, trang bị kỹ thuật. AI kết hợp với các công nghệ như Internet vạn vật, thị giác máy tính, mã định danh, phân tích dữ liệu lớn, cho phép hình thành hệ thống quản lý HC-KT theo hướng số hóa, tự động hóa và tích hợp thời gian thực. Trong kho thông minh, AI giúp nhận dạng, phân loại, theo dõi trạng thái của vật tư, thiết bị, cảnh báo hao hụt, dự báo tồn kho tới hạn; đồng thời, đề xuất kế hoạch bổ sung phù hợp với nhu cầu thực tế và kịch bản tác chiến. Các robot kho vận tự hành có thể thực hiện xuất, nhập, sắp xếp vật tư tự động theo sơ đồ tối ưu do AI tính toán. Dữ liệu lưu trữ trong kho được đồng bộ hóa với hệ thống bảo đảm HCKT, vận tải và chỉ huy chiến đấu, giúp đơn vị HC-KT đưa ra quyết định nhanh chóng và chính xác hơn. Ở các trạm xưởng, AI hỗ trợ theo dõi vòng đời thiết bị, lập kế hoạch bảo trì định kỳ, dự đoán, kiểm tra chất lượng sửa chữa và đề xuất lịch luân chuyển thiết bị theo mức độ sử dụng. Ngoài ra, AI còn giúp giám sát hiệu suất hoạt động của dây chuyền sửa chữa, phát hiện nút thắt kỹ thuật, nhân lực để điều phối tối ưu.

Thứ năm, hệ thống huấn luyện, đào tạo ảo. Đây là bước đột phá trong nâng cao chất lượng đào tạo kỹ thuật viên, nhân viên hậu cần và cán bộ quản lý trang bị kỹ thuật. Khác với phương pháp huấn luyện truyền thống phụ thuộc vào giáo trình tĩnh và điều kiện thực hành hạn chế, hệ thống đào tạo ảo sử dụng công nghệ mô phỏng, thực tế, thực tế tăng cường và AI để xây dựng môi trường học tập tương tác cao,

linh hoạt, sát thực tế chiến đấu. AI trong hệ thống này đóng vai trò tạo ra các tình huống huấn luyện đa dạng và có khả năng thích ứng theo trình độ học viên, từ đó cá nhân hóa lộ trình học tập. Thông qua dữ liệu từ bài tập mô phỏng, AI đánh giá năng lực xử lý tình huống, kỹ năng thao tác kỹ thuật, khả năng phối hợp nhóm... và đưa ra phản hồi tức thời, giúp người học tự điều chỉnh và tiến bộ nhanh hơn. Ngoài ra, mô hình đào tạo ảo cho phép học viên thực hành sửa chữa, bảo dưỡng các loại trang bị công nghệ cao mà không gây rủi ro thực tế, đồng thời tiết kiệm chi phí sử dụng vật tư, thiết bị thật. Hệ thống có thể tích hợp trợ lý ảo kỹ thuật (AI assistant) hỗ trợ tra cứu tài liệu, hướng dẫn quy trình hoặc giải đáp tình huống huấn luyện phức tạp trong thời gian thực. Đối với công tác đào tạo ở đơn vị có điều kiện khó khăn hoặc thường xuyên cơ động, hệ thống đào tạo ảo chính là giải pháp chiến lược giúp nâng cao chất lượng huấn luyện, bảo đảm tính linh hoạt, hiện đại và sẵn sàng chuyển đổi nhanh sang trạng thái huấn luyện chiến đấu.

Việc nghiên cứu ứng dụng AI trong xây dựng hệ thống HC-KT thông minh cần được triển khai theo hướng vừa toàn diện, vừa có trọng điểm, có lộ trình phù hợp với điều kiện thực tiễn của Quân đội ta. Trên cơ sở khảo sát năng lực công nghệ hiện có, kinh nghiệm bảo đảm HCKT và yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm HCKT trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), xin đề xuất một số hướng nghiên cứu chủ đạo sau:

Một là, nghiên cứu xây dựng kiến trúc tổng thể hệ thống HC-KT thông minh có tích hợp AI, đóng vai trò như một “bộ não trung tâm” điều hành các hoạt động HC-KT từ cấp chiến thuật đến chiến lược. Hệ thống này cần được thiết kế theo mô hình mở, phân lớp, đảm bảo khả năng tích hợp với các nền tảng công nghệ quân sự hiện có như hệ thống chỉ huy tác chiến, quản lý trang bị, thông tin liên lạc... Cấu trúc cần phân chia

thành các phân hệ chức năng: Hỗ trợ ra quyết định; quản lý kho, trạm, xưởng; bảo đảm HCKT, đào tạo - mô phỏng HCKT.

Hai là, tập trung nghiên cứu các thuật toán AI chuyên biệt cho quân sự, có khả năng hoạt động trong môi trường dữ liệu phức tạp, thiếu đầy đủ hoặc không đồng nhất. Các thuật toán học máy, học sâu cần được huấn luyện trên dữ liệu kỹ thuật thực tế (cảm biến từ trang bị, nhật ký sửa chữa, tiêu hao vật tư...) để dự báo tình trạng kỹ thuật, xác định nhu cầu vật tư, phân tích rủi ro bảo đảm kỹ thuật trong từng tình huống tác chiến cụ thể.

Ba là, nghiên cứu ứng dụng AI trong xây dựng hệ thống bảo trì tiên đoán cho vũ khí, khí tài, phương tiện kỹ thuật. Điều này đòi hỏi phải xây dựng hệ thống thu thập dữ liệu theo thời gian thực từ thiết bị (IoT quân sự); đồng thời, triển khai mô hình đánh giá độ tin cậy và chu kỳ sống còn lại của từng chủng loại trang bị. Đây là bước đệm quan trọng để hình thành các trạm bảo dưỡng tự động, có khả năng dự báo lỗi và lập kế hoạch sửa chữa thông minh.

Bốn là, triển khai nghiên cứu kho hậu cần và xưởng kỹ thuật thông minh ứng dụng robot, AI và công nghệ cảm biến để tự động hóa khâu xuất, nhập vật tư, định vị, phân loại, giám sát trạng thái và cảnh báo sớm nguy cơ mất an toàn (cháy nổ, hóa chất, quá hạn...). AI cũng cần được nghiên cứu để hỗ trợ tối ưu hóa không gian lưu trữ, đề xuất luân chuyển vật tư hợp lý, đồng bộ với kế hoạch bảo đảm tác chiến.

Năm là, đẩy mạnh nghiên cứu mô hình huấn luyện, đào tạo ảo tích hợp AI, sử dụng công nghệ mô phỏng, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) và trợ lý ảo để xây dựng hệ thống học tập tương tác cao. Việc tích hợp AI giúp hệ thống tự đánh giá năng lực học viên, cá nhân hóa bài giảng, mô phỏng các tình huống sửa chữa, lắp ráp, khắc phục sự cố kỹ thuật trong môi trường sát thực tế chiến đấu.

Sáu là, nghiên cứu phương pháp thử nghiệm, đánh giá, kiểm chứng các mô hình AI trong điều kiện quân sự, nhằm đảm bảo độ tin cậy, tính bảo mật và khả năng vận hành ổn định trong môi trường tác chiến. Đồng thời, cần nghiên cứu tiêu chuẩn hóa các thành phần hệ thống AI phục vụ bảo đảm HCKT, làm cơ sở cho công tác kiểm định, chứng nhận kỹ thuật và tích hợp hệ thống quy mô lớn.

Bảy là, nghiên cứu cơ chế chính sách, hành lang pháp lý và quy hoạch chiến lược ứng dụng AI trong ngành HC-KT quân sự, bao gồm: Cơ chế đầu tư phát triển, tổ chức lực lượng nghiên cứu - triển khai, đào tạo nhân lực AI quân sự và liên kết giữa quân đội - viện nghiên cứu - doanh nghiệp công nghệ quốc phòng. Đây là yếu tố quyết định sự thành công bền vững trong triển khai AI vào thực tiễn.

IV. KẾT LUẬN

Nghiên cứu ứng dụng AI trong xây dựng hệ thống HC-KT thông minh là xu hướng tất yếu, có ý nghĩa chiến lược trong hiện đại hóa ngành HCKT quân sự. Việc nghiên cứu ứng dụng AI trong xây dựng hệ thống HC-KT thông minh cần được triển khai theo hướng vừa toàn diện, vừa có trọng điểm, có lộ trình phù hợp với điều kiện thực tiễn của Quân đội ta♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2025), Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Hà Nội.
2. Quân ủy Trung ương (2025), Nghị quyết số 3488-NQ/QUTW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Quân đội, Hà Nội.
3. Aysegul Ucar (2023), Mehmet Karakose và Necim Kirimca Artificial Intelligence for Predictive Maintenance Applications: Key Components & Trends, mdpi.com.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC HẬU CẦN, KỸ THUẬT Ở SỰ ĐOÀN BỘ BINH THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Thượng tá, TS. HOÀNG KIM HIỆU
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *Digital transformation in logistical and technical work in an infantry division is the process of applying modern digital technologies (AI, IoT, Big Data, cloud computing, ect.) into the management, operation, and performance of the in-fantry division's logistical and technical tasks. Based on the analysis of the current situation of digital transformation in logistical and technical work in some infantry divisions, the article proposes solutions for promoting the digital transformation process, contributing to improving the effectiveness of logistical and technical work.*

I. TÓM TẮT

Chuyển đổi số (CDS) công tác hậu cần, kỹ thuật (HCKT) ở sư đoàn bộ binh (fBB) là quá trình ứng dụng công nghệ số hiện đại (AI, IoT, Big Data, điện toán đám mây...) vào quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ HCKT của fBB. Trên cơ sở phân tích thực trạng CDS trong công tác HCKT tại một số fBB, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm đẩy mạnh quá trình CDS, góp phần nâng cao hiệu quả công tác HCKT.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, CDS đã trở thành xu hướng tất yếu đối với mọi cơ quan, đơn vị quân đội. Với quyết tâm chính trị cao nhất, các cơ quan, đơn vị, các ngành trong Bộ Quốc phòng đang ra sức xây dựng, phát triển hệ tầng kết nối mạng, cơ sở dữ liệu gốc (về quân nhân, vũ khí trang bị, tài sản...), nền tảng số dùng chung, sản xuất trang bị công nghệ thông tin; triển khai thí điểm một số mô hình CDS để đánh giá, nhận rộng, từng bước thực hiện CDS công tác chỉ đạo, quản lý, chỉ huy, điều hành, bảo đảm. Phấn đấu đến năm 2030, Bộ Quốc phòng hoàn thiện

tổn diện, đồng bộ và vận hành hiệu quả hạ tầng, cơ sở dữ liệu số, các nền tảng số dùng chung; đưa hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý lên môi trường số, một số hoạt động chỉ huy huấn luyện, tác chiến lên môi trường số, góp phần xây dựng quân đội hiện đại.

Trước xu thế đó, CDS trong công tác HCKT ở fBB cũng từng bước chuyển mình, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả quản lý, tối ưu hóa hoạt động bảo đảm, tạo khả năng to lớn nhằm đáp ứng yêu cầu tác chiến trong môi trường hiện đại. Tuy nhiên, qua khảo sát cho thấy, so với yêu cầu đặt ra, CDS trong công tác HCKT ở fBB vẫn có nhiều hạn chế, bất cập nên cần có giải pháp thực hiện hiệu quả.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chuyển đổi số trong công tác HCKT tại các fBB đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao năng lực chỉ huy, quản lý, điều hành và khả năng sẵn sàng chiến đấu về HCKT của đơn vị. Cụ thể: Tăng cường hiệu quả quản lý và điều hành bằng việc số hóa dữ liệu về trang bị kỹ thuật, vật chất hậu

cần (VCHC), vật tư kỹ thuật giúp cán bộ (nhân viên) HCKT thống kê, theo dõi chính xác, kịp thời tình trạng nguồn lực và nhu cầu sửa chữa, thay thế trang bị kỹ thuật, từ đó nâng cao hiệu quả phân bổ và sử dụng tài nguyên; rút ngắn thời gian xử lý công việc; giúp tự động hóa quy trình kiểm kê vật chất, trang bị HCKT, báo cáo, bảo dưỡng, giảm thiểu thủ tục giấy tờ và các thao tác thủ công, góp phần tiết kiệm thời gian và nhân lực cho cơ quan, đơn vị. Với việc sử dụng các phần mềm quản lý và công nghệ mã QR, RFID giúp giảm sai sót do con người gây ra trong quản lý trang bị kỹ thuật, VCHC, vật tư kỹ thuật; đồng thời, bảo đảm tính minh bạch và truy xuất nguồn gốc rõ ràng. Ứng dụng công nghệ số, các dữ liệu được cập nhật liên tục, chia sẻ và kết nối đồng bộ giữa các bộ phận, từ đó tăng khả năng phối hợp, nhanh chóng xử lý các tình huống, bảo đảm an toàn, hiệu quả trong bảo đảm HCKT ở fBB. Hỗ trợ chỉ huy cơ quan, đơn vị ra quyết định, các công cụ phân tích dữ liệu số hóa cung cấp cơ sở chính xác, kịp thời cho người chỉ huy trong dự báo nhu cầu trang bị kỹ thuật, VCHC, vật tư kỹ thuật; lập kế hoạch bảo trì, sửa chữa, cũng như đánh giá hiệu quả công tác HCKT tổng thể, toàn diện nhất; thúc đẩy đổi mới phương pháp công tác và nâng cao sức mạnh tổng hợp của sư đoàn, CĐS không chỉ là ứng dụng công nghệ mà còn là bước tiến trong đổi mới phương thức tổ chức, quản lý, góp phần xây dựng lực lượng HCKT sư đoàn hiện đại, chuyên nghiệp, linh hoạt.

Hiểu rõ vai trò to lớn của CĐS, thời gian qua, các fBB đã tích cực ứng dụng giải pháp công nghệ và CĐS trong công tác HCKT; qua khảo sát tại một số fBB đứng chân trên miền Bắc, có thể đánh giá những kết quả đạt được như sau:

Thứ nhất, trong quản lý kho, vật tư, trang thiết bị HCKT. Sử dụng phần mềm quản lý kho điện tử giúp theo dõi, kiểm soát

tồn kho, xuất nhập trang bị kỹ thuật, VCHC, vật tư kỹ thuật thông qua mã QR hoặc mã vạch. Hệ thống dữ liệu số giúp tăng độ chính xác, giảm sai sót so với phương pháp thủ công truyền thống. Điển hình là Sư đoàn 316, nhờ triển khai hệ thống quản lý kho điện tử tích hợp mã QR nên đã giúp kiểm soát chính xác lượng tồn kho và lưu chuyển vật tư. Theo báo cáo, thời gian kiểm kê vật tư giảm 30%; đồng thời, sai sót trong quản lý giảm dưới 5% so với phương pháp thủ công.

Thứ hai, về quản lý bảo dưỡng, sửa chữa trang bị kỹ thuật, phương tiện hậu cần. Ứng dụng công nghệ thông tin trong lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, ghi nhận trạng thái thiết bị, báo cáo sự cố qua hệ thống trực tuyến giúp rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao hiệu quả kỹ thuật. Tại Sư đoàn 350, ứng dụng phần mềm quản lý bảo dưỡng trang bị kỹ thuật cho phép lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ và ghi nhận trạng thái thiết bị theo thời gian thực. Kết quả cho thấy, tỷ lệ thiết bị hỏng ngoài kế hoạch giảm 15%, nâng cao độ tin cậy vận hành trong các nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu.

Thứ ba, về hạ tầng công nghệ thông tin và phần mềm chuyên dụng. Một số fBB đã triển khai và đưa vào khai thác, sử dụng các phần mềm hệ thông tin chỉ đạo, điều hành trên mạng TSLqs kết nối phòng, ban của cơ quan HCKT với trung tâm chỉ huy; qua đó, tăng cường phối hợp, chia sẻ dữ liệu thời gian thực, điển hình là Sư đoàn 312. Nhờ vậy, dữ liệu HCKT được chia sẻ nhanh chóng, hỗ trợ ra quyết định kịp thời và chính xác hơn trong các tình huống.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được, thực tế cũng tồn tại một số khó khăn, hạn chế như: (1) Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ: Ở một

QUÁN TRIỆT VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

số đơn vị đứng trâu trên địa bàn vùng sâu, vùng xa, miền núi, hệ thống mạng nội bộ chưa triển khai đầy đủ, tốc độ kết nối còn hạn chế, hệ thống máy tính được trang bị có cấu hình thấp, hệ điều hành chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến việc áp dụng công nghệ số. (2). Thiếu hụt nhân lực có trình độ công nghệ số: Một số cán bộ, nhân viên HCKT chưa được đào tạo bài bản về vận hành các hệ thống số hóa, chủ yếu là kiêm nhiệm, gây khó khăn trong ứng dụng phần mềm và khai thác dữ liệu hiệu quả. (3). Công tác bảo vệ dữ liệu trong môi trường số hóa vẫn còn là thách thức lớn, với nguy cơ rò rỉ thông tin và tấn công mạng. (4). Một bộ phận cán bộ, chiến sĩ vẫn duy trì phương pháp quản lý thủ công, chưa sẵn sàng thay đổi và tiếp cận công nghệ mới, ảnh hưởng đến tốc độ CDS trong đơn vị.

Từ thực trạng trên, để đẩy mạnh CDS trong công tác HCKT tại các fBB, thời gian tới, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, đào tạo và nâng cao năng lực công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, nhân viên, chiến sĩ. Đây là giải pháp rất quan trọng, mang tính cơ bản và lâu dài. Theo đó, quân nhân cần tham gia tích cực phong trào “Binh dân học vụ số” trong quân đội để nâng cao trình độ công nghệ thông tin. Các fBB cần quan tâm tổ chức các khóa huấn luyện, tập huấn chuyên sâu về công nghệ số và phần mềm quản lý HCKT. Về vấn đề này, thời gian qua, Sư đoàn 312 đã triển khai chương trình đào tạo về quản lý kho số, giúp 80% cán bộ HCKT thành thạo vận hành phần mềm chỉ sau 6 tháng.

Bên cạnh đó, các fBB cần phát triển chương trình đào tạo liên tục, cập nhật các công nghệ mới, như sử dụng dữ liệu lớn (Big Data) trong dự báo nhu cầu trang bị kỹ thuật, VCHC, vật tư kỹ thuật. Ngoài ra, cần tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò

thiết yếu của CDS thông qua các buổi hội thảo, tọa đàm chuyên đề.

Hai là, đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ số. Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu, bởi có hạ tầng số mới có thể ứng dụng các phần mềm vào quản lý, điều hành công tác HCKT ở fBB. Đầu tư hạ tầng công nghệ số cần tập trung vào: Hạ tầng công nghệ thông tin; mạng truyền số liệu quân sự TSLqs (hiện đã đạt 94% đầu mối cấp 3 trong toàn quân, tương ứng với 673/716 cơ quan, đơn vị), hệ thống máy chủ, thiết bị mạng, phần cứng công nghệ thông tin; nền tảng phần mềm, dịch vụ số, hệ sinh thái số... Mặt khác, cần xây dựng trung tâm dữ liệu nội bộ bảo mật cao, tránh bị rò rỉ thông tin, đảm bảo lưu trữ và quản lý thông tin số an toàn, sẵn sàng phục vụ thường xuyên cũng như trong tác chiến.

Ba là, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển hệ thống các phần mềm quản lý chuyên dụng phục vụ công tác HCKT ở sư đoàn. Đây là giải pháp về công nghệ, các phần mềm đóng vai trò trung tâm và không thể thiếu trong CDS (bộ não của CDS) tại đơn vị. Các phần mềm có thể sử dụng ở sư đoàn như: Ứng dụng phần mềm quản lý kho, theo dõi tài sản doanh trại, VCHC bằng mã QR, mã vạch, RFID...; quản lý điện, nước, xăng dầu bằng hệ thống cảm biến, IoT; số hóa sổ sách cấp phát, thanh quyết toán; sử dụng phần mềm lập kế hoạch, tính toán khẩu phần ăn, dự trữ thực phẩm khoa học hơn; lập hồ sơ sức khỏe điện tử cho bộ đội; ứng dụng phần mềm quản lý thuốc, thiết bị y tế; số hóa hồ sơ súng, đạn, phương tiện kỹ thuật; ứng dụng phần mềm quản lý bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ; giám sát tình trạng kỹ thuật phương tiện qua thiết bị cảm biến, IoT; tổ chức huấn luyện HCKT bằng mô phỏng 3D... Cùng với đó, cần cập nhật phần mềm định kỳ để thích ứng với yêu cầu thực tế và bảo mật thông tin;

đồng thời, nâng cao tính linh hoạt và khả năng mở rộng.

Bốn là, tăng cường bảo mật thông tin và an ninh mạng. Đây là giải pháp mang tính đặc thù trong các fBB. Bảo mật thông tin và an ninh mạng đóng vai trò cốt lõi bởi thông tin cũng được coi là một loại vũ khí rất quan trọng. Do vậy, cần áp dụng hệ thống mã hóa dữ liệu tiên tiến, phân quyền truy cập nghiêm ngặt. Thực tiễn, tại Sư đoàn 316 đã làm rất tốt vấn đề này nên hạn chế tối đa nguy cơ rò rỉ thông tin. Cùng với mã hóa, cần thiết lập hệ thống cảnh báo an ninh mạng tự động phát hiện các hành vi xâm nhập trái phép, giúp xử lý kịp thời. Mặt khác, các fBB cần chú trọng đào tạo cán bộ kỹ thuật về an toàn mạng, nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng chống các mối đe dọa mạng; thường xuyên kiểm tra an toàn thông tin cho các trang bị trong toàn đơn vị.

Năm là, thay đổi nhận thức và văn hóa làm việc. Đây là giải pháp đóng vai trò trọng yếu, tạo nền tảng cho sự thay đổi bền vững. Nếu không thay đổi nhận thức và văn hóa làm việc thì các thay đổi về công nghệ, quy trình dễ bị phản kháng và bỏ dở. Mặt khác, thay đổi nhận thức góp phần gắn kết nội bộ, thúc đẩy năng suất hiệu quả công việc. Thực tiễn tại Sư đoàn 395 đã tổ chức các chương trình thi đua ứng dụng công nghệ số trong công tác HCKT, qua đó nâng cao tinh thần sáng tạo và chủ động trong đội ngũ cán bộ, chiến sĩ; cùng với đó, sư đoàn đã xây dựng môi trường làm việc thân thiện với công nghệ số, hỗ trợ hiệu quả cho công tác chuyên môn.

Sáu là, tăng cường phối hợp liên ngành, liên phòng ban. Đây là giải pháp nhằm liên kết các lực lượng có liên quan trong hoạt động CDS nói chung và CDS trong công tác HCKT, tạo ra cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan, phân đội HCKT

với các cơ quan, đơn vị khác trong fBB và cơ quan cấp trên. Thực tiễn tại Sư đoàn 330, trong hoạt động CDS, chỉ huy Phòng HCKT đã thực hiện rất tốt vấn đề này, qua đó giúp tối ưu hóa việc chia sẻ thông tin và nâng cao hiệu quả quản lý chung. Đồng bộ hóa quy trình làm việc trên nền tảng số, giảm thiểu sai sót và trùng lặp thông tin, tạo điều kiện cho ra quyết định nhanh chóng, chính xác. Thúc đẩy các dự án CDS thống nhất, hiệu quả trong toàn sư đoàn, từ đó nâng cao sức mạnh tổng hợp của đơn vị.

IV. KẾT LUẬN

Chuyển đổi số trong công tác HCKT ở fBB là một hướng đi tất yếu và có tính đột phá, góp phần nâng cao hiệu quả bảo đảm HCKT cho nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, cũng như trong xây dựng đơn vị. Để đạt được hiệu quả thực chất, cần có sự chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chỉ huy đơn vị, đồng thời có chiến lược bài bản, đồng bộ trong triển khai. Việc đầu tư đúng mức về con người, công nghệ và phương pháp sẽ giúp các fBB đạt hiệu quả CDS trong công tác HCKT, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2025), *Kế hoạch số 21/KH-BQP về chuyển đổi số trong Bộ Quốc phòng năm 2025*, Hà Nội.
2. Chính phủ (2020), *Quyết định phê duyệt “Chương trình CDS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*, Hà Nội.
3. Quân ủy Trung ương (2025), *Nghị quyết số 3488-NQ/QUTW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CDS trong quân đội*, Hà Nội.

Nghiên cứu quy trình sản xuất mỡ bôi trơn từ dầu khoáng và chất làm đặc silica/epoxy

Đại tá, TS. NGUYỄN SƠN NAM
Thượng úy QNCN, ThS. HÀ QUANG TÙNG
Khoa Khoa học Cơ bản, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: With a view to researching the manufacture of anti-corrosion lubricating grease with usage characteristics specialized for types of military machines, weapons, and equipment, the paper studies and assesses the properties of grease made from organically modified silica thickener by an epoxy agent.

I. TÓM TẮT

Với mục đích nghiên cứu chế tạo mỡ bôi trơn chống ăn mòn kim loại có tính năng sử dụng chuyên biệt cho các loại máy, vũ khí, thiết bị quân sự, nội dung bài báo nghiên cứu đánh giá các tính chất của mỡ được chế tạo từ chất làm đặc silica biến tính hữu cơ, bởi tác nhân epoxy.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, trong quân đội, việc nghiên cứu, chế tạo mỡ bôi trơn chống ăn mòn kim loại, sử dụng cho các thiết bị, máy, nói chung, các thiết bị quân sự nói riêng, đã và đang được quan tâm nghiên cứu. Nếu chế tạo thành công, khi sử dụng các loại mỡ có chất lượng cao, thiết bị có thời gian sử dụng lâu hơn, ngoài mang lại hiệu quả về kinh tế, còn góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác bảo vệ an ninh - quốc phòng. Để giải quyết vấn đề trên, một trong những hướng đã và đang được nghiên cứu, đó là chế tạo mỡ bôi trơn chống ăn mòn kim loại trên cơ sở chất làm đặc silica. Nội dung bài báo tập trung nghiên cứu, lựa chọn tỉ lệ giữa chất làm đặc silica biến tính epoxy [1-2] và dầu khoáng SN500 trong chế tạo mỡ và đánh giá các tính chất bôi trơn và tính chất chống ăn mòn của mỡ.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Quy trình thực nghiệm và phương pháp nghiên cứu

Chất làm đặc sử dụng trong nghiên cứu này là nano silica được chế tạo từ vỏ trấu, sau đó biến tính bề mặt bởi tác nhân epoxy (E-44). Hạt nano silica sau biến tính, có kích thước $50 \div 60$ (nm), góc tiếp xúc động là $93,83^\circ$. Dầu khoáng sử dụng để chế tạo mỡ là dầu gốc SN500 có nhiệt độ đông đặc -6°C , độ nhớt động học là 115 cSt ở 40°C và 12,3 cSt ở 100°C . Ngoài ra, thành phần của mỡ còn được bổ sung một số loại phụ gia gồm: Diphenylamin, P89 tricrezyl photphat.

Độ đặc của mỡ là một trong những tính chất quan trọng, cần xem xét khi nghiên cứu, chế tạo. Nếu quá mềm thì mỡ có thể sẽ bị chảy ra khỏi vị trí cần bôi trơn; nếu quá cứng thì mỡ sẽ không tiếp cận tới vị trí cần bôi trơn. Vì vậy, việc nghiên cứu, lựa chọn tỉ lệ giữa khối lượng dầu SN500 và chất làm đặc nano silica là yếu tố quan trọng. Trong nghiên cứu này, tỉ lệ giữa nano silica biến tính và dầu SN500 được khảo sát là: 21/75, 19/77, 17/79, 15/81, 13/83, 11/85. Ngoài các thành phần chính,

mõi được bổ sung thêm 4% khối lượng phụ gia tương hợp.

Phương pháp gồm: Phương pháp thử theo tiêu chuẩn ΓOCT 9054 - 75 để nghiên cứu khả năng bảo quản của mõi đối với một số mẫu kim loại thép, đồng, nhôm. Phương pháp đo đường cong phân cực để xác định khả năng bảo vệ, chống ăn mòn của mõi. Phương pháp xác định trị số axit của mõi, nhằm đánh giá khả năng sử dụng của mõi trong một số điều kiện nhất định, không dùng để xác định trị số axit tuyệt đối.

Độ bền làm việc của mõi, được đánh giá qua kết quả đo độ xuyên kim theo tiêu chuẩn ASTM D217. Độ tách dầu của mõi, được đánh giá theo tiêu chuẩn ASTM D6184. Khả năng bôi trơn và chịu áp suất cao của mõi, được xác định theo tiêu chuẩn ASTM D2266.

2. Kết quả

Nguyên tắc của việc xác định tỉ lệ giữa chất làm đặc (silica)/ môi trường phân tán (dầu SN500) là tăng dần hàm lượng chất làm đặc (silica); đồng thời, tiến hành kiểm tra các tính chất của mõi, ứng với từng tỉ lệ chất làm đặc tương ứng. Kết quả nghiên cứu như sau:

Ở tỉ lệ nano silica/SN500 là 11/85, hỗn hợp mõi thử nghiệm có trạng thái quá mềm, cấu trúc mõi chưa hình thành. Ở tỉ lệ nano silica/SN500 là 13/83, mõi có nhiệt độ nhỏ giọt là 141°C, độ xuyên kim là 447.10-1 mm, độ ổn định thể keo là 6,1 (% khối lượng dầu tách ra). Khi tỉ lệ nano silica và dầu SN500 là 15/81, mõi có nhiệt độ nhỏ giọt là 147°C, độ xuyên kim là 403.10-1 mm, độ ổn định thể keo là 4,9. Với tỉ lệ silica và dầu SN500 ở mức 19/77, mõi ở dạng dẻo, đồng nhất và hình thành trạng thái cấu trúc bền vững, độ xuyên kim giảm xuống còn 265.10-1 mm, nhiệt độ nhỏ giọt là 195°C, độ ổn định thể keo là 3,5. Nếu tiếp tục tăng hàm lượng silica lên tỉ lệ 21/75, độ xuyên kim của mõi

tiếp tục giảm, tuy nhiên nhiệt độ nhỏ giọt không tăng, mõi chuyển trạng thái từ dẻo đến đặc rồi quánh lại, tính ổn định thể keo của mõi tăng, khối lượng dầu tách ra giảm.

Như vậy, với tỉ lệ silica/SN500 là 19/77, mõi có độ xuyên kim là 265.10-1 mm, nhiệt độ nhỏ giọt ổn định ở 195°C, độ tách dầu là 3,5%, đây là giá trị phù hợp để chế tạo mõi bôi trơn chống ăn mòn kim loại. Trong nghiên cứu này, để đánh giá các tính chất sử dụng của mõi, lựa chọn tỉ lệ silica/SN500 là 19/77.

- * Đánh giá khả năng bảo vệ của mõi
- Thủ gia tốc trong tủ khí hậu

Khả năng bảo vệ kim loại của mõi được đánh giá trong điều kiện thử nghiệm gia tốc theo tiêu chuẩn ΓOCT 9054-75, thử nghiệm được tiến hành trên các mẫu thép, đồng, nhôm. Các mẫu được chuẩn bị như sau: Mẫu thép sử dụng là CT-3, kích thước (50 x 50) mm, chiều dày mẫu 3 mm và được đục lỗ để treo; mẫu nhôm có chiều dài 75 mm, chiều rộng 12,5 mm, chiều dày 3 mm; mẫu đồng được chuẩn bị như mẫu nhôm. Tiến hành nhúng các mẫu kim loại vào mõi đã được hòa tan trong dung môi, lấy mẫu ra, để khô ở nhiệt độ phòng, cho dung môi bay hơi hết (khoảng 25 ÷ 30 giờ), đảm bảo yêu cầu có một lớp mõi đồng đều bám trên bề mặt kim loại. Tiếp theo, treo mẫu vào các giá đỡ trong tủ khí hậu, cài đặt chương trình thử nghiệm theo tiêu chuẩn và tính thời gian. Cứ sau 5 chu kì thử nghiệm (8 giờ), cần tiến hành kiểm tra, đánh giá mẫu thử, sau 15 chu kì thử nghiệm, giá trị nhỏ hơn Re5 là mõi đó đủ tiêu chuẩn sử dụng để bảo vệ kim loại.

Kết quả thử nghiệm cho thấy, khi chưa phủ mõi, các mẫu kim loại thép, đồng, nhôm đều bị ăn mòn 100% sau 5 chu kì ở điều kiện thử nghiệm gia tốc trong tủ khí hậu (môi trường 3% NaCl, nhiệt độ 60°C). Đối với các mẫu kim loại được phủ mõi,

QUÁN TRIỆT VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

sau chu kì thử thứ 10, trên mẫu thép hiện tượng gỉ bắt đầu xuất hiện với giá trị đo được là Re1, các mẫu đồng, nhôm không thấy hiện tượng gỉ (Re0); sau chu kì thứ 15, mẫu đồng và mẫu nhôm bắt đầu xuất hiện gỉ, cụ thể mẫu thép có giá trị đo là Re2, mẫu đồng là Re2, mẫu nhôm là Re1; ở chu kì thử thứ 20, tất cả các mẫu đều có hiện tượng gỉ tăng lên. Tuy nhiên, vẫn ở trong giới hạn cho phép, vì các giá trị đo đều nhỏ hơn Re5, cụ thể mẫu thép là Re4, mẫu đồng là Re3 và mẫu nhôm là Re2. Tiếp tục thử nghiệm ở chu kì thứ 30, tất cả các mẫu thử đều bị ăn mòn 100%. Như vậy, các mẫu kim loại phủ mõ đã được bảo vệ tương đối tốt.

- Đo đường cong phân cực:

Áp dụng phương pháp xác định đường cong phân cực để nghiên cứu khả năng, chiều hướng, tốc độ ăn mòn trong điều kiện cân bằng tĩnh. Thực nghiệm sử dụng hệ ba điện cực gồm: Điện cực so sánh (RE) là điện cực calomen; điện cực đối (CE) là điện cực Pt; điện cực làm việc (WE) là các điện cực rắn, đây là điện cực làm bằng kim loại, cần phải đo. Môi trường đo là dung dịch điện li NaCl 3,5%. Khả năng bảo vệ kim loại của mõ được đánh giá bằng phần trăm hiệu quả bảo vệ và tính bằng công thức sau:

$$\text{Khả năng bảo vệ} = \frac{I_o - I_{am}}{I_o} \cdot 100 (\%)$$

Trong đó: I_o : là mật độ dòng ăn mòn kim loại khi không có sự bảo vệ; I_{am} là mật độ dòng ăn mòn kim loại khi có sự bảo vệ.

Kết quả thực nghiệm cho thấy, mật độ dòng đo được trên mẫu thép không được phủ mõ là $1,822 \cdot 10^{-5} (\text{A}/\text{cm}^2)$, mẫu thép được phủ mõ là $8,593 \cdot 10^{-8} (\text{A}/\text{cm}^2)$. Như vậy, có sự giảm mật độ dòng tương đối lớn giữa thép được phủ mõ và thép không phủ mõ; sự giảm mật độ dòng cho thấy, hiệu quả bảo vệ kim loại khỏi tác nhân gây ăn mòn của mõ đối với thép là rất cao

(99,52%). Thực nghiệm xác định mức độ bảo vệ đối với kim loại đồng và nhôm cho kết quả tương tự. Cụ thể, kết quả đo hiệu quả bảo vệ trên mẫu kim loại đồng là 99,99%, nhôm là 99,95%. Kết luận: Mõ có thể sử dụng vào mục đích bảo quản trang bị, vũ khí quân sự, nhất là trong điều kiện khí hậu Việt Nam.

- Đo trị số axit của mõ:

Phương pháp đo trị số axit của mõ được dùng để dự đoán khả năng sử dụng của mõ. Thông thường, các mẫu mõ có trị số axit $\geq 0,5 \text{ mg KOH/g}$ thì không đạt yêu cầu sử dụng. Trong nghiên cứu này, đã áp dụng tiêu chuẩn TCVN 6325 - 97 để xác định trị số axit của mõ, phương pháp sử dụng điện cực thủy tinh làm điện cực chỉ thị và điện cực calomen làm điện cực so sánh.

Kết quả khảo sát trên mẫu mõ được chế tạo từ chất làm đặc nano silica biến tính epoxy cho thấy, mõ có trị số axit là $0,02 \text{ mg KOH/g}$, nằm trong khoảng giới hạn cho phép ($< 0,5 \text{ mg KOH/g}$). Như vậy, mõ có khả năng bảo vệ, chống ăn mòn kim loại; cho nên, có thể sử dụng để bảo quản trang bị, vũ khí quân sự.

* Đánh giá khả năng làm việc của mõ

- Độ tách dầu:

Mỗi loại mõ, tùy thuộc vào quy trình, thành phần chế tạo khác nhau mà có độ tách dầu khác nhau. Nếu khả năng làm đặc của pha phân tán (nano silica) càng lớn và hàm lượng chất làm đặc cao thì pha lỏng càng được giữ chắc trong khung cấu trúc, mõ có tính ổn định thê keo cao. Tuy nhiên, trong sử dụng, tùy thuộc mục đích, cần lựa chọn loại mõ phù hợp, nếu độ tách dầu quá lớn hoặc quá nhỏ đều không tốt.

Thực nghiệm tiến hành ở nhiệt độ 180°C (thấp hơn nhiệt độ nhỏ giọt của mõ khoảng từ $10 \div 30^\circ\text{C}$), giữ nguyên nhiệt độ và các điều kiện khác trong khoảng 5 giờ.

Sau 5 giờ, lấy mẫu ra khỏi tủ sấy, hạ nhiệt độ về 25°C, giữ ổn định trong 24 giờ, sau đó xác định độ tách dầu của mỡ theo tiêu chuẩn ASTM D6184. Kết quả thử nghiệm cho thấy, mỡ có trạng thái dẻo, lượng dầu bị tách ra là 3,7% khối lượng, nằm trong giới hạn cho phép (< 5% khối lượng), vì vậy mỡ có thể đáp ứng các yêu cầu sử dụng của máy, thiết bị trong các điều kiện khắc nghiệt và nhiệt độ cao.

- Độ bền làm việc:

Để xác định độ bền làm việc của mỡ, áp dụng phương pháp xác định độ xuyên kim của khối mỡ khi chịu từ 103 ÷ 105 lần chày giã trong các thiết bị giã chuyên dụng, đây là điều kiện thử nghiệm gần với trạng thái làm việc của động cơ. Độ chênh lệch cho phép giữa độ xuyên kim 105 chày giã và độ xuyên kim không giã là < 5 mm.

Thực nghiệm tiến hành bằng cách cho mỡ đầy cốc, tránh tạo bọt khí trong cốc, dùng pittông giã mỡ 60 nhịp/1 phút, đạt 105 chày giã, đưa pittông về trạng thái ban đầu, sau đó tiến hành phép đo độ xuyên kim. Kết quả cho thấy, ở trạng thái ban đầu, độ xuyên kim là 28,6 mm, sau 105 lần chày giã, độ xuyên kim là 30,5 mm, mức độ chênh lệch độ xuyên kim giữa mỡ không giã và có giã là 1,9 mm. Như vậy, mỡ có sự chênh lệch độ xuyên kim thấp, có khả năng chống lại sự biến dạng dưới tác dụng của lực, đây là tính chất quan trọng của mỡ khi sử dụng để bôi trơn, chống ăn mòn kim loại trong các điều kiện nhiệt độ cao, tải trọng lớn.

- Nghiên cứu khả năng bôi trơn:

Khả năng bôi trơn của mỡ được xác định trên thiết bị đo 4 bi. Sau thử nghiệm, các mẫu thử có đường kính vết mài dưới 1mm, đạt yêu cầu sử dụng. Kết quả thực nghiệm cho thấy, đường kính vết mài mòn trung bình là 0,46mm. Như vậy, mỡ có khả năng giảm mài mòn, chống xước trong giới

hạn cho phép. Trên thực tế, khả năng bôi trơn của mỡ phụ thuộc vào nhiều yếu tố, như: Môi trường phân tán, loại chất làm đặc, phụ gia... Trong nghiên cứu này, sử dụng phụ gia tricrezyl photphat với hàm lượng 0,4% khối lượng, đã làm thay đổi đáng kể tác dụng chống mài mòn của mỡ. Từ kết quả đo cho thấy, mỡ có độ giảm mài mòn nằm trong giới hạn cho phép, có thể sử dụng trong các chi tiết chịu tải trọng nặng như các kết cấu bản lề, ổ bi, ỗ trực K.

IV. KẾT LUẬN

Căn cứ mục đích chế tạo mỡ bôi trơn chống ăn mòn kim loại, đã lựa chọn tỉ lệ khối lượng giữa nano silica biến tính và dầu khoáng SN500 là 19/77, đây là tỉ lệ cho sản phẩm mỡ đồng nhất, dẻo, độ bền cao. Nghiên cứu các tính chất sử dụng của mỡ được chế tạo trên cơ sở chất làm đặc nano silica biến tính epoxy và phụ gia tương hợp (diphenylamin, tricrezyl photphat và P89). Kết quả cho thấy, mỡ có độ xuyên kim trong giới hạn cho phép, độ tách dầu phù hợp, khả năng chống mài mòn tương đối cao, khả năng bảo vệ đối với một số kim loại thép, đồng, nhôm tốt. Kết quả nghiên cứu mở ra hướng ứng dụng của mỡ trên các thiết bị, máy, vũ khí quân sự, làm việc ở các điều kiện nhiệt độ cao, tốc độ lớn, môi trường khắc nghiệt♦

Tài liệu tham khảo

1. Sipaul C. S, Ahmad N, Adnan R, Rahman I. Ab, Bakar M. A, Ismail J and Chee C. K (2007), Properties and Morphology of Bulk Epoxy Composites Filled with Modified Fumed Silica - Epoxy Nanocomposites, Journal of Applied Sciences, 7 (1), 27-34.
2. Vejayakumaran P, Rahman I. A, Sipaul C. S, Ismail J, Chee C. K (2008), Structural and thermal characterizations of silica nanoparticles grafted with pendant maleimide and epoxide groups, Journal of Colloid and Interface Science, 328, 81-91.

BẢO ĐẢM HẬU CẦN, KỸ THUẬT CHO TIẾP QUẢN THỦ ĐÔ HÀ NỘI KINH NGHIỆM VÀ HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN

Đại tá, PGS. TS. VŨ QUỐC HUY
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

Ngày 10/10/1954, Thủ đô Hà Nội được hoàn toàn giải phóng, mở ra một thời kỳ phát triển mới trong lịch sử nghìn năm văn hiến của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội. Ngày giải phóng Thủ đô là mốc son chói lọi, là ngọn cờ cổ vũ Nhân dân ta trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việc tiếp quản và giải phóng Thủ đô Hà Nội có ý nghĩa lịch sử sâu sắc và để lại những kinh nghiệm quý trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam nói chung, trong bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HCKT) cho các lực lượng vũ trang nói riêng.

SAU chiến thắng Điện Biên Phủ và Hiệp định Giơnevơ, thực dân Pháp buộc phải rút khỏi Việt Nam, chấm dứt chiến tranh xâm lược tại Đông Dương. Theo các điều khoản đã ký, quân đội Pháp rút khỏi Hà Nội và các vùng tạm chiếm ở Bắc Bộ, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang cách mạng tiếp quản. Tiếp quản Thủ đô Hà Nội trở thành nhiệm vụ chiến lược có ý nghĩa quân sự, chính trị và ngoại giao to lớn.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ và Bộ Quốc phòng, công tác tổ chức lực lượng tiếp quản được tiến hành chặt chẽ. Bộ Quốc phòng thành lập Ban Chỉ đạo tiếp quản do đồng chí Vương Thừa Vũ làm Trưởng ban. Tổng cục Cung cấp (TCCC) được giao nhiệm vụ bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HCKT) cho toàn bộ quá trình tiếp quản. Lực lượng tiếp quản của ta gồm các đơn vị chủ lực (nòng cốt là Đại đoàn 308), đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Tổng tư lệnh và Ban chỉ đạo tiếp quản. Sáng ngày 10/10/1954, các đơn vị được triển khai theo đội hình hành quân từ các cửa ô tiến vào nội thành đảm bảo tuyệt đối

an toàn, trật tự, thể hiện uy lực và tính chính quy của quân đội cách mạng.

Công tác bảo đảm HCKT được chuẩn bị từ đầu tháng 8/1954, TCCC đã chỉ đạo các Cục chuyên ngành làm tốt công tác chuẩn bị để sẵn sàng bảo đảm cho bộ đội về tiếp quản Thủ đô. Đầu tháng 10/1954, công tác chuẩn bị cơ bản hoàn tất. Hơn 4.000 tấn thóc của Sở kho thóc Trung ương, 700 tấn thóc do Cục Quân nhu khai thác ở các địa phương được chuyển bằng ô tô và thuyền về tập kết tại các khu vực: Thường Tín (Hà Nội), Khoái Châu (Hưng Yên); hàng nghìn con trâu, bò, lợn được chuyển từ Thanh Hoá, Lạng Sơn về khu vực Văn Điển (Hà Nội), Từ Sơn (Bắc Ninh), Phùng (Sơn Tây). Bộ phận khai thác cùi đã kết cùi thành bè, mảng với hơn 1.400 tấn tại các bến Đoan Hùng (Phú Thọ), Âu Lâu (Yên Bái) tổ chức xuôi sông Hồng về tập kết tại bến Phà Đen (Hà Nội).

Trong khu vực nội thành, Ủy ban tiếp quản tổ chức 08 tổ tiếp phẩm nhân dân để đón nguồn thực phẩm từ ngoại thành chuyền vào, bảo đảm cho bộ đội mỗi ngày

khoảng 10 tấn rau xanh, hơn 02 tấn thịt, cá... Cục Vận tải điều Đại đội ô tô 200 và Đại đội ô tô 203 phối hợp với lực lượng vận tải của Đại đoàn 308 bao đảm vận chuyển. Các cục Quân nhu, Quân khí cấp phát đủ vũ khí, trang bị, quân trang, quân dụng theo quy định cho Đại đoàn 308. Cục Quân y bảo đảm đủ cơ số thuốc cấp cứu và chuẩn bị gần 01 tấn thuốc điều trị, 50 kg phèn chua, hàng trăm ki-lô-gam vôi bột để làm vệ sinh các khu vực đóng quân sau khi tiếp quản. Thành lập các tổ "trinh sát vệ sinh" được phái đi trước để nắm bắt tình hình vệ sinh, dịch tễ khu vực địa bàn trong nội thành, kịp thời báo cáo các đơn vị chủ động các biện pháp khắc phục.

Việc tiếp quản gặp một số khó khăn khi chúng ta phải vận chuyển lực lượng, phương tiện, vật chất với khối lượng, quy mô lớn từ chiến khu về Thủ đô trong điều kiện hạ tầng giao thông chưa đồng bộ. Yêu cầu đặt ra của quá trình tiếp quản đó là phải làm chủ địa bàn nhanh chóng mà vẫn đảm bảo ổn định sinh hoạt của Nhân dân Thủ đô, không để xảy ra xáo trộn thị trường hay thiếu hụt lương thực, thực phẩm. Đây là một yêu cầu chiến lược về mặt chính trị - xã hội. Tuy nhiên, nhờ sự chỉ đạo sát sao của Bộ Quốc phòng và TCCC, cùng sự phối hợp của các cấp, ngành, các khó khăn này đã được xử lý linh hoạt, hiệu quả. Việc tổ chức các tổ tiếp phẩm nhân dân, kết hợp nguồn lực tại chỗ và chủ động nguồn cung từ hậu phương đã tạo nên thế trận hậu cần vững chắc.

Sự kiện tiếp quản Thủ đô Hà Nội ngày 10/10/1954 là minh chứng điển hình cho nghệ thuật bao đảm HCKT. Thắng lợi này không chỉ thể hiện năng lực tổ chức, lãnh đạo của Đảng, chính phủ và quân đội, mà còn khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của công tác HCKT trong mỗi chiến dịch có tính bước ngoặt lịch sử. Từ thực tiễn bao

đảm HCKT cho bộ đội về tiếp quản Thủ đô Hà Nội, có thể rút ra một số kinh nghiệm:

Một là, thường xuyên quán triệt sâu sắc tư tưởng chỉ đạo của Tổng Quân ủy và Bộ Quốc phòng. Việc nắm vững và thực hiện nghiêm túc tư tưởng chỉ đạo của Tổng Quân ủy và Bộ Quốc phòng là điều kiện tiên quyết để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bao đảm HCKT. Thực tiễn, nhờ quán triệt sâu sắc tinh thần: "Bảo đảm đầy đủ vũ khí, trang bị và mức sinh hoạt cho bộ đội, nhưng tuyệt đối không làm ảnh hưởng đến sự ổn định của thị trường Hà Nội trong và sau khi tiếp quản", tư tưởng chỉ đạo này đã được triển khai tới tất cả các cấp, từng cán bộ, chiến sĩ, tạo nên sự đồng thuận và quyết tâm cao trong toàn lực lượng. Mỗi người đều chủ động, sáng tạo, nỗ lực vượt qua khó khăn, đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu thiết yếu của bộ đội. Tổng cục Cung cấp, với những chủ trương và biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, sáng tạo, đã chủ động khai thác các nguồn, lựa chọn phương thức bao đảm hợp lý, tổ chức chỉ huy và điều hành chặt chẽ. Qua đó, tinh thần đoàn kết, hiệp đồng giữa các cơ quan Tổng cục với địa phương, đơn vị được phát huy mạnh mẽ. Nhờ vậy, mọi tổ chức và cá nhân đều ra sức thi đua, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Bảo đảm HCKT cho bộ đội tiếp quản Thủ đô Hà Nội đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Hai là, kết hợp chặt chẽ giữa bao đảm HCKT tại chỗ với cơ động từ bên ngoài, tạo sức mạnh tổng hợp trong công tác bao đảm. Trong điều kiện quân số tham gia tiếp quản đông, khối lượng vật chất cần bao đảm lớn, trong khi khả năng bao đảm tại chỗ còn hạn chế, TCCC đã xác định phương thức bao đảm là kết hợp chặt chẽ giữa khai thác, huy động tại chỗ và cơ động từ nơi khác đưa đến. Trên cơ sở lực lượng HCKT đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, Tổng cục tổ chức thành

LỊCH SỬ HẬU CẦN, KỸ THUẬT QUÂN SỰ

04 bộ phận chuyên trách, đẩy mạnh các hoạt động thu mua, huy động và khai thác vật chất tại chỗ. Đồng thời, tập trung giải quyết hiệu quả những khâu khó khăn nhất về lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm và chất đốt. Tổng cục cũng chủ động tranh thủ và sử dụng có hiệu quả sự chi viện, giúp đỡ của Ủy ban Hành chính Thành phố Hà Nội, Ủy ban Hành chính Kháng chiến các tỉnh lân cận, cùng các cơ quan dân chính đảng ở địa phương. Cùng với đó, để tăng cường khả năng vận chuyển, Tổng cục đã điều động Đại đội ô tô 200, Đại đội ô tô 203 phối hợp với lực lượng vận tải của Đại đoàn 308 (gồm khoảng 280 xe cùng một số thuyền, mảng) để tổ chức vận chuyển khối lượng lớn vũ khí, trang bị và hàng hóa trên các tuyến đường dài. Nhờ đó, một hệ thống tổ chức HCKT liên hoàn, vững chắc đã được hình thành, góp phần quyết định vào việc bảo đảm kịp thời, đầy đủ cho Đại đoàn 308 hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ tiếp quản Thủ đô.

Ba là, khai thác và sử dụng linh hoạt các nguồn lực, tập trung bảo đảm vật chất thiết yếu và tổ chức vận chuyển hiệu quả. Trước yêu cầu lớn về khối lượng vật chất trong điều kiện kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, TCCC đã tập trung khai thác và sử dụng các nguồn bảo đảm một cách linh hoạt, hiệu quả. Phương thức bảo đảm được thực hiện thông qua sự kết hợp chặt chẽ giữa các nguồn: Nguồn HCKT cấp trên, nguồn vật chất mang theo của đơn vị, nguồn tại chỗ và huy động từ Nhân dân. Công tác khai thác luôn đi đôi với xây dựng và củng cố các nguồn; trong đó, Tổng cục đặc biệt chú trọng nắm chắc tình hình các mặt hàng thiết yếu, sử dụng đúng thời điểm; đồng thời, áp dụng các biện pháp quản lý, bảo quản và cấp phát phù hợp với từng loại vật chất và điều kiện cụ thể. Trong bối cảnh nhu cầu vật chất lớn, nhiều chủng loại, Tổng cục thường xuyên cập nhật thực lực

và khả năng của các địa phương; từ đó, chỉ đạo phân cấp khai thác và huy động hợp lý, linh hoạt, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu như lương thực, thực phẩm, chất đốt,... Cùng với đó, công tác vận chuyển được tổ chức chặt chẽ. Bên cạnh việc huy động phương tiện cơ giới trong biên chế, các đơn vị còn phối hợp với nhân dân địa phương, tận dụng các phương tiện thô sơ và áp dụng hình thức vận chuyển sáng tạo như kết bè, mảng xuôi sông. Công tác chỉ huy vận tải, bảo đảm nhiên liệu và kỹ thuật phương tiện được thực hiện đồng bộ, bảo đảm hiệu suất vận chuyển cao, kịp thời phục vụ nhiệm vụ.

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới và khu vực vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn, khó lường, bài học kinh nghiệm bảo đảm HCKT trong tiếp quản Thủ đô Hà Nội vẫn còn nguyên giá trị và ngày càng trở nên sâu sắc về mặt thực tiễn. Đây là cơ sở quan trọng để vận dụng vào nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trong thời kỳ mới. Theo đó, công tác HCKT cần được tiếp tục đổi mới; phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh và ngược lại, nhất là tại các địa bàn chiến lược, trọng điểm. Theo đó, cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của công tác HCKT trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; có chủ trương, giải pháp linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với yêu cầu của thời kỳ mới. Đây là yếu tố then chốt góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân hiện đại. Công tác HCKT cần được nhìn nhận đầy đủ, toàn diện cả trong thời bình lẫn thời chiến. Từ nhận thức đúng, cần ban hành các chủ trương, giải pháp đồng bộ, linh hoạt, có tính

khả thi cao. Đồng thời, chú trọng giáo dục quốc phòng - an ninh, bồi dưỡng kiến thức HCKT cho đội ngũ cán bộ các cấp để thống nhất tư duy về chỉ huy, chỉ đạo và năng lực tổ chức thực hiện.

Thứ hai, xây dựng lực lượng HCKT toàn dân vững mạnh, với Quân đội làm nòng cốt; phát triển theo hướng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu tác chiến trong mọi tình huống. Lực lượng HCKT là yếu tố trung tâm, trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm HCKT, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ. Lực lượng HCKT cần được tổ chức hợp lý theo hướng “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”, sẵn sàng chiến đấu cao, huy động được sức mạnh toàn dân khi có tình huống xảy ra. Cùng với đó, cần phát triển mạnh lực lượng HCKT tại chỗ trong khu vực phòng thủ, lực lượng dự bị động viên sẵn sàng huy động khi có tình huống; đồng thời, xây dựng lực lượng HCKT rộng khắp trong Nhân dân để phát huy cao độ thế trận HCKT toàn dân.

Thứ ba, quy hoạch, xây dựng thế trận HCKT liên hoàn, vững chắc ngay trong thời bình, có khả năng mở rộng và thích ứng nhanh khi chuyển sang thời chiến. Để bảo đảm kịp thời, hiệu quả cho tác chiến lâu dài, rộng khắp, phù hợp với đặc điểm chiến tranh nhân dân. Trên cơ sở ý định chiến lược, chiến dịch, cần làm tốt công tác quy hoạch và chuẩn bị trước chiến trường về HCKT trên từng hướng, từng địa bàn trọng điểm và phạm vi cả nước. Từng bước xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống căn cứ hậu phương, căn cứ HCKT, các cơ sở HCKT tại chỗ rộng khắp. Chú trọng xây dựng khu vực HCKT tỉnh, thành phố trở thành những khu vực bảo đảm tại chỗ có vai trò chiến lược, sẵn sàng phục vụ cho lực lượng chủ lực cơ động đến địa bàn. Đặc biệt, cần quan tâm đến tiềm lực và thực lực HCKT tại các địa

bàn chiến lược, cả trên đất liền và hướng biển, đảo.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, chỉ huy, điều hành công tác HCKT phù hợp với cơ chế vận hành nền quốc phòng toàn dân. Giúp nâng cao năng lực tổ chức, điều hành, bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng giữa các lực lượng. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống chỉ huy HCKT các cấp; xây dựng cơ chế điều hành linh hoạt, thống nhất giữa HCKT các cấp và với địa phương. Trong đó, đặc biệt coi trọng cơ chế lãnh đạo và tổ chức bảo đảm HCKT tại chỗ và trong khu vực phòng thủ, bảo đảm khả năng ứng phó nhanh, kịp thời trong mọi tình huống.

Tiếp quản Thủ đô Hà Nội diễn ra trật tự, an toàn và giữ được nguyên trạng là minh chứng rõ nét cho vai trò quan trọng và sức mạnh to lớn của công tác HCKT trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Thành công đó không chỉ dựa trên lòng yêu nước, tinh thần cách mạng mà còn là thành quả của sự chuẩn bị chu đáo, khoa học; phát huy tối đa sức mạnh tổng hợp của toàn dân. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, tiếp tục kế thừa và phát huy tinh thần ấy chính là điều kiện tiên quyết để xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống♦

Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục Hậu cần (1995), *Lịch sử hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam, Tập 1*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Tổng cục Hậu cần (2005), *Tổng kết công tác hậu cần phục vụ khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 và kháng chiến chống Pháp*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Phan Phương Thảo và Phạm Xuân Hằng (2005), *Biên niên lịch sử Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Hà Nội.

ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH TRÊN BIỂN VÀ BÀI HỌC VỀ NGHỆ THUẬT XÁC ĐỊNH MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG VẬN CHUYỂN CHIẾN LƯỢC TRÊN BIỂN TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Đại tá, TS. ĐỒNG VĂN THƯỜNG

Thượng tá, ThS. VŨ ĐỒNG GIANG

Khoa Hậu cần Chiến dịch, Học viện Hậu cần

Dể đáp ứng yêu cầu cấp bách về chi viện từ miền Bắc cho chiến trường miền Nam, ngày 23/10/1961, đường Hồ Chí Minh trên biển chính thức được mở. Trên tuyến đường chiến lược này, mặc dù phương tiện còn thô sơ và phải đổi mặt với sóng gió, kẻ thù có vũ khí, trang bị hiện đại; song, các lực lượng hải quân và vận tải của ta đã dũng cảm vượt lên tất cả, bí mật vận chuyển lực lượng, vũ khí, trang bị bảo đảm kịp thời cho chiến trường. Quá trình đó đã để lại những bài học quý về nhiều mặt; trong đó, có nghệ thuật tổ chức, bảo đảm hậu cần, được thể hiện trên những vấn đề sau:

Thứ nhất, khi Bộ Chính trị quyết định mở tuyến vận tải chiến lược trên biển, phối hợp với tuyến đường Trường Sơn, để vận chuyển lực lượng, vật chất hậu cần, kỹ thuật (HCKT) từ miền Bắc chi viện cho chiến trường miền Nam; Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Hải quân đã quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và quyết tâm: Tận dụng mọi hình thức hợp pháp và bất hợp pháp (hợp pháp là chủ yếu), xây dựng cơ sở ở miền Bắc, tranh thủ sự giúp đỡ từ miền Nam, tuyệt đối giữ bí mật mọi mặt; trước mắt, tập trung vận chuyển hàng hóa, vũ khí chi viện cho chiến trường Nam Bộ, đáp ứng yêu cầu cấp bách lúc đó.

Thứ hai, chủ động chuẩn bị lực lượng và phương tiện vận tải đường biển chu đáo. Đặc thù của tuyến vận tải trên biển là môi trường khắc nghiệt, phạm vi hoạt động rộng, trong điều kiện địch phong tỏa, kiểm soát gắt gao; do đó, cần phải chuẩn bị kỹ cả con người và phương tiện. Theo đó, tháng 7/1959, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định thành

lập Tiểu đoàn Vận tải thủy 603 (ngụy trang là “Tập đoàn đánh cá Sông Gianh”), thuộc Đoàn công tác quân sự đặc biệt (sau này là Đoàn 559). Tiểu đoàn có 107 cán bộ, chiến sỹ, hầu hết là người miền Nam tập kết, có kinh nghiệm đi biển, sử dụng phương tiện thành thạo. Các chiến sỹ được bồi dưỡng chính trị, nâng cao bản lĩnh, tinh thần dũng cảm, tuyệt đối giữ bí mật, sẵn sàng hy sinh để hoàn thành nhiệm vụ. Ở miền Nam, các địa phương cũng chủ động tổ chức lực lượng đi biển ra Bắc. Tháng 7 ÷ 8/1961, nhiều đội thuyền từ Cà Mau, Trà Vinh, Bến Tre, Bà Rịa lần lượt xuất phát. Toàn bộ cán bộ, chiến sỹ và phương tiện từ 5 đội thuyền cùng với lực lượng từ Khu 5, Khu 6 ra Bắc đã bổ sung vào Đoàn 759, trở thành nòng cốt xây dựng lực lượng vận tải (LLVT) biển. Ngày 23/10/1961, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định thành lập Đoàn 759, có nhiệm vụ vận chuyển chiến lược theo đường biển chi viện miền Nam, đánh dấu bước phát triển mới về tổ chức vận tải. Đến năm 1968, Đoàn 125 (tiền thân của Đoàn 759) đã có 3 tiểu đoàn, đảm nhiệm vận chuyển từ Bắc vào Nam: Tiểu đoàn 3 “vận chuyển A” (trên biển miền Bắc), Tiểu đoàn 1, 2 “vận chuyển B” (vận chuyển đi chiến trường miền Nam).

Về phương tiện, ngay từ đầu, Tiểu đoàn 603 đã vừa xây dựng doanh trại vừa gấp rút chuẩn bị thuyền và ngư lưới cụ để hoạt động ngụy trang. Chỉ trong 2 tháng, đơn vị đã đóng 4 thuyền 20 tấn, mua 8 vàng lưới. Các thuyền được thiết kế chắc chắn, giống hệt ngư dân nhưng có hai đáy để giữ bí mật. Đến năm 1968, Đoàn 125 đã có 37 tàu. Sang năm 1970, Đoàn được tăng

cường thêm tàu trọng tải 50 tấn và 200 tấn, nâng cao năng lực vận chuyển.

Đồng thời, lực lượng ta chuẩn bị phương án vận chuyển linh hoạt, kết hợp luyện tập và thực hành chở hàng. Tiểu đoàn Vận tải thủy 603 xây dựng hai phương án: (1) nếu thuyền đưa được hàng vào bến và bốc dỡ xong thì phá thuyền, theo đường bộ ra Bắc; (2) nếu lạc đường, lạc hướng thì thả hàng xuống biển để giữ bí mật; nếu bị địch bao vây, bắt giữ, sẽ kích nổ mìn phá thuyền. Để xác định bến đồ hàng, ngày 05/9/1959, Tiểu đoàn tổ chức một tổ điện đài 05 người đi đường bộ vào đèo Hải Vân trinh sát, chọn bến Hồ Chuối (chân đèo Hải Vân) làm bến nhận hàng. Sau gần nửa năm chuẩn bị, ngày 27/01/1960, chiếc thuyền của Đại đội 1 gồm 06 người xuất phát từ cửa Sông Gianh, chở 05 tấn vũ khí, thuốc men vào Khu 5. Tuy nhiên, do gặp gió mùa, sóng lớn, thuyền dạt vào Cù Lao Ré thuộc huyện đảo Lý Sơn, Quảng Ngãi (cũ) và phải thả toàn bộ hàng xuống biển. Chuyến vận chuyển đầu tiên chưa đạt được mục đích, song để lại bài học thực tiễn quan trọng về chuẩn bị và tổ chức vận chuyển đường biển. Từ năm 1962 - 1963, Đoàn 759 thực hành vận chuyển trên tuyến gần bờ. Từ năm 1964, Đoàn 125 mở tuyến xa bờ, đi qua Hải Khẩu (Trung Quốc), men theo đường hàng hải quốc tế qua phía Đông quần đảo Hoàng Sa, phía Tây quần đảo Trường Sa rồi xuống Đông Nam Cà Mau. Đây là phương thức vận chuyển mới, áp dụng dẫn tàu bằng phương pháp thiên văn, thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo, quyết đoán, khắc phục khó khăn do địch phong tỏa. Ngoài vận chuyển từ Bắc vào Nam, từ 1971 - 1975, ta còn tổ chức Đoàn 950 thực hiện 37 chuyến từ Quân khu 9 ra Bắc nhận và vận chuyển 622 tấn vũ khí, hàng hóa vào Nam Bộ an toàn. Đoàn cũng đảm nhiệm vận chuyển cán bộ cấp cao an toàn, tuyệt đối. Như vậy, tuyến vận tải trên biển không chỉ là con đường chi viện một chiều từ Bắc vào Nam mà đã trở thành tuyến vận chuyển hai chiều, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng.

Thứ ba, tổ chức cơ động trên biển, quyết tâm vận chuyển chi viện cho chiến trường theo các nhiệm vụ chiến lược. Quán triệt Đề án của Bộ Tổng Tham mưu về mở tuyến vận tải chiến lược trên biển, Đoàn 759 đã khẩn trương kiện toàn tổ chức, biên chế, luyện tập các phương án vận chuyển. Đồng thời, Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo các tỉnh ven biển miền Trung và Nam Bộ chủ động xây dựng bến bãi, tổ chức thuyền vượt biển ra Bắc vừa thăm dò tình hình địch, khảo sát tuyến vận chuyển, vừa trực tiếp nhận vũ khí chi viện; đồng thời chuẩn bị kho tàng, bến bãi để tiếp nhận hàng hóa. Tháng 8/1962, Thường trực Quân ủy Trung ương ban hành Nghị quyết về tổ chức con đường vận tải chiến lược trên biển chi viện cách mạng miền Nam. Thực hiện Nghị quyết, ngày 11/10/1962, Tàu 41 (bí danh "Phương Đông 1") cùng 13 cán bộ, đảng viên của Đoàn 759, chở 28,213 tấn vũ khí rời bến Vạn Sét (Hải Phòng); nửa đêm 18/10/1962, tàu cập bến Cà Mau an toàn. Thành công của chuyến tàu đầu tiên không chỉ mở ra tuyến vận tải chiến lược trên biển mà còn khởi đầu trang sử hào hùng của Đường Hồ Chí Minh trên biển. Từ năm 1962 - 1965, Đoàn 759 (sau là Đoàn 125) đã thực hiện thành công 90 chuyến, vận chuyển 5.042,428 tấn hàng hóa, vũ khí chi viện cho chiến trường. Đặc biệt, trong 03 đợt vận chuyển lớn năm 1969 (VT5), Đoàn 125 đã vận chuyển hơn 34.776 tấn vật chất, đáp ứng kịp thời nhu cầu của chiến trường.

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), phương thức tác chiến trên biển sẽ có nhiều phát triển mới, đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác bảo đảm HCKT. Vì vậy, cần kế thừa, vận dụng kinh nghiệm lịch sử để có biện pháp chuẩn bị, tổ chức và bảo vệ tuyến vận tải trên biển cho phù hợp với đặc điểm tình hình mới. Theo đó, cần thực hiện các vấn đề sau:

Một là, chủ động chuẩn bị thế trận vận tải, bảo đảm triển khai kịp thời cho các nhiệm vụ tác chiến. Muốn vậy, ngay từ thời

LỊCH SỬ HẬU CẦN, KỸ THUẬT QUÂN SỰ

bình, phải khảo sát, quy hoạch, thiết kế và xây dựng các căn cứ HCKT, hệ thống cảng, điểm tiếp nhận tại các vị trí chiến lược ven biển, trên các đảo và quần đảo; đồng thời, tận dụng tối đa các yếu tố tự nhiên, như eo biển, vũng, vịnh kín để hình thành căn cứ bí mật. Việc này cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng quân sự, kinh tế biển và chính quyền địa phương, tạo thế trận vận tải liên hoàn, vững chắc. Trên cơ sở đó, chuẩn bị mạng lưới vận tải biển với nhiều tuyến đường chính thức và dự bị, bảo đảm tính cơ động, linh hoạt khi có tình huống; lực lượng và phương tiện vận tải có thể nhanh chóng triển khai theo các phương án tác chiến.

Hai là, tổ chức hệ thống căn cứ HCKT, cầu cảng trên biển theo hướng liên hoàn, vững chắc và linh hoạt. Trong chiến tranh hiện đại, đối phương sử dụng hỏa lực có độ chính xác cao để tập kích vào các mục tiêu trọng yếu, trong đó có hệ thống HCKT trên biển, gây ra tổn thất và làm gián đoạn hoạt động vận chuyển. Do vậy, việc tổ chức căn cứ, cầu cảng không thể phụ thuộc vào một số ít vị trí cố định mà cần hình thành một hệ thống liên hoàn, có thể kết nối nhiều tuyến vận tải chính thức, dự bị. Cách tổ chức này không chỉ giảm thiểu nguy cơ nguồn cung bị gián đoạn khi một tuyến đường bị phong tỏa mà còn tạo sự bền vững cho toàn mạng lưới bảo đảm. Đồng thời, hệ thống phải có khả năng thích ứng cao, thể hiện ở khả năng “chuyển hóa thế trận” kịp thời; khi một căn cứ bị lộ hoặc chịu hỏa lực của địch, lực lượng HCKT có thể nhanh chóng cơ động sang các vị trí dự bị đã được chuẩn bị để duy trì liên tục hoạt động vận chuyển và bảo đảm chi viện cho các lực lượng tác chiến.

Ba là, sử dụng LLVT cơ động mạnh trên biển nhằm duy trì tuyến vận chuyển an toàn, liên tục, hiệu quả trong điều kiện địch có ưu thế mọi mặt. Do không gian biển rộng trải, trong khi đó, địch sử dụng phương tiện trinh sát hiện đại từ vệ tinh, máy bay, hệ thống cảnh giới điện tử... nên các LLVT trên biển của ta dễ bị lộ. Vì vậy, LLVT phải có khả năng cơ động nhanh, sử dụng phương

tiện hiện đại, tích hợp công nghệ tàng hình nhằm hạn chế nguy cơ bị phát hiện.

Bốn là, phát huy sức mạnh tổng hợp để xây dựng và bảo vệ vận tải đường biển. Thắng lợi của Đường Hồ Chí Minh trên biển một phần nhờ sự đồng lòng của các lực lượng trong bảo vệ, giữ bí mật. Bài học đó cần được kế thừa thông qua xây dựng “thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên biển”. Nhiệm vụ bảo vệ vận tải đường biển đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng (quân sự và dân sự), tổ chức hệ thống phòng thủ nhiều tầng, ứng dụng công nghệ hiện đại, kết hợp chặt chẽ giữa hải quân, không quân và pháo phòng không bờ biển, tạo thành “lá chắn” bảo đảm an toàn cho tuyến vận tải trên biển. Trong đó, lực lượng dân sự (tàu cá, tàu vận tải...) sẵn sàng trở thành lực lượng trinh sát, cảnh báo địch và hỗ trợ bảo vệ LLVT quân sự trên biển.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đường Hồ Chí Minh trên biển là huyền thoại của dân tộc, con đường của khát vọng độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc. Con đường này đã kết nối hồn phượng lớn miền Bắc với tiền tuyến lớn miền Nam, vận chuyển kịp thời, hiệu quả vũ khí và lực lượng, góp phần quan trọng vào Đại thắng mùa Xuân 1975. Bài học về nghệ thuật xác định mạng đường vận chuyển của Đường Hồ Chí Minh trên biển đến nay vẫn còn nguyên giá trị, cần tiếp tục nghiên cứu, vận dụng và phát triển trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra)♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2011), *Đường Hồ Chí Minh trên biển - Con đường của ý chí và sức sáng tạo Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Quân chủng Hải quân (2011), *Lịch sử Đường Hồ Chí Minh trên biển (1961 - 2011)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM BẢO ĐẢM HẬU CẦN CỦA KHU TÂY BẮC TRONG CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

Đại tá, TS. HÀ THANH NAM
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

T RONG kháng chiến chống Pháp, Tây Bắc là địa bàn chiến lược quan trọng, căn cứ địa của ta; cũng là chiến trường địch yếu và sơ hở. Vì vậy, tháng 7/1952, Trung ương Đảng quyết định thành lập Khu Tây Bắc, gồm 4 tỉnh: Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Yên Bai; rộng khoảng 44.300 km², dân số khoảng 44 vạn người với hơn 20 dân tộc, đông hơn cả là dân tộc Thái và H'Mông. Khu Tây Bắc có rừng núi trùng điệp, có nhiều dãy núi cao hơn 1.000m; giữ vị trí chiến lược quan trọng đối với Đông Dương. Khi ta mở chiến dịch Điện Biên Phủ, với lòng yêu nước nồng nàn, niềm tin và lòng biết ơn Đảng, Bác Hồ, quân đội, cùng lòng căm thù giặc sâu sắc, các dân tộc Khu Tây Bắc đã đóng góp to lớn về sức người, của cải cho chiến dịch và để lại nhiều kinh nghiệm quý về bảo đảm hậu cần nhân dân, được thể hiện trên các vấn đề sau:

Một là, quán triệt đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, xây dựng hậu phương căn cứ địa vững chắc làm chỗ dựa tin cậy cho tiền tuyến. Trước khi lập kế hoạch tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, Đảng ta đã xác định: Tây Bắc là hậu phương trực tiếp của chiến dịch; do vậy, Khu ủy Tây Bắc cần phải triển khai xây dựng hậu phương. Sau thắng lợi chiến dịch Tây Bắc năm 1952, ta giải phóng Sơn La và một phần tỉnh Lai Châu; đồng thời, tiếp tục tiến công Nà Sản và đến tháng 11/1953, Tây Bắc được hoàn toàn giải phóng. Từ đây, một vùng đất rộng lớn của miền Tây Bắc Tổ quốc trở thành căn

cứ địa chiến lược quan trọng của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; cùng với việc giải phóng đất đai, Đảng bộ Khu Tây Bắc nhanh chóng củng cố chính quyền, củng cố khối liên minh công nông, phát động phong trào thi đua sản xuất của Nhân dân, thực hiện cải cách ruộng đất, bảo đảm người cày có ruộng. Nhờ đó, hậu phương Tây Bắc đã được củng cố, tạo sức mạnh để Nhân dân Khu Tây Bắc đóng góp cho tiền tuyến. Tính chung cả chiến dịch, quân và dân Sơn La đã đóng góp hơn 4.301 tấn gạo, 8 tấn ngô, 192 tấn thịt, 140 tấn rau; huy động 83 thuyền, ca nô, 872 ngựa thồ và gần 2,5 triệu ngày công phục vụ. Đồng bào huyện Tuần Giáo đã đóng góp cho chiến dịch 1.270 tấn gạo, 300 tấn thịt và gần 100 tấn rau. Huyện Thuận Châu mới được giải phóng, tuy kinh tế còn khó khăn nhưng cũng đóng góp 950 tấn gạo, 61 tấn thịt, 37 tấn rau. Huyện Điện Biên - nơi chiến trường diễn ra ác liệt - khi bị địch dồn dập, trước khi sơ tán, đồng bào đã đuổi trâu, bò, lợn, gà ra rừng và báo cho bộ đội biết để bắt, sử dụng. Hơn 3.000 người dân Điện Biên đã xung phong đi dân công, với 64.670 ngày công; cung cấp cho chiến dịch 555 tấn gạo, 36 tấn thịt... Những vật chất tại chỗ ở ngay chiến trường đặc biệt quý giá, vì không những có giá trị gấp hàng chục lần các loại vật chất huy động từ hậu phương mà ý nghĩa hơn là giải quyết kịp thời, tại chỗ cho quân ta. Đây là minh chứng cho bài học về vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân vào công tác xây dựng hậu phương chiến tranh nhân dân của đảng

LỊCH SỬ HẬU CẦN, KỸ THUẬT QUÂN SỰ

bộ, chính quyền, đoàn thể và nhân dân các địa phương Tây Bắc.

Hai là, nắm vững phương châm tác chiến chiến dịch; phương châm chỉ đạo công tác hậu cần; tích cực chuẩn bị trước về hậu cần cho chiến dịch. Thực tiễn cho thấy, khi mở chiến dịch Điện Biên Phủ, công tác hậu cần gặp muôn vàn khó khăn, vì địa bàn tác chiến nằm sâu trong vùng rừng núi, đường từ Yên Bái lên dài 400 km, từ Việt Bắc lên dài 700 km, từ Tuần Giáo vào Điện Biên chỉ là đường ngựa thồ, có nhiều đoạn sụt lở do mưa lũ không còn vết tích. Tổng cục Cung cấp đề ra phương châm “tích cực vận động từ xa tới kết hợp với tận lượng huy động tại chỗ, trong đó đề cao tận lượng huy động tại chỗ”.

Thực hiện chủ trương trên, quân và dân Khu Tây Bắc đã cùng dân công các tỉnh mỏ mới, sửa chữa nâng cấp hàng loạt tuyến đường: Đường 13 từ Yên Bái qua Nghĩa Lộ lên Cò Nòi, Sơn La dài hơn 100 km nối Tây Bắc với căn cứ địa Việt Bắc; Đường 14 nối liền Liên Khu 3, Liên Khu 4 với Tây Bắc, cửa ngõ Mộc Châu, đến ngã ba Cò Nòi qua các huyện, thị xã đến Tuần giáo và từ Tuần Giáo đến Điện Biên Phủ với tổng chiều dài 450 km. Ngoài 2 tuyến đường chính trên, các tuyến đường khác như đường kéo pháo, đường cơ giới vào sở chỉ huy, vào kho, trận địa, đường cho xe trâu, xe đạp thồ, dân công, đường sông để vận chuyển bằng thuyền mảng... cộng tất cả có đến hàng nghìn ki-lô-mét đường bộ, đường thuỷ được sửa chữa hoặc làm mới. Từ những tuyến đường này, hàng nghìn tấn vũ khí, lương thực, thực phẩm đã theo những đoàn xe vận tải, xe thồ vượt đèo qua sông phục vụ chiến dịch thắng lợi.

Ba là, kết hợp chặt chẽ hậu cần quân đội với địa phương và nhân dân; có cơ chế tổ chức điều hành thống nhất, hợp lý

tạo sức mạnh tổng hợp của hậu cần toàn dân. Quan điểm “toàn dân đánh giặc, toàn dân làm công tác hậu cần mà nòng cốt là hậu cần quân đội” của Đảng đã được quân và dân Khu Tây Bắc quán triệt không chỉ trong các cấp lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy mà còn được thuần nhuần sâu sắc và trở thành hành động cụ thể thường xuyên của từng người dân. Một chiến dịch đánh công kiên lớn như Điện Biên Phủ, với khối lượng dự trữ cơ sở vật chất hậu cần, kỹ thuật có hạn rõ ràng là không đáp ứng được. Chỉ có dựa vào dân, động viên tổ chức Nhân dân đóng góp sức người, sức của, phương tiện tại chiến trường và hậu phương lớn, huy động được toàn dân tham gia công tác hậu cần, tham gia sản xuất tiết kiệm và nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, đồng thời phát huy nỗ lực chủ quan của toàn ngành hậu cần mới có thể đáp ứng nhu cầu vật chất, kỹ thuật bảo đảm cho chiến dịch thắng lợi.

Trong điều kiện bảo đảm hậu cần có nhiều khó khăn, ác liệt, khối lượng bảo đảm lớn, yêu cầu khẩn trương, nhưng với chủ trương đúng đắn, sáng tạo của Trung ương Đảng và Bộ Chỉ huy chiến dịch, cơ quan hậu cần chiến dịch đã kết hợp chặt chẽ với hội đồng cung cấp mặt trận các cấp tiến hành nhiều biện pháp và có cơ chế, tổ chức điều hành hợp lý. Thực tiễn cho thấy, giai đoạn đầu kháng chiến, trong các chiến dịch nhỏ (từ 1947 đến đầu 1950) nhu cầu cho tác chiến chưa nhiều, việc huy động nhân vật lực cho chiến dịch chủ yếu do hậu cần đơn vị trực tiếp quan hệ với địa phương thu mua hoặc thuê dân công vận chuyển. Đến chiến dịch Biên Giới - Thu Đông năm 1950, Tổng cục Cung cấp được thành lập, bộ máy hậu cần quân đội được củng cố, làm nhiệm vụ chuyên trách bảo đảm cho chiến dịch. Từ năm 1953, Hội đồng cung cấp mặt trận liên khu và tỉnh

được thành lập đảm nhiệm việc huy động nhân vật lực các địa phương phục vụ chiến dịch. Theo đó, việc huy động nhân lực, vật lực được thuận lợi hơn, hậu cần chiến dịch vừa có điều kiện tập trung cho nhiệm vụ chính là bảo đảm cho tác chiến phía trước, vừa quan hệ chặt chẽ với hội đồng cung cấp mặt trận. Đây chính là sự phát triển cao nhất của sự kết hợp hậu cần quân đội với hậu cần nhân dân trong kháng chiến chống Pháp.

Những bài học kinh nghiệm của quân và dân Khu Tây Bắc về bảo đảm hậu cần cho chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 có thể vận dụng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc theo hướng chủ yếu sau:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, hậu cần toàn dân của Đảng, để xây dựng tiềm lực hậu cần, kỹ thuật (HCKT) vững mạnh. Trong điều kiện mới, Đảng ta chủ trương tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền thống nhất toàn vẹn lãnh thổ. Đây là chủ trương đúng đắn, không chỉ tăng tiềm lực quốc phòng chuẩn bị cho chiến tranh mà còn để sẵn sàng bảo đảm cho các tình huống gây rối, bạo loạn lật đổ. Vì vậy, cần quán triệt đường lối, nhiệm vụ quốc phòng, chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, dựa vào kế hoạch phòng thủ của Bộ Quốc phòng, kế hoạch phòng thủ của các tỉnh, quân khu; khẩn trương triển khai chuẩn bị mọi mặt về HCKT. Tập trung xây dựng, hoàn chỉnh các căn cứ HCKT chiến lược, các khu kinh tế quốc phòng trên từng vùng lãnh thổ, các căn cứ HCKT chiến dịch trên địa bàn quân khu, phát triển mạng đường vận tải, tiếp tục xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc ngay từ thời bình và đầy mạnh việc chuẩn bị, dự trữ vật chất HCKT cho nhu cầu quốc phòng trên từng địa bàn để sẵn

sàng huy động, bảo đảm kịp thời cho các lực lượng tác chiến thắng lợi.

Thứ hai, xây dựng lực lượng HCKT quân đội vững mạnh toàn diện gắn với xây dựng lực lượng HCKT nhân dân địa phương trong khu vực phòng thủ. Tổ chức HCKT quân đội là nòng cốt của HCKT quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Trong điều kiện mới, việc xây dựng lực lượng HCKT quân đội vững mạnh toàn diện theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ngang tầm với nhiệm vụ là một yêu cầu nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài. Trước mắt, phải xây dựng lực lượng HCKT quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng; quan tâm nghiên cứu đầu tư từng bước tinh gọn tổ chức và hiện đại hóa trang thiết bị HCKT làm cơ sở đổi mới phương thức bảo đảm phù hợp với tác chiến tương lai. Theo đó, cần hoàn thiện chiến lược và kế hoạch hiện đại hóa trang bị HCKT quân đội, ưu tiên cho các lực lượng tiến thẳng lên hiện đại và các lực lượng tác chiến mới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; kết hợp với nâng cao chất lượng của lực lượng dự bị động viên HCKT hùng hậu sẵn sàng huy động và thực hiện tốt nhiệm vụ khi được huy động bổ sung lực lượng cho các nhiệm vụ chiến đấu (nếu chiến tranh xảy ra).

Đi đôi với xây dựng lực lượng HCKT quân đội phải đẩy mạnh xây dựng lực lượng HCKT nhân dân địa phương. Đây là lực lượng quan trọng của HCKT khu vực phòng thủ, là nguồn cung cấp và bảo đảm một phần nhu cầu vật chất cho nhiệm vụ quốc phòng - an ninh ở địa phương; đồng thời, phối hợp với HCKT quân đội tạo ra khả năng bảo đảm tại chỗ, ổn định, lâu dài cho các lực lượng vũ trang hoạt động tác chiến trên địa bàn khu vực phòng thủ địa phương và chi viện bảo đảm cho các lực lượng cơ động tác chiến. Vì vậy, trên cơ sở các quy

LỊCH SỬ HẬU CẦN, KỸ THUẬT QUÂN SỰ

định của pháp luật, pháp lệnh và các nghị định, quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng; lãnh đạo, chỉ huy các ban, ngành, đơn vị và các tổ chức kinh tế - xã hội, trực tiếp là cơ quan tham mưu quân sự địa phương, phải xác định mục đích, nội dung, phương hướng nhiệm vụ hoạt động cụ thể trong từng giai đoạn, từng thời kỳ để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện lực lượng HCKT nhân dân địa phương vững mạnh.

Thứ ba, nâng cao công tác tham mưu, chỉ huy và bảo vệ HCKT bao đảm tác chiến chiến dịch. Trong điều kiện mới của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, tham mưu HCKT phải hiệp đồng giải quyết nhiều mối quan hệ, tiến hành nhiều nội dung công việc, trong thời gian ngắn hơn, chỉ huy HCKT phải điều hành nhiều lực lượng, bao đảm cho nhiều tình huống tác chiến, diễn biến mau lẹ, phức tạp, ác liệt hơn, đòi hỏi công tác tham mưu, chỉ huy HCKT phải tận dụng được những thành tựu khoa học công nghệ phát triển, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Muốn vậy, cần phải tăng cường đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin hiện đại cho HCKT chiến lược, chiến dịch. Nghiên cứu hoàn thiện mô hình sử dụng công nghệ thông tin trong chỉ huy HCKT và huấn luyện nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin, năng lực tiến hành công tác tham mưu chỉ huy cho cán bộ HCKT các cấp.

Trong bảo vệ hậu cần, phải có phương án, kế hoạch và hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng trên địa bàn. Từ thời bình, cần nghiên cứu các giải pháp tổng hợp trên cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, kinh nghiệm của ta và các nước để bảo toàn lực lượng HCKT trong tác chiến tương lai. Chú trọng nâng cao khả năng cơ động, phòng tránh, kỹ năng chiến đấu của các lực lượng HCKT. Triệt để tận dụng và cải tạo địa hình trong bố trí hậu cần; có đủ

công trình phòng hộ, nhất là nơi trọng điểm. Vận dụng linh hoạt biện pháp cơ động, ngụy trang, nghi trang... trong bảo vệ HCKT.

Những kinh nghiệm về bao đảm hậu cần của Khu Tây Bắc trong chiến dịch Điện Biên Phủ là những bài học quý vẫn còn nguyên giá trị. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra) có sự phát triển, cần tiếp tục nghiên cứu để bổ sung lý luận và thực tiễn bao đảm HCKT phù hợp điều kiện mới♦

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hậu cần (2013), *Tổng kết lịch sử hình thành và phát triển công tác hậu cần quân sự địa phương trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Tổng cục Hậu cần (1984), *Công tác hậu cần các chiến trường trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Tổng cục Hậu cần (1994), *Hậu cần chiến dịch trong kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Tổng cục Hậu cần (1995), *Lịch sử hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam (1944 - 1954)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
5. Tổng cục Hậu cần (2004), *Công tác bao đảm hậu cần trong chiến dịch Điện Biên Phủ - Bài học kinh nghiệm và thực tiễn*, Nxb QĐND, Hà Nội.
6. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, (1994), *Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam trong 30 năm chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ (1945 - 1954)*, Tập 2, Nxb QĐND, Hà Nội.
7. Võ Nguyên Giáp (2004), Tinh thần Điện Biên Phủ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta, *Nguyệt san Sự kiện và nhân chứng*, Hà Nội.